



TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP CAO SU VIỆT NAM
TRƯỜNG CAO ĐẲNG CÔNG NGHIỆP CAO SU

Địa chỉ: 1428 Phú Riềng Đỏ - TP.Đồng Xoài - Tỉnh Bình Phước
ĐT: 0271.3879787 Email: caodangcaosu@ric.edu.vn
Fax: 0271.3870291 Website: www.ric.edu.vn

BÁO CÁO
KẾT QUẢ TỰ ĐÁNH GIÁ CHẤT LƯỢNG
CƠ SỞ GIÁO DỤC NGHỀ NGHIỆP
NĂM 2023

Bình Phước, năm 2023

MỤC LỤC

DANH MỤC CÁC TỪ VIẾT TẮT	4
PHẦN I. GIỚI THIỆU VỀ TRƯỜNG CAO ĐẲNG CÔNG NGHIỆP CAO SU...5	5
1. Thông tin chung về Trường Cao đẳng Công nghiệp Cao su	5
2. Thông tin khái quát về lịch sử phát triển và thành tích nổi bật của Trường Cao đẳng Công nghiệp Cao su	5
2.1. Lịch sử phát triển trường	5
2.2. Sứ mạng và tầm nhìn	6
2.3. Chức năng, nhiệm vụ	6
2.4 Những thành tích nổi bật của trường	8
3. Cơ cấu tổ chức và nhân sự của Trường Cao đẳng Công nghiệp Cao su.....	11
3.1. Cơ cấu tổ chức	11
3.3. Tổng số cán bộ, giáo viên, nhân viên	13
3.4. Đội ngũ giáo viên (Dạy trung cấp và Cao đẳng)	13
4. Các ngành nghề và quy mô đào tạo của Trường	14
4.1. Các ngành nghề đào tạo cao đẳng và trung cấp.....	14
4.2. Quy mô tuyển sinh, sinh viên tốt nghiệp	15
5. Cơ sở vật chất, thư viện, tài chính	15
5.1. Về cơ sở vật chất.....	15
5.2. Thư viện.....	16
5.3. Tài chính	16
PHẦN II. KẾT QUẢ TỰ ĐÁNH GIÁ CỦA CƠ SỞ GIÁO DỤC NGHỀ NGHIỆP17	17
1. Đặt vấn đề	17
2. Tổng quan chung.....	18
2.1. Căn cứ tự đánh giá	18
2.2. Mục đích tự đánh giá	18
2.3. Yêu cầu tự đánh giá	19
2.4. Phương pháp tự đánh giá	19
2.5. Các bước tiến hành tự đánh giá	19
3. Tự đánh giá	21
3.1. Tổng hợp kết quả tự đánh giá	21
3.2. Tự đánh giá theo từng tiêu chí, tiêu chuẩn	33

3.2.1. Tiêu chí 1 - Mục tiêu, sứ mạng, tổ chức và quản lý	33
3.2.2. Tiêu chí 2 - Hoạt động đào tạo	53
3.2.3. Tiêu chí 3 - Nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức và người lao động	79
3.2.4. Tiêu chí 4 - Chương trình, giáo trình.....	101
3.2.5 Tiêu chí 5 - Cơ sở vật chất, thiết bị đào tạo và thư viện	119
3.2.6. Tiêu chí 6 - Nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ và hợp tác quốc tế	143
3.2.7. Tiêu chí 7 - Quản lý tài chính.....	151
3.2.8. Tiêu chí 8 - Dịch vụ người học.....	162
3.2.9. Tiêu chí 9 - Giám sát, đánh giá chất lượng.....	175

PHẦN III. TỔNG HỢP KẾ HOẠCH NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG CƠ SỞ GIÁO DỤC NGHỀ NGHIỆP

1. Tiêu chí 1	188
2. Tiêu chí 2	188
3. Tiêu chí 3	189
4. Tiêu chí 4	189
5. Tiêu chí 5	190
6. Tiêu chí 6	190
7. Tiêu chí 7	190
8. Tiêu chí 8	190
9. Tiêu chí 9	191

PHẦN IV: KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ

Kết luận	192
Kiến nghị.....	192

DANH MỤC CÁC TỪ VIẾT TẮT

TT	Từ viết tắt	Nội dung
1.	BCH	Ban chấp hành
2.	BGH	Ban giám hiệu
3.	BGD&ĐT	Bộ Giáo dục và Đào tạo
4.	Bộ LĐTBXH	Bộ Lao động-Thương binh và Xã hội
5.	CB, GV, NV	Cán bộ, Giảng viên, Nhân viên
6.	CĐCNCS	Cao đẳng Công nghiệp Cao su
7.	CNTT	Công nghệ thông tin
8.	CSDL	Cơ sở dữ liệu
9.	CSVC	Cơ sở vật chất
10.	HSSV	Học sinh, Sinh viên
11.	KTX	Ký túc xá
12.	KĐCL	Kiểm định chất lượng
13.	NCKH	Nghiên cứu khoa học
14.	NQ	Nghị quyết
15.	PCCC	Phòng cháy chữa cháy
16.	QĐ	Quyết định
17.	SPGDNN	Sư phạm giáo dục nghề nghiệp
18.	TC	Trung cấp
19.	TCKT	Tài chính Kế toán
20.	TC-HC	Tổ chức hành chính
21.	TT-KT&ĐBCL	Thanh tra – Khảo thí & Đảm bảo chất lượng
22.	TP	Trưởng phòng
23.	TW	Trung ương

PHẦN I. GIỚI THIỆU VỀ TRƯỜNG CAO ĐẲNG CÔNG NGHIỆP CAO SU

1. Thông tin chung về Trường Cao đẳng Công nghiệp Cao su

1.1. Tên trường: TRƯỜNG CAO ĐẲNG CÔNG NGHIỆP CAO SU

1.2. Tên tiếng Anh: Rubber Industrial College

1.3. Cơ quan chủ quản: Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam

1.4. Địa chỉ trường: Số 1428, Phú Riềng Đỏ, phường Tân Đông, TP Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước.

1.5. Số điện thoại: 0271.3879787

1.6. Fax: 0271.3870291

1.7. Email: caodangcaosu@edu.vn

1.8. Website: www.ric.edu.vn

1.9. Năm thành lập trường:

- Năm thành lập đầu tiên: 1978.

- Năm Trường CĐCNCS: 2008 (theo Quyết định số 424/QĐ-BGD&ĐT ngày 24/01/20068 của Bộ Giáo dục và Đào tạo)

1.10. Loại hình trường đào tạo: Công lập

2. Thông tin khái quát về lịch sử phát triển và thành tích nổi bật của Trường Cao đẳng Công nghiệp Cao su

2.1. Lịch sử phát triển trường

Trường Cao đẳng Công nghiệp Cao su (CĐCNCS) tiền thân là Trường Công Nhân Cơ Khí Cao su được thành lập năm 1978, năm 1997 trường đổi tên thành Trường Kỹ Thuật Nghiệp Vụ Cao Su và được nâng cấp lên trường Trường Trung học Kỹ thuật Nghiệp Vụ Cao Su vào năm 2000, đến tháng 1 năm 2008 Trường đã được Bộ Giáo dục và Đào tạo trao quyết định chính thức công nhận nâng cấp trở thành Trường CĐCNCS. Năm 2017 Trường CĐCNCS được Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam về việc phê duyệt “Chuyển đổi Trường CĐCNCS thành đơn vị sự nghiệp công lập tự chủ, tự chịu trách nhiệm về thực hiện nhiệm vụ, tổ chức bộ máy, biên chế và tài chính từ năm 2017”. Hiện nay, bộ máy tổ chức với 05 phòng ban, 05 khoa đào tạo và 02 trung tâm để duy trì và phát huy hiệu quả hoạt động của Nhà trường theo hướng nâng cao tính phục vụ. Bên cạnh đó, Trường cũng đã chú trọng đến công tác xây dựng

đội ngũ cán bộ quản lý, giảng viên đủ về số lượng, mạnh về chất lượng. Hàng năm, nhà trường đều thực hiện tốt công tác quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng, cán bộ, giảng viên; chủ động quy hoạch cán bộ, giảng viên có trình độ, năng lực tham gia học sau đại học để đáp ứng yêu cầu của công việc với đội ngũ cán bộ, giáo viên, nhân viên của trường là 144 người (49 nữ). Về trình độ chuyên môn, cán bộ giảng viên, nhân viên, người lao động của nhà trường có trình độ chuyên môn khá cao, cụ thể: tiến sĩ 03, thạc sĩ 37, đại học 41, cao đẳng 02 trung cấp 30, khác 31. Về trình độ lý luận chính trị, cán bộ giảng viên của nhà trường không ngừng bồi dưỡng nâng cao trình độ lý luận chính trị, trong đó: cử nhân cao cấp 04, trung cấp 23. Do đó, Nhà trường đã nhận được nhiều giấy khen, cờ thi đua, bằng khen của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Phước, Bộ, Ngành và Chính phủ.

Từ ngày thành lập đến nay, Nhà trường đã từng bước khẳng định mình qua các thế hệ thầy và trò. Đến nay, Trường đã trở thành một trung tâm duy nhất trong cả nước đào tạo về lĩnh vực cao su. Hiện Nhà trường được Bộ Lao động-Thương binh và Xã hội cho phép đào tạo 3 ngành hệ Cao đẳng, 4 ngành cao đẳng liên thông, 7 ngành hệ trung cấp; Hiện nay Trường đang liên kết với nhiều trường Đại học với quy mô bình quân là 200 HSSV/năm.

2.2. Sứ mạng và tầm nhìn

Sứ mạng: Trường Cao đẳng Công nghiệp Cao su đào tạo nhân lực giáo dục nghề nghiệp phục vụ thời kỳ hội nhập của đất nước và của ngành Cao su Việt Nam; coi trọng đào tạo kiến thức mới và kỹ năng chuyên sâu để đáp ứng nhu cầu của người học, doanh nghiệp và xã hội.

Tầm nhìn: Phát triển nhà trường theo hướng đa ngành, đa nghề, có nghề trọng điểm về cao su. Phấn đấu xây dựng nhà trường theo hướng trường Cao đẳng chất lượng cao, làm tiền đề để phát triển thành trường Đại học trong tương lai.

2.3. Chức năng, nhiệm vụ

a) Tổ chức thực hiện chương trình đào tạo trình độ cao đẳng, trình độ trung cấp, trình độ sơ cấp và các chương trình đào tạo thường xuyên theo quy định của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội;

b) Tổ chức biên soạn, xây dựng hoặc lựa chọn, phê duyệt chương trình, giáo trình đào tạo, học liệu đối với từng ngành, nghề đào tạo của trường theo quy định của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội;

c) Xây dựng kế hoạch tuyển sinh, tổ chức tuyển sinh theo quy định của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội;

d) Tổ chức các hoạt động đào tạo; kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp; in phôi, quản lý, cấp phát bằng tốt nghiệp cao đẳng, bằng tốt nghiệp trung cấp, chứng chỉ sơ cấp, chứng chỉ đào tạo theo quy định của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội;

đ) Quản lý người học, tổ chức các hoạt động thể dục, thể thao, văn hóa, văn nghệ và các hoạt động giáo dục toàn diện khác cho người học theo quy định của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội;

e) Tư vấn nghề nghiệp, hướng nghiệp, việc làm cho người học và tổ chức hoạt động hỗ trợ học sinh, sinh viên khởi nghiệp theo quy định của pháp luật;

g) Thực hiện chính sách hỗ trợ đào tạo trình độ sơ cấp, đào tạo dưới 03 tháng đối với lao động nông thôn, lao động nữ, người khuyết tật và các chính sách khác theo quy định của pháp luật;

h) Tuyển dụng, sử dụng, quản lý đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức, người lao động của trường bảo đảm đủ về số lượng, phù hợp với ngành, nghề, quy mô và trình độ đào tạo theo quy định của pháp luật;

i) Cử hoặc tổ chức đào tạo, bồi dưỡng cho đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức và người lao động của trường học tập, nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ theo quy định của pháp luật;

k) Phối hợp với doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân, gia đình người học trong hoạt động giáo dục nghề nghiệp và tư vấn nghề nghiệp, hướng nghiệp; tổ chức cho đội ngũ nhà giáo, người học tham quan, thực tập tại doanh nghiệp và hỗ trợ giải quyết việc làm cho người học theo quy định của pháp luật;

l) Phối hợp với trường trung học cơ sở, trung học phổ thông, trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên, trung tâm giáo dục thường xuyên để tuyên truyền, hướng nghiệp, phân luồng học sinh vào học các trình độ của giáo dục nghề nghiệp;

m) Thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ về giáo dục nghề nghiệp, ứng dụng kết quả nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ mới phục vụ phát triển kinh tế - xã hội của bộ, ngành, địa phương;

n) Thực hiện dân chủ, công khai theo quy định của pháp luật trong việc thực hiện nhiệm vụ đào tạo, thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ, ứng dụng kết quả nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ vào thực tiễn giảng dạy, tư vấn nghề nghiệp, hướng nghiệp cho người học. Có cơ chế để người học tham gia đánh giá hoạt động đào tạo; nhà giáo tham gia đánh giá cán bộ quản lý, viên chức và người lao động của nhà trường;

o) Quản lý, sử dụng đất đai, cơ sở vật chất, thiết bị và tài chính, tài sản của trường theo quy định của pháp luật;

p) Cung cấp dữ liệu về tổ chức hoạt động giáo dục nghề nghiệp của trường để xây dựng cơ sở dữ liệu về giáo dục nghề nghiệp; thực hiện chế độ báo cáo định kỳ và đột xuất theo quy định;

q) Thực hiện các nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật.

2.4 Những thành tích nổi bật của trường

Hơn 45 năm hình thành và phát triển, được sự quan tâm chỉ đạo của Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam, cùng với sự nỗ lực của tập thể cán bộ, viên chức và người lao động, Nhà trường đã không ngừng phát triển cả về quy mô và chất lượng đào tạo; từng bước đầu tư và hoàn thiện về cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy học; đội ngũ cán bộ giáo viên tăng cả về số lượng cũng như chất lượng. Đến nay, Nhà trường đã mở được nhiều ngành nghề đào tạo đáp ứng nhu cầu cho xã hội.

Với những thành tích đã đạt được, nhà trường vinh dự được Chủ tịch nước tặng thưởng Huân chương Lao động hạng nhất, nhì, ba; Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ, bằng khen các Bộ, ngành và địa phương. Những thành tích nổi bật đáng ghi nhận đó là:

- Đảng ủy nhà trường đã lãnh đạo đơn vị hoàn thành tốt nhiệm vụ chính trị. Đảng bộ nhiều năm liền đạt danh hiệu “*Trong sạch vững mạnh*” được Đảng ủy Khối các Cơ quan và Doanh nghiệp tỉnh Bình Phước công nhận và tặng Giấy khen.

- Tổ chức Công đoàn hoạt động có hiệu quả cao, phát huy vai trò làm chủ tập thể của người lao động, tham gia tích cực vào việc thực hiện quy chế dân chủ ở cơ sở; tổ chức các hoạt động phong trào nhằm thúc đẩy công tác giảng dạy và học tập, góp phần hoàn thành nhiệm vụ chính trị tại đơn vị. Công đoàn đã hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ tổ chức và thực hiện Nghị quyết hội nghị Cán bộ - Viên chức hàng năm.

Thực hiện các phong trào thi đua sôi nổi có hiệu quả, đời sống của CBVC ngày càng được nâng lên cả về vật chất lẫn tinh thần. Nhiều năm liền Công đoàn trường đạt danh hiệu: “*Công đoàn cơ sở vững mạnh xuất sắc*”; nhiều đoàn viên được tặng Giấy khen, bằng khen Công đoàn Cao su, Liên đoàn Lao động tỉnh, Tổng liên đoàn Lao động Việt Nam.

- Đoàn trường đã tập hợp được đông đảo đoàn viên, thanh niên tham gia các hoạt động khơi dậy tính sáng tạo và lý tưởng cách mạng. Với đặc điểm phần lớn đoàn viên, thanh niên là HSSV nên các hoạt động của Đoàn đều hướng về chủ đề học tập, rèn luyện để ngày mai lập thân lập nghiệp. Thông qua các hoạt động nhằm giúp HSSV có định hướng đúng trong học tập, rèn luyện phẩm chất đạo đức để sau khi tốt nghiệp ra trường có thể tìm việc làm hoặc tự tạo việc làm. Đoàn trường cũng đã tổ chức tốt các hoạt động ngoại khóa cho ĐVTN như văn hóa văn nghệ, TDTT; tham gia tốt các hoạt động tình nguyện hè, hiến máu nhân đạo hàng năm... Công tác tập hợp thanh niên, giáo dục truyền thống có những chuyển biến tích cực. Đoàn trường luôn đạt thành tích xuất sắc trong công tác Đoàn và phong trào thanh niên do Trung ương Đoàn, Tỉnh đoàn Bình Phước và Đoàn khối Cơ quan và Doanh nghiệp tỉnh Bình Phước phát động.

*** Một số thành tích cụ thể là:**

- Danh hiệu thi đua:

Năm	Danh hiệu thi đua	Số, ngày, tháng, năm của QĐ công nhận danh hiệu thi đua; CQ ban hành quyết định.
1997	Huân chương Lao động hạng Ba	Số 82/QĐ-KTCTN, ngày 12/12/1997 của Chủ tịch nước
2003	Huân chương Lao động hạng Nhì	Số 47/QĐ-CTN, ngày 17/01/2003 của Chủ tịch nước
2008	Huân chương Lao động hạng Nhất	Số 188/QĐ-CTN, ngày 20/02/2008 của Chủ tịch nước
2015	Cờ thi đua cấp bộ	Số 4707/QĐ – BNN – TCCB ngày 13/11/2015 của Bộ NN&PTNT
2016	Cờ thi đua UBND tỉnh Bình Phước	Số 647 QĐ – UBND ngày 24/3/2017 của Chủ tịch UBND tỉnh Bình Phước

2016	Cờ thi đua Chính phủ	Số 423/QĐ – TTg ngày 05/4/2017 của Thủ tướng CP
2017	Cờ thi đua cấp bộ	Số 184/QĐ – BNN – TCCB ngày 19/1/2018 của Bộ NN&PTNT
2018	Cờ thi đua tập đoàn CNCSVN	QĐ số 28/QĐ-CSVN ngày 15/01/2019 Tập đoàn Công nghiệp CSVN
2019	Cờ thi đua tập đoàn CNCSVN	QĐ số 752/QĐ-CSVN ngày 25/12/2019 Tập đoàn Công nghiệp CSVN
2019	Tập thể Lao động xuất sắc	Số 77/QĐ – CSVN, ngày 7/2/2020 Của Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam.
2020	Tập thể Lao động xuất sắc	Số 600/QĐ – CSVN, ngày 31/12/2020 Của Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam.
2020	Cờ thi đua Chính phủ	Số 968/ QĐ – TTg ngày 18/6/2021 của Thủ tướng CP
2021	Tập thể lao động xuất sắc	QĐ số 523/QĐ–CSVN, ngày 29/12/2021 của Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam
2021	Cờ thi đua xuất sắc	QĐ số 524/QĐ–CSVN, ngày 29/12/2021 của Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam
2022	Cờ thi đua Tập đoàn	Qđ số 625/QĐ-CSVN, ngày 29/12/2021 của Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam
2023	Huân chương độc lập hạng III	QĐ số 48/CTN, ngày 9 tháng 1 năm 2023

- Các hình thức khen thưởng

Năm	Hình thức khen thưởng	Số, ngày, tháng, năm của quyết định khen thưởng; Cơ quan ban hành quyết định.
2017	Bằng khen Hoàn thành SX H.động của LH các hội KH&KT tỉnh giai đoạn 2011- 2017	Số 192/QĐ – LHHVN, ngày 09/03/2017 Của HĐ trung ương các hội KH&KT việt nam
2018	Bằng khen	Số 222/QĐ – CSVN, ngày 18/10/2018 Của Tập đoàn CN CSVN.

2019	Bảng khen Hoàn thành trước kế hoạch	Số 743/QĐ – CSVN, ngày 18/12/2019 Của Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam
2020	Bảng khen Hoàn thành trước kế hoạch	Số 569/QĐ – CSVN, ngày 22/12/2020 Của Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam
2023	Bảng khen có thành tích xuất sắc trong phong trào thi đua khởi	Số 662/QĐ – CSVN, ngày 20/12/2023 của Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam

3. Cơ cấu tổ chức và nhân sự của Trường Cao đẳng Công nghiệp Cao su

3.1. Cơ cấu tổ chức

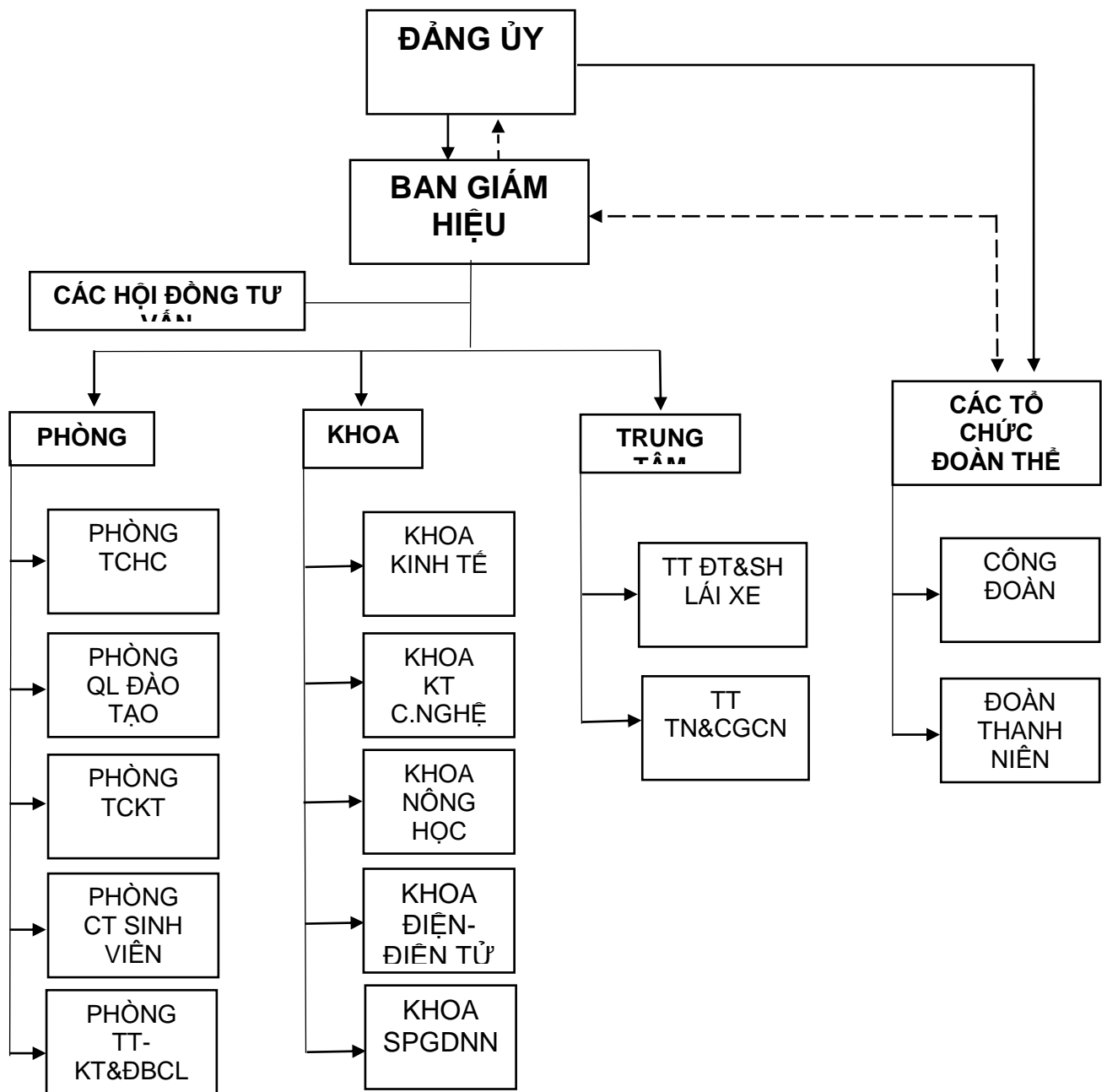
Công tác tổ chức, xây dựng bộ máy của Nhà trường ngày càng hoàn thiện. Hiện nay, Nhà trường có tổng cộng 12 đơn vị trực thuộc, bao gồm:

**Các phòng chức năng:* Phòng Quản lý Đào tạo, Phòng Tổ chức - Hành chính; Phòng Tài chính – Kế toán; Phòng Công tác Học sinh Sinh viên; Phòng Thanh tra – Bảo vệ.

**Các khoa:* Khoa Nông học; Khoa Kinh tế; Khoa Điện – Điện tử; Khoa Kỹ thuật Công nghệ; Khoa Sư phạm Giáo dục nghề nghiệp.

**Các Trung tâm:* Trung tâm Giống cây trồng; Trung tâm Đào tạo và Sát hạch lái xe.

SƠ ĐỒ CƠ CẤU TỔ CHỨC CỦA NHÀ TRƯỜNG



3.2. Danh sách cán bộ lãnh đạo chủ chốt của Nhà trường

Các bộ phận	Họ và tên	Năm sinh	Học vị	Chức danh, chức vụ
1. Ban giám hiệu	Lê Văn Kịch	1964	Thạc sỹ	Hiệu trưởng
	Bùi Đình Ninh	1978	Tiến sỹ	Phó hiệu trưởng
	Trần Thanh Hải	1966	Thạc sỹ	Phó hiệu trưởng
	Nguyễn Huy Đào	1980	Thạc sỹ	Phó hiệu trưởng
2. Các tổ chức Đảng, Công đoàn, Đoàn thanh niên				
Đảng bộ	Lê Văn Kịch	1964	Thạc sỹ	Bí thư
Công đoàn	Bùi Đình Ninh	1978	Tiến sỹ	Chủ tịch
Đoàn Thanh niên	Lê Sỹ Thế	1984	Cử nhân	Bí thư
3. Trưởng các phòng chức năng				
Phòng QLĐT	Lê Song Hào	1980	Thạc sỹ	Trưởng phòng
Phòng TC-HC	Nguyễn Phong Phú	1977	Thạc sỹ	Trưởng phòng
Phòng TCKT	Ngô Thị Hồng Dung	1981	Thạc sỹ	Trưởng phòng
Phòng CTSV	Nguyễn Văn Hà	1978	Thạc sỹ	Trưởng phòng
Phòng TT-KT&ĐBCL	Bùi Thanh Hồng	1979	Thạc sỹ	Trưởng phòng
4. Trưởng các khoa				
Khoa Nông học	Lưu Thị Thanh Thất	1977	Tiến sỹ	Trưởng khoa
Khoa Kinh tế	Nguyễn Tiến Điền	1978	Thạc sỹ	Trưởng khoa
Khoa Điện-Điện tử	Nguyễn Xuân Giáp	1974	Kỹ sư	Trưởng khoa
Khoa KT CN	Lê Đức Đăng	1963	Thạc sỹ	Trưởng khoa
Khoa SP GDNN	Bùi Quốc Trọng	1972	Tiến sỹ	Trưởng khoa
5. Giám đốc Trung tâm				
Trung tâm TN&CGCN	Đỗ Quang Huân	1982	Thạc sỹ	Giám đốc
Trung tâm ĐT&SHLX	Trần Thanh Hải	1966	Thạc sỹ	Giám đốc

3.3. Tổng số cán bộ, giáo viên, nhân viên

*Tổng số CBGV - NV: 144 người, trong đó: Nam: 95 người; Nữ: 49 người.

3.4. Đội ngũ giáo viên (Dạy trung cấp và Cao đẳng)

*Tổng số giáo viên: 53 người, trong đó: Tiến sỹ: 03, Thạc sỹ: 34; Đại học 16.

Giáo viên cơ hữu			
Trình độ đào tạo	Nam	Nữ	Tổng số
Tiến sĩ	02	01	03
Thạc sĩ	18	16	34
Đại học	11	05	16
Tổng cộng	31	22	53

4. Các ngành nghề và quy mô đào tạo của Trường

4.1. Các ngành nghề đào tạo cao đẳng và trung cấp

TT	Tên ngành/ngành đào tạo	Mã ngành/ngành	Trình độ đào tạo
1	Tin học ứng dụng	5480205	Trung cấp
2	Kế toán tin học	5340306	Trung cấp
3	Công nghệ ô tô	5510216	Trung cấp
4	Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí	5520205	Trung cấp
5	Điện công nghiệp và dân dụng	5520223	Trung cấp
6	Trồng trọt và bảo vệ thực vật	5620111	Trung cấp
7	Kỹ thuật cây cao su	5620204	Trung cấp
8	Công nghệ ô tô	6510216	Cao đẳng
9	Kế toán	6340301	Cao đẳng
10	Công nghệ thông tin	6480201	Cao đẳng
11	Kế toán	6340301	Liên thông
12	Khoa học cây trồng	6620109	Liên thông
13	Công nghệ ô tô	6510216	Liên thông
14	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	6510303	Liên thông

4.2. Quy mô tuyển sinh, sinh viên tốt nghiệp

Stt	Trình độ đào tạo		Năm					
			2021		2022		2023	
			TS	TN	TS	TN	TS	TN
1	Cao đẳng	- Chính quy	97	83	103	97	70	29
		- VLVH						
2	Trung cấp	- Chính quy	830	212	920	404	523	322
		- VLVH			43			31
Tổng cộng			927	295	1066	501	593	382

5. Cơ sở vật chất, thư viện, tài chính

5.1. Về cơ sở vật chất

Nhà trường thường xuyên đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị nhằm phục vụ tốt nhu cầu dạy học.

TT	Hạng mục, công trình	Tổng diện tích (m ²)	Đã xây dựng (m ²)	Đang xây dựng	
				Diện tích (m ²)	Thời gian hoàn thành
1	Khu hiệu bộ	1,760	1,760		
2	Phòng học lý thuyết	6,559	6,559		
3	Xưởng thực hành	6,460	6,460		
4	Khu phục vụ	12,149	12,149		
4.1	Thư viện	1,137	1,137		
4.2	Ký túc xá	3,662	3,662		
4.3	Căng tin	435	435		
4.4	Khu thể thao	9,045	7,715		
5	Công trình khác	23,779	23,779		
5.1	Khu nhà Khách	455	455		
5.2	Hội trường	1074	1074		
5.3	Vườn thực nghiệm	21,000	21,000		
5.4	Nhà để xe cán bộ	590	590		
5.5	Nhà để xe học sinh	660	660		
Tổng		50,707	50,707		

- Tổng số máy tính của trường:
- + Dùng cho hệ thống văn phòng: 90 cái
- + Dùng cho sinh viên/học sinh học tập: 203 cái

5.2. Thư viện

- Tổng số đầu sách trong thư viện của nhà trường 3620; số cuốn: 11.139 cuốn
- Tổng số đầu sách gắn với các ngành đào tạo có cấp bằng của nhà trường: (3,364) cuốn.

5.3. Tài chính

Đơn vị tính: 1.000 đồng

Nội dung	Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023
1. Tổng Doanh thu	51,840,805	87,283,558	56,525,816
2. Tổng thu học phí (Chỉ tính HP chính quy)	12,104,788	7,583,074	8,994,420

PHẦN II. KẾT QUẢ TỰ ĐÁNH GIÁ CỦA CƠ SỞ GIÁO DỤC NGHỀ NGHIỆP

1. Đặt vấn đề

Trong những năm gần đây hoạt động quản lý nhà nước về chất lượng giáo dục được Đảng, Nhà nước, Quốc hội rất quan tâm. Nghị Quyết 29-NQ/TW ngày 04 tháng 11 năm 2013 của Ban chấp hành Trung ương về *"Đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế"* đã tạo điều kiện cho hệ thống giáo dục có bước chuyển biến lớn về chất lượng. Thực hiện Nghị quyết 29-NQ/TW Chính phủ ban hành chương trình hành động số 44/NQ-CP, Luật GDNN có hiệu lực từ 01 tháng 7 năm 2015. Là một trường công lập trực thuộc Tập đoàn Công nghiệp Cao su, Trường CĐCNCS xác định rõ kiểm định trường và thực hiện tốt hoạt động đảm bảo chất lượng, nâng cao chất lượng giảng dạy, đào tạo ra những sản phẩm đáp ứng được nhu cầu xã hội là cách tốt nhất để xây dựng thương hiệu một cách bền vững.

Hoạt động quản lý chất lượng đã được Nhà trường quan tâm dành nhiều thời gian để đầu tư. Từ năm 2008 đến 2016 Nhà trường thường xuyên kiện toàn Hội đồng tự đánh giá, xây dựng kế hoạch cải tiến chất lượng, kế hoạch khắc phục các tiêu chí chưa đạt, rà soát báo cáo tự đánh giá. Kết quả đến nay đã 3 lần cập nhật, bổ sung tự đánh giá Bộ GD&ĐT. Qua đó nhận thấy rõ những những điểm mạnh cần phát huy và những mặt hạn chế, chưa làm được để có hướng khắc phục, sửa chữa và đầu tư.

Từ năm 2016, trường chuyển sang mô hình giáo dục nghề nghiệp của Bộ LĐ-TB&XH, Trường CĐCNCS luôn xác định chất lượng giáo dục nghề nghiệp (CLGDNN) là yếu tố quyết định đến sự tồn tại và phát triển của Nhà trường. Chất lượng giáo dục nghề nghiệp đã, đang và sẽ là vấn đề thu hút được sự quan tâm của các nhà quản lý, các doanh nghiệp, của phụ huynh, cũng như người học và toàn xã hội. Ý thức được vấn đề đó, Trường CĐCNCS căn cứ vào các tiêu chí, tiêu chuẩn KĐCLGDNN theo Thông tư số 15/2017/TT- BLĐTBXH ngày 08 tháng 6 năm 2017 của Bộ LĐ-TB&XH để tiến hành thực hiện công tác tự KĐCLGDNN. Từ năm 2017, Trường CĐCNCS xây dựng kế hoạch, thành lập Hội đồng và triển khai công tác tự đánh giá chất lượng trường... chỉ ra những mặt mạnh và những mặt yếu, từ đó xây

dựng kế hoạch và các biện pháp điều chỉnh, cải tiến để thực hiện nhằm đáp ứng mục tiêu GDNN mà Nhà trường đã đề ra.

Báo cáo tự đánh giá được thực hiện với tinh thần tập thể, là trí tuệ tập thể, biểu hiện cho quyết tâm của Lãnh đạo Nhà trường trong việc tập trung mọi nguồn lực để nâng cao chất lượng, xây dựng thương hiệu bền vững hướng hoạt động đào tạo của Nhà trường đến đào tạo đạt chuẩn và đào tạo đáp ứng được nhu cầu xã hội.

2. Tổng quan chung

2.1. Căn cứ tự đánh giá

Trường CĐCNCS thực hiện công tác tự kiểm định chất lượng giáo dục nghề nghiệp dựa trên những căn cứ sau:

Thông tư 15/2017/TT-BLĐTB&XH ngày 08 tháng 6 năm 2017 của Bộ LĐ-TB&XH về việc ban hành bộ tiêu chí, tiêu chuẩn kiểm định chất lượng giáo dục nghề nghiệp;

Quy trình thực hiện tự đánh giá chất lượng theo Thông tư số 28/2017/TT-BLĐTB&XH ngày 15/12/2017 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định hệ thống bảo đảm chất lượng của cơ sở giáo dục nghề nghiệp

Công văn 453/TT-BLĐTB&XH ngày 25/3/2019 của Tổng cục giáo dục nghề nghiệp về việc Hướng dẫn đánh giá tiêu chuẩn kiểm định chất lượng cơ sở giáo dục nghề nghiệp các trường Cao đẳng, trung cấp;

Các nội dung tập huấn về tự kiểm định chất lượng giáo dục nghề nghiệp đã được Tổng cục giáo dục nghề nghiệp ban hành.

2.2. Mục đích tự đánh giá

Nâng cao nhận thức của cán bộ viên chức, người lao động và HSSV trong toàn Trường về tầm quan trọng của công tác tự đánh giá các điều kiện đảm bảo chất lượng cơ sở GDNN theo bộ tiêu chí, tiêu chuẩn KĐCL Trường trung cấp, cao đẳng, qua đó huy động tất cả các đơn vị trong toàn Trường cùng thực hiện công tác tự đánh giá.

Thu thập, xử lý thông tin và minh chứng để chứng minh mức độ đạt được của nhà trường dựa trên tiêu chí, tiêu chuẩn KĐCL cơ sở GDNN.

Xây dựng, thực hiện và duy trì tốt các tiêu chí, tiêu chuẩn KĐCL đã đạt được, đồng thời khắc phục những tiêu chí, tiêu chuẩn chưa đạt qua đó giúp Trường hoạch định chiến lược phát triển các nguồn lực trong từng giai đoạn, tiến tới xây dựng Trường vững mạnh toàn diện, khẳng định uy tín và thương hiệu nhà trường.

2.3. Yêu cầu tự đánh giá

Có sự tham gia của tất cả đơn vị, cá nhân có liên quan của cơ sở GDNN.

Đánh giá theo hệ thống tiêu chí, tiêu chuẩn kiểm định chất lượng GDNN hiện hành và các văn bản hướng dẫn có liên quan.

Đảm bảo trung thực, khách quan, đầy đủ minh chứng hợp lệ để chứng minh cho nhận định trong tự đánh giá chất lượng.

Khảo sát thực tế, thảo luận, lấy ý kiến với các đơn vị, cán bộ quản lý, giáo viên, người học và người sử dụng lao động.

Kết quả tự đánh giá chất lượng phải được công khai trong nội bộ cơ sở GDNN, được cập nhật vào cơ sở dữ liệu của hệ thống thông tin quản lý của cơ quan quản lý nhà nước về GDNN và được lưu trữ cùng toàn bộ minh chứng, tài liệu liên quan.

2.4. Phương pháp tự đánh giá

- Phương pháp nghiên cứu văn bản, hồ sơ:

Phương pháp nghiên cứu văn bản/hồ sơ là một trong những phương pháp thu thập thông tin thường được dùng trong tự đánh giá chất lượng, hiệu quả hoạt động của trường. Nghiên cứu các thông tin, minh chứng tự đánh giá chất lượng đã thu thập được, từ đó xử lý, phân tích thông tin, minh chứng TĐGCLGDNN.

- Phương pháp quan sát:

Phương pháp quan sát là một trong những phương pháp thu thập thông tin thường được dùng trong việc nghiên cứu hiệu quả hoạt động của một đơn vị.

- Phương pháp phỏng vấn:

Phương pháp phỏng vấn là một trong những phương pháp thu thập thông tin trong tự đánh giá và KĐCL. Phương pháp này thường được dùng nhiều trong tự đánh giá chất lượng mức độ phù hợp, hiệu quả hoạt động của Trường.

- Phương pháp điều tra khảo sát:

Phương pháp điều tra khảo sát là một trong những phương pháp thu thập thông tin thường được dùng nhiều trong tự đánh giá chất lượng, hiệu quả hoạt động của Trường

2.5. Các bước tiến hành tự đánh giá

Các bước tự đánh giá thực hiện đúng theo Điều 15. Quy trình tự đánh giá chất lượng, Thông tư số 28/2017/TT-BLĐTBXH ngày 15/12/2017 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định hệ thống bảo đảm chất lượng của cơ sở GDNN. Quy

trình tự kiểm định của Trường gồm các bước sau:

1. Thành lập Hội đồng kiểm định chất lượng giáo dục nghề nghiệp.
2. Xác định mục đích, phạm vi tự kiểm định chất lượng giáo dục nghề nghiệp.
3. Xây dựng kế hoạch tự kiểm định chất lượng giáo dục nghề nghiệp của Trường và các đơn vị trực thuộc.
4. Thực hiện tự kiểm định chất lượng giáo dục nghề nghiệp của các đơn vị trực thuộc.
5. Thực hiện tự kiểm định chất lượng giáo dục nghề nghiệp cấp Trường của Hội đồng kiểm định chất lượng giáo dục nghề nghiệp Nhà trường: Thu thập thông tin và minh chứng; xử lý phân tích các thông tin và minh chứng.
6. Đánh giá mức độ mà các đơn vị trực thuộc đã đạt được theo từng tiêu chuẩn, tiêu chí kiểm định chất lượng giáo dục nghề nghiệp.
7. Viết báo cáo kết quả tự kiểm định chất lượng giáo dục nghề nghiệp.
8. Công bố công khai kết quả tự kiểm định trong nội bộ Trường.

Trường đã xây dựng kế hoạch và tiến độ thực hiện tự kiểm định; thành lập Hội đồng kiểm định, Ban thư ký giúp việc cho hội đồng, các nhóm công tác chuyên trách. Tổ chức tập huấn cho tất cả các thành viên trực tiếp làm nhiệm vụ thu thập minh chứng, phân tích và xử lý minh chứng theo hệ thống tiêu chí tiêu chuẩn, đánh giá từng tiêu chuẩn kiểm định.

Ban thư ký tham gia tư vấn và hỗ trợ các tổ thu thập minh chứng. Các minh chứng thu thập từ các nhóm được mã hóa theo quy định của từng tiêu chuẩn kiểm định chất lượng. Các nhóm chuyên trách tập hợp các nhóm minh chứng theo tiêu chuẩn để phân tích đánh giá và lập báo cáo theo phiếu mô tả các tiêu chuẩn được phân công. Thư ký hội đồng tổng hợp kết quả từ các báo cáo phân tích tiêu chuẩn, tiêu chí do các nhóm chuyên trách cung cấp để lập dự thảo báo cáo tự kiểm định. Ban thư ký họp thông qua dự thảo Báo cáo tự kiểm định. Báo cáo sau khi được chỉnh sửa và bổ sung thông tin cần thiết, trình Hội đồng kiểm định xem xét. Ban thư ký tiếp tục chỉnh sửa dự thảo Báo cáo tự kiểm định trình Hội đồng kiểm định tiếp tục xem xét. Hội đồng kiểm định sẽ trình Hiệu trưởng báo cáo và gửi cho lãnh đạo các đơn vị, tổ chức trong toàn Trường lấy ý kiến phản biện. Ban thư ký thu thập ý kiến của các phản biện và ý kiến của hiệu trưởng để hoàn chỉnh Báo cáo tự kiểm định lần cuối, trình Hiệu trưởng phê duyệt, công bố và nộp Báo cáo Sở Lao động Thương binh Xã hội tỉnh Bình Phước

và Tổng cục giáo dục nghề nghiệp.

3. Tự đánh giá

3.1. Tổng hợp kết quả tự đánh giá

TỔNG HỢP KẾT QUẢ TỰ ĐÁNH GIÁ CHẤT LƯỢNG CƠ SỞ GIÁO DỤC NGHỀ NGHIỆP

TT	Tiêu chí, tiêu chuẩn	Điểm chuẩn	Tự đánh giá của cơ sở giáo dục nghề nghiệp
	ĐỀ XUẤT KẾT QUẢ ĐẠT ĐƯỢC		
	Tổng điểm	100	90
1	Tiêu chí 1 - Mục tiêu, sứ mạng, tổ chức và quản lý	12	11
1.1	Tiêu chuẩn 1: Mục tiêu và sứ mạng của trường được xác định cụ thể, phù hợp với chức năng, nhiệm vụ, thể hiện được vai trò của trường trong việc đáp ứng nhu cầu sử dụng nhân lực của địa phương, ngành và được công bố công khai.	1	1
1.2	Tiêu chuẩn 2: Trường thực hiện phân tích, đánh giá nhu cầu sử dụng nhân lực của địa phương hoặc ngành để xác định các ngành, nghề đào tạo và quy mô đào tạo phù hợp.	1	1
1.3	Tiêu chuẩn 3: Trường ban hành văn bản quy định về tổ chức và quản lý theo hướng đảm bảo quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm của các đơn vị trong trường theo quy định.	1	1
1.4	Tiêu chuẩn 4: Hằng năm, các văn bản quy định về tổ chức và quản lý của trường được rà soát, thực hiện điều chỉnh nếu cần thiết.	1	1
1.5	Tiêu chuẩn 5: Các phòng, khoa, bộ môn và các đơn vị trực thuộc trường được phân công, phân cấp rõ ràng về chức năng, nhiệm vụ, phù hợp với cơ cấu ngành nghề, quy mô	1	1

	đào tạo và mục tiêu của trường.		
1.6	Tiêu chuẩn 6: Hội đồng trường hoặc hội đồng quản trị, các hội đồng tư vấn, các phòng, khoa, bộ môn và các đơn vị trực thuộc trường hoạt động đúng chức năng, nhiệm vụ theo quy định và có hiệu quả.	1	0
1.7	Tiêu chuẩn 7: Trường xây dựng và vận hành hệ thống đảm bảo chất lượng theo quy định.	1	1
1.8	Tiêu chuẩn 8: Trường có bộ phận phụ trách thực hiện công tác quản lý, đảm bảo chất lượng đào tạo và hằng năm hoàn thành nhiệm vụ được giao.	1	1
1.9	Tiêu chuẩn 9: Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam trong trường phát huy được vai trò lãnh đạo, hoạt động đúng điều lệ và theo quy định của Hiến pháp và pháp luật.	1	1
1.10	Tiêu chuẩn 10: Các đoàn thể, tổ chức xã hội trong trường hoạt động theo đúng điều lệ của tổ chức mình và theo quy định của pháp luật, góp phần đảm bảo và nâng cao chất lượng đào tạo của trường.	1	1
1.11	Tiêu chuẩn 11: Trường có quy định và thực hiện công tác kiểm tra, giám sát các hoạt động của trường theo quy định nhằm nâng cao chất lượng và hiệu quả đào tạo. Hằng năm rà soát, cải tiến phương pháp, công cụ kiểm tra, giám sát.	1	1
1.12	Tiêu chuẩn 12: Trường có văn bản và thực hiện chế độ, chính sách ưu đãi của nhà nước cho các đối tượng được thụ hưởng; thực hiện chính sách bình đẳng giới theo quy định.	1	1
2	Tiêu chí 2 - Hoạt động đào tạo	17	15
2.1	Tiêu chuẩn 1: Các ngành, nghề đào tạo của trường được cơ quan có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp. Trường ban hành chuẩn đầu ra của từng chương trình đào tạo và công bố công khai để người học và xã hội biết.	1	1
2.2	Tiêu chuẩn 2: Trường xây dựng và ban hành quy chế tuyển	1	1

	sinh theo quy định.		
2.3	Tiêu chuẩn 3: Hằng năm, trường xác định chỉ tiêu tuyển sinh và thực hiện công tác tuyển sinh theo quy định, đảm bảo nghiêm túc, công bằng, khách quan.	1	1
2.4	Tiêu chuẩn 4: Thực hiện đa dạng hóa các phương thức tổ chức đào tạo đáp ứng yêu cầu học tập của người học.	1	1
12.5	Tiêu chuẩn 5: Trường xây dựng và phê duyệt kế hoạch, tiến độ đào tạo cho từng lớp, từng khóa học của mỗi ngành hoặc nghề, theo từng học kỳ, năm học. Kế hoạch đào tạo chi tiết đến từng mô đun, môn học, giờ học lý thuyết, thực hành, thực tập phù hợp với từng hình thức, phương thức tổ chức đào tạo và đúng quy định.	1	1
21.6	Tiêu chuẩn 6: Trường tổ chức thực hiện theo kế hoạch đào tạo, tiến độ đào tạo đã được phê duyệt.	1	1
2.7	Tiêu chuẩn 7: Các hoạt động đào tạo được thực hiện theo mục tiêu, nội dung chương trình đào tạo đã được phê duyệt; có sự phối hợp với đơn vị sử dụng lao động trong việc tổ chức, hướng dẫn cho người học thực hành, thực tập các ngành, nghề tại đơn vị sử dụng lao động; thực hiện theo quy định đặc thù của ngành nếu có.	1	1
2.8	Tiêu chuẩn 8: Phương pháp đào tạo được thực hiện kết hợp rèn luyện năng lực thực hành với trang bị kiến thức chuyên môn; phát huy tính tích cực, tự giác, năng động, khả năng làm việc độc lập của người học, tổ chức làm việc theo nhóm.	1	1
2.9	Tiêu chuẩn 9: Trường thực hiện ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động dạy và học.	1	1
2.10	Tiêu chuẩn 10: Hằng năm, trường có kế hoạch và tổ chức kiểm tra, giám sát hoạt động dạy và học theo đúng kế hoạch.	1	1
2.11	Tiêu chuẩn 11: Hằng năm, trường có báo cáo kết quả kiểm	1	0

	tra, giám sát hoạt động dạy và học; có đề xuất các biện pháp nâng cao chất lượng hoạt động dạy và học; kịp thời điều chỉnh các hoạt động dạy và học theo đề xuất nếu cần thiết.		
2.12	Tiêu chuẩn 12: Trường ban hành đầy đủ các quy định về kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp, đánh giá kết quả học tập, rèn luyện, cấp văn bằng, chứng chỉ theo quy định.	1	1
2.13	Tiêu chuẩn 13: Trong quá trình đánh giá kết quả học tập của người học có sự tham gia của đơn vị sử dụng lao động và theo quy định đặc thù của ngành nếu có.	1	1
2.14	Tiêu chuẩn 14: Tổ chức thực hiện kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp, đánh giá kết quả học tập, rèn luyện, cấp văn bằng, chứng chỉ theo quy định đảm bảo nghiêm túc, khách quan.	1	1
2.15	Tiêu chuẩn 15: Hằng năm, trường thực hiện rà soát các quy định về kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp, đánh giá kết quả học tập, rèn luyện, cấp văn bằng, chứng chỉ và kịp thời điều chỉnh nếu cần thiết.	1	0
2.16	Tiêu chuẩn 16: Trường có hướng dẫn và tổ chức thực hiện về đào tạo liên thông theo quy định.	1	1
2.17	Tiêu chuẩn 17: Trường có cơ sở dữ liệu về các hoạt động đào tạo và tổ chức quản lý, sử dụng hiệu quả	1	1
3	Tiêu chí 3 - Nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức và người lao động	15	14
3.1	Tiêu chuẩn 1: Có quy định về việc tuyển dụng, sử dụng, quy hoạch, bồi dưỡng, đánh giá, phân loại nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức và người lao động theo quy định.	1	1
3.2	Tiêu chuẩn 2: Tổ chức thực hiện tuyển dụng, sử dụng, quy hoạch, bồi dưỡng, đánh giá, phân loại nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức và người lao động theo quy định, đảm bảo công khai, minh bạch, khách quan; thực hiện đầy đủ	1	1

	chính sách, chế độ cho nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức, người lao động theo quy định.		
3.3	Tiêu chuẩn 3: Đội ngũ nhà giáo của trường tham gia giảng dạy đạt chuẩn về chuyên môn, nghiệp vụ và các tiêu chuẩn hiện hành khác nếu có.	1	1
3.4	Tiêu chuẩn 4: Nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức và người lao động thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định và không vi phạm quy chế, nội quy và quy định của trường.	1	1
3.5	Tiêu chuẩn 5: Trường có đội ngũ nhà giáo đảm bảo tỷ lệ quy đổi; số lượng nhà giáo cơ hữu đảm nhận khối lượng chương trình mỗi ngành, nghề đào tạo theo quy định; trường đảm bảo tỷ lệ nhà giáo có trình độ sau đại học theo quy định.	1	0
3.6	Tiêu chuẩn 6: Nhà giáo giảng dạy theo nội dung, mục tiêu của chương trình đào tạo và thực hiện đầy đủ các yêu cầu của chương trình đào tạo.	1	1
3.7	Tiêu chuẩn 7: Trường có chính sách, biện pháp và thực hiện các chính sách, biện pháp khuyến khích nhà giáo học tập và tự bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, đổi mới phương pháp giảng dạy.	1	1
3.8	Tiêu chuẩn 8: Hằng năm, trường có kế hoạch và triển khai kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ và phương pháp giảng dạy cho đội ngũ nhà giáo.	1	1
3.9	Tiêu chuẩn 9: Nhà giáo được bồi dưỡng, thực tập tại đơn vị sử dụng lao động để cập nhật kiến thức, công nghệ, phương pháp tổ chức quản lý sản xuất theo quy định và thực hiện theo quy định đặc thù của ngành nếu có.	1	1
3.10	Tiêu chuẩn 10: Hằng năm, trường thực hiện tổng kết, đánh giá hiệu quả công tác đào tạo, bồi dưỡng đối với đội ngũ nhà giáo.	1	1

3.11	Tiêu chuẩn 11: Hiệu trưởng, phó hiệu trưởng của trường đáp ứng các tiêu chuẩn theo quy định và thực hiện đúng quyền hạn, trách nhiệm được giao.	1	1
3.12	Tiêu chuẩn 12: Đội ngũ cán bộ quản lý của các đơn vị thuộc trường được bổ nhiệm, miễn nhiệm theo quy định.	1	1
3.13	Tiêu chuẩn 13: Đội ngũ cán bộ quản lý của trường đạt chuẩn về chuyên môn, nghiệp vụ; thực hiện đúng quyền hạn và nhiệm vụ được giao.	1	1
3.14	Tiêu chuẩn 14: Hằng năm, trường có kế hoạch và triển khai kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ quản lý.	1	1
3.15	Tiêu chuẩn 15: Đội ngũ viên chức, người lao động của trường đủ số lượng, có năng lực chuyên môn đáp ứng yêu cầu công việc được giao, được định kỳ bồi dưỡng nâng cao trình độ.	1	1
4	4. Tiêu chí 4 - Chương trình, giáo trình	15	14
4.1	Tiêu chuẩn 1: Có đầy đủ chương trình đào tạo các chuyên ngành hoặc nghề mà trường đào tạo.	1	1
4.2	Tiêu chuẩn 2: 100% chương trình đào tạo được xây dựng hoặc lựa chọn theo quy định.	1	1
4.3	Tiêu chuẩn 3: Chương trình đào tạo của trường thể hiện được mục tiêu đào tạo của trình độ tương ứng; quy định chuẩn kiến thức, kỹ năng của người học đạt được sau tốt nghiệp; phạm vi và cấu trúc nội dung, phương pháp và hình thức đào tạo; cách thức đánh giá kết quả học tập đối với từng mô đun, môn học, từng chuyên ngành hoặc nghề và từng trình độ theo quy định.	1	1
4.4	Tiêu chuẩn 4: Chương trình đào tạo được xây dựng có sự tham gia của nhà giáo, cán bộ quản lý giáo dục nghề nghiệp, cán bộ khoa học kỹ thuật của đơn vị sử dụng lao động; thực hiện theo quy định đặc thù của ngành nếu có.	1	1

4.5	Tiêu chuẩn 5: Chương trình đào tạo đảm bảo tính thực tiễn và đáp ứng sự thay đổi của thị trường lao động.	1	0
4.6	Tiêu chuẩn 6: Chương trình đào tạo được xây dựng bảo đảm việc liên thông giữa các trình độ giáo dục nghề nghiệp với các trình độ đào tạo khác trong hệ thống giáo dục quốc dân theo quy định.	1	1
4.7	Tiêu chuẩn 7: Ít nhất 3 năm 1 lần trường thực hiện đánh giá, cập nhật và điều chỉnh nếu có đối với chương trình đào tạo đã ban hành.	1	1
4.8	Tiêu chuẩn 8: Chính sửa, bổ sung chương trình đào tạo có cập nhật những thành tựu khoa học công nghệ tiên tiến liên quan đến ngành, nghề đào tạo hoặc tham khảo các chương trình đào tạo tương ứng của nước ngoài.	1	1
4.9	Tiêu chuẩn 9: Trước khi tổ chức đào tạo liên thông, trường căn cứ chương trình đào tạo, thực hiện rà soát các mô đun, tín chỉ, môn học và có quyết định đối với các mô đun, tín chỉ, môn học mà người học không phải học để đảm bảo quyền lợi của người học.	1	1
4.10	Tiêu chuẩn 10: Có đủ giáo trình cho các mô đun, môn học của từng chương trình đào tạo.	1	1
4.11	Tiêu chuẩn 11: 100% giáo trình đào tạo được xây dựng hoặc lựa chọn theo quy định để làm tài liệu giảng dạy, học tập chính thức.	1	1
4.12	Tiêu chuẩn 12: Giáo trình đào tạo cụ thể hóa yêu cầu về nội dung kiến thức, kỹ năng của từng mô đun, môn học trong chương trình đào tạo.	1	1
4.13	Tiêu chuẩn 13: Giáo trình đào tạo tạo điều kiện để thực hiện phương pháp dạy học tích cực.	1	1
4.14	Tiêu chuẩn 14: Hằng năm, trường thực hiện việc lấy ý kiến của nhà giáo, cán bộ quản lý, cán bộ khoa học kỹ thuật của đơn vị sử dụng lao động, người tốt nghiệp về mức độ phù	1	1

	hợp của giáo trình đào tạo; thực hiện theo quy định đặc thù của ngành nếu có.		
4.15	Tiêu chuẩn 15: Khi có sự thay đổi về chương trình đào tạo, trường thực hiện đánh giá, cập nhật và điều chỉnh nếu có đối với giáo trình đào tạo đảm bảo yêu cầu theo quy định.	1	1
5	Tiêu chí 5 - Cơ sở vật chất, thiết bị đào tạo và thư viện	15	13
5.1	Tiêu chuẩn 1: Địa điểm xây dựng trường phù hợp với quy hoạch chung của khu vực và mạng lưới các cơ sở giáo dục nghề nghiệp, khu đất xây dựng cần đảm bảo yên tĩnh cho việc giảng dạy và học tập; giao thông thuận tiện và an toàn; thuận tiện cho việc cung cấp điện, nước, đảm bảo khoảng cách đối với các xí nghiệp công nghiệp thải ra chất độc hại; thực hiện theo quy định đặc thù của ngành nếu có.	1	1
5.2	Tiêu chuẩn 2: Quy hoạch tổng thể mặt bằng khuôn viên hợp lý, phù hợp với công năng và các yêu cầu giao thông nội bộ, kiến trúc và môi trường sư phạm; diện tích đất sử dụng, diện tích cây xanh đảm bảo theo quy định.	1	1
5.3	Tiêu chuẩn 3: Có đủ các khu vực phục vụ hoạt động của trường theo tiêu chuẩn: khu học tập và nghiên cứu khoa học (phòng học lý thuyết, phòng học thực hành, phòng thí nghiệm và phòng học chuyên môn); khu thực hành (xưởng thực hành, thực tập, trại trường, vườn thí nghiệm); khu vực rèn luyện thể chất; khu hành chính quản trị, phụ trợ và khu phục vụ sinh hoạt cho người học và nhà giáo.	1	1
5.4	Tiêu chuẩn 4: Hệ thống hạ tầng kỹ thuật của trường (đường giao thông nội bộ; hệ thống điện; cấp thoát nước, xử lý nước thải, chất thải; thông gió; phòng cháy chữa cháy) theo quy chuẩn và đáp ứng nhu cầu đào tạo, sản xuất, dịch vụ, sinh hoạt; được bảo trì, bảo dưỡng theo quy định.	1	1
5.5	Tiêu chuẩn 5: Phòng học, phòng thí nghiệm, xưởng thực hành, phòng học chuyên môn hóa bảo đảm quy chuẩn xây	1	1

	dụng, tiêu chuẩn cơ sở vật chất hiện hành và các yêu cầu công nghệ của thiết bị đào tạo.		
5.6	Tiêu chuẩn 6: Trường có quy định về quản lý, sử dụng, bảo trì, bảo dưỡng thiết bị đào tạo.	1	1
5.7	Tiêu chuẩn 7: Phòng học, giảng đường, phòng thí nghiệm, xưởng thực hành, phòng học chuyên môn hóa được sử dụng theo quy định hiện hành.	1	1
5.8	Tiêu chuẩn 8: Thiết bị đào tạo đáp ứng danh mục và tiêu chuẩn thiết bị tối thiểu theo yêu cầu đào tạo của từng trình độ đào tạo theo chuyên ngành hoặc nghề do cơ quan quản lý nhà nước về giáo dục nghề nghiệp ở trung ương quy định. Đối với các chuyên ngành hoặc nghề mà cơ quan quản lý nhà nước về giáo dục nghề nghiệp ở trung ương chưa ban hành danh mục và tiêu chuẩn thiết bị tối thiểu thì trường đảm bảo thiết bị đào tạo đáp ứng yêu cầu chương trình đào tạo, tương ứng quy mô đào tạo của chuyên ngành hoặc nghề đó.	1	1
5.9	Tiêu chuẩn 9: Thiết bị, dụng cụ phục vụ đào tạo được bố trí hợp lý, an toàn, thuận tiện cho việc đi lại, vận hành, bảo dưỡng và tổ chức hướng dẫn thực hành; đảm bảo các yêu cầu sư phạm, an toàn vệ sinh công nghiệp, vệ sinh môi trường.	1	1
5.10	Tiêu chuẩn 10: Trường có quy định về quản lý, sử dụng, bảo trì, bảo dưỡng thiết bị đào tạo, trong đó có quy định về việc định kỳ đánh giá và đề xuất biện pháp nâng cao hiệu quả sử dụng thiết bị đào tạo.	1	1
5.11	Tiêu chuẩn 11: Thiết bị đào tạo có hồ sơ quản lý rõ ràng, được sử dụng đúng công năng, quản lý, bảo trì, bảo dưỡng theo quy định của trường và nhà sản xuất; hàng năm đánh giá và đề xuất biện pháp nâng cao hiệu quả sử dụng theo quy định.	1	1

5.12	Tiêu chuẩn 12: Trường có định mức tiêu hao vật tư hoặc định mức kinh tế - kỹ thuật trong đào tạo và có quy định về quản lý, cấp phát, sử dụng vật tư, phục vụ đào tạo; tổ chức thực hiện theo quy định đảm bảo kịp thời, đáp ứng kế hoạch và tiến độ đào tạo; vật tư được bố trí sắp xếp gọn gàng, ngăn nắp thuận tiện cho việc bảo quản và sử dụng.	1	1
5.13	Tiêu chuẩn 13: Trường có thư viện bao gồm phòng đọc, phòng lưu trữ bảo đảm theo tiêu chuẩn thiết kế. Thư viện có đủ chương trình, giáo trình đã được trường phê duyệt, mỗi loại giáo trình đảm bảo tối thiểu 05 bản in.	1	1
5.14	Tiêu chuẩn 14: Tổ chức hoạt động, hình thức phục vụ của thư viện trường phù hợp với nhu cầu tra cứu của cán bộ quản lý, nhà giáo và người học.	1	0
5.15	Tiêu chuẩn 15: Trường có thư viện điện tử, có phòng máy tính đáp ứng nhu cầu tra cứu, truy cập thông tin của nhà giáo và người học; các giáo trình, tài liệu tham khảo của trường được số hóa và tích hợp với thư viện điện tử phục vụ hiệu quả cho hoạt động đào tạo.	1	0
6	Tiêu chí 6 - Nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ và hợp tác quốc tế	5	4
6.1	Tiêu chuẩn 1: Trường có chính sách và thực hiện các chính sách khuyến khích cán bộ quản lý, nhà giáo và nhân viên tham gia nghiên cứu khoa học, sáng kiến cải tiến và chuyển giao công nghệ nhằm nâng cao hiệu quả, chất lượng đào tạo.	1	1
6.2	Tiêu chuẩn 2: Hằng năm, trường có đề tài nghiên cứu khoa học, sáng kiến cải tiến từ cấp trường trở lên phục vụ thiết thực công tác đào tạo của trường (ít nhất 01 đề tài nghiên cứu khoa học, sáng kiến cải tiến đối với trường trung cấp, ít nhất 02 đề tài nghiên cứu khoa học, sáng kiến cải tiến đối với trường cao đẳng).	1	1

6.3	Tiêu chuẩn 3: Hằng năm, trường có các bài báo, ấn phẩm của nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức, người lao động đăng trên các báo, tạp chí khoa học ở trong nước hoặc quốc tế.	1	1
6.4	Tiêu chuẩn 4: Các đề tài nghiên cứu khoa học, sáng kiến cải tiến của trường được ứng dụng thực tiễn.	1	1
6.5	Tiêu chuẩn 5: Có liên kết đào tạo hoặc triển khai các hoạt động, hợp tác với các trường nước ngoài hoặc các tổ chức quốc tế; các hoạt động hợp tác quốc tế góp phần nâng cao chất lượng đào tạo của trường.	1	0
7	Tiêu chí 7 - Quản lý tài chính	6	6
7.1	Tiêu chuẩn 1: Trường có quy định về quản lý, sử dụng, thanh quyết toán về tài chính theo quy định và công bố công khai.	1	1
7.2	Tiêu chuẩn 2: Quản lý, sử dụng các nguồn thu từ hoạt động dịch vụ đào tạo; tham gia sản xuất, kinh doanh, dịch vụ đúng theo quy định.	1	1
7.3	Tiêu chuẩn 3: Trường có các nguồn lực về tài chính đảm bảo đủ kinh phí phục vụ các hoạt động, của trường.	1	1
7.4	Tiêu chuẩn 4: Thực hiện việc quản lý, sử dụng và thanh quyết toán đúng quy định.	1	1
7.5	Tiêu chuẩn 5: Thực hiện công tác tự kiểm tra tài chính kế toán; thực hiện kiểm toán theo quy định; xử lý, khắc phục kịp thời các vấn đề còn vướng mắc trong việc thực hiện các quy định về quản lý và sử dụng tài chính khi có kết luận của các cơ quan có thẩm quyền; thực hiện công khai tài chính theo quy định.	1	1
7.6	Tiêu chuẩn 6: Hằng năm, trường có đánh giá hiệu quả sử dụng nguồn tài chính của trường; có các biện pháp nâng cao hiệu quả quản lý và sử dụng tài chính nhằm nâng cao chất lượng các hoạt động của trường.	1	1

8	Tiêu chí 8 - Dịch vụ người học	9	8
8.1	Tiêu chuẩn 1: Người học được cung cấp đầy đủ thông tin về mục tiêu, chương trình đào tạo; quy chế kiểm tra, thi và xét công nhận tốt nghiệp; nội quy, quy chế của trường; các chế độ, chính sách hiện hành đối với người học; các điều kiện đảm bảo chất lượng dạy và học theo quy định.	1	1
8.2	Tiêu chuẩn 2: Người học được hưởng các chế độ, chính sách theo quy định.	1	1
8.3	Tiêu chuẩn 3: Có chính sách và thực hiện chính sách khen thưởng, khuyến khích kịp thời đối với người học đạt kết quả cao trong học tập, rèn luyện. Người học được hỗ trợ kịp thời trong quá trình học tập tại trường để hoàn thành nhiệm vụ học tập.	1	1
8.4	Tiêu chuẩn 4: Người học được tôn trọng và đối xử bình đẳng, không phân biệt giới tính, tôn giáo, nguồn gốc xuất thân.	1	1
8.5	Tiêu chuẩn 5: Ký túc xá đảm bảo đủ diện tích nhà ở và các điều kiện tối thiểu (chỗ ở, điện, nước, vệ sinh, các tiện nghi khác) cho sinh hoạt và học tập của người học.	1	1
8.6	Tiêu chuẩn 6: Có dịch vụ y tế chăm sóc và bảo vệ sức khỏe; dịch vụ ăn uống của trường đáp ứng nhu cầu của người học và đảm bảo an toàn vệ sinh thực phẩm.	1	1
8.7	Tiêu chuẩn 7: Người học được tạo điều kiện hoạt động, tập luyện văn nghệ, thể dục thể thao, tham gia các hoạt động xã hội; được đảm bảo an toàn trong khuôn viên trường.	1	1
8.8	Tiêu chuẩn 8: Trường thực hiện việc tư vấn việc làm cho người học sau khi tốt nghiệp.	1	0
8.9	Tiêu chuẩn 9: Hằng năm, trường tổ chức hoặc phối hợp tổ chức hội chợ việc làm để người học tiếp xúc với các nhà tuyển dụng.	1	1
9	Tiêu chí 9 - Giám sát, đánh giá chất lượng	6	5

9.1	Tiêu chuẩn 1: Hằng năm, thu thập ý kiến tối thiểu 10 đơn vị sử dụng lao động về mức độ đáp ứng của người tốt nghiệp làm việc tại đơn vị sử dụng lao động.	1	1
9.2	Tiêu chuẩn 2: Hằng năm, thu thập ý kiến đánh giá tối thiểu 50% cán bộ quản lý, nhà giáo, viên chức và người lao động về các chính sách liên quan đến dạy và học, chính sách tuyển dụng, đào tạo, bồi dưỡng, đánh giá, phân loại, bổ nhiệm cán bộ quản lý, nhà giáo, viên chức và người lao động	1	1
9.3	Tiêu chuẩn 3: Hằng năm, thu thập ý kiến đánh giá tối thiểu 30% người học đại diện các ngành, nghề đào tạo về chất lượng, hiệu quả của các hình thức, phương thức đào tạo; chất lượng dịch vụ, giảng dạy và việc thực hiện chính sách liên quan đến người học của trường.	1	1
9.4	Tiêu chuẩn 4: Trường thực hiện hoạt động tự đánh giá chất lượng và kiểm định chất lượng theo quy định.	1	1
9.5	Tiêu chuẩn 5: Hằng năm, trường có kế hoạch cụ thể và các biện pháp thực hiện việc cải thiện, nâng cao chất lượng đào tạo trên cơ sở kết quả tự đánh giá và kết quả đánh giá ngoài nếu có.	1	1
9.6	Tiêu chuẩn 6: Trường có tỷ lệ 80% người học có việc làm phù hợp với chuyên ngành hoặc nghề đào tạo sau 6 tháng kể từ khi tốt nghiệp	1	0

3.2. Tự đánh giá theo từng tiêu chí, tiêu chuẩn

3.2.1. Tiêu chí 1 - Mục tiêu, sứ mạng, tổ chức và quản lý

Đánh giá tổng quát tiêu chí 1:

Trường Cao đẳng Công nghiệp Cao su với hơn 45 năm xây dựng và phát triển, với bề dày kinh nghiệm trong công tác đào tạo nghề. Trường thực hiện mô hình đào tạo đa cấp, đa ngành, đa lĩnh vực; với phương châm giúp người học có thể dễ dàng chọn lựa ngành nghề phù hợp với khả năng học tập và ứng dụng vào công việc. Trường là cầu nối giữa nhà khoa học với người công nhân; đội ngũ khoa học kỹ thuật với các công ty, doanh nghiệp, nhà máy trong Tập đoàn, trong tỉnh và khu vực.

Trong Quy chế tổ chức và hoạt động của Nhà trường được ban hành kèm theo Quyết định số 200 ngày 15 tháng 05 năm 2023 của Trường Cao Đẳng Công Nghiệp Cao Su. Trong đó đã xác định: “Trường Cao Đẳng Công Nghiệp Cao Su đào tạo nhân lực giáo dục nghề nghiệp phục vụ thời kỳ hội nhập của đất nước và của ngành cao su Việt Nam, coi trọng đào tạo kiến thức mới và kỹ năng chuyên sâu để đáp ứng nhu cầu của người học, doanh nghiệp và xã hội. Các ngành nghề đào tạo chủ yếu sau: Trồng trọt – Bảo vệ thực vật; Kỹ thuật cao su; Điện Công nghiệp & Dân dụng; Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí; Tin học ứng dụng, Công nghệ thông tin, Kế toán – Tin học; Kế toán Doanh nghiệp, Công nghệ ô tô”

Qua từng giai đoạn phát triển, mục tiêu, nhiệm vụ, chiến lược phát triển của Trường không ngừng được điều chỉnh phù hợp với điều kiện thực tế, phù hợp với yêu cầu phát triển kinh tế xã hội của địa phương và nhu cầu của các đơn vị sử dụng lao động, nhằm từng bước nâng cao chất lượng đào tạo, góp phần cung cấp dịch vụ đào tạo đa ngành, đa cấp có chất lượng cao, đáp ứng nguồn nhân lực phục vụ cho sự phát triển KTXH của ngành cao su và của địa phương, góp phần vào sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

**** Những điểm mạnh:***

Trường CĐCNCS có đủ các quyết định thành lập trường được các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt và đã đề ra mục tiêu, sứ mạng một cách rõ ràng phù hợp với từng giai đoạn phát triển. Căn cứ vào định hướng phát triển kinh tế xã hội của ngành Cao su và tỉnh Bình Phước, của Bộ Giáo dục và Đào tạo và của Bộ LĐ-TB&XH, nhà trường đã xây dựng kế hoạch phát triển giai đoạn 2020-2025 và định hướng phát triển đến năm 2030. Trong kế hoạch phát triển trường đến năm 2030, Nhà trường đặt ra mục tiêu xây dựng Trường CĐCNCS trở thành trường trọng điểm và có uy tín về đào tạo nguồn nhân lực có chất lượng đa cấp, đa ngành trình độ đại học và cao đẳng trọng điểm ở khu vực Miền đông Nam bộ. Được sự quan tâm chỉ đạo của Tập đoàn Công nghiệp Cao su sứ mạng của Nhà trường đã được điều chỉnh, phù hợp với chức năng, nhiệm vụ và các nguồn lực của Trường, luôn gắn kết với chiến lược phát triển của ngành và chiến lược phát triển kinh tế xã hội của ngành, địa phương và của cả nước trong lĩnh vực đào tạo, phát triển nguồn nhân lực có chất lượng cao cho ngành, địa phương và cả nước.

**** Những tồn tại:***

Nhà trường nhận thấy đã thực hiện đầy đủ những điều kiện đề ra, tuy nhiên trong từng giai đoạn, kế hoạch phát triển của nhà trường chưa thật sự gắn kết chặt chẽ với mục tiêu đã xác định ngay từ đầu.

*** Kế hoạch nâng cao chất lượng:**

Năm học 2023-2024, Đảng ủy, Ban Giám hiệu có nhiều kế hoạch nâng cao chất lượng. Nhà trường đã hoạch định các công việc sau: Xây dựng mục tiêu và nhiệm vụ theo tiêu chí trường chất lượng cao. Đào tạo bồi dưỡng giáo viên, cán bộ quản lý; xây dựng chương trình, giáo trình, đầu tư xây dựng cơ sở vật chất và trang thiết bị để đào tạo nguồn nhân lực đạt chuẩn khu vực và quốc gia.

Thành lập Hội đồng trường theo đúng quy định và thực hiện chức năng giám sát các hoạt động của nhà trường đảm bảo không ngừng nâng cao chất lượng đào tạo;

Các Phòng chức năng và Khoa chuyên môn hoạt động theo chức năng, nhiệm vụ, lập kế hoạch nâng cao chất lượng đào tạo;

Phòng Thanh tra – Bảo vệ tăng cường công tác thanh, kiểm tra, tham mưu Ban Giám hiệu kịp thời;

Phòng Công tác sinh viên tiến hành khảo sát các nhà tuyển dụng, Doanh nghiệp về mức độ đáp ứng của người học với các công việc đang đảm trách;

Trong quá trình xây dựng và phát triển, Nhà trường sẽ định kỳ rà soát, bổ sung mục tiêu, sứ mạng, tổ chức và quản lý cho phù hợp với từng giai đoạn phát triển, hướng tới việc đảm bảo các điều kiện trường cao đẳng đào tạo nghề chất lượng cao.

Điểm đánh giá tiêu chí 1:

Tiêu chí, tiêu chuẩn	Điểm tự đánh giá
Tiêu chí 1	11
Tiêu chuẩn 1	1
Tiêu chuẩn 2	1
Tiêu chuẩn 3	1
Tiêu chuẩn 4	1
Tiêu chuẩn 5	1
Tiêu chuẩn 6	0
Tiêu chuẩn 7	1

Tiêu chuẩn 8	1
Tiêu chuẩn 9	1
Tiêu chuẩn 10	1
Tiêu chuẩn 11	1
Tiêu chuẩn 12	1

Tiêu chuẩn 1: Mục tiêu và sứ mạng của trường được xác định cụ thể, phù hợp với chức năng, nhiệm vụ, thể hiện được vai trò của trường trong việc đáp ứng nhu cầu sử dụng nhân lực của địa phương, ngành và được công bố công khai.

Ngay từ khi mới thành lập, cùng với Quyết định số 424/QĐ - BGDĐT ngày 24/01/2008 của Bộ Giáo dục và Đào tạo, Nhà trường đã xác định mục tiêu đào tạo nguồn lực kỹ thuật cao có năng lực thực hành, đáp ứng yêu cầu sử dụng nhân lực của địa phương, ngành cao su nói riêng và của thị trường lao động trong nước nói chung; có đạo đức, có tri thức, có ý thức kỷ luật, tác phong công nghiệp, lao động sáng tạo và có năng lực hợp tác. (***1.1.01-Quyết định 424/QĐ-BGDĐT ngày 24/1/2008 về việc thành lập Trường***). Sứ mạng và mục tiêu của nhà trường còn được xác định cụ thể trong các văn bản quan trọng như quy chế tổ chức và hoạt động (***1.1.02-Quyết định số 387/QĐ-CĐCS ngày 21/10/2021 ban hành Quy chế tổ chức hoạt động Trường CĐ Công nghiệp Cao su; Quyết định số 200/QĐ-CĐCS ngày 15/5/2023 ban hành Quy chế tổ chức hoạt động Trường CĐ Công nghiệp Cao su***). Sứ mạng và mục tiêu của nhà trường còn được xác định cụ thể trong Đề án hoạt động của nhà trường giai đoạn 2021-2025 trình Tập đoàn (***1.1.03-Tờ trình số 570/TTr-CĐCS ngày 01/12/2020 về Đề án hoạt động của Trường giai đoạn 2021-2025***).

Mục tiêu và sứ mạng của nhà trường được xác định phù hợp với chức năng nhiệm vụ và phù hợp với nhu cầu phát triển nguồn nhân lực của Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam (***1.1.04-Quyết định số 2090/QĐ-TTg ngày 26/12/2017 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Phương án cổ phần hoá Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam***). Mục tiêu và sứ mạng của nhà trường được xác định phù hợp với chức năng nhiệm vụ và phù hợp với nhu cầu phát triển nguồn nhân lực của tỉnh Bình Phước đó là góp phần nâng cao tỷ lệ lao động qua đào tạo có trình độ cao đẳng trở xuống cho địa phương (***1.1.05-Kế hoạch 358/KH-UBND ngày 30/12/2022 của UBND tỉnh Bình Phước về phát triển GDNN đến 2030, tầm nhìn đến 2045; Kết luận 374-KL-TU ngày 25/6/2022 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về thu hút, chuyển đổi cơ cấu và nâng cao chất***

lượng nguồn lao động trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2021 - 2025, định hướng đến năm 2030).

Mục tiêu và sứ mạng của Trường những năm qua đã được công bố rộng rãi trên các phương tiện thông tin đại chúng như trong nội dung trên Website của trường (**1.1.06-Website: ric.edu.vn**)

Mục tiêu, sứ mạng của nhà trường đã phù hợp với chức năng, nhiệm vụ và đáp ứng được nhu cầu sử dụng nhân lực của địa phương và của ngành cao su (**1.1.07-Kết quả khảo sát của nhà giáo và cán bộ quản lý**).

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 1, tiêu chí 1: 01 điểm

Tiêu chuẩn 2: Trường thực hiện phân tích, đánh giá nhu cầu sử dụng nhân lực của địa phương hoặc ngành để xác định các ngành, nghề đào tạo và quy mô đào tạo phù hợp.

Trường Cao đẳng Công nghiệp Cao su là trường thuộc Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam, có chức năng đào tạo nguồn nhân lực phục vụ ngành Cao su Việt Nam. Ngoài ra nhà trường đứng chân trên địa bàn tỉnh Bình Phước nên còn có nhiệm vụ đào tạo nguồn nhân lực cho địa phương, góp phần nâng cao tỷ lệ lao động qua đào tạo của tỉnh. Chính vì thế mà các chương trình đào tạo của nhà trường đều gắn với nhiệm vụ phát triển của Ngành cao su và tỉnh Bình Phước. Hiện nay nhà trường đang đào tạo 10 nghề trình độ Cao đẳng, 11 nghề trình độ Trung cấp và 27 nghề trình độ Sơ cấp (**1.2.01- Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp của Tổng cục trưởng Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp: Số 389/2017/GCNĐKHHĐ-TCGDNN ngày 14 tháng 11 năm 2017; Số 5/2019/GCNĐKHHĐ-TCGDNN ngày 30 tháng 5 năm 2019; Số 90/2019/GCNĐKHHĐ-TCGDNN ngày 16 tháng 09 năm 2019; Số 90a/2019/GCNĐKBS-TCGDNN ngày 03 tháng 6 năm 2021**).

Các nghề đào tạo của nhà trường đáp ứng nhu cầu nhân lực của Ngành và của địa phương. Các nghề nhà trường đang đào tạo dựa trên định hướng phát triển ngành nghề và kế hoạch đào tạo nghề hiện tại của tỉnh Bình Phước (**1.1.05-Kế hoạch số 358/KH-UBND ngày 05/12/2022 của UBND tỉnh Bình Phước về phát triển GDNN trên địa bàn tỉnh Bình Phước đến năm 2030, tầm nhìn đến 2045**)

Các chương trình đào tạo của nhà trường đều được phân tích, đánh giá nhu cầu sử dụng nhân lực của Ngành cao su và của tỉnh Bình Phước để xác định quy mô tuyển sinh hàng năm (**1.2.02 - Quyết định số 594/QĐ-UBND ngày 14/4/2023 của UBND tỉnh**

Bình Phước ban hành danh mục nghề đào tạo trình độ Sơ cấp trên địa bàn tỉnh; 1.2.03 – Kế hoạch số 323/KH-UBND ngày 22/10/2023 về Thực hiện Kế hoạch số 178-KH/TU ngày 22/8/2023 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về thực hiện Chỉ thị số 21-CT/TW ngày 04/5/2023 của Ban Bí thư Trung ương Đảng về tiếp tục đổi mới, phát triển và nâng cao chất lượng giáo dục nghề nghiệp đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 trên địa bàn tỉnh).

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 2 tiêu chí 1: 01 điểm

Tiêu chuẩn 3: Trường ban hành văn bản quy định về tổ chức và quản lý theo hướng đảm bảo quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm của các đơn vị trong trường theo quy định.

Trường Cao đẳng Công nghiệp Cao su hoạt động theo mô hình tự chủ, tự chịu trách nhiệm về thực hiện nhiệm vụ, tổ chức, bộ máy, biên chế và tài chính. Vì thế quy chế tổ chức và hoạt động của nhà trường được ban hành rất chi tiết, cụ thể về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của các đơn vị. Quy chế còn được rà soát sửa đổi, bổ sung thường xuyên (***1.1.02-Quyết định số 387/QĐ-CĐCS ngày 21/10/2021 ban hành Quy chế tổ chức hoạt động Trường CĐ Công nghiệp Cao su; Quyết định số 200/QĐ-CĐCS ngày 15/5/2023 ban hành Quy chế tổ chức hoạt động Trường CĐ Công nghiệp Cao su***).

Theo mô hình hoạt động tự chủ nên hàng năm nhà trường đều tiến hành giao Kế hoạch cho các Khoa/Trung tâm có nguồn thu để đảm bảo chủ động của các đơn vị, góp phần cùng nhà trường triển khai phương án hoạt động tự chủ (***1.3.01-Các quyết định giao chỉ tiêu KH năm 2021, 2022, 2023 cho các đơn vị***).

Việc thực hiện các quy định đảm bảo quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm còn thể hiện cụ thể trong quy chế chi tiêu nội bộ. Đó là các đơn vị được giao chỉ tiêu, nếu thu vượt hoặc mở được lớp sẽ có chính sách thưởng, khuyến khích, hỗ trợ cho đơn vị khi mở lớp (***1.3.02-Quyết định số 87/QĐ-CĐCS năm 2021; 132/QĐ-CĐCS ngày 13/4/2022 ban hành Quy chế chi tiêu nội bộ năm 2022; Quyết định số 207/QĐ-CĐCS ngày 17/05/2023 ban hành Quy chế chi tiêu nội bộ năm 2023***).

Hoạt động tự chủ, tự chịu trách nhiệm của nhà trường còn có được thể hiện cụ thể nhất trong quy chế trả lương. Theo quy chế trả lương thì các đơn vị ngoài hưởng tiền lương theo hệ số và tiền lương tối thiểu vùng còn được hưởng tiền lương theo năng suất lao động. Điều này thể hiện rõ cơ chế tự chủ trong tiền lương khi nhà trường

hoạt động theo mô hình tự chủ (**1.3.03-** Quyết định số 160/QĐ-CĐCS năm 2021; số 273/QĐ-CĐCS năm 2022; số 202/QĐ-CĐCS năm 2023 về việc ban hành Quy chế trả lương năm 2021; 2022; 2023).

Các văn bản quy định đảm bảo quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm của các đơn vị đã được cán bộ, cán bộ quản lý đánh giá là phù hợp với tình hình tự chủ của nhà trường (**1.3.04-Kết quả khảo sát ý kiến của nhà giáo và cán bộ quản lý**).

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 3, tiêu chí 1: 01 điểm

Tiêu chuẩn 4: Hàng năm, các văn bản quy định về tổ chức và quản lý của trường được rà soát, thực hiện điều chỉnh nếu cần thiết.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Hàng năm, Nhà trường tổ chức rà soát các văn bản quy định về tổ chức và quản lý của trường ban hành lần đầu.

Căn cứ Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Cao đẳng Công nghiệp Cao su có nêu rõ nhiệm vụ và quyền hạn của Ban Giám hiệu và các Phòng, Khoa, Trung tâm của trường. Các hoạt động, chế độ của cán bộ công nhân viên trong Nhà trường (**1.1.02-** Quyết định số 387/QĐ-CĐCS ngày 21/10/2021 ban hành Quy chế tổ chức hoạt động Trường CĐ Công nghiệp Cao su; Quyết định số 200/QĐ-CĐCS ngày 15/5/2023 ban hành Quy chế tổ chức hoạt động Trường CĐ Công nghiệp Cao su; **1.4.01** – Các quyết định thành lập Phòng, Khoa, Trung tâm và các đơn vị trực thuộc trong trường; **1.4.02** – Quyết định 169/QĐ-CĐCS năm 2018 về việc ban hành Quy chế dân chủ cơ sở; **1.4.03-** QĐ số 86/QĐ-CĐCS năm 2021; số 103/QĐ-CĐCS năm 2022; số 201/QĐ-CĐCS năm 2023 về việc ban hành Quy chế thi đua khen thưởng năm 2021, 2022, 2023; **1.3.02-**Quyết định số 87/QĐ-CĐCS năm 2021; 132/QĐ-CĐCS ngày 13/4/2022 ban hành Quy chế chi tiêu nội bộ năm 2022; Quyết định số 207/QĐ-CĐCS ngày 17/05/2023 ban hành Quy chế chi tiêu nội bộ năm 2023)

Trước khi tổ chức rà soát, điều chỉnh các quy chế hàng năm, Nhà trường đã tổ chức lấy ý kiến đóng góp của cán bộ viên chức trước khi ban hành Quy chế hoặc lấy ý kiến tại Hội nghị cán bộ viên chức và Người lao động hàng năm. (**1.4.04-** Quyết định 151/QĐ-CĐCS ngày 17/04/2023 về việc thành lập tổ thường trực rà soát các quy chế năm 2023; **1.4.05-** Các thông báo góp ý về việc rà soát các quy chế năm 2021, 2022, 2023; **1.4.06** Báo cáo tổng kết và phương hướng nhiệm vụ của Trường hàng các năm 2021, 2022; **1.4.07** – Biên bản Hội nghị cán bộ viên chức năm 2021, 2022, 2023), ...

từ đó rút kinh nghiệm để xây dựng, điều chỉnh Quy chế và các hoạt động hiệu quả cho năm tiếp theo.

Việc rà soát các văn bản quy định về tổ chức và quản lý đều đạt kết quả tích cực, các văn bản được điều chỉnh như Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường; quy chế thi đua khen thưởng; quy định về việc tuyển dụng, sử dụng, quy hoạch, bồi dưỡng, đánh giá, phân loại nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức và người lao động; chế độ công tác giáo viên...

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 4, tiêu chí 1: 01 điểm

Tiêu chuẩn 5: Các phòng, khoa, bộ môn và các đơn vị trực thuộc trường được phân công, phân cấp rõ ràng về chức năng, nhiệm vụ, phù hợp với cơ cấu ngành nghề, quy mô đào tạo và mục tiêu của trường.

Nhà trường có sự phân công, phân cấp từ Ban Giám hiệu đến các cấp Lãnh đạo Phòng, Khoa, Trung tâm là rõ ràng, đầy đủ thông qua các văn bản phân công nhiệm vụ Ban Giám hiệu, Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường quy định chức năng, nhiệm vụ của các phòng chức năng, các trung tâm, các khoa trực thuộc Trường. Hàng năm, Trường đều có sự điều chỉnh, bổ sung kịp thời về chức năng nhiệm vụ cho phù hợp với tình hình thực tế của đơn vị (***1.1.02- Quyết định số 387/QĐ-CĐCS ngày 21/10/2021 và Quyết định số 200/QĐ-CĐCS ngày 15/5/2023 của Hiệu trưởng nhà trường về việc Ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Cao đẳng Công nghiệp Cao su; 1.4.01 - Các quyết định thành lập Phòng, Khoa, Trung tâm và các đơn vị trực thuộc trong trường; 1.5.01 - Quyết định phân công nhiệm vụ BGH năm 2021, 2022, 2023; 1.2.01- Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp của Tổng cục trưởng Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp: Số 389/2017/GCNĐKHD-TCGDNN ngày 14 tháng 11 năm 2017; Số 45/2019/GCNĐKHD-TCGDNN ngày 30 tháng 5 năm 2019; Số 90a/2019/GCNĐKBS-TCGDNN ngày 03 tháng 6 năm 2021***)

Hàng năm, căn cứ vào hướng dẫn của nhà trường, các đơn vị đều có báo cáo tổng kết thực hiện nhiệm vụ và phương hướng hoạt động cho năm, năm học tiếp theo. Trong báo cáo, nhìn chung các đơn vị đều hoàn thành tốt các nhiệm vụ được giao, hoạt động theo đúng chức năng, nhiệm vụ của đơn vị mình (***1.5.02- Báo cáo tổng kết và phương hướng nhiệm vụ các đơn vị năm 2021, 2022; 1.4.06 Báo cáo tổng kết và phương hướng nhiệm vụ của Trường hàng các năm 2021, 2022***).

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 5, tiêu chí 1: 01 điểm

Tiêu chuẩn 6: Hội đồng trường hoặc hội đồng quản trị, các hội đồng tư vấn, các phòng, khoa, bộ môn và các đơn vị trực thuộc trường hoạt động đúng chức năng, nhiệm vụ theo quy định và có hiệu quả.

Hiện nay, nhà trường chưa có Hội đồng trường, hàng năm/nhiệm kỳ căn cứ theo quy chế tổ chức hoạt động của đơn vị, nhà trường đã thành lập các hội đồng tư vấn như Hội đồng Khoa học và Đào tạo, Hội đồng Thi đua và Khen thưởng, Hội đồng tuyển sinh, Hội đồng thi, xét tốt nghiệp ... để tư vấn, chỉ đạo các đơn vị thực hiện chức năng, nhiệm vụ được giao (***1.1.02- Quyết định số 387/QĐ-CĐCS ngày 21/10/2021 ban hành Quy chế tổ chức hoạt động Trường CĐ Công nghiệp Cao su; Quyết định số 200/QĐ-CĐCS ngày 15/5/2023 ban hành Quy chế tổ chức hoạt động Trường CĐ Công nghiệp Cao su; 1.6.01- Các Quyết định thành lập Hội đồng khoa học và đào tạo, Hội đồng thi đua khen thưởng, Hội đồng tuyển sinh, Hội đồng thi, xét tốt nghiệp ...***)

Căn cứ chức năng nhiệm vụ đã được quy định một cách cụ thể, rõ ràng, các đơn vị tiến hành xây dựng kế hoạch hoạt động của đơn vị mình theo từng năm, năm học, giai đoạn và hàng năm đều có báo cáo tổng kết công tác của đơn vị mình. (***1.4.01 - Các quyết định thành lập Phòng, Khoa, Trung tâm và các đơn vị trực thuộc trong trường; 1.5.02- Báo cáo tổng kết và phương hướng nhiệm vụ các đơn vị năm 2021, 2022***). Trên cơ sở báo cáo của các đơn vị, hàng năm nhà trường đều có báo cáo tổng kết năm học gửi cho cơ quan chủ quản cũng như các đơn vị trong toàn trường nhằm đánh giá lại hiệu quả công tác của từng năm học và đề ra phương hướng cho năm tiếp theo, đồng thời đánh giá xếp loại thi đua và đề nghị hình thức khen thưởng cho các đơn vị, cá nhân có thành tích xuất sắc (***1.4.06- Báo cáo tổng kết và phương hướng nhiệm vụ của Trường hàng các năm 2021, 2022; 1.6.02- Quyết định tặng giấy khen cho các tập thể và cá nhân nhà trường trong năm học 2020-2021, 2021-2022; 2022-2023***)

Nhà trường tự đánh giá chưa đạt yêu cầu của tiêu chuẩn.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 6, tiêu chí 1: 0 điểm

Tiêu chuẩn 7: Trường xây dựng và vận hành hệ thống đảm bảo chất lượng theo quy định

Căn cứ Thông tư số 28/2017/TT-BLĐT BXH ngày 15/12/2017 của Bộ trưởng Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội Quy định hệ thống bảo đảm chất lượng của cơ sở giáo dục nghề nghiệp;

Xác định hoạt động đảm bảo chất lượng trong nhà trường là một hoạt động quan trọng nhằm nâng cao chất lượng đào tạo, Hàng năm, trường đều thực hiện công tác tự đánh giá của trường (**1.7.01 – Chính sách chất lượng; 1.7.02 – Mục tiêu chất lượng; 1.7.03 – Sổ tay chất lượng; 1.7.04 – QĐ 469/QĐ-CĐCS, Ban hành hệ thống đảm bảo chất lượng năm 2021**)

Nhà trường duy trì và vận hành hệ thống đảm bảo chất lượng theo đúng quy định và thủ tục. Hàng năm nhà trường đều ban hành và kiện toàn hội đồng tự đánh giá, kế hoạch tự đánh giá, kế hoạch cải tiến hệ thống ĐBCL. (**1.7.05 – QĐ Thành lập hội đồng Tự đánh giá, Ban thư ký và các nhóm công tác chuyên trách năm 2022, 2023; 1.7.06 – Kế hoạch tự đánh giá chất lượng trường năm 2021, 2022, 2023; 1.7.07 – KH đánh giá và cải tiến hệ thống đảm bảo chất lượng nghề nghiệp trường**)

Nhà trường chưa thành lập Phòng Khảo thí và Kiểm định chất lượng nhưng giao nhiệm vụ cho Phòng Thanh tra – Bảo vệ phụ trách công tác đảm bảo chất lượng được Quy định rõ trong Quy chế tổ chức hoạt động của Nhà trường năm 2023. (**1.1.02 – Quyết định số 387/QĐ-CĐCS ngày 21/10/2021 ban hành Quy chế tổ chức hoạt động Trường CĐ Công nghiệp Cao su; Quyết định số 200/QĐ-CĐCS ngày 15/5/2023 ban hành Quy chế tổ chức hoạt động Trường CĐ Công nghiệp Cao su**)

Hàng năm nhà trường đều triển khai và thực hiện các hoạt động tự đánh giá theo hệ thống tiêu chuẩn đảm bảo chất lượng đã xây dựng, các bộ phận trực thuộc của nhà trường đều có báo cáo tổng kết hoạt động của đơn vị theo đúng chức năng nhiệm vụ được giao. (**1.5.02- Báo cáo tổng kết và phương hướng nhiệm vụ các đơn vị năm 2021, 2022; 1.4.06- Báo cáo tổng kết và phương hướng nhiệm vụ của Trường hàng các năm 2021, 2022;**). Trên cơ sở hoạt động của các bộ phận trực thuộc nhà trường thực hiện việc đánh giá và xây dựng báo cáo theo đúng quy định của cấp trên (**1.7.09 – Báo cáo hệ thống bảo đảm chất lượng của trường năm 2021, 2022, 2023**)

Hàng năm, Nhà trường đều tổ chức thực hiện các cuộc khảo sát cán bộ, giảng viên của Nhà trường về hệ thống đảm bảo chất lượng để khắc phục những hạn chế, thiếu sót, phát huy những ưu điểm nhằm nâng cao chất lượng giáo dục đào tạo của Nhà trường. (**1.7.10 – Phiếu khảo sát cán bộ, giáo viên hàng năm và Báo cáo kết quả khảo sát về hệ thống đảm bảo chất lượng**).

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 7, tiêu chí 1 : 01 điểm

Tiêu chuẩn 8: Trường có bộ phận phụ trách thực hiện công tác quản lý, đảm bảo chất lượng đào tạo và hằng năm hoàn thành nhiệm vụ được giao:

Nhà trường có Phòng Thanh tra - Khảo thí và Đảm bảo chất lượng phụ trách công tác Thanh kiểm tra hoạt động của Nhà trường, công tác Khảo thí và Đảm bảo chất lượng (**1.8.01** – *Quyết định số 299/QĐ-CĐCS, ngày 18/08/2010 về việc thành lập Phòng Khảo thí & Đảm bảo chất lượng; Quyết định số 103/QĐ-CĐCS, ngày 09/03/2017 về việc đổi tên Phòng Khảo thí & Đảm bảo chất lượng thành Phòng Thanh tra – Khảo thí; Quyết định số 350/QĐ-CĐCS, ngày 20/07/2020 về việc đổi tên Phòng Thanh tra – Khảo thí thành Phòng Thanh tra – Khảo thí & Đảm bảo chất lượng*)

Nhà trường đã thành lập Hội đồng tự đánh giá chất lượng giáo dục cơ sở GDNN trường CĐCNCS gồm các đồng chí có năng lực chuyên môn, có kinh nghiệm trong công tác quản lý chỉ đạo và kiểm tra đánh giá (**1.7.05** – *QĐ Thành lập hội đồng Tự đánh giá, Ban thư ký và các nhóm công tác chuyên trách năm 2022, 2023*).

Mỗi năm, Phòng Thanh tra - Khảo thí & ĐBCL đều có các báo cáo đánh giá tổng kết công tác của đơn vị gửi về Ban giám hiệu. Nhà trường cũng có báo cáo kết quả hoạt động của trường gửi về lãnh đạo cấp trên theo đúng quy định. (**1.4.06** - *Báo cáo tổng kết và phương hướng nhiệm vụ của Trường hàng các năm 2021, 2022, 2023; 1.8.01* – *Báo cáo tổng kết của Phòng Thanh tra – Khảo thí & ĐBCL năm 2021, 2022, 2023*).

Trên cơ sở chức năng nhiệm vụ liên tục trong 03 năm học đơn vị phòng Thanh tra - Khảo thí & ĐBCL đều hoàn thành nhiệm vụ được giao, trong đó năm học 2022-2023 đơn vị được hội đồng thi đua khen thưởng nhà trường bình xét là tập thể lao động xuất sắc, (**1.8.02** – *Quyết định khen thưởng hàng năm của phòng Thanh tra - Khảo thí & ĐBCL*).

Trường đã xây dựng Kế hoạch số 631/KH-CĐCS ngày 31/10/2023 Triển khai thực hiện khảo sát lấy ý kiến phản hồi của giảng viên, cán bộ quản lý về công tác đảm bảo chất lượng của Phòng TT-KT&ĐBCL (**1.8.03** – *Kết quả khảo sát lấy ý kiến nhà giáo, cán bộ quản lý về công tác đảm bảo chất lượng của Phòng Thanh tra - Khảo thí & ĐBCL*). Kết quả cho thấy trên 90% hài lòng về hoạt động đảm bảo chất lượng của Phòng.

Tuy nhiên, Đội ngũ viên chức phụ trách công tác Đảm bảo chất lượng giáo dục còn thiếu kinh nghiệm, chưa được đào tạo, tập huấn chuyên môn nghiệp vụ. Năm học 2023 – 2024 Trường tiếp tục cử cán bộ tham gia tập huấn các lớp về công tác đảm bảo chất lượng đảm bảo hoạt động đảm bảo chất lượng ngày càng được nâng cao.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 8, tiêu chí 1 : 01 điểm

Tiêu chuẩn 9: *Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam trong trường phát huy được vai trò lãnh đạo, hoạt động đúng điều lệ và theo quy định của Hiến pháp và pháp luật*

Đảng bộ nhà trường được nâng cấp vào ngày 07 tháng 05 năm 2003 với 33 đảng viên (24 đảng viên chính thức – 9 đảng viên dự bị) và có 4 Chi bộ trực thuộc khi đang còn là Trường Trung học Kỹ thuật Nghiệp vụ Cao su (**1.9.01 – Quyết định thành lập đảng bộ nhà trường**)

Hiện nay Đảng bộ trường hiện có 69 đảng viên (24 nữ, 03 đảng viên dự bị; đảng viên là tôn giáo 01 đ/c; đảng viên là HSSV 01 đ/c) sinh hoạt tại 9 chi bộ, gồm: chi bộ Hành chính - Kế toán 12 đảng viên; chi bộ phòng Quản lý đào tạo 11 đảng viên; Chi bộ khoa Kỹ thuật công nghệ 06 đảng viên; Chi bộ khoa Nông học 06 đảng viên; Chi bộ khoa Kinh tế 06 đảng viên; Chi bộ khoa Điện - Điện tử 06 đảng viên; Chi bộ Trung tâm Giống cây trồng 04 đảng viên; Chi bộ khoa Sư phạm Giáo dục Nghề nghiệp 05 đảng viên; Chi bộ Trung tâm Đào tạo và Sát hạch lái xe 13 đảng viên

Về trình độ chuyên môn có 03 đảng viên là tiến sĩ, 34 đảng viên là thạc sĩ, 20 đảng viên tốt nghiệp đại học (trong đó 03 đảng viên đang học cao học), 02 đảng viên tốt nghiệp cao đẳng; Về trình độ chính trị: 04 cao cấp, 23 trung cấp (đang học cao cấp 02).

Đảng bộ nhà trường hoạt động trong khuôn khổ Điều lệ Đảng Cộng sản Việt Nam và Hiến pháp, pháp luật của nhà nước, thực hiện sự lãnh đạo toàn diện và tuyệt đối của mình nhằm thực hiện thắng lợi mọi chủ trương Nghị quyết của Đảng; Nghị quyết, Chỉ thị của Quốc hội, Chính phủ và Chỉ thị, Quy định của ngành giáo dục đào tạo và sứ mệnh của nhà trường. Cụ thể: “Đảng bộ lãnh đạo nhà trường và các đoàn thể phấn đấu xây dựng nhà trường có kỉ cương, nề nếp, có môi trường sư phạm lành mạnh, đội ngũ cán bộ viên chức có trình độ ngang tầm với yêu cầu và nhiệm vụ đào tạo, có phong cách quản lý tiên tiến, có cơ sở vật chất kỹ thuật phục vụ dạy và học đầy đủ, tạo sự chuyển biến cơ bản và toàn diện, ổn định và nâng cao chất lượng hiệu quả đào tạo, đổi mới nội dung, phương pháp dạy học, công tác quản lý, nâng cao chất lượng NCKH, chăm lo đời sống vật chất và tinh thần cho cán bộ viên chức và học sinh sinh viên”.

Đảng bộ nhà trường lãnh đạo toàn diện và tuyệt đối mọi hoạt động của nhà trường được thể hiện thông qua các Nghị quyết của Đảng bộ và các chi bộ trực thuộc. Từ các Nghị quyết đó, Đảng bộ và các chi bộ xây dựng chương trình và kế hoạch công

tác cho toàn nhiệm kỳ và kế hoạch công tác cho từng tháng. Trong quá trình lãnh đạo Đảng bộ trường luôn luôn căn cứ vào các yêu cầu cụ thể của thực tiễn để bổ sung điều chỉnh sự lãnh đạo của mình (**1.9.02** – Nghị quyết đảng bộ nhà trường nhiệm kỳ 2020 – 2025; **1.9.03** – Nghị quyết lãnh đạo thực hiện nhiệm vụ hàng tháng năm 2021; 2022; 2023)

Đảng bộ nhà trường đã thể hiện rõ vai trò lãnh đạo đối với các tổ chức đoàn thể trong nhà trường, có quy chế làm việc và có sự phân công trách nhiệm cho từng đồng chí trong ban chấp hành Đảng bộ (**1.9.04** – Quy chế làm việc của BCH đảng ủy, của ủy ban kiểm tra đảng ủy nhà trường nhiệm kỳ 2020 – 2025)

Đảng bộ nhà trường làm tốt công tác bồi dưỡng, phát triển Đảng, đặc biệt công tác phát triển Đảng trong HSSV (**1.9.05** – Kế hoạch phát triển đảng viên mới năm 2022, 2023; Các quyết định kết nạp đảng viên năm 2021, 2022, 2023)

Trong những năm qua, Đảng bộ trường đã lãnh đạo và phát huy sức mạnh toàn trường, đổi mới mạnh mẽ và đồng bộ, tập trung được mọi nguồn lực, đẩy mạnh sự nghiệp đào tạo, chủ động và tích cực trước điều kiện và nhiệm vụ mới, phát triển nhà trường nhanh và bền vững, hàng năm các chỉ tiêu, kế hoạch đề ra đều đạt và vượt (**1.9.06** – Báo cáo tổng kết công tác chuyên môn năm 2021, 2022, 2023; **1.9.07** – Báo cáo tổng kết công tác Đảng năm 2021, 2022, 2023). Với những thành tích đạt được, nhiều năm liền Đảng bộ nhà trường được công nhận xếp loại hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên (**1.9.08**– Thông báo kết quả đánh giá, xếp loại đảng bộ nhà trường của Đảng ủy khối năm 2021, 2022, 2023)

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 9, tiêu chí 1 : 01 điểm

Tiêu chuẩn 10: Các đoàn thể, tổ chức xã hội trong trường hoạt động theo đúng điều lệ của tổ chức mình và theo quy định của pháp luật, góp phần đảm bảo và nâng cao chất lượng đào tạo của trường.

Nhà trường có các tổ chức đoàn thể trong trường gồm: Công đoàn (**1.10.01**-Các Quyết định công nhận Ban chấp hành Công đoàn nhiệm kỳ 2017-2022, 2023-2028), Đoàn Thanh niên (**1.10.02**-Các Quyết định công nhận Ban chấp hành Đoàn TNCS Hồ Chí Minh nhiệm kỳ 2019-2022, 2022-2024), Ban nữ công (**1.10.03**-Quyết định số 32/QĐ-CĐCS ngày 3/6/2019 về việc thành lập Ban nữ công nhiệm kỳ 2017-2022; Quyết định số 21/QĐ-CĐCS ngày 11/04/2023 về việc thành lập Ban nữ công nhiệm kỳ 2023-2028), Hội Chữ thập đỏ (**1.10.04**- Các Quyết định về việc kiện toàn Hội Chữ

thập đò 2016, 2017; Quyết định số 02/QĐ-CTĐ ngày 26/01/2022 công nhân BCH Hội Chữ Thập đò trường Cao đẳg Công nghiệp Cao su nhiệm kỳ 2021-2026.). Hàng năm, căn cứ vai trò và chức năng, các tổ chức đoàn thể trong nhà trường đều xây dựng kế hoạch tổ chức các hoạt động.

Công đoàn trường xây dựng Kế hoạch thi đũa hàng năm triển khai thực hiện các hoạt động phong trào, tích cực thực hiện quy chế dân chủ cơ sở, nâng cao khả năng tập hợp lực lượng, tăng cường giáo dục chính trị tư tưởng cho đoàn viên (**1.10.05- Các Kế hoạch phát độnđ phong trào thi đũa năm 2021, 2022, 2023**); Xây dựng kế hoạch hoặc thông báo tổ chức các hoạt độnđ chào mừng Quốc tế thiếu nhi (**1.10.06-Các Kế hoạch, thông báo tổ chức hoạt độnđ ngày Quốc tế thiếu nhi năm 2021, 2022**), ngày gia đìnđ Việt Nam (**1.10.07-Các Kế hoạch tổ chức hoạt độnđ chào mừng ngày Gia đìnđ Việt Nam năm 2021, 2022**). Công đoàn còn phối hợp với chuyên môn xây dựng Kế hoạch liên tịch phát độnđ phong trào thi đũa nước rút 3 tháng cuối năm (**1.10.08- Các Kế hoạch liên tịch phát độnđ phong trào thi đũa nước rút 3 tháng cuối năm 2020, 2021, 2022**); kế hoạch hoạt độnđ tháng công nhân (**1.10.09-Các Kế hoạch liên tịch Tổ chức tháng công nhân năm 2020, 2021, 2022**). Ngoài ra, Công đoàn trường còn xây dựng các kế hoạch tuyên truyền cũng như tổ chức các hoạt độnđ chào mừng các sự kiện, ngày lễ lớn của đấđ nước (**1.10.10- Kế hoạch số 74/KH-CD ngày 28/11/2022 Phát độnđ phong trào thi đũa chào mừng Đại hội công đoàn các cấp nhiệm kỳ 2023-2028; Kế hoạch số 66/KH-CD ngày 01/11/2022 Tổ chức giải cầu lông CNVCLĐ năm 2022; Kế hoạch số 44/KH-CD ngày 22/7/2022 Đại hội Công đoàn Trường Cao đẳg Công nghiệp Cao su nhiệm kỳ 2023-2028; Kế hoạch số 18/KH-CD ngày 04/4/2022 Công tác tuyên giáo và tuyên truyền năm 2022**). Qua các hoạt độnđ, đã góp phần tích cực vào việc nâng cao chất lượng dạy học của cán bộ giảng viên.

Đoàn thanh niên trường Cao đẳg Công nghiệp Cao su xây dựng Chương trình hành độnđ ngay sau đại hội đoàn trường (**1.10.11 -Các chương trình hành độnđ nhiệm kỳ 2019-2022, 2022-2024**). Hàng năm, đoàn trường căn cứ nhiệm vụ công tác từng năm học để xây dựng Chương trình công tác năm học (**1.10.12-Các Chương trình công tác năm học 2020-2021, 2021-2022, 2022-2023**); sau khi học sinh khóa mới nhập học ổ địnđ, Đoàn trường xây dựng Kế hoạch Đại hội các chi đoàn theo năm học (**1.10.13-Các Kế hoạch Về việc tổ chức Đại hội chi đoàn nhiệm kỳ 2020-2021, 2021-2022, 2022-2023**). Ngoài ra, Đoàn trường còn lập kế hoạch tổ chức các hoạt độnđ chào

mừng các sự kiện, ngày lễ của trường cũng như của học sinh sinh viên như: ngày học sinh sinh viên, tháng thanh niên (**1.10.14-Kế hoạch số 27-KH/ĐTN ngày 26/12/2022 về việc tổ chức Kỷ niệm ngày HSSV; Các Kế hoạch tổ chức các hoạt động tháng thanh niên năm 2022, 2023**); văn nghệ, thể dục thể thao,... (**1.10.15- Các Kế hoạch Tổ chức Văn nghệ năm 2020, 2023; Kế hoạch số 03/KH-ĐTN ngày 21/2/2022 về việc tổ chức giao lưu bóng đá năm học 2021-2022; Kế hoạch số 26-KH/ĐTN ngày 01/10/2022 Tổ chức ngày chủ nhật xanh năm 2022; Kế hoạch số 46-KH/ĐTN ngày 5/4/2023 về việc tổ chức cuộc thi kể chuyện và hát về Bác Hồ**). Những hoạt động của Đoàn thanh niên trong Trường đã tập hợp được đông đảo thanh niên đang công tác, học tập tại Trường tham gia nhằm khơi dậy tính sáng tạo, tạo sự hưng phấn, sự tự tin giúp các em hăng say học tập. Qua đó, góp phần tích cực vào việc nâng cao chất lượng dạy học của nhà trường.

Ban nữ công phối hợp cùng công đoàn trường tổ chức các hoạt động chăm lo cho lao động nữ và con người lao động. Hàng năm, ban nữ công tham mưu Công đoàn trường tổ chức các hoạt động nhân ngày Quốc tế phụ nữ 08/3 (**1.10.16-Các Thông báo tổ chức hoạt động chào mừng ngày Quốc tế Phụ nữ năm 2021, 2022, 2023**); ngày Phụ nữ Việt Nam 20/10; Ngày Quốc tế thiếu nhi 01/6 và tết trung thu (**1.10.17-Các Thông báo tổ chức Tết trung thu cho các cháu thiếu nhi năm 2020, 2021, 2022**).

Hội chữ thập đỏ xây dựng kế hoạch hoạt động (**1.10.18-Kế hoạch số 02/KH-CTĐ ngày 24/11/2022 về hoạt động Hội Chữ thập đỏ năm học 2022-2023**)

Các tổ chức đoàn thể trong nhà trường hoạt động theo nguyên tắc tập trung dân chủ, tuân thủ điều lệ hoạt động của tổ chức đoàn thể trung ương, thực hiện giáo dục và động viên CBVC và học sinh sinh viên tích cực tham gia các hoạt động, góp phần thực hiện mục tiêu, nguyên lý giáo dục và quy định của pháp luật. Các tổ chức đoàn thể đều có quy chế làm việc được ban hành sau đại hội (**1.10.19-Các Quy chế làm việc của các đoàn thể**)

Hàng năm, các tổ chức đoàn thể thực hiện báo cáo theo hướng dẫn của cấp trên. Công đoàn trường thực hiện báo cáo kết quả hoạt động tháng công nhân (**1.10.20-Các báo cáo kết quả hoạt động tháng công nhân năm 2021, 2022**), báo cáo tổng kết hoạt động công đoàn và phương hướng nhiệm vụ năm tới (**1.10.21- Các báo cáo tổng kết hoạt động công đoàn và phương hướng nhiệm vụ năm 2020, 2021, 2022**); Đoàn thanh niên báo cáo tổng kết công tác đoàn theo năm học (**1.10.22-Các báo cáo tổng kết công**

tác đoàn năm 2019-2020, 2020-2021 và 2021-2022); Ban nữ công báo cáo kết quả công tác nữ công hàng năm (**1.10.23- Các báo cáo kết quả công tác nữ công năm 2020, 2021, 2022**)

Dưới sự lãnh đạo của Đảng bộ trường, sự quan tâm tạo điều kiện của BGH, các tổ chức đoàn thể trong nhà trường đã tổ chức nhiều hoạt động phong trào và đạt hiệu quả cao, thu hút nhiều đoàn viên, hội viên tham gia, hoạt động đúng pháp luật và điều lệ của tổ chức đã đề ra. Nhiều năm liền, Công đoàn, Đoàn thanh niên được công nhận là đơn vị vững mạnh xuất sắc trong các phong trào.

* **Công đoàn Trường Cao đẳng Công nghiệp Cao su** là công đoàn cơ sở trực thuộc Công đoàn Cao su Việt Nam. Trong những năm qua, Công đoàn trường đã phối hợp tốt với chính quyền tổ chức vận động đoàn viên quán triệt, thực hiện các Nghị quyết của Ban chấp hành Trung ương Đảng, đã cụ thể hoá các Nghị quyết của Đảng uỷ vào chương trình hành động năm học theo các chức năng của tổ chức công đoàn, vận động đoàn viên chấp hành tốt các chủ trương, đường lối của Đảng và chính sách pháp luật của nhà nước. Công đoàn đã tổ chức quán triệt, thực hiện tốt quy chế dân chủ trong hoạt động của nhà trường. Ban chấp hành Công đoàn sinh hoạt thường kỳ mỗi tháng 01 lần để rút kinh nghiệm và lập kế hoạch hoạt động cho tháng sau. Công đoàn chăm lo đời sống CBGV. Công đoàn trường nhiều năm liền hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, được Ban chấp hành Công đoàn các cấp tặng nhiều Bằng khen, Giấy khen (**1.10.24- Giấy khen, Bằng khen các cấp năm 2020, 2021, 2022**)

* **Đoàn TNCS Hồ Chí Minh Trường Cao đẳng Công nghiệp Cao su** là đơn vị trực thuộc tỉnh đoàn Bình Phước. Đoàn trường hiện có 33 chi đoàn trực thuộc (32 chi đoàn HSSV và 01 chi đoàn CBGV), với 659 đoàn viên. Đoàn Thanh niên luôn quán triệt, bám sát nội dung các Nghị quyết, đường lối chỉ đạo của Đảng và Đoàn cấp trên trong công tác giáo dục chính trị tư tưởng. Đoàn Thanh niên đã tổ chức nhiều đợt học tập, sinh hoạt chính trị các nghị quyết của Ban chấp hành Trung ương Đảng, của Tỉnh uỷ và Đảng uỷ các cấp góp phần giúp sinh viên rèn luyện, tu dưỡng phẩm chất đạo đức, thi đua học tập, chấp hành nội quy, quy chế. Bên cạnh đó còn triển khai nhiều hình thức hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể dục thể thao, hội thi phù hợp với tuổi trẻ, thu hút đông đảo đoàn viên, thanh niên tham gia. Ban chấp hành Đoàn trường có lịch sinh hoạt định kỳ, dựa trên nguyên tắc tập trung, dân chủ để đánh giá kết quả hoạt động tháng trước, thông qua kế hoạch và ra nghị quyết công tác tháng sau. Đoàn

trường Cao đẳng Công nghiệp Cao su luôn luôn hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, được tặng nhiều bằng khen, giấy khen của các cấp (**1.10.25- Giấy khen, Bằng khen các cấp năm 2020, 2021, 2022**).

* **Ban Nữ công** nhà trường hoạt động theo sự chỉ đạo của Ban chấp hành Công đoàn, tổ chức được nhiều hoạt động phong phú nhân góp phần đáng kể vào thành tích chung của nhà trường. Ban nữ công tham mưu cho Công đoàn trường công nhận các chị em đạt danh hiệu phụ nữ 2 giỏi hàng năm (**1.10.26-Các Quyết định công nhận phụ nữ 2 giỏi năm 2020, 2021, 2022**)

* **Hội chữ thập đỏ** hoạt động theo sự chỉ đạo của Ban giám hiệu nhà trường, đã tổ chức được các hoạt động với mục đích giáo dục lòng nhân ái, các giá trị nhân đạo, tính hướng thiện và truyền thống nhân văn của dân tộc cho HSSV. Nhà trường đã thực hiện tuyên truyền các giá trị nhân đạo trong HSSV đồng thời thực hiện cuộc vận động “**Mỗi tổ chức, mỗi cá nhân gắn với một địa chỉ nhân đạo từ năm học 2022-2023**.”

Nhà trường tự đánh giá đạt yêu cầu của tiêu chuẩn.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 10, tiêu chí 1: 01 điểm

Tiêu chuẩn 11: Trường có quy định và thực hiện công tác kiểm tra, giám sát các hoạt động của trường theo quy định nhằm nâng cao chất lượng và hiệu quả đào tạo. Hàng năm rà soát, cải tiến phương pháp, công cụ kiểm tra, giám sát.

Để thực hiện tốt công tác kiểm tra, giám sát các hoạt động nhằm nâng cao chất lượng và hiệu quả đào tạo, nhà trường đã thành lập Phòng Thanh tra Bảo vệ với chức năng và nhiệm vụ tham mưu, giúp Hiệu trưởng thực hiện công tác thanh tra, kiểm tra chuyên môn về các hoạt động của nhà trường theo quy định pháp luật (**1.11.01- Quyết định số 130/QĐ-CĐCS, ngày 09/03/2017 về việc thành lập Phòng Thanh tra giáo dục; Quyết định số 350/QĐ-CĐCS, ngày 20/07/2020 về việc đổi tên Phòng Thanh tra giáo dục thành Phòng Thanh tra – Bảo vệ**).

Ngoài ra, trường còn có Ban Thanh tra nhân dân (TTND) do Hội nghị Cán bộ viên chức bầu ra, nhiệm kỳ là 02 năm; hàng năm, Ban TTND xây dựng kế hoạch hoạt động trình BCH Công đoàn phê duyệt để có căn cứ thực hiện (**1.11.02 - QĐ công nhận Ban Thanh tra nhân dân nhiệm kỳ 2021 – 2022; 2023 - 2025**). Nội dung kiểm tra của Ban TTND gồm: kiểm tra việc thực hiện các quy chế trong đơn vị, kiểm tra và giám sát kết quả thực hiện Nghị quyết hội nghị CBVC, kiểm tra về công tác tài chính kế toán, kiểm tra công tác quản lý sử dụng thiết bị, kiểm tra về công tác chăm lo quyền

lợi, chế độ, chính sách đối với người lao động, kiểm tra về công tác thực hành tiết kiệm, chống tham ô lãng phí, quan liêu trong đơn vị,...

Hàng năm, phòng Thanh tra giáo dục của trường xây dựng kế hoạch thanh tra, kiểm tra công tác đào tạo đồng thời phối hợp với ban phương pháp kiểm tra hồ sơ giảng viên, kiểm tra việc cập nhật sổ lên lớp để đảm bảo kế hoạch đào tạo được thực hiện đúng tiến độ, chất lượng và hiệu quả (*1.11.03-Các kế hoạch Thanh tra, kiểm tra công tác đào tạo năm 2021, 2022, 2023*). Cuối mỗi năm, nhà trường đều có báo cáo kết quả công tác thanh tra, kiểm tra (*1.11.04-Các Báo cáo công tác thanh tra năm 2021, 2022, 2023*), đồng thời ban Thanh tra nhân dân có báo cáo kết quả thực hiện trong năm (*1.11.05-Các Báo cáo kết quả hoạt động Ban Thanh tra nhân dân năm 2021, 2022, 2023*)

Định kỳ 2 năm 1 lần, nhà trường tổ chức Hội giảng cấp trường và dự giờ giảng viên nhằm đánh giá hoạt động giảng dạy của giáo viên và học tập của HSSV, từ đó có những đề xuất nhằm nâng cao chất lượng đào tạo (*1.11.06-Kế hoạch Hội giảng năm 2020, 2023; Thông báo số 594 ngày 9/11/2022 triển khai dự giờ Học kỳ I năm học 2022-2023*). Bên cạnh đó, Nhà trường thường xuyên tổ chức kiểm tra các hoạt động khác như: kiểm tra công tác tài chính, quỹ tiền mặt đột xuất, hàng quý, kiểm tra sổ theo dõi trang thiết bị văn phòng hàng năm, kiểm tra cơ sở vật chất thường xuyên và định kỳ.

Qua các đợt kiểm tra, Nhà trường đã thực hiện báo cáo kết quả kiểm tra trước hội nghị cán bộ - viên chức.

Nhà trường đã đề ra giải pháp cải tiến phương pháp, công cụ kiểm tra, giám sát nhằm nâng cao chất lượng và hiệu quả các mặt hoạt động của đơn vị như: Tăng cường công tác dự giờ, kiểm tra đột xuất, đăng ký tiết giảng tốt, kiểm tra định kỳ hồ sơ giảng viên; thành lập đường dây nóng, hòm thư góp ý để xử lý kịp thời những vướng mắc của học sinh sinh viên và điều hành các vấn đề nảy sinh hàng ngày theo chức trách nhiệm vụ.

Do thực hiện tốt công tác kiểm tra, giám sát nên trong thời gian qua không có trường hợp đơn khiếu nại, tố cáo của các cá nhân, tập thể về thực hiện quyền lợi, chế độ, chính sách đối với CBGV-NV và học sinh sinh viên về thu chi tài chính; chất lượng dạy và học, kết quả rèn luyện của học sinh sinh viên được nâng cao.

Thông qua việc cải tiến các phương pháp, công cụ kiểm tra, giám sát trong các

hoạt động, Nhà trường đã kịp thời giải quyết, xử lý những vấn đề bức xúc của học sinh sinh viên; kết quả thực hiện nhiệm vụ của các phòng ban, chất lượng dạy và học có nhiều chuyển biến rõ nét.

Nhà trường tự đánh giá đạt yêu cầu của tiêu chuẩn.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 11, tiêu chí 1: 01 điểm

Tiêu chuẩn 12: Trường có văn bản và thực hiện chế độ, chính sách ưu đãi của nhà nước cho các đối tượng được thụ hưởng; thực hiện chính sách bình đẳng giới theo quy định.

Thực hiện Thông tư liên tịch số 09/2016/TTLT-BGDĐT-BTC-BLĐTBXH của Bộ Giáo dục và Đào tạo - Bộ Tài chính - Bộ Lao động Thương binh và Xã hội hướng dẫn thực hiện Nghị định 86/2015/NĐ-CP, Đến năm 2021, Nhà Trường thực hiện các chính sách cho người học theo Nghị định 81/2021/NĐ-CP với đầy đủ các văn bản hướng dẫn thực hiện chế độ, chính sách ưu đãi của nhà nước về cơ chế thu, quản lý học phí và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập từ năm học 2015-2016 đến nay. Việc thực hiện chế độ, chính sách ưu đãi của nhà nước đối với các đối tượng được thụ hưởng, Nhà trường đã có thông báo cập nhật chính sách mới (***1.12.01- Thông báo số 56/TB-CD ngày 08/9/2021 về cập nhật văn bản mới về học phí theo nghị định 81/2021***) đồng thời xây dựng văn bản hướng dẫn về việc thực hiện chế độ chính sách đối với học sinh sinh viên và được quy định cụ thể từng đối tượng trong quy định thu học phí (***1.12.02-Quyết định số 462/QĐ-CĐCS ngày 13/12/2021 về việc ban hành quy định thu học phí***). Vào đầu năm học, khóa học, trong tuần sinh hoạt công dân - HSSV, phòng Công tác SV đã phổ biến đầy đủ cho người học về các chế độ chính sách như miễn giảm học phí, trợ cấp xã hội, vay vốn học sinh sinh viên, học bổng khuyến khích học tập,... Phòng CTSV của trường tập hợp thông tin về HSSV (đối tượng là con gia đình chính sách, hộ nghèo, tình trạng sức khỏe,...) để có biện pháp giúp đỡ kịp thời và có bộ phận hướng dẫn HSSV làm các thủ tục hưởng chế độ ưu đãi; ngoài ra, trường còn phối hợp với một số phòng Lao động trong tỉnh trong việc thu thập và chi trả học phí cho các đối tượng được miễn giảm, tạo điều kiện để người học được hưởng chế độ ưu đãi theo quy định của nhà nước một cách kịp thời (***1.12.03-Các Thông báo về việc phối hợp chi trả tiền cấp bù học phí năm 2022, 2023***).

Thực hiện Nghị định số 113/2015/NĐ-CP ngày 09/10/2015 của Chính phủ Quy định phụ cấp đặc thù, phụ cấp ưu đãi, phụ cấp trách nhiệm công việc và phụ cấp nặng

nhọc, độc hại, nguy hiểm đối với nhà giáo trong các cơ sở giáo dục công lập; Thông tư số 22/2017/TT-BLĐTBXH ngày 10/8/2017 của Bộ Lao động thương binh và Xã hội về Hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 113/2015/NĐ-CP ngày 09/11/2015 của Chính phủ Nhà trường đã ban hành các văn bản hướng dẫn thực hiện chế độ, chính sách ưu đãi đối với các đối tượng được thụ hưởng. Cụ thể như ban hành các văn bản: Quy chế Tổ chức và hoạt động; Quy chế chi tiêu nội bộ (**1.1.02** - Quyết định số 387/QĐ-CĐCS ngày 21/10/2021 ban hành Quy chế tổ chức hoạt động Trường CĐ Công nghiệp Cao su; Quyết định số 200/QĐ-CĐCS ngày 15/5/2023 ban hành Quy chế tổ chức hoạt động Trường CĐ Công nghiệp Cao su; **1.3.02** - Quyết định số 132/QĐ-CĐCS ngày 13/4/2022 ban hành Quy chế chi tiêu nội bộ năm 2022; Quyết định số 207/QĐ-CĐCS ngày 17/05/2023 ban hành Quy chế chi tiêu nội bộ năm 2023; **1.4.03** - QĐ số 86/QĐ-CĐCS năm 2021; số 103/QĐ-CĐCS năm 2022; số 201/QĐ-CĐCS năm 2023 về việc ban hành Quy chế thi đua khen thưởng năm 2021, 2022, 2023; **1.12.04** - Hướng dẫn số 258/HD-CĐCS ngày 25/05/2021; số 182/HD-CĐCS ngày 13/04/2022 và số 241/HD-CĐCS ngày 15/05/2023 về việc thực hiện chế độ công tác giáo viên năm 2021, 2022, 2023).

Hàng năm nhà trường đều rà soát để điều chỉnh chế độ chính sách cho CBVC kịp thời, đúng quy định, hướng dẫn; bảo đảm quyền lợi CBVC, không được sai sót. Văn bản thực hiện chế độ chính sách ưu đãi của nhà nước cho các đối tượng được thụ hưởng đôi khi chưa được phổ biến kịp thời, rộng rãi. Nhà trường phải vận dụng các văn bản của Chính phủ, các Bộ; hướng dẫn của Tập đoàn để xây dựng, rà soát các quy định, quy chế; bổ sung kịp thời các đối tượng được thụ hưởng theo chế độ, chính sách đã quy định. Thực hiện đúng, đầy đủ chính sách bình đẳng giới theo Luật định. Hàng năm tổ chức rà soát để bổ sung chế độ, chính sách mới vào các quy định, quy chế của nhà trường.

Nhà trường luôn quan tâm đến nữ Cán bộ, giáo viên và HSSV, tạo điều kiện để nữ Cán bộ, giáo viên và HSSV tham gia học tập, công tác. Nhà trường cũng có chính sách ưu đãi ngày Phụ nữ Việt Nam, 08/03, 20/10 được quy định rõ trong Quy chế chi tiêu nội bộ. Trong những năm qua, Nhà trường luôn quan tâm, tạo điều kiện bảo đảm cho nam, nữ bình đẳng về trách nhiệm và quyền lợi đối với nhà giáo, cán bộ quản lý. Cụ thể, trong 05 phòng chức năng của nhà trường thì có 04 cán bộ quản lý phòng là nữ, 05 khoa thì có 01 lãnh đạo khoa là nữ.

Nhà trường tự đánh giá đạt yêu cầu của tiêu chuẩn.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 12, tiêu chí 1: 01 điểm

3.2.2. Tiêu chí 2 - Hoạt động đào tạo

Đánh giá tổng quát tiêu chí 2:

Hoạt động đào tạo là hoạt động quan trọng nhất của nhà trường, nó quyết định tới hiệu quả hoạt động và chất lượng đào tạo của nhà trường. Trong những năm qua, Nhà trường đã thực hiện khá tốt các hoạt động đào tạo như: xây dựng và ban hành các chương trình đào tạo theo quy định; thực hiện công tác tuyển sinh theo từng ngành nghề đã được phê duyệt; đa dạng hóa các phương thức tổ chức đào tạo như: đào tạo chính quy, đào tạo theo hình thức vừa làm vừa học, đào tạo theo địa chỉ để đáp ứng nhu cầu của người học và đơn vị sử dụng lao động; ứng dụng tốt công nghệ thông tin trong công tác đào tạo và quản lý học sinh, sinh viên, đặc biệt trong những năm dịch bệnh Covid-19 (2019-2022) diễn biến phức tạp, nhà trường đã thích ứng kịp thời và chuyên đổi hình thức đào tạo, công tác tuyển sinh, đánh giá kết quả của HSSV sang từ trực tiếp sang trực tuyến, nhà trường cũng đã rà soát và ban hành các quy định, hướng dẫn về hoạt động cho phù hợp với tình hình thực tế của đơn vị và quy định của nhà nước. Trong những năm qua, chỉ tiêu tuyển sinh của nhà trường đều đạt và vượt so với kế hoạch, chương trình

**** Những điểm mạnh:***

Trong thời qua, công tác tuyển sinh, công tác quản lý đào tạo được nhà trường triển khai nghiêm túc, hiệu quả, nhà trường có xây dựng và ban hành quy chế tuyển sinh theo quy định. Việc xây dựng và phê duyệt kế hoạch, tiến độ đào tạo cho từng lớp, từng khóa học của mỗi ngành hoặc nghề, theo từng học kỳ, năm học đều được thực hiện trên phần mềm. Kế hoạch đào tạo chi tiết đến từng mô đun, môn học, giờ học lý thuyết, thực hành, thực tập phù hợp với từng hình thức, phương thức tổ chức đào tạo và đúng quy định.

Các hoạt động đào tạo được thực hiện theo mục tiêu, nội dung chương trình đào tạo đã được phê duyệt; có sự phối hợp với đơn vị sử dụng lao động trong việc tổ chức, hướng dẫn cho người học thực hành, thực tập các ngành, nghề tại đơn vị sử dụng lao động.

Nhà trường tổ chức thực hiện kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp, đánh giá kết quả học tập, rèn luyện, cấp văn bằng, chứng chỉ theo quy định đảm bảo nghiêm

túc, khách quan; Hằng năm, trường thực hiện rà soát các quy định về kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp, đánh giá kết quả học tập, rèn luyện, cấp văn bằng, chứng chỉ và kịp thời điều chỉnh nếu cần thiết

** Những tồn tại:*

Trong thời gian qua chương trình đào tạo của nhà trường được rà soát, cập nhật hàng năm. Tuy nhiên chưa rà soát và ban hành, công khai chuẩn đầu ra các ngành nghề; kết thúc năm học, phòng đào tạo, các khoa quản lý đào tạo chưa thực hiện rà soát, đánh giá mức độ phù hợp giữa hoạt động đào tạo với mục tiêu, nội dung chương trình đào tạo đã được phê duyệt; chưa có đề xuất nâng cao chất lượng dạy và học cho các năm học; chưa tổ chức hội thảo gắn kết đào tạo, đánh giá và sử dụng lao động có sự tham gia của các doanh nghiệp liên kết với trường. Trong năm 2021, 2022, 2023 nhà trường đều triển khai rà soát các văn bản, quy định, trong đó có các quy định về tổ chức đào tạo các ngành nghề, tuy nhiên khi rà soát, chỉnh sửa, bổ sung các quy định nhà trường không xây dựng kế hoạch, chưa có báo cáo kết quả công tác rà soát các quy định, chưa có báo cáo thể hiện việc sử dụng kết quả rà soát, đánh giá các quy định về kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp, đánh giá kết quả học tập, rèn luyện, cấp văn bằng, chứng chỉ hàng năm.

** Kế hoạch nâng cao chất lượng:*

Trong năm 2024, nhà trường tiếp tục việc ứng dụng công nghệ thông tin vào việc dạy học, đầu tư các ứng dụng để hỗ trợ phương pháp giảng dạy của giáo viên, hỗ trợ công tác tuyển sinh của nhà trường được hiệu quả hơn. Mở rộng quan hệ giao lưu, hợp tác với các trường bạn để trao đổi kinh nghiệm về chuyên môn nghiệp vụ cho cán bộ, giảng viên nhằm nâng cao chất lượng giảng dạy và công tác quản trị của nhà trường.

Triển khai rà soát, xây dựng và ban hành các chương trình đào tạo; xây dựng, ban hành và công khai khối lượng kiến thức tối thiểu, yêu cầu về năng lực mà người học đạt được sau khi tốt nghiệp (chuẩn đầu ra) các ngành, nghề; Kết thúc năm học, thực hiện rà soát, đánh giá mức độ phù hợp giữa hoạt động đào tạo với mục tiêu, nội dung chương trình đào tạo đã được phê duyệt, lấy ý kiến và tổng hợp các đề xuất nâng cao chất lượng dạy và học cho năm học;

Để gắn kết công tác đào tạo, đánh giá và sử dụng lao động hơn nữa, trong thời gian tới nhà trường sẽ tổ chức các buổi hội thảo với sự tham gia của các công ty,

doanh nghiệp và các đơn vị liên kết. Từ đây, nhà trường có thể lắng nghe các ý kiến của các đơn vị sử dụng lao động, tìm hiểu nhu cầu thị trường việc làm để kịp thời cập nhật nội dung đào tạo cho phù hợp với yêu cầu của thực tiễn. Và cũng để gắn kết chặt chẽ hơn mối quan hệ giữa nhà trường với các công ty, doanh nghiệp trong và ngoài tỉnh. Từ đó thường xuyên ký kết hợp tác để hỗ trợ trong công tác thực hành, thực tập và giới thiệu việc làm cho học sinh sinh viên của trường.

Triển khai xây dựng kế hoạch và có báo cáo cụ thể việc triển khai rà soát, xây dựng các quy chế, quy định của nhà trường, trong đó có quy định về tổ chức đào tạo, quy định về kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp, đánh giá kết quả học tập, rèn luyện, cấp văn bằng, chứng chỉ.

Điểm đánh giá tiêu chí 2

Tiêu chí, tiêu chuẩn	Điểm tự đánh giá
Tiêu chí 2	15
Tiêu chuẩn 1	1
Tiêu chuẩn 2	1
Tiêu chuẩn 3	1
Tiêu chuẩn 4	1
Tiêu chuẩn 5	1
Tiêu chuẩn 6	1
Tiêu chuẩn 7	1
Tiêu chuẩn 8	1
Tiêu chuẩn 9	1
Tiêu chuẩn 10	1
Tiêu chuẩn 11	0
Tiêu chuẩn 12	1
Tiêu chuẩn 13	1
Tiêu chuẩn 14	1
Tiêu chuẩn 15	0
Tiêu chuẩn 16	1
Tiêu chuẩn 17	1

Tiêu chuẩn 1: Các ngành, nghề đào tạo của trường được cơ quan có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp. Trường ban hành chuẩn đầu ra của từng chương trình đào tạo và công bố công khai để người học và xã hội biết.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Trường Cao đẳng Công nghiệp Cao su được Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp, nhà trường đã và đang thực hiện đào tạo đa ngành, nghề với các hình thức, phương thức khác nhau nhằm đáp ứng tốt nhất nhu cầu đào tạo nguồn nhân lực cho ngành cao su và các doanh nghiệp trong tỉnh Bình Phước và khu vực.

Hiện nay nhà trường đang đào tạo 10 ngành trình độ cao đẳng, 11 ngành trình độ trung cấp và 27 nghề trình độ sơ cấp, các ngành nghề đào tạo của nhà trường đều được Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp (**1.2.01-** Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp của Tổng cục trưởng Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp: Số 389/2017/GCNDKHD-TCGDNN ngày 14 tháng 11 năm 2017; Số 45/2019/GCNDKHD-TCGDNN ngày 30 tháng 5 năm 2019; Số 90a/2019/GCNDKBS-TCGDNN ngày 03 tháng 6 năm 2021; **2.1.01-** Bảng thống kê các ngành, nghề đào tạo của trường năm 2021, 2022, 2023). Trong năm 2021, căn cứ theo quy định nhà trường đã triển khai xây dựng, ban hành và xin cấp phép bổ sung 03 ngành trình độ cao đẳng, 01 ngành trình độ trung cấp và 01 nghề trình độ sơ cấp, các chương trình đào tạo của nhà trường đều được xây dựng và ban hành theo hướng dẫn của Bộ LĐTB&XH (**2.1.02-** Quyết định số 451B/QĐ-CĐCS năm 2020; Quyết định số 592/QĐ-CĐCS năm 2022 của Hiệu trưởng về việc ban hành chương trình đào tạo các ngành trình độ Trung cấp ; Quyết định số 606/QĐ-CĐCS ngày 20/12/2022 của Hiệu trưởng về việc ban hành chương trình đào tạo các ngành trình độ Cao đẳng)

Các chương trình đào tạo được xây dựng, ban hành và được cấp Giấy chứng nhận đăng ký bổ sung hoạt động giáo dục nghề nghiệp năm 2021 gồm:

Stt	Tên ngành	Mã ngành	Quy mô tuyển sinh	Trình độ
1	Công nghệ ô tô	6620131	35	Cao đẳng

2	Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí	5520205	35	Trung cấp
---	---	---------	----	-----------

Sau khi xây dựng và ban hành các chương trình đào tạo, Nhà trường đã thông tin đến HSSV chương trình đào tạo vào “Tuần sinh hoạt chính trị đầu khóa” đầu năm học và công bố công khai trên trang thông tin điện tử của nhà trường để phụ huynh, người học và xã hội biết (2.1.03- <http://ric.edu.vn/cong-khai-giao-duc>). Khi thực hiện các quy trình xây dựng, ban hành và công bố chương trình đào tạo các ngành nhà trường đều lấy ý kiến đóng góp của các cán bộ quản lý, nhà giáo và người học, cơ bản các ý kiến đóng góp đều thống nhất và đồng ý với nội dung nhà trường xây dựng (2.1.04- *Bảng tổng hợp ý kiến của người học, nhà giáo, cán bộ quản lý về hoạt động đào tạo*)

TT	Năm khảo sát	Đối tượng	Số lượng	Mức độ hài lòng /tổng số khảo sát (tỷ lệ %)
1	Năm 2021	CBQL, nhà giáo, người học	591	570/591 (96,4%)
2	Năm 2022	CBQL, nhà giáo, người học	600	585/600 (97,5%)
3	Năm 2023	CBQL, nhà giáo, người học	450	443/450 (98,4%)

Nhà trường tự đánh giá đạt yêu cầu của tiêu chuẩn.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 1 tiêu chí 2: 1 điểm

Tiêu chuẩn 2: *Trường xây dựng và ban hành quy chế tuyển sinh theo quy định.*

Mô tả, phân tích, nhận định:

Căn cứ Thông tư 05/2021/TT-BLĐTĐBXH ngày 07/07/2021 của Bộ LĐTB&XH về việc quy định quy chế tuyển sinh và xác định chỉ tiêu tuyển sinh trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng, Trường Cao đẳng Công nghiệp Cao su đã xây dựng và ban hành Quy chế tuyển sinh của nhà trường gồm 04 Chương, 22 Điều, trong quy chế có quy định rõ các nội dung về thời gian, đối tượng và hình thức tuyển sinh, ngành tuyển sinh, các thủ tục, quy trình tuyển sinh của nhà trường (2.2.01- *Quyết định số 433/QĐ-CĐCS ngày 6/9/2021 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Công nghiệp Cao su về việc ban hành Quy chế tổ chức tuyển sinh và xác định chỉ tiêu tuyển sinh trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng; 2.2.02- Quyết định số 201/QĐ-CĐCS ngày 04/6/2021 của Hiệu trưởng về việc ban hành Quy định về hồ sơ tuyển sinh các lớp dài hạn và ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý, lưu trữ hồ sơ tuyển sinh các lớp dài hạn*).

Quy định về hình thức tuyển sinh gồm: Xét tuyển (hồ sơ và điểm học bạ năm cuối cấp), các quy định về đăng ký xét tuyển:

- Đăng ký trực tiếp trên Phiếu đăng ký dự tuyển vào giáo dục nghề nghiệp và nộp Phiếu đăng ký dự tuyển tại trường trung học cơ sở, trung học phổ thông, trung tâm giáo dục thường xuyên, trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên hoặc tại Sở Lao động - Thương binh và Xã hội của địa phương hoặc trực tiếp tại trường;

- Đăng ký trực tuyến (online) trên trang thông tin điện tử về tuyển sinh giáo dục nghề nghiệp của Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội có địa chỉ tại: <http://tuyensinh.gdnn.gov.vn> hoặc trên trang thông tin điện tử của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội của địa phương hoặc trên trang thông tin điện tử của trường;

- Đăng ký trực tuyến (online) qua Ứng dụng “Chọn nghề” được cài đặt trên các thiết bị di động (điện thoại thông minh, máy tính bảng).

- Đăng ký qua tin nhắn, số điện thoại, zalo, trên trang web hoặc trên trang Fanpage của nhà trường.

Ngoài ra, nhà trường còn xây dựng và ban hành Quy định về tuyển sinh và đào tạo liên thông giữa các trình độ trong nhà trường theo quy định để đáp ứng nhu cầu học của người học (**2.2.03- Quyết định số 298/QĐ-CĐCS ngày 28/6/2018 của Hiệu trưởng về việc ban hành Quy định về đào tạo liên thông giữa các trình độ trong Trường Cao đẳng Công nghiệp Cao su**)

Nhà trường tự đánh giá đạt yêu cầu của tiêu chuẩn.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 2 tiêu chí 2 : 01 điểm

Tiêu chuẩn 3: *Hàng năm, trường xác định chỉ tiêu tuyển sinh và thực hiện công tác tuyển sinh theo quy định, đảm bảo nghiêm túc, công bằng, khách quan.*

Mô tả, phân tích, nhận định

Căn cứ theo Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động Giáo dục nghề nghiệp của Nhà trường (**2.1.01- Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp của Tổng cục trưởng Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp: Số 389/2017/GCNĐKHD-TCGDNN ngày 14 tháng 11 năm 2017; Số 45/2019/GCNĐKHD-TCGDNN ngày 30 tháng 5 năm 2019; Số 90a/2019/GCNĐKBS-TCGDNN ngày 03 tháng 6 năm 2021**), căn cứ theo quy mô tuyển sinh các ngành nghề đã được Tổng cục GDNN cấp phép, các Khoa dự kiến số lượng tuyển sinh các ngành nghề trong năm tiếp theo dựa trên số liệu tuyển

sinh các năm trước đó và theo tình hình thực tế. Sau đó, Ban Giám hiệu thực hiện họp các đơn vị duyệt kế hoạch và ký quyết định giao chỉ tiêu cho các Khoa năm tiếp theo (2.3.01 – Các Quyết định giao chỉ tiêu các bộ phận năm 2021, 2022, 2023).

Phòng Quản lý đào tạo có nhiệm vụ tổng hợp các số liệu, hoàn thiện bản đăng ký chỉ tiêu tuyển sinh theo phụ lục 05 Thông tư 05/2021/TT-BLĐT BXH ngày 07 tháng 07 năm 2021 của Bộ Lao động Thương binh & Xã hội. Sau đó gửi bản đăng ký đến Sở Lao động thương binh & Xã hội và Tập đoàn Công nghiệp Cao Su Việt Nam (2.3.02 – Đăng ký chỉ tiêu tuyển sinh năm 2021, 2022, 2023).

Dựa trên các Quyết định đã được ban hành, Phòng Quản lý đào tạo tham mưu BGH tiến hành xây dựng kế hoạch tuyển sinh của trường, trong kế hoạch xác định cụ thể các đợt tuyển sinh, nhiệm vụ sẽ thực hiện trong từng giai đoạn, đơn vị chủ trì thực hiện, đơn vị phối hợp (2.3.03 – Các Kế hoạch tuyển sinh năm 2021, 2022, 2023)

Để thực hiện kế hoạch tuyển sinh hằng năm, Nhà trường đều có ban hành thông báo tuyển sinh. Trong thông báo có nêu cụ thể đối tượng tuyển sinh, hình thức tuyển sinh, ngành nghề đào tạo và chỉ tiêu của từng ngành, hồ sơ tuyển sinh, thời gian nộp hồ sơ và thời gian thông báo kết quả trúng tuyển. Thông báo tuyển sinh của trường được gửi trực tiếp cho phụ huynh, học sinh ở các trường THCS, THPT trong kỳ tư vấn tuyển sinh. Ngoài ra, trong thông báo có tích hợp đơn đăng ký nhập học và mã QR để học sinh có thể thuận lợi trong việc đăng ký và tìm hiểu thêm thông tin về nhà trường. Thông báo tuyển sinh còn được đăng trên website, fanpage của trường và được các nhân viên, giảng viên nhà trường chia sẻ rộng rãi trên mạng xã hội (2.3.04 – Thông báo tuyển sinh năm 2021, 2022, 2023; Các hình ảnh thông báo tuyển sinh trên Fanpage)

Trước khi bước vào các kỳ tuyển sinh năm học mới, Nhà trường đều có Quyết định thành lập Hội đồng tuyển sinh theo quy định. Trong Quyết định xác định cụ thể thành phần và nhiệm vụ của từng thành viên hội đồng (2.3.05 – Các Quyết định thành lập Hội đồng tuyển sinh năm 2021, 2022, 2023).

Trong các năm gần đây, công tác tuyển sinh được nhà trường thực hiện nghiêm túc, tích cực. Tuy nhiên do các thành viên trong hội đồng tuyển sinh đa phần là cán bộ lãnh đạo, quản lý nên việc sắp xếp thời gian cho việc đi tuyển sinh còn hạn chế. Chính vì vậy, vào đầu năm 2023, để thực hiện tốt hơn công tác tuyển sinh, Hội đồng tuyển sinh đã đi đến quyết định thành lập tổ tư vấn tuyển sinh với nguồn nhân lực bổ sung

thêm từ các Khoa để có thể dần trải tư vấn tất cả các điểm trường học trong địa bàn tỉnh (**2.3.06 – Quyết định thành lập tổ tư vấn tuyển sinh năm 2023**)

Khi người học đến đăng ký xét tuyển và nộp hồ sơ xin nhập học, nhà trường sẽ thực hiện scan các giấy tờ theo quy định. Các file scan được lưu trong các thư mục phân loại theo từng lớp, từng ngành nghề và từng năm học để thuận lợi trong việc thống kê và hậu kiểm hồ sơ tuyển sinh (**2.3.07 – File scan hồ sơ tuyển sinh năm 2021, 2022, 2023**).

Sau khi họp Hội đồng tuyển sinh của nhà trường để xét tuyển (**2.3.08 – Các Biên bản họp xét thí sinh đủ điều kiện trúng tuyển năm 2020, 2021, 2022**). Nhà trường có ban hành Quyết định phê duyệt danh sách trúng tuyển theo quy định (**2.3.09 – Các Quyết định phê duyệt danh sách thí sinh trúng tuyển năm học 2020-2021, 2021-2022, 2022-2023**). Các thí sinh trúng tuyển sẽ được nhà trường liên hệ qua qua điện thoại và gửi thông báo trúng tuyển để nắm bắt được các thông tin về thời điểm và quy định khi nhập học.

Hàng năm, sau khi kết thúc kỳ tuyển sinh, Nhà trường đều có văn bản báo cáo công tác tuyển sinh về Bộ Giáo dục và Đào tạo. Từ năm 2017, Nhà trường báo cáo về Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội Bình Phước và Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam (**2.3.10 – Báo cáo số liệu tuyển sinh năm 2021, 2022, 2023**).

Sau khi có danh sách trúng tuyển và số lượng thực tế thí sinh nộp hồ sơ nhập học, Nhà trường có lập danh sách sinh viên nhập học và có quyết định phân lớp (**2.3.11 – Các Quyết định phân lớp học năm học 2020-2021, 2021-2022, 2022-2023**). Tất cả danh sách học sinh, sinh viên nhà trường chuyển vào phần mềm quản lý đào tạo để cập nhật sơ yếu lý lịch học sinh, biên chế lớp học (**2.3.12 – Phần mềm Quản lý đào tạo**).

Hàng năm, phòng Thanh tra – Bảo vệ thực hiện thanh tra hoạt động đào tạo của nhà trường, trong đó có hoạt động tuyển sinh của phòng Quản lý đào tạo (**1.11.03 – Kế hoạch thanh tra, kiểm tra công tác đào tạo năm 2021, 2022, 2023**). Dựa vào kết quả thanh tra các năm gần đây, có thể nói công tác tuyển sinh của nhà trường thực hiện tốt và không xảy ra bất kỳ sai sót nào (**2.3.13 – Biên bản thanh tra, kiểm tra hoạt động đào tạo năm 2021, 2022, 2023**).

Ngoài ra, để đảm bảo nâng cao hiệu quả công tác tuyển sinh cho các năm kế tiếp, Nhà trường đã thực hiện họp tổng kết đánh giá công tác tuyển sinh hằng năm và lấy ý kiến khảo sát của người học và cán bộ, giáo viên về công tác tuyển sinh (2.3.14– *Biên bản họp tổng kết công tác tuyển sinh năm 2020, 2021, 2022*; 1.7.10 - *Phiếu khảo sát người học, nhà giáo, cán bộ quản lý về tuyển sinh*; 2.3.15– *Bảng tổng hợp kết quả khảo sát người học, nhà giáo, cán bộ quản lý về tuyển sinh*).

Nhà trường tự đánh giá đạt yêu cầu của tiêu chuẩn.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 3 tiêu chí 2: 01 điểm

Tiêu chuẩn 4: *Thực hiện đa dạng hoá các phương thức tổ chức đào tạo đáp ứng yêu cầu học tập của người học.*

Mô tả, phân tích, nhận định:

Để phát triển mạnh mẽ quy mô đào tạo, xây dựng và quảng bá thương hiệu, Nhà trường đã mở rộng liên kết đào tạo và đa dạng hoá các phương thức tổ chức đào tạo nhằm đáp ứng nhu cầu học tập của xã hội, yêu cầu sử dụng lao động của doanh nghiệp, của Tập đoàn. Các phương thức tổ chức đào tạo chủ yếu của Trường hiện nay là:

- Đào tạo 3 cấp trình độ với nhiều ngành nghề (cao đẳng, trung cấp, sơ cấp) theo Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp đã được cấp (1.2.01- *Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp của Tổng cục trưởng Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp: Số 389/2017/GCNĐKHH-TCGDNN ngày 14 tháng 11 năm 2017; Số 45/2019/GCNĐKHH-TCGDNN ngày 30 tháng 5 năm 2019; Số 90a/2019/GCNĐKBS-TCGDNN ngày 03 tháng 6 năm 2021*).

- Đào tạo, bồi dưỡng các lớp ngắn hạn về lĩnh vực cao su, lĩnh vực nông nghiệp, phối hợp với Tập đoàn và các doanh nghiệp tổ chức các lớp bồi dưỡng nhằm nâng cao nghiệp vụ chuyên môn cho cán bộ quản lý và công nhân viên các công ty; phối hợp tổ chức thi nâng ngạch chuyên viên cho cán bộ các công ty cao su trực thuộc Tập đoàn.

- Tổ chức bồi dưỡng và cấp chứng nhận về An toàn vệ sinh lao động cho công nhân, người lao động tại các doanh nghiệp.

- Phối hợp với các công ty, doanh nghiệp tổ chức mở lớp, đào tạo trình độ Trung cấp, Cao đẳng với chương trình đào tạo được cập nhật để phù hợp với nhu cầu của doanh nghiệp (đào tạo theo địa chỉ).

- Liên kết, phối hợp với các trường Đại học để tuyển sinh, mở lớp Đại học toàn

phần, Đại học liên thông nhằm đáp ứng nhu cầu đào tạo và nâng cao trình độ đào tạo của học sinh – sinh viên trong nhà trường sau khi tốt nghiệp.

Trong quá trình triển khai thực hiện các phương thức đào tạo, nhà trường đều có ban hành các quy chế, hướng dẫn thực hiện các quy định hiện hành của các Bộ, Ngành. Khi phối hợp, liên kết với các công ty, doanh nghiệp, nhà trường đều có biên bản ghi nhớ, hợp đồng liên kết, phối hợp tuyển sinh mở lớp đào tạo (2.4.01- Quyết định số 432/QĐ-CĐCS ngày 6/9/2021 của Hiệu trưởng nhà trường về Ban hành quy chế Đào tạo trực tuyến; Quyết định số 411/QĐ-CĐCS ngày 29/8/2022, Quyết định số 113/QĐ-CĐCS ngày 27/03/2023 của Hiệu trưởng nhà trường về Ban hành quy chế tổ chức đào tạo trình độ Trung cấp, trình độ Cao đẳng tại Trường Cao đẳng Công nghiệp Cao su). Do đối tượng tuyển sinh chủ yếu là tốt nghiệp THCS, quy mô một số ngành nghề thấp và do tình hình thực tế tại đơn vị nên nhà trường xây dựng quy chế đào tạo các lớp chính quy tại trường theo niên chế năm học kết hợp với tích lũy mô đun, tín chỉ để xét tốt nghiệp cho học sinh sau khi đạt các yêu cầu theo quy định, riêng đối với các lớp tại cơ sở (công ty, doanh nghiệp), nhà trường tổ chức theo hình thức đào tạo vừa làm vừa học (trực tiếp hoặc trực tuyến) để đảm bảo thời gian hoạt động của công ty.

Trước khi tổ chức khai giảng mở lớp, nhà trường đều yêu cầu các Khoa rà soát, chỉnh sửa chương trình đào tạo cho phù hợp với từng khóa học nhưng vẫn đảm bảo theo quy định của Bộ LĐTB&XH, sau khi hoàn thiện hồ sơ tuyển sinh các lớp, nhà trường đều xét, công nhận danh sách trúng tuyển và biên chế lớp học theo quy định, trước khi giảng dạy-học tập nhà trường đều có xây dựng tiến độ, kế hoạch đào tạo khóa học, năm học và được cập nhật và quản lý bằng phần mềm QLĐT (2.4.02- Quyết định trúng tuyển, biên chế lớp các ngành trình độ Trung cấp, Cao đẳng năm 2021, 2022, 2023; Quyết định trúng tuyển lớp liên thông Đại học ngành Công nghệ ô tô, Kế toán, ngành Luật; 2.4.03- Kế hoạch, tiến độ đào tạo các lớp năm học 2021-2022; 2022-2023; 2023-2024; 2.3.12- Phần mềm Quản lý đào tạo (hình ảnh, hợp đồng nâng cấp phần mềm QLĐT).

Qua các phương thức đào tạo của nhà trường, cơ bản đã đáp ứng được nhu cầu của người học. Trong quá trình triển khai xây dựng và thực hiện chương trình đào tạo các ngành nghề, nhà trường đều lấy ý kiến đóng góp của các cán bộ quản lý, nhà giáo và người học, cơ bản các ý kiến đóng góp đều thống nhất và đồng ý với nội dung nhà

trường xây dựng (2.4.04- Kế hoạch, phiếu khảo sát cán bộ quản lý, giáo viên dạy nghề, doanh nghiệp và người học về phương thức đào tạo đáp ứng yêu cầu học tập của người học; Bảng tổng hợp kết quả khảo sát về phương thức đào tạo đáp ứng yêu cầu học tập của người học)

Nhà trường tự đánh giá đạt yêu cầu của tiêu chuẩn.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 4 tiêu chí 2: 01 điểm

Tiêu chuẩn 5: Trường xây dựng và phê duyệt kế hoạch, tiến độ đào tạo cho từng lớp, từng khóa học của mỗi ngành hoặc nghề, theo từng học kỳ, năm học. Kế hoạch đào tạo chi tiết đến từng mô đun, môn học, giờ học lý thuyết, thực hành, thực tập phù hợp với từng hình thức, phương thức tổ chức đào tạo và đúng quy định.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Căn cứ vào giấy phép hoạt động được Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp, tất cả chương trình đào tạo mà nhà trường phê duyệt cụ thể cho các ngành nghề đều phù hợp với đặc điểm của nhà trường, hàng năm nhà trường đều đăng ký chỉ tiêu tuyển sinh các ngành nghề với Tổng cục GDNN theo quy định (2.1.01- Bảng thống kê các ngành, nghề đào tạo của trường năm 2021, 2022, 2023; 2.1.02 - Quyết định số 451B/QĐ-CĐCS năm 2020; Quyết định số 592/QĐ-CĐCS năm 2022 của Hiệu trưởng về việc ban hành chương trình đào tạo các ngành trình độ Trung cấp ; Quyết định số 606/QĐ-CĐCS ngày 20/12/2022 của Hiệu trưởng về việc ban hành chương trình đào tạo các ngành trình độ Cao đẳng)

Trên cơ sở chương trình đào tạo Hiệu trưởng phê duyệt, căn cứ vào kết quả tuyển sinh hàng năm (2.4.02- Quyết định trúng tuyển, biên chế lớp các ngành trình độ Trung cấp, Cao đẳng năm 2021, 2022, 2023). Phòng QLĐT xây dựng kế hoạch đào tạo toàn khóa cho từng nghề, chi tiết đến từng mô đun, môn học, cụ thể cho các giờ học lý thuyết, thực hành, thực tập cơ sở, thực tập tốt nghiệp. Phòng QLĐT kết hợp với các khoa xây dựng kế hoạch giảng dạy, bố trí giảng viên, giáo viên cho từng học kỳ và năm học (2.4.03- Kế hoạch, tiến độ đào tạo các lớp năm học 2021-2022; 2022-2023; 2023-2024).

Căn cứ theo tiến độ, kế hoạch đào tạo đã được phê duyệt, Phòng QLĐT lập thời khóa biểu học kỳ và từng tuần. Thời khóa biểu được gửi đến các Khoa, các lớp học để thực hiện và kiểm tra theo dõi chung. Mọi sự thay đổi điều chỉnh kế hoạch phải được Ban Giám hiệu nhà trường phê duyệt và cập nhật trong phần mềm QLĐT của nhà

trường (**2.3.12-** *Phần mềm Quản lý đào tạo (hình ảnh, hợp đồng nâng cấp phần mềm QLĐT; 2.5.01-* *Thời khóa biểu theo các lớp, theo giáo viên hàng tuần)*)

Hàng năm, sau khi kết thúc học kỳ/năm học, nhà trường đều có báo cáo sơ/tổng kết việc thực hiện các hoạt động của học kỳ/năm học, trong đó có đánh giá việc thực hiện kế hoạch đào tạo. Trong thời gian qua, cơ bản việc thực hiện tiến độ, kế hoạch hàng năm đều đảm bảo theo kế hoạch, chỉ có một số thay đổi nhỏ trong thời khóa biểu hàng tuần, thay đổi giữa giờ học lý thuyết/Thực hành do lịch công tác của giáo viên và do tình hình dịch bệnh Covid-19 (năm 2020, 2021), nhà trường đã có biện pháp khắc phục kịp thời nhằm đảm bảo kế hoạch đào tạo của khóa học (**(1.4.06-** *Báo cáo số: 56/BC-CĐCS ngày 25/01/2021 báo cáo tổng kết hoạt động năm 2020 và phương hướng, nhiệm vụ năm 2021; Báo cáo số: 13/BC-CĐCS ngày 10/01/2022 báo cáo tổng kết hoạt động năm 2021 và phương hướng, nhiệm vụ năm 2022; Báo cáo số: 91/BC-CĐCS ngày 03/3/2023 báo cáo tổng kết hoạt động năm 2022 và phương hướng, nhiệm vụ năm 2023).*

Nhà trường tự đánh giá đạt yêu cầu của tiêu chuẩn.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 5 tiêu chí 2: 01 điểm

Tiêu chuẩn 6: *Trường tổ chức thực hiện theo kế hoạch đào tạo, tiến độ đào tạo đã được phê duyệt.*

Mô tả, phân tích, nhận định

Trước khi bắt đầu năm học mới (hoặc trước khi khai giảng các lớp tại cơ sở, doanh nghiệp, ...), phòng QLĐT kết hợp với các khoa xây dựng kế hoạch giảng dạy, bố trí giảng viên, giáo viên cho từng học kỳ và năm học (**2.4.03-** *Kế hoạch, tiến độ đào tạo các lớp năm học 2021-2022; 2022-2023; 2.5.01-* *Thời khóa biểu theo các lớp, theo giáo viên hàng tuần)* và cập nhật vào phần mềm QLĐT.

Giảng viên, giáo viên căn cứ kế hoạch giảng dạy và thời khóa biểu chuẩn bị đầy đủ hồ sơ giảng dạy theo quy định. Hàng năm, phòng Thanh tra – BV thực hiện thanh tra hoạt động đào tạo của nhà trường, tổ chức rà soát kiểm tra việc thực hiện kế hoạch đào tạo nhằm chấn chỉnh và hướng dẫn giáo viên thực hiện đúng quy định, đối với một số Khoa có sự thay đổi về giáo viên (**2.6.01-** *Sổ lên lớp, giáo án, Sổ tay nhà giáo năm học 2021 – 2022; 2022-2023); 2.3.13-* *Biên bản thanh tra, kiểm tra hoạt động đào tạo năm 2021, 2022, 2023).*

Hàng năm, sau khi kết thúc học kỳ/năm học, nhà trường đều có báo cáo sơ/tổng kết việc thực hiện các hoạt động của học kỳ/năm học, trong đó có đánh giá việc thực hiện kế hoạch đào tạo (**1.4.06-** Báo cáo số: 56/BC-CĐCS ngày 25/01/2021 báo cáo tổng kết hoạt động năm 2020 và phương hướng, nhiệm vụ năm 2021; Báo cáo số: 13/BC-CĐCS ngày 10/01/2022 báo cáo tổng kết hoạt động năm 2021 và phương hướng, nhiệm vụ năm 2022; Báo cáo số: 91/BC-CĐCS ngày 03/3/2023 báo cáo tổng kết hoạt động năm 2022 và phương hướng, nhiệm vụ năm 2023)

Nhà trường tự đánh giá đạt yêu cầu của tiêu chuẩn.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 6 tiêu chí 2: 01 điểm

Tiêu chuẩn 7: Các hoạt động đào tạo được thực hiện theo mục tiêu, nội dung chương trình đào tạo đã được phê duyệt; có sự phối hợp với đơn vị sử dụng lao động trong việc tổ chức, hướng dẫn cho người học thực hành, thực tập các ngành, nghề tại đơn vị sử dụng lao động; thực hiện theo quy định đặc thù của ngành nếu có.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Theo Tiêu chuẩn 2.5 và 2.6, có thể thấy nhà trường đã xây dựng và phê duyệt kế hoạch, tiến độ đào tạo cho từng lớp, từng khóa học của mỗi ngành hoặc nghề, theo từng học kỳ, năm học. Kế hoạch đào tạo chi tiết đến từng mô đun, môn học, giờ học lý thuyết, thực hành, thực tập phù hợp với từng hình thức, phương thức tổ chức đào tạo và đúng quy định. Đồng thời, nhà trường đã tổ chức thực hiện theo kế hoạch đào tạo, tiến độ đào tạo đã được phê duyệt.

Để thực hiện tốt hơn công tác cho học sinh sinh viên đi thực tập, ngày 30 tháng 06 năm 2021, nhà trường đã ban hành Quy định về công tác thực tập và đánh giá thực tập ở cơ sở. Trong quy định có nêu rõ các mục tiêu thực tập, các quy định cũng như phân công nhiệm vụ cho các Phòng, Khoa có liên quan. Bên cạnh đó còn có các biểu mẫu phiếu đánh giá dành riêng cho các ngành nghề (**2.7.01-** Quyết định số 240/QĐ-CĐCS ngày 30 tháng 06 năm 2021 của Hiệu trưởng về việc ban hành Quy định công tác thực tập và đánh giá thực tập tại cơ sở).

Trường có tổ chức cho người học thực hành, thực tập tại đơn vị sử dụng lao động. Hàng năm, trước 01 học kỳ khi đến thời điểm thực tập tốt nghiệp, phòng QLĐT sẽ có thông báo kế hoạch thực tập tốt nghiệp đến các Khoa (**2.7.02-** Kế hoạch thực tập tốt nghiệp các lớp Trung cấp K2018, K2019, K2020 – hệ chính quy). Dựa trên kế hoạch, các Khoa phổ biến các nội dung đến HSSV và hướng dẫn HSSV đăng ký địa

điểm thực tập. Sau khi có kết quả đăng ký, các Khoa liên hệ với các địa điểm để thống nhất các nội dung trong đề cương thực tập, sau đó lập danh sách các đơn vị sử dụng lao động có HSSV đến thực tập và gửi cùng đề cương, danh sách GVHD về phòng QLĐT (**2.7.03- Danh sách đơn vị sử dụng lao động cho HSSV các lớp Trung cấp K2019, K2020, K2021 – hệ chính quy đến thực tập; 2.7.04- Đề cương thực tập tốt nghiệp các lớp Trung cấp K2019, K2020, K2021; 2.7.05- Danh sách giáo viên hướng dẫn thực tập tốt nghiệp các lớp Trung cấp K2019, K2020, K2021**).

Căn cứ vào các bản danh sách và đề cương do Khoa gửi về phòng QLĐT. Hiệu trưởng sẽ gửi Công văn cử HSSV đi thực tập tốt nghiệp tại các đơn vị sử dụng lao động (**2.7.06- Công văn về việc cử người học đi thực tập tại đơn vị sử dụng lao động năm 2020, 2021, 2022; DS người học đi thực tập tốt nghiệp tại các đơn vị sử dụng lao động**).

Sau mỗi đợt thực hành, thực tập sinh viên đều viết bài báo cáo kết quả nộp cho giáo viên hướng dẫn; sau đó trực tiếp báo cáo kết quả thực hành, thực tập cho hội đồng chấm điểm (**2.7.07- Báo cáo kết quả thực tập của giáo viên hướng dẫn năm 2020, 2021, 2022;**).

Việc cho HSSV đi thực tập tại các đơn vị đều được Nhà trường làm biên bản thỏa thuận với các đơn vị sử dụng lao động về việc cho người học thực hành, thực tập tại đơn vị sử dụng lao động, trong đó thể hiện việc phối hợp với đơn vị sử dụng lao động trong tổ chức, hướng dẫn cho người học thực hành, thực tập. (**2.7.08 - Hợp đồng/biên bản thỏa thuận với đơn vị sử dụng lao động về việc cho người học thực hành, thực tập tại đơn vị sử dụng lao động, trong đó thể hiện việc phối hợp với đơn vị sử dụng lao động trong tổ chức, hướng dẫn cho người học thực hành, thực tập; 2.7.09 - Một số hình ảnh đi tham quan, thực tập của HSSV**)

Nhà trường tự đánh giá đạt yêu cầu của tiêu chuẩn.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 7 tiêu chí 2: 01 điểm

Tiêu chuẩn 8: *Phương pháp đào tạo được thực hiện kết hợp rèn luyện năng lực thực hành với trang bị kiến thức chuyên môn; phát huy tính tích cực, tự giác, năng động, khả năng làm việc độc lập của người học, tổ chức làm việc theo nhóm.*

Mô tả, phân tích, nhận định:

Từ năm 2017, việc tổ chức và thực hiện chương trình đào tạo trình độ Trung cấp và Cao đẳng theo Thông tư 09/2017/TT-BLĐTBXH ngày 13/3/2017 của Bộ Lao

động - Thương binh & Xã hội được thiết kế đảm bảo tỷ lệ lý thuyết và thực hành theo quy định. Thời lượng thực hành, thực tập của ngành nghề được thể hiện chi tiết trong chương trình đào tạo đã được ban hành (**2.1.02- Quyết định số 451B/QĐ-CĐCS năm 2020; Quyết định số 592/QĐ-CĐCS năm 2022 của Hiệu trưởng về việc ban hành chương trình đào tạo các ngành trình độ Trung cấp ; Quyết định số 606/QĐ-CĐCS ngày 20/12/2022 của Hiệu trưởng về việc ban hành chương trình đào tạo các ngành trình độ Cao đẳng**), việc triển khai thực hiện chương trình được thể hiện cụ thể trong phần mềm QLĐT (**2.3.12- Phần mềm Quản lý đào tạo**).

Các môn học đều có giáo án giảng dạy, trong đó thể hiện rõ giáo viên thực hiện nhiều phương pháp dạy học phát huy được tính tích cực, tự giác, năng động, khả năng làm việc độc lập của người học, tổ chức làm việc theo nhóm của người học như thuyết trình, thảo luận, làm bài tập nhóm,...(**2.6.01- Hồ sơ giảng dạy (Sổ lên lớp, giáo án giảng dạy, sổ tay nhà giáo của các ngành, nghề đào tạo)**).

Mỗi năm học, giáo viên đều phải thực hiện việc dự giờ chuyên môn theo quy định, có sổ dự giờ chuyên môn, trong đó thể hiện rõ giáo viên thực hiện nhiều phương pháp dạy học phát huy được tính tích cực, tự giác, năng động, khả năng làm việc độc lập của người học, tổ chức làm việc theo nhóm của người học (**2.8.01- Kế hoạch, biên bản dự giờ năm 2021, 2022, 2023; 1.11.03- Kế hoạch thanh tra, kiểm tra hoạt động đào tạo năm 2021, 2022, 2023**). Bên cạnh đó, hai năm một lần, nhà trường đều có xây dựng kế hoạch và triển khai tổ chức Hội giảng cấp trường để trao đổi học hỏi kinh nghiệm, phương pháp giảng dạy giữa các giáo viên và chọn ra những giáo viên dạy giỏi để tham gia Hội giảng các cấp (**2.8.02- Hồ sơ Hội giảng cấp trường năm 2020, năm 2023; hồ sơ Hội giảng cấp Bộ năm 2021**). Kết thúc năm học nhà trường đều có triển khai lấy phiếu khảo sát từ học sinh, sinh viên và lấy ý kiến từ giáo viên về tính hiệu quả của phương pháp dạy học đã được áp dụng trong năm học vừa qua (**1.7.10- Phiếu khảo sát ý kiến của học sinh, sinh viên và giáo viên về phương pháp đào tạo năm học 2020-2021, 2021-2022. 2022-2023**).

Sau khi thực hiện khảo sát, phòng QLĐT sẽ tổng hợp kết quả và làm báo cáo trình BGH (**2.8.03- Báo cáo tổng hợp kết quả khảo sát của học sinh, sinh viên và giáo viên về phương pháp đào tạo năm học 2020-2021, 2021-2022, 2022-2023**).

Nhà trường tự đánh giá đạt yêu cầu của tiêu chuẩn.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 8 tiêu chí 2: 01 điểm

Tiêu chuẩn 9: *Trường thực hiện ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động dạy và học.*

Mô tả, phân tích, nhận định:

Hiện Nhà trường đang sử dụng phần mềm QLĐT do Công ty Cổ phần Công nghệ thông tin và viễn thông BSC cung cấp. Phần mềm cho phép thực hiện công tác quản lý học sinh, sinh viên từ việc nhập thông tin, quản lý theo lớp học, nhập điểm thành phần và kết xuất các danh sách phục vụ công tác thi cử, xét tốt nghiệp,...Phần mềm cho phép phân quyền công việc, phòng QLĐT và các giáo viên của các Khoa có thể nhập điểm và phòng Đào tạo quản lý điểm trực tuyến. Các thành viên được phân quyền có thể xem được tiến độ đào tạo của năm học cũng như kết quả học tập của từng học sinh, sinh viên. Bên cạnh đó việc thực hiện công tác quản lý ngân hàng đề thi, trộn đề thi để in sao đề thi kết thúc môn học nhà trường đều thực hiện bằng phần mềm thi trắc nghiệm có liên kết với phần mềm QLĐT này (**2.3.12- Phần mềm Quản lý đào tạo ; 2.9.01- Phần mềm thi trắc nghiệm**).

Trong giảng dạy, 100% giáo viên của trường đều sử dụng bài giảng điện tử, ngoài ra một số Khoa còn sử dụng phần mềm Misa, SPSS, Photoshop trong giảng dạy một số chuyên ngành như Kế toán, Tin học ứng dụng (**2.9.02- Phần mềm thực hành kế toán Misa**).

Trong năm 2023, nhà trường đã thực hiện đầu tư 8 cabin thực tế ảo để đào tạo học lái xe các hạng. Các cabin đều đủ tiêu chuẩn do Bộ Giao thông vận tải đề ra (**2.9.03- Cabin học lái xe ô tô**).

Trong những năm qua, Nhà trường đầu tư mua sắm nhiều trang thiết bị để đẩy mạnh việc ứng dụng công nghệ thông tin vào hoạt động dạy và học. Cụ thể: hơn 50 máy chiếu projector, màn chiếu, thiết bị âm thanh phục vụ cho hoạt động dạy học. Ngoài ra, Nhà trường còn phủ sóng internet không dây (Wifi) toàn trường để giáo viên, HSSV dễ dàng tìm kiếm thông tin phục vụ hoạt động dạy và học. (**2.9.04- Quyết định: Phê duyệt kế hoạch Đầu tư, sửa chữa tài sản mua sắm vật tư, hóa chất phục vụ công tác đào tạo năm 2021, 2022, 2023**).

Như đã trình bày ở tiêu chuẩn 2.8, cuối mỗi năm học nhà trường sẽ thực hiện lấy phiếu khảo sát từ học sinh, sinh viên và lấy ý kiến từ giáo viên về tính hiệu quả của phương pháp dạy học đã được áp dụng trong năm học vừa qua (**1.7.10- Phiếu khảo sát ý kiến của học sinh, sinh viên và giáo viên về phương pháp đào tạo năm học 2020-**

2021, 2021-2022. 2022-2023). Trong phiếu khảo sát sẽ có những câu hỏi liên quan đến mức độ phù hợp của việc ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác đào tạo của nhà trường.

Sau khi thực hiện khảo sát, phòng CTSV sẽ tổng hợp kết quả và làm báo cáo trình BGH (2.8.03- Báo cáo kết quả khảo sát ý kiến học sinh, sinh viên và giáo viên về phương pháp đào tạo năm học 2020-2021, 2021-2022. 2022-2023).

Nhà trường tự đánh giá đạt yêu cầu của tiêu chuẩn.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 9 tiêu chí 2: 01 điểm

Tiêu chuẩn 10: Hàng năm, trường có kế hoạch và tổ chức kiểm tra, giám sát hoạt động dạy và học theo đúng kế hoạch.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Để thực hiện việc kiểm tra, giám sát hoạt động dạy và học, Nhà trường đã thành lập phòng Thanh tra Bảo vệ. Trong Quy chế hoạt động của phòng Thanh tra Bảo vệ, Nhà trường quy định rất rõ chức năng, nhiệm vụ của phòng Thanh tra, trong đó có nhiệm vụ kiểm tra, giám sát hoạt động dạy và học.

Hàng năm, để thực hiện việc kiểm tra, giám sát hoạt động dạy và học, phòng Thanh tra Bảo vệ của trường đều có xây kế hoạch thanh tra, kiểm tra, giám sát các đơn vị; Giám sát việc thực hiện mục tiêu, chương trình, nội dung, kế hoạch đào tạo, quy chế học vụ; Kiểm tra việc thực hiện quy chế thi ở tất cả các bậc học và hệ đào tạo; Giám sát việc thực hiện chế độ chính sách đối với giảng viên và HSSV,... Ngoài ra, phòng Thanh tra còn phối hợp với phòng Công tác sinh viên thường xuyên kiểm tra việc thực hiện nội quy, quy chế của HSSV (1.11.03- Kế hoạch thanh, kiểm tra hoạt động của nhà trường năm 2021, 2022, 2023).

Sau khi thực hiện việc kiểm tra, giám sát hoạt động dạy và học theo kế hoạch hàng năm, phòng Thanh tra khảo thí có tổng hợp kết quả kiểm tra, giám sát (1.11.05- Biên bản thanh, kiểm tra hoạt động của nhà trường năm 2021, 2022, 2023) và báo cáo với BGH nhà trường về những vi phạm trong việc thực hiện Quy chế học vụ, đồng thời kiến nghị các biện pháp sửa đổi, bổ sung, đảm bảo thi hành các quy định về đào tạo tại trường (1.11.04- Báo cáo công tác thanh, kiểm tra hoạt động của nhà trường năm 2021, 2022, 2023).

Kết quả thanh tra, kiểm tra được báo cáo trong các cuộc họp giao ban. Nhà trường có sử dụng kết quả thanh tra, kiểm tra để điều chỉnh các hoạt động dạy và học

và được thể hiện trong phần căn cứ xây dựng kế hoạch hoạt động hàng năm của các đơn vị trực thuộc trường, cũng như trong kế hoạch hoạt động của trường.

Nhà trường tự đánh giá đạt yêu cầu của tiêu chuẩn.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 10 tiêu chí 2: 01 điểm

Tiêu chuẩn 11: *Hàng năm, trường có báo cáo kết quả kiểm tra, giám sát hoạt động dạy và học; có đề xuất các biện pháp nâng cao chất lượng hoạt động dạy và học; kịp thời điều chỉnh các hoạt động dạy và học theo đề xuất nếu cần thiết.*

Mô tả, phân tích, nhận định:

Như đã trình bày tại tiêu chuẩn 10 thuộc tiêu chí 2, nhà trường hàng năm đều có kế hoạch thanh, kiểm tra và giám sát các hoạt động dạy và học. Phòng Thanh tra Bảo vệ sau khi thực hiện việc thanh, kiểm tra sẽ có bản báo cáo gửi BGH (**1.11.04- Báo cáo công tác thanh, kiểm tra hoạt động của nhà trường năm 2021, 2022, 2023**).

Kết quả thanh tra, kiểm tra được báo cáo trong các cuộc họp giao ban. Sau đó, nhà trường sẽ tiến hành lấy ý kiến của toàn bộ giảng viên về các đề xuất về biện pháp nâng cao chất lượng dạy và học cho năm học mới. Trong kế hoạch lấy ý kiến khảo sát hàng năm, nhà trường sẽ thực hiện lấy ý kiến đóng góp của giảng viên về thực hiện điều chỉnh công tác dạy và học và tổng hợp kết quả trình BGH (**1.7.10 – Phiếu khảo sát hiệu quả điều chỉnh công tác dạy và học năm học 2020-2021, 2021-2022, 2022-2023; 2.11.01- Kết quả khảo sát hiệu quả điều chỉnh công tác dạy và học năm học 2020-2021, 2021-2022, 2022-2023**).

Nhà trường tự đánh giá không đạt yêu cầu của tiêu chuẩn.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 11 tiêu chí 2: 0 điểm

Tiêu chuẩn 2.12: *Trường ban hành đầy đủ các quy định về kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp, đánh giá kết quả học tập, rèn luyện, cấp văn bằng, chứng chỉ theo quy định.*

Mô tả, phân tích, nhận định:

Về kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp, đánh giá kết quả học tập: Hàng năm, trường luôn thực hiện đúng theo quy chế đào tạo của Bộ Lao động – Thương binh và xã hội về công tác kiểm tra, thi, đánh giá kết quả học tập của người học cũng như quy định chung của nhà trường. Quy chế đào tạo được áp dụng trong thời điểm hiện tại là Thông tư 04/2022/TT-BLĐTBXH ngày 30 tháng 3 năm 2022 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội đối với trình độ trung cấp và cao đẳng. Nhà trường đã xây

dựng quyết định thực hiện quy chế đào tạo trình độ cao đẳng, trung cấp theo quy định (2.4.01- Quyết định số 432/QĐ-CĐCS ngày 6/9/2021 của Hiệu trưởng nhà trường về Ban hành quy chế Đào tạo trực tuyến; Quyết định số 411/QĐ-CĐCS ngày 29/8/2022; QĐ 113/QĐ-CĐCS ngày 27/3/2023 của Hiệu trưởng nhà trường về Ban hành quy chế tổ chức đào tạo trình độ Trung cấp, trình độ Cao đẳng tại Trường Cao đẳng Công nghiệp Cao su), trong quyết định đã thể hiện đầy đủ quy định về kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp, đánh giá kết quả học tập, điều kiện cấp phát văn bằng, chứng chỉ cho từng trình độ. Bên cạnh đó, nhà trường đã ban hành quy định về đào tạo liên thông giữa các trình độ trong nhà trường để thực hiện tốt công tác tuyển sinh và đào tạo liên thông (2.2.03 - Quyết định số 298^B/QĐ-CĐCS ngày 28 tháng 6 năm 2018 về việc ban hành Quy định về đào tạo liên thông giữa các trình độ trong trường Cao đẳng Công nghiệp Cao su). Ngoài ra, để cụ thể hơn nhà trường còn ban hành quyết định riêng cho quy chế tổ chức thi kết thúc môn học, mô đun (2.12.01- Quyết định số 103/QĐ-CĐCS ngày 22 tháng 3 năm 2023 về việc ban hành Quy chế tổ chức thi kết thúc môn học, mô đun các lớp trình độ Trung cấp, trình độ Cao đẳng tại Trường Cao đẳng Công nghiệp Cao su)

Về đánh giá kết quả rèn luyện học sinh, sinh viên: Nhà trường đã xây dựng Hướng dẫn thực hiện về công tác quản lý học sinh, sinh viên theo quy định tại Thông tư 17/2017/TT-BLĐTĐ ngày 30 tháng 6 năm 2017 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội ban hành quy chế công tác học sinh, sinh viên trong trường trung cấp, trường cao đẳng (2.12.02 – Quyết định 460/QĐ-CĐCS ngày 13/12/2021 về việc ban hành quy chế công tác học sinh, sinh viên)

Về công tác cấp phát văn bằng chứng chỉ: Theo quy định thì nhà trường cũng đã ban hành hướng dẫn thực hiện việc in, quản lý, cấp phát, thu hồi, hủy bỏ bằng tốt nghiệp cao đẳng, trung cấp theo Thông tư 10/2017/TT-BLĐTĐ ngày 13 tháng 3 năm 2017 (2.12.03 – Hướng dẫn số 130/HD-CĐCS ngày 20 tháng 3 năm 2020 về việc thực hiện quy định về mẫu văn bằng - chứng chỉ; in, quản lý, cấp phát, thu hồi, hủy bỏ văn bằng – chứng chỉ). Quá trình cấp phát văn bằng chứng chỉ của nhà trường được lưu trữ và thực hiện theo đúng quy định của Bộ Lao động - Thương binh và xã hội (2.12.04 – Sổ cấp phát chứng chỉ Anh văn, Tin học và bằng tốt nghiệp trình độ Cao đẳng, Trung cấp).

Nhà trường tự đánh giá đạt yêu cầu của tiêu chuẩn.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 12 tiêu chí 2: 01 điểm

Tiêu chuẩn 2.13: *Trong quá trình đánh giá kết quả học tập của người học có sự tham gia của đơn vị sử dụng lao động và theo quy định đặc thù của ngành nếu có.*

Mô tả, phân tích, nhận định:

Hiện nay, nhà trường đang đào tạo 10 ngành nghề trình độ Cao đẳng và 11 ngành nghề trình độ Trung cấp (**2.1.01** - *Danh sách thống kê các ngành nghề, CTĐT của trường năm 2021, 2022, 2023*). Và mỗi trình độ đào tạo, nhà trường đều xây dựng chương trình đào tạo cho từng ngành. Để gắn chương trình đào tạo với thực tiễn hoạt động và nhu cầu của các nhà tuyển dụng lao động thì hàng năm nhà trường đều tiến hành chỉnh sửa, cập nhật mới các nội dung của chương trình đào tạo, giáo trình đào tạo từng ngành nghề với sự tham gia góp ý, xây dựng của các chuyên gia, các đại diện của các đơn vị sử dụng lao động trong tỉnh (**2.13.01** - *Danh sách đơn vị sử dụng lao động tham gia thẩm định chương trình, giáo trình*). Ngoài ra, trong quá trình đào tạo, một số ngành nghề nhà trường có chủ trương mời một số chuyên gia từ các lĩnh vực về giảng dạy một số học phần, từ đó giúp nâng cao kỹ năng nghề nghiệp cho học sinh, sinh viên sau khi tốt nghiệp ra trường.

Các hoạt động đào tạo của trường được triển khai với mục tiêu nhằm đáp ứng các yêu cầu nguồn nhân lực của ngành và các thành phần kinh tế. Hàng năm, nhà trường đều triển khai ký kết hợp tác với các công ty trên địa bàn trong và ngoài tỉnh để hợp tác về trao đổi chuyên môn, xây dựng chương trình, tài liệu giảng dạy; địa điểm cho học sinh sinh viên thực hành, thực tập trong quá trình học tập; giới thiệu việc làm sau khi ra trường. (**2.13.02** – *Biên bản ký kết hợp tác số 275, 276, 277, 278, 279, 280, 281, 282/BBHT ngày 26 tháng 5 năm 2022 giữa Trường Cao đẳng Công nghiệp Cao su với Công ty Cổ phần Thái Việt Corporation, - Công ty Cổ phần Đầu tư Thái Bình - Công ty Cổ phần AUTO Bình Phước - Công ty Cổ phần Kim Tín MDF - Công ty Cổ phần Phát triển hạ tầng kỹ thuật Becamex – Bình Phước - Công ty Cổ phần Dịch vụ ô tô Thành phố mới Bình Dương - Bình Phước - Công ty TNHH MTV Toyota Bình Phước*).

Hàng năm, Trường đã có kế hoạch thực hiện việc đánh giá chất lượng đào tạo đối với người học sau khi ra trường cụ thể: Cuối khóa nhà trường triển khai đưa HSSV đi thực tập tại các doanh nghiệp và được bố trí vào các dây chuyền sản xuất. Thông qua đó đánh giá chất lượng đào tạo và khả năng thích ứng của HSSV với thực

tiền sản xuất. (2.13.03 – Công văn số 507, 508, 509, 510, 511, 512/CĐCS-CTSV ngày 05 tháng 10 năm 2022 về việc gửi HSSV đi thực tập tốt nghiệp tại doanh nghiệp). Trong quá trình thực hành, thực tập thì kết quả học tập, đánh giá kỹ năng nghề của học sinh sinh viên nhà trường cũng được đại diện các công ty, doanh nghiệp tham gia trong công tác đánh giá, nhận xét. (2.13.04 - Kế hoạch số: 564/KH-CĐCS ngày 16 tháng 11 năm 2021 về việc đánh giá kỹ năng nghề thực tập tốt nghiệp tại doanh nghiệp các lớp trung cấp Công nghệ ô tô Khóa 2019; Kế hoạch số: 413/KH-CĐCS ngày 08 tháng 08 năm 2022 về việc đánh giá kỹ năng nghề thực tập tốt nghiệp tại doanh nghiệp các lớp trung cấp Công nghệ ô tô Khóa 2020).

Nhà trường tự đánh giá đạt yêu cầu của tiêu chuẩn.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 13 tiêu chí 2: 01 điểm

Tiêu chuẩn 2.14: Tổ chức thực hiện kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp, đánh giá kết quả học tập, rèn luyện, cấp văn bằng, chứng chỉ theo quy định đảm bảo nghiêm túc khách quan

Mô tả, phân tích, nhận định:

Nhà trường luôn thực hiện đúng quy chế đào tạo của Bộ Lao động - Thương binh và xã hội về kiểm tra, thi, đánh giá kết quả học tập của người học. Nhà trường đã xây dựng quyết định thực hiện quy chế đào tạo trình độ cao đẳng, trung cấp theo quy định 2.4.01- Quyết định số 432/QĐ-CĐCS ngày 6/9/2021 của Hiệu trưởng nhà trường về Ban hành quy chế Đào tạo trực tuyến; Quyết định số 411/QĐ-CĐCS ngày 29/8/2022; QĐ 113/QĐ-CĐCS ngày 27/3/2023 của Hiệu trưởng nhà trường về Ban hành quy chế tổ chức đào tạo trình độ Trung cấp, trình độ Cao đẳng tại Trường Cao đẳng Công nghiệp Cao su), trong quyết định đã thể hiện đầy đủ quy định về kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp, đánh giá kết quả học tập, điều kiện cấp phát văn bằng, chứng chỉ cho từng trình độ. Ngoài ra, để cụ thể hơn nhà trường còn ban hành quyết định riêng cho quy chế tổ chức thi kết thúc môn học, mô đun (2.12.01- Quyết định số 103/QĐ-CĐCS ngày 22 tháng 3 năm 2023 về việc ban hành Quy chế tổ chức thi kết thúc môn học, mô đun các lớp trình độ Trung cấp, trình độ Cao đẳng tại Trường Cao đẳng Công nghiệp Cao su). Về đánh giá kết quả rèn luyện học sinh, sinh viên: Nhà trường đã xây dựng Hướng dẫn thực hiện về công tác quản lý học sinh, sinh viên theo quy định tại Thông tư 17/2017/TT-BLĐTBXH ngày 30 tháng 6 năm 2017 của Bộ Lao động - Thương binh và xã hội ban hành quy chế công tác học sinh, sinh viên trong

trường trung cấp, trường cao đẳng (**2.12.02** – *Quyết định 460/QĐ-CĐCS ngày 13/12/2021 về việc ban hành quy chế công tác học sinh, sinh viên*).

Nhà trường đã thành lập bộ phận Khảo thí thuộc phòng Thanh tra – Bảo vệ chuyên phụ trách công tác đảm bảo chất lượng, tổ chức thi kết thúc môn học, thi tốt nghiệp đúng quy chế, nghiêm túc, chặt chẽ. Các kỳ thi kết thúc môn học có sự giám sát của Ban giám hiệu, bộ phận Thanh tra thuộc phòng Thanh tra – Bảo vệ và phòng Quản lý Đào tạo của nhà trường. Phương pháp kiểm tra đánh giá kết quả học tập của người học được đa dạng hóa với tất cả các hình thức: Tự luận, tích hợp, trắc nghiệm, trực tuyến. Lịch thi của các lớp được thông báo trước kỳ thi theo đúng quy chế đào tạo của nhà trường ban hành (**2.14.01** – *Kế hoạch coi và chấm thi lần 1 tuần 10 học kỳ 1 năm học 2021 – 2022; Kế hoạch coi và chấm thi lần 1 tuần 20, 21 học kỳ 1 năm học 2022 – 2023 (các lớp tại trường); Kế hoạch coi và chấm thi lần 1 tuần 38, 39 học kỳ 2 năm học 2022 – 2023 (các lớp trong trường)*).

Căn cứ kế hoạch đào tạo và quy chế đào tạo, hàng năm nhà trường đều có quyết định thành lập Hội đồng thi tốt nghiệp (**2.14.02** - *Quyết định số: 08/QĐ-CĐCS ngày 08 tháng 01 năm 2021 về việc thành lập hội đồng tốt nghiệp văn hóa, tốt nghiệp chuyên môn các lớp Trung cấp chính quy K2018 năm 2021; Quyết định số: 554/QĐ-CĐCS ngày 17 tháng 11 năm 2022 về việc thành lập hội đồng thi tốt nghiệp văn hóa các lớp Trung cấp chính quy K2020 năm 2022 tại trường; Quyết định số: 437/QĐ-CĐCS ngày 06/11/2023 về việc thành lập hội đồng thi tốt nghiệp văn hóa các lớp chính quy K2021 năm 2023*), *Quyết định số: 440/QĐ-CĐCS ngày 7 tháng 11 năm 2023 về việc thành lập hội đồng xét tốt nghiệp năm 2023*).

Trước mỗi kỳ thi tốt nghiệp, nhà trường đều ban hành cho học sinh sinh viên các thông báo về việc tổ chức kỳ thi (**2.14.03** – *Thông báo số 609/TB-CĐCS ngày 17/12/ 2021 về việc tổ chức kỳ thi tốt nghiệp văn hóa cho học sinh các lớp Trung cấp K2019 hệ chính quy năm 2021; Thông báo số 591/TB-CĐCS ngày 08/11/2022 về việc tổ chức kỳ thi tốt nghiệp văn hóa cho học sinh các lớp Trung cấp K2020 hệ chính quy năm 2022; Thông báo số 642 /TB-CĐCS ngày 01/11/2023 về việc tổ chức kỳ thi tốt nghiệp văn hóa cho học sinh các lớp Trung cấp K2021 hệ chính quy năm 2023*).

Hội đồng thi tốt nghiệp sẽ tiến hành họp để xét duyệt danh sách các học sinh sinh viên đủ điều kiện dự thi (**2.14.04** - *Các BB họp hội đồng thi TN*) và sau đó xây dựng các quyết định HSSV đủ điều kiện dự thi tốt nghiệp (**2.14.05** - *Quyết định*

số: 508/QĐ-CĐCS ngày 31 tháng 12 năm 2021 về việc công nhận danh sách học sinh sinh viên đủ điều kiện dự thi tốt nghiệp văn hóa các lớp Trung cấp K2019 và học sinh các lớp về thi lại tốt nghiệp năm 2021; Quyết định số: 555/QĐ-CĐCS ngày 17 tháng 11 năm 2022 về việc công nhận danh sách học sinh sinh viên đủ điều kiện dự thi tốt nghiệp văn hóa các lớp Trung cấp K2020 năm 2022; Quyết định số: 466/QĐ-CĐCS ngày 21 tháng 11 năm 2023 về việc công nhận danh sách học sinh sinh viên đủ điều kiện dự thi tốt nghiệp năm 2023), quyết định HSSV được công nhận tốt nghiệp (2.14.06 - Quyết định số: 509/QĐ-CĐCS ngày 31 tháng 12 năm 2021 về việc công nhận danh sách học sinh đủ điều kiện tốt nghiệp các lớp Trung cấp Kế toán tin học, Điện công nghiệp và dân dụng, Tin học ứng dụng và Công nghệ ô tô K2019 hệ chính quy năm 2021; Quyết định số: 346/QĐ-CĐCS ngày 28 tháng 6 năm 2022 về việc công nhận danh sách sinh viên đủ điều kiện tốt nghiệp lớp CĐ19KT- hệ chính quy; Quyết định số: 12/QĐ-CĐCS ngày 11 tháng 01 năm 2023 về việc công nhận danh sách học sinh đủ điều kiện tốt nghiệp các lớp Trung cấp K2020 ngành Điện công nghiệp và dân dụng và xét bổ sung các lớp năm 2023). Sau mỗi đợt thi tốt nghiệp, hồ sơ bài thi và biên bản thi tốt nghiệp đều được lưu trữ tại Phòng Thanh tra – Bảo vệ (2.14.07 - Hồ sơ bài thi, BB thi tốt nghiệp 2021, 2022, 2023).

Quá trình cấp phát văn bằng chứng chỉ và bằng tốt nghiệp của nhà trường được lưu trữ và thực hiện theo đúng quy định của Bộ Lao động - Thương binh và xã hội (2.12.04 – Sổ cấp phát chứng chỉ Anh văn, Tin học và bằng tốt nghiệp trình độ Cao đẳng, Trung cấp).

Bên cạnh công tác đánh giá kết quả học tập của học sinh sinh viên thì công tác đánh giá kết quả rèn luyện của học sinh sinh viên cũng được nhà trường chú trọng không kém. Cuối mỗi học kỳ, năm học, khóa học nhà trường đều có tổ chức họp xét của hội đồng thi đua khen thưởng để ban hành ra quyết định công nhận đánh giá kết quả rèn luyện của học sinh sinh viên theo học kỳ, năm học, khóa học. (2.14.08 - Biên bản họp hội đồng thi đua khen thưởng của trường về đánh giá rèn luyện) (2.14.09 - Các Quyết định công nhận đánh giá kết quả rèn luyện học kỳ, năm học).

Hàng năm, qua các đợt thanh kiểm tra, công tác tổ chức kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp, đánh giá kết quả học tập, rèn luyện, cấp văn bằng, chứng chỉ tại trường đều được ghi nhận là thực hiện nghiêm túc, khách quan (**1.11.05 – Biên bản thanh tra của nhà trường về công tác đào tạo năm 2021, 2022, 2023**).

Nhà trường tự đánh giá đạt yêu cầu của tiêu chuẩn.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 14 tiêu chí 2: 01 điểm

Tiêu chuẩn 15: *Hàng năm, trường thực hiện rà soát các quy định về kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp, đánh giá kết quả học tập, rèn luyện, cấp văn bằng, chứng chỉ và kịp thời điều chỉnh nếu cần thiết.*

Mô tả, phân tích, nhận định:

Hàng năm, sau khi kết thúc năm học, phòng QLĐT, phòng CTSV và các Khoa tiến hành tổng kết hoạt động đào tạo, trên cơ sở kết quả hoạt động thực tế, các đơn vị có kế hoạch rà soát các quy định về kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp, đánh giá kết quả học tập, rèn luyện, cấp văn bằng, chứng chỉ để điều chỉnh, bổ sung kịp thời.

Sau khi kết thúc mỗi năm học, phòng TT-BV, phòng QLĐT, phòng CTSV cùng các đơn vị trong trường tiến hành rà soát các quy định về kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp, đánh giá kết quả học tập, rèn luyện, cấp văn bằng, chứng chỉ theo kế hoạch và có báo cáo kết quả rà soát cho lãnh đạo trường, nhất là các vấn đề còn tồn tại để lãnh đạo trường kịp thời chỉ đạo điều chỉnh các quy định trong công tác tổ chức kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp, đánh giá kết quả học tập, rèn luyện, cấp văn bằng, chứng chỉ.

Sau khi rà soát, đánh giá các quy định về kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp, đánh giá kết quả học tập, rèn luyện, cấp văn bằng, chứng chỉ, Nhà trường đã tiến hành chỉnh sửa, bổ sung các quy định và ban hành các quy định mới thay thế cho các quy định cũ và sẽ nghiêm túc thực hiện quy định này.

Nhà trường tự đánh giá không đạt yêu cầu của tiêu chuẩn.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 15, tiêu chí 2: 0 điểm

Tiêu chuẩn 16: *Trường có hướng dẫn và tổ chức thực hiện về đào tạo liên thông theo quy định.*

Mô tả, phân tích, nhận định:

Căn cứ Thông tư 27/2017/BLĐTBXH ngày 21/9/2017 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định đào tạo liên thông giữa các trình độ trong giáo

dục nghề nghiệp, nhà trường đã có hướng dẫn thực hiện tuyển sinh liên thông, ban hành quy định về đào tạo liên thông giữa các trình độ đào tạo (**2.2.03- Quyết định số: 298B/QĐ-CDCS ngày 16/8/2018 ban hành quy định về đào tạo liên thông giữa các Trình độ trong Trường**).

Các ngành nghề tổ chức đào tạo liên thông được thực hiện theo quy định, cụ thể: các ngành nghề đào tạo liên thông ở từng trình độ đều đã được Tổng cục giáo dục nghề nghiệp cấp phép (**2.1.01- Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp số 389/2017/GCNĐKHD-TCGDNN ngày 14/11/2017 và số 45//2017/GCNĐKHD-TCGDNN ngày 30/05/2019 của Tổng cục trưởng Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp**). Việc tuyển sinh các ngành nghề liên thông luôn được thông tin đến người học có nhu cầu thông qua thông báo tuyển sinh (**2.16.01- Thông báo Số: 453 TB/CDCS ngày 05/9/2022 về việc tuyển sinh Trung cấp, Cao đẳng liên thông hệ chính quy**). Trước khi khai giảng lớp liên thông thì trường cũng ban hành kế hoạch đào tạo (**2.16.02-Tiến độ giảng dạy lớp CD21KT-LT và lớp CD22KT-LT**), chương trình đào tạo liên thông được xây dựng trên cơ sở các trình độ đào tạo của từng ngành, trước khi mở lớp đào tạo nhà trường tổ chức xây dựng và ký ban hành chương trình khung và chương trình chi tiết các mô đun/môn học theo quy định (**2.16.03- Chương trình đào tạo liên thông Cao đẳng Kế toán; Chương trình đào tạo liên thông Cao đẳng Khoa học cây trồng; Chương trình đào tạo liên thông Cao đẳng công nghệ kỹ thuật Điện – Điện tử; Chương trình đào tạo liên thông Cao đẳng Công nghệ ô tô; Chương trình đào tạo liên thông Cao đẳng Công nghệ thông tin**).

Song song với việc đào tạo liên thông các trình độ trong trường, trường đã tổ chức liên kết đào tạo liên thông từ Cao đẳng lên Đại học với các trường khác nhằm tạo điều kiện cho học sinh, sinh viên trong trường và người học có được trình độ học vấn cao hơn (**2.16.04 - Hợp đồng số:08/HĐCTTS-ĐHBD ngày 22/12/2021 cộng tác tuyển sinh; Hợp đồng số:55/HĐ-ĐHSPKTVL-SDH ngày 01/7/2022 tổ chức lớp đại học hình thức vừa làm vừa học ngành công nghệ kỹ thuật ô tô; Biên bản thỏa thuận liên kết đào tạo số:60/BBTTLK/ĐTVLVH ngày 22/11/2022**).

Hàng năm nhà trường đều có tổng kết và lấy khảo sát ý kiến của người học và nhà giáo (**1.7.10- Ý kiến của người học, nhà giáo, cán bộ quản lý về hoạt động đào tạo liên thông; 2.16.05- Báo cáo kết quả khảo sát lấy ý kiến tổ chức đào tạo liên thông của trường hàng năm (2021.2022.2023)**)

Nhà trường tự đánh giá đạt yêu cầu của tiêu chuẩn.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 16 tiêu chí 2: 01 điểm

Tiêu chuẩn 17: *Trường có cơ sở dữ liệu về các hoạt động đào tạo và tổ chức quản lý, sử dụng hiệu quả.*

Mô tả, phân tích, nhận định:

Từ nhiều năm qua, song song với việc cung cấp các dịch vụ cơ bản cho người học, Nhà trường đã triển khai nhiều hình thức tổ chức quản lý và sử dụng các dữ liệu về hoạt động đào tạo (thông tin người học, kết quả học tập...) như quản lý điểm, sơ yếu lý lịch của HSSV trên phần mềm tích hợp (**2.3.12- Phần mềm quản lý đào tạo, HSSV**), lưu trữ hồ sơ học nghề, kết quả học tập của người học bằng bản giấy và file mềm.

Căn cứ chức năng, nhiệm vụ của các đơn vị trực thuộc, nhà trường đã có văn bản quy định về xây dựng, quản lý, sử dụng, lưu trữ dữ liệu về các hoạt động đào tạo (**2.4.01- Quyết định số 432/QĐ-CĐCS ngày 6/9/2021 của Hiệu trưởng nhà trường về Ban hành quy chế Đào tạo trực tuyến; Quyết định số 411/QĐ-CĐCS ngày 29/8/2022; QĐ 113/QĐ-CĐCS ngày 27/3/2023 của Hiệu trưởng nhà trường về Ban hành quy chế tổ chức đào tạo trình độ Trung cấp, trình độ Cao đẳng tại Trường Cao đẳng Công nghiệp Cao su.**). Trường có cơ sở dữ liệu về các hoạt động đào tạo gồm: xây dựng, lựa chọn, chỉnh sửa, bổ sung chương trình, giáo trình đào tạo; tuyển sinh; kiểm tra, thi, xét, công nhận tốt nghiệp; đánh giá kết quả học tập, rèn luyện, cấp văn bằng, chứng chỉ cho người học; khảo sát học sinh sau tốt nghiệp; khảo sát doanh nghiệp, đơn vị sử dụng lao động; cơ sở dữ liệu về nhà giáo; cơ sở vật chất thiết bị; thư viện (**2.17.01 - Thông tin về cơ sở dữ liệu các hoạt động đào tạo (xây dựng, lựa chọn, chỉnh sửa, bổ sung chương trình, giáo trình đào tạo; tuyển sinh; kiểm tra, thi, xét, công nhận tốt nghiệp; đánh giá kết quả học tập, rèn luyện, cấp văn bằng, chứng chỉ cho người học; khảo sát học sinh sau tốt nghiệp; khảo sát doanh nghiệp, đơn vị sử dụng lao động; cơ sở dữ liệu về nhà giáo; cơ sở vật chất thiết bị; thư viện)**

Nhiệm vụ tổ chức quản lý và sử dụng các dữ liệu về hoạt động đào tạo của Nhà trường được thực hiện thường xuyên từ việc xây dựng, nâng cấp và sử dụng phần mềm quản lý đào tạo để lưu trữ hồ sơ, thông tin, kết quả học tập của người học; bên cạnh đó trường cũng thành lập website: ric.edu.vn nhằm thông tin đến khách hàng về các hoạt động đào tạo và của trường (**2.17.02- Hợp đồng nâng cấp và bảo hành phần mềm BSC EMIS general số: 09052022/ BSC-CNCS;)**

Quản lý, sử dụng dữ liệu về các hoạt động đào tạo là nhiệm vụ bắt buộc và quan trọng trong trường cao đẳng, góp phần nâng cao chất lượng hoạt động của nhà trường vì thế nhà trường luôn tập trung đầu tư cải tiến việc quản lý, sử dụng để đem lại hiệu quả cao nhất. Hàng năm, các đơn vị trực thuộc trong trường đều có báo cáo tổng kết hoạt động (**1.5.01- Báo cáo tổng kết và phương hướng nhiệm vụ các đơn vị năm 2021, 2022;2023**), bên cạnh đó nhà trường cũng có báo tổng kết hoạt động của năm (**1.4.06- Báo cáo số: 56/BC-CĐCS ngày 25/01/2021 báo cáo tổng kết hoạt động năm 2020 và phương hướng, nhiệm vụ năm 2021; Báo cáo số: 13/BC-CĐCS ngày 10/01/2022 báo cáo tổng kết hoạt động năm 2021 và phương hướng, nhiệm vụ năm 2022; Báo cáo số: 91/BC-CĐCS ngày 03/3/2023 báo cáo tổng kết hoạt động năm 2022 và phương hướng, nhiệm vụ năm 2023**). Nhà trường cũng triển khai lấy ý kiến của người học, nhà giáo về hoạt động đào tạo (**1.7.10- Phiếu khảo sát lấy ý kiến của người học, nhà giáo, cán bộ quản lý về hoạt động đào tạo**). Kết quả qua những báo cáo thì không có tồn tại gì về việc quản lý và sử dụng dữ liệu về các hoạt động đào tạo. (**2.17.03- Báo cáo tổng kết lấy ý kiến của người học, nhà giáo, cán bộ quản lý về hoạt động đào tạo**)

Nhà trường thường xuyên rà soát việc quản lý, sử dụng dữ liệu về các hoạt động đào tạo (thông tin người học, kết quả học tập...) để thực hiện đúng quy định hiện hành, nâng cao hiệu quả hoạt động quản lý, sử dụng dữ liệu về các hoạt động đào tạo.

Xây dựng cơ sở dữ liệu về các hoạt động đào tạo là nhiệm vụ quan trọng trong việc quản lý học sinh, sinh viên trong thời kỳ công nghệ thông tin bùng nổ là hết sức quan trọng và cấp bách, chính vì thế trong thời gian tới Nhà trường tiếp tục đẩy mạnh việc áp dụng nghệ công tin vào quản lý hoạt động đào tạo (thông tin người học, kết quả học tập...), sử dụng quản lý dữ liệu phục vụ người học, từ đó giúp nhà trường đẩy nhanh tốc độ tương tác giữa người học, dễ dàng phân tích, tổng hợp, đánh giá kết quả người học.

Nhà trường tự đánh giá đạt yêu cầu của tiêu chuẩn.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 17 tiêu chí 2: 01 điểm

3.2.3 Tiêu chí 3 - Nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức và người lao động

Đánh giá tổng quát tiêu chí 3:

Đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức và người lao động giữ vai trò quan trọng trong mọi hoạt động của Nhà trường. Qua hơn 45 năm xây dựng và phát triển, trường đã đào tạo và bồi dưỡng được một đội ngũ giảng viên trực tiếp giảng dạy và

cán bộ quản lý có trình độ chuyên môn cao, năng lực sư phạm và có trình độ quản lý tốt. Đặc biệt, Ban giám hiệu trường rất quan tâm đến việc bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ sư phạm, nghiệp vụ quản lý cho đội giáo viên và cán bộ quản lý. Tính đến tháng 11/2023, Nhà trường có 144 CBVC (Nam: 95, Nữ: 49); trong đó trình độ tiến sĩ 03, thạc sĩ 37, đại học 41, cao đẳng 02 trung cấp 30, khác 31 là công nhân khai thác cao su.

Bên cạnh đó, trường cũng chú trọng công tác bồi dưỡng, đào tạo đội ngũ cán bộ quản lý mang tính kế thừa về kinh nghiệm, công tác chuyên môn, độ tuổi ở từng vị trí công tác. Việc đề bạt, bổ nhiệm cán bộ được tuyển chọn và thực hiện đúng Quy trình thủ tục hiện hành và có chính sách hỗ trợ bồi dưỡng nâng cao trình độ về mọi mặt; đồng thời có rà soát, bổ sung theo từng giai đoạn. Đội ngũ cán bộ viên chức và người lao động đáp ứng được yêu cầu công việc của trường. Đây chính là nguồn lực đóng góp rất lớn vào việc nâng cao chất lượng đào tạo giúp nhà trường ngày càng phát triển chất lượng đào tạo.

Công tác thanh tra, kiểm tra được thực hiện thường xuyên và định kỳ, quá trình thực hiện minh bạch, rõ ràng, công khai các vấn đề; đã tạo được niềm tin trong CBVC và học sinh.

** Những điểm mạnh:*

Ban giám hiệu nhà trường là những người có phẩm chất đạo đức tốt, năng lực chuyên môn vững vàng; khả năng điều hành, quản lý và hoạch định chiến lược phát triển đơn vị tốt; tâm huyết với nghề và luôn quan tâm đến chính sách phát triển của nhà trường.

Có hệ thống văn bản quy định về tổ chức, cơ chế quản lý rõ ràng đảm bảo quyền tự chủ, chịu trách nhiệm trong mọi hoạt động của Nhà trường. Hệ thống văn bản nội bộ thực hiện hàng năm được rà soát, điều chỉnh, bổ sung thường xuyên trong hội nghị CBVC, các cuộc họp giao ban, cuộc họp chuyên đề đảm bảo đúng quy định của pháp luật và phù hợp với thực tế của Nhà trường.

Nhà trường có cơ cấu tổ chức hợp lý, phù hợp với quy định của Nhà nước cũng như với các mục tiêu, nhiệm vụ phát triển của Trường trong từng giai đoạn; Các đơn vị trực thuộc đều có quy chế làm việc, quy định chức năng, nhiệm vụ rõ ràng. Công tác phân cấp quản lý được thực hiện đến các bộ phận trong Nhà trường để tổ chức hoạt động có hiệu quả thiết thực.

Đội ngũ cán bộ quản lý cấp trường, phó các phòng, khoa, ban, trung tâm luôn năng động sáng tạo trong công tác quản lý điều hành, đáp ứng được nhu cầu thực tế tại Nhà trường. Đây chính là một trong những yếu tố quan trọng góp phần vào việc thúc đẩy Nhà trường phát triển đồng bộ.

Đội ngũ giảng viên của trường đạt chuẩn về trình độ chuyên môn, kỹ năng thực hành, ngoại ngữ và tin học theo quy định; luôn nhiệt tình, năng nổ với mọi công việc; thể hiện tinh thần trách nhiệm và tính tự giác cao trong mọi hoạt động; tích cực học hỏi, ứng dụng phương pháp dạy học tiên tiến nhằm nâng cao chất lượng đào tạo đáp ứng yêu cầu ngày càng cao của người học và các đơn vị sử dụng lao động.

Tổ chức Đảng, Đoàn thể trong Nhà trường phát huy được sức mạnh tập thể tạo không khí thi đua trong học tập và làm việc. Nội bộ đoàn kết, thống nhất thực hiện nhiệm vụ đề ra hàng năm. Công tác tuyển dụng, bổ nhiệm, đánh giá, phân loại nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức và người lao động; công tác thanh tra, kiểm tra có kế hoạch, tổ chức thực hiện theo đúng quy trình, công khai, dân chủ, tạo niềm tin trong CBVC - GV và HS trong toàn Trường.

** Những tồn tại:*

Do thực hiện việc chuyển đổi từ giáo dục chuyên nghiệp sang giáo dục nghề nghiệp nên giảng viên của trường đạt chuẩn về nghiệp vụ sư phạm giảng dạy lý thuyết còn giảng dạy thực hành thì chỉ một số Giảng viên giảng dạy ngành Công nghệ thông tin có Chứng chỉ kỹ năng nghề phù hợp với ngành, nghề đang giảng dạy theo quy định của Thông tư số 08/2017/TT-BLĐTBXH ngày 10/3/2017 Quy định chuẩn về chuyên môn, nghiệp vụ của nhà giáo giáo dục nghề nghiệp của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.

Do công tác tuyển sinh thiếu ổn định qua các năm cộng với điều kiện biến động giá cả thị trường nên chế độ chính sách nhằm động viên và khuyến khích đối với CBGV đi đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, lý luận chính trị phục vụ cho Nhà trường vẫn còn hạn chế.

Đội ngũ cán bộ làm công tác đặc thù như: thanh tra, đảm bảo chất lượng chưa được đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ thường xuyên, đa số là làm việc kiêm nhiệm.

** Kế hoạch nâng cao chất lượng:*

Phấn đấu từ nay đến hết năm 2024, toàn thể giảng viên của trường sẽ đạt chuẩn giảng dạy thực hành theo quy định của Thông tư số 08/2017/TT-BLĐTBXH ngày

10/3/2017 Quy định chuẩn về chuyên môn, nghiệp vụ của nhà giáo giáo dục nghề nghiệp của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.

Từ năm học 2023 - 2024, tăng cường các hoạt động quảng bá hình ảnh của trường, đẩy mạnh các hoạt động dịch vụ nhằm tạo nguồn thu để hỗ trợ CBGV đi đào tạo, bồi dưỡng, học tập nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, lý luận chính trị.

Xây dựng kế hoạch bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ cho cán bộ làm công tác thanh tra, kiểm tra, đảm bảo chất lượng để đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ cho công việc và phát triển Trường.

Điểm đánh giá tiêu chí 3

Tiêu chí, tiêu chuẩn	Điểm tự đánh giá
Tiêu chí 3	14
Tiêu chuẩn 1	1
Tiêu chuẩn 2	1
Tiêu chuẩn 3	1
Tiêu chuẩn 4	1
Tiêu chuẩn 5	0
Tiêu chuẩn 6	1
Tiêu chuẩn 7	1
Tiêu chuẩn 8	1
Tiêu chuẩn 9	1
Tiêu chuẩn 10	1
Tiêu chuẩn 11	1
Tiêu chuẩn 12	1
Tiêu chuẩn 13	1
Tiêu chuẩn 14	1
Tiêu chuẩn 15	1

Tiêu chuẩn 1: Có quy định về việc tuyển dụng, sử dụng, quy hoạch, bồi dưỡng, đánh giá, phân loại nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức và người lao động theo quy định:

Mô tả, phân tích, nhận định:

Công tác tổ chức cán bộ, quản lý nhân sự là yếu tố cơ bản nhất trong hệ thống

quản lý của một đơn vị. Trong thời gian qua dưới sự chỉ đạo sâu sát của Đảng ủy, Ban giám hiệu nhà trường, sự phối hợp hài hòa giữa các đơn vị trực thuộc nên trường đã có những chuyển biến tích cực trong công tác này. Đội ngũ cán bộ quản lý, giảng viên, viên chức đảm bảo yêu cầu về chuyên môn, nghiệp vụ, tổ chức ngày càng ổn định. Công tác tuyển dụng nhân sự tại Trường luôn được Ban Giám hiệu nhà trường quan tâm chỉ đạo; Nhà trường có quy chế tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức (**3.1.01 – QĐ 398/QĐ-CĐCS, Quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức**).

Công tác đánh giá, phân loại nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức và người lao động luôn được nhà trường rất quan tâm; căn cứ các hướng dẫn của nhà nước, nhà trường xây dựng Quy chế đánh giá phân loại cán bộ, viên chức (**3.1.02 – Quyết định 449/QĐ-CĐCS, ngày 02/10/2020 về việc ban hành Quy chế đánh giá, phân loại cán bộ, viên chức trường Cao đẳng Công nghiệp cao su**). Đây cũng chính là mục tiêu, động lực để toàn thể cán bộ, giảng viên, viên chức và người lao động trong toàn Trường nỗ lực phấn đấu góp phần nâng cao chất lượng đào tạo của nhà trường. (**3.1.03 – Hướng dẫn tổng kết, phân loại năm 2021, 2022, 2023; Hướng dẫn tổng kết năm học 2022 – 2023, năm học 2021 – 2022**)

Trường luôn quan tâm đặc biệt đến xây dựng quy hoạch đội ngũ CB-VC và NLD có trình độ, năng lực, nhiệt tình và có trách nhiệm trên các mặt: đạo đức nghề nghiệp, năng lực chuyên môn giỏi, có phương pháp giảng dạy và năng lực quản lý. Trường đã ban hành Quy định về công tác quy hoạch cán bộ, xây dựng và phê duyệt danh sách nguồn cán bộ quy hoạch lãnh đạo phòng, khoa, trung tâm giai đoạn 2021 – 2026 (**3.1.04 – Quy định số 80-QĐ/ĐU ngày 18/08/2022 về công tác quy hoạch cán bộ**)

Công tác bồi dưỡng, phát triển đội ngũ, nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ luôn được nhà trường chú trọng và tạo điều kiện tốt nhất để cán bộ quản lý, nhà giáo, viên chức và người lao động tham gia (**3.1.05 – Quyết định ban hành Quy chế đào tạo, bồi dưỡng; 3.1.06 – Kế hoạch đào tạo bồi dưỡng năm 2021, 2022, 2023**)

Nhà trường đã ban hành quy chế dân chủ cơ sở, thực hiện dân chủ trong quản lý, đào tạo, chế độ chính sách cho CB - CNV – NLD, đảm bảo lợi ích cho CBVC nhằm thúc đẩy phong trào thi đua, hoàn thành nhiệm vụ chính trị của Nhà trường. (**1.4.02 – Quyết định 169/QĐ-CĐCS năm 2018 về việc ban hành Quy chế dân chủ cơ sở; 3.1.08 – Kế hoạch triển khai thực hiện Quy chế dân chủ cơ sở năm 2021, 2022,**

2023)

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 1 tiêu chí 3 : 01 điểm

Tiêu chuẩn 3.2: Tổ chức thực hiện tuyển dụng, sử dụng, quy hoạch, bồi dưỡng, đánh giá, phân loại nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức và người lao động theo quy định, đảm bảo công khai, minh bạch, khách quan; thực hiện đầy đủ chính sách, chế độ cho nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức, người lao động theo quy định:

Mô tả, phân tích, nhận định:

Trường có đầy đủ các văn bản quy định về việc tuyển dụng, sử dụng, quy hoạch, bồi dưỡng, đánh giá, phân loại nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức và người lao động theo quy định (**3.1.01 – QĐ 398/QĐ-CĐCS, Quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức**).

Về công tác tuyển dụng, Trường các đơn vị trực thuộc Trường là người trực tiếp đề xuất bằng văn bản tuyển dụng nhân sự cho đơn vị mình theo đúng chức năng nhiệm vụ, phù hợp với quy định pháp luật của nhà nước và quy định của nhà trường. Ban giám hiệu xem xét và phê duyệt các đề xuất tuyển dụng nhân sự trên cơ sở phân tích nhu cầu thực tế công việc, cơ cấu tổ chức cũng như quy mô hoạt động từng đơn vị (**3.2.01 – Thông báo tuyển dụng**)

Hàng năm nhà trường triển khai cho các bộ phận trực thuộc đăng ký bồi dưỡng đào tạo cho cán bộ, giảng viên làm cơ sở để xây dựng kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ cho nhà trường (**3.1.06- Kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng hàng năm**). Căn cứ vào nhu cầu thực tế của các Phòng, Khoa, Trung tâm về việc bồi dưỡng cập nhật và nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ cho CB-CNV-NLĐ, Nhà trường ra quyết định cho cán bộ, công nhân viên đi học tập, bồi dưỡng (**3.2.02 – Quyết định cử cán bộ, viên chức đi học**)

Về thực hiện công tác quy hoạch, bổ nhiệm: nhằm thực hiện chiến lược phát triển đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý giai đoạn giai đoạn 2021-2026 và giai đoạn 2026 – 2031 nhà trường đã xây dựng và thực hiện quy hoạch cán bộ quản lý và tiến hành rà soát hàng năm theo quy định. Căn cứ quy hoạch, trường có kế hoạch bổ nhiệm cán bộ quản lý phục vụ cho nhiệm vụ của trường. Việc bổ nhiệm cán bộ quản lý tuân thủ theo đúng quy trình. Hàng năm trên cơ sở kế hoạch bổ nhiệm những cán bộ quản lý còn thiếu, phục vụ cho nhiệm vụ của trường, trường đều có báo cáo công tác bổ nhiệm cán bộ quản lý (**3.2.03 - Hồ sơ quy hoạch cán bộ; 3.2.04 – Các văn bản thực**

hiện Quy hoạch cán bộ năm 2021, 2022, 2023)

Về việc thực hiện công tác đánh giá, phân loại nhà giáo, CBQL, viên chức và người lao động: vào cuối mỗi năm dương lịch, nhà trường có thông báo, hướng dẫn cụ thể công tác đánh giá và phân loại viên chức và có báo cáo kết quả thực hiện công tác đánh giá về Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam, đồng thời công bố công khai kết quả cuối cùng trên cổng thông tin điện tử nhà trường (**3.2.05- Kết quả công nhận đánh giá, xếp loại viên chức năm 2021, 2022**)

Nhà trường cũng ban hành quy chế thi đua khen thưởng, quy định về phân loại, đánh giá CB viên chức trong nhà trường làm động lực thúc đẩy tinh thần thi đua, hăng say lao động trong cán bộ CNV. Hằng năm, nhà trường thực hiện việc bình xét thi đua theo đúng quy định của luật Thi đua khen thưởng và quy chế thi đua của nhà trường, đồng thời thực hiện việc đánh giá phân loại viên chức theo quy định quản lý cán bộ viên chức (**3.2.06 – Quyết định Công nhận kết quả bình xét thi đua 2021, 2022, 2023**). Căn cứ quyết định công nhận xếp loại thi đua hàng năm, nhà trường giải quyết chế độ khen thưởng theo đúng quy định của nhà cấp trên và của nhà trường (**3.2.07– Quyết định chi tiền khen thưởng A,B,C**)

Nhà trường đặc biệt chú trọng việc thực hiện chính sách, chế độ cho nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức, người lao động hàng năm. Cụ thể hóa bằng các chế độ khuyến khích như: hỗ trợ tài chính, tạo điều kiện về thời gian cho nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức đi đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ để phục vụ yêu cầu phát triển của Trường về lâu dài. Để đảm bảo tính dân chủ và hiệu quả trong các hoạt động của Trường, hàng năm BCH Công đoàn phối hợp với Ban Giám hiệu nhà trường tổ chức hội nghị CBVC. Hội nghị đã phát huy tinh thần dân chủ, CBVC được tham gia đóng góp ý kiến, được thảo luận các chỉ tiêu phương hướng hoạt động của Nhà trường năm tới; qua hội nghị các chế độ chính sách cũng được bàn thảo và được cụ thể hóa vào các quy chế của Nhà trường. Những nội dung này đều được báo cáo hàng năm bằng văn bản cho các đơn vị có liên quan (**1.4.06 - Báo cáo tổng kết và phương hướng nhiệm vụ của Trường hàng các năm 2021, 2022; 1.4.07 - Biên bản Hội nghị cán bộ viên chức năm 2021, 2022, 2023**)

Hàng năm nhà trường đều thực hiện việc khảo sát, lấy ý kiến của người lao động về những nội dung đào tạo bồi dưỡng, việc đảm bảo chế độ, chính sách cho người lao động (**1.7.10 – Phiếu khảo sát cán bộ, viên chức và người lao động; 3.2.08 –**

Báo cáo kết quả khảo sát cán bộ, viên chức và người lao động)

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 2 tiêu chí 3 : 01 điểm

Tiêu chuẩn 3: Đội ngũ nhà giáo của trường tham gia giảng dạy đạt chuẩn về chuyên môn, nghiệp vụ và các tiêu chuẩn hiện hành khác nếu có:

Mô tả, phân tích, nhận định:

Đến nay, Nhà trường đã có đủ số lượng giảng viên đứng lớp giảng dạy các môn, môn học cho tất cả các ngành đang đào tạo cho hai bậc: Cao đẳng và Trung cấp. Tất cả các giáo viên đều đạt chuẩn về trình độ chuyên môn được đào tạo và nghiệp vụ sư phạm, các giảng viên dạy thực hành đều đạt chuẩn về kỹ năng thực hành theo quy định. Cụ thể: nhà trường hiện có 53 giảng viên – CBQL tham gia giảng dạy; Trong đó trình độ tiến sĩ là 03 người, thạc sĩ là 37 người, còn lại có trình độ đại học. Giảng viên tham gia giảng dạy đều có chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm theo quy định. Hầu hết giảng viên của Trường đều ứng dụng công nghệ thông tin trong chuyên môn, sử dụng powerpoint để soạn bài giảng, giáo án trong giảng dạy, có trình độ tin học đạt Chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản theo quy định tại Thông tư số 03/2014/TT-BTTTT ngày 11/3/2014 của Bộ Thông tin và truyền thông. Trình độ ngoại ngữ của giảng viên từ trình độ A2 trở lên theo Khung Ngoại ngữ 6 bậc quy định tại Thông tư số 08/2017/TT- BLĐTBXH ngày 10/3/2017 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội (**3.3.01 – Danh sách trích ngang giảng viên cơ hữu của trường; 3.3.02 – Danh sách trích ngang CBQL tham gia công tác giảng dạy của trường**)

Nhà trường có đầy đủ hồ sơ quản lý nhà giáo theo từng chức danh, chức vụ cụ thể từng đơn vị. Việc quản lý được thực hiện theo Luật viên chức năm 2010 và Nghị định 115/2020/NĐ-CP ngày 25 tháng 9 năm 2020, của Chính phủ quy định về chế độ tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức. Bên cạnh đó, nhà trường cũng thường xuyên cập nhật thông tin dữ liệu của CBVC trong toàn trường khi có thay đổi (**3.3.03- Hồ sơ quản lý nhà giáo**)

Để đảm bảo chất lượng đào tạo, kiểm tra việc thực hiện giảng dạy của nhà giáo, các khoa thường xuyên kiểm tra hồ sơ, ký duyệt giáo án trước khi nhà giáo thực hiện giảng dạy. Ban phương pháp hỗ trợ giảng dạy phối hợp các đơn vị thực hiện dự giờ định kỳ và đột xuất; Phòng Thanh tra – Bảo vệ phối hợp với các khoa thực hiện kiểm tra định kỳ hằng năm hồ sơ nhà giáo. Qua dự giờ và kiểm tra hồ sơ nhà giáo, tất cả nhà giáo đều thực hiện giảng dạy đúng theo thời khóa biểu của Trường và có chuẩn bị đầy

đủ số giáo án có xác nhận của trưởng khoa, bộ môn đầy đủ (**1.11.03**-Kế hoạch thanh, kiểm tra hoạt động của nhà trường năm 2021, 2022, 2023; **1.11.05** - Biên bản thanh, kiểm tra hoạt động của nhà trường năm 2021, 2022, 2023; **1.11.04** - Báo cáo công tác thanh, kiểm tra hoạt động của nhà trường năm 2021, 2022, 2023).

Bên cạnh đó, hàng năm Nhà trường tổ chức thu nhập ý kiến người học về chất lượng, phương thức đào tạo; chất lượng dịch vụ, giảng dạy; từng bước nâng cao chất lượng đào tạo (**1.7.10** – Phiếu khảo sát lấy ý kiến nhà giáo, CBQL; **3.3.04** – Kết quả khảo sát ý kiến nhà giáo, cán bộ quản lý)

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 3 tiêu chí 3 : 01 điểm

Tiêu chuẩn 3.4: Nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức và người lao động thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định và không vi phạm quy chế, nội quy và quy định của trường.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Nhà trường có cơ cấu tổ chức hợp lý, phù hợp với quy định của Nhà nước cũng như với các mục tiêu, nhiệm vụ phát triển của Trường trong từng giai đoạn; Các đơn vị trực thuộc đều có quy chế làm việc, quy định chức năng, nhiệm vụ rõ ràng. Công tác phân cấp quản lý được thực hiện đến các bộ phận trong Nhà trường để tổ chức hoạt động có hiệu quả thiết thực. Đồng thời nhà trường ban hành Nội quy cơ quan mang tính bắt buộc đối với đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức nhằm đảm bảo trật tự và kỷ luật trong tập thể nhà trường (**1.1.02** - Quyết định số 387/QĐ-CĐCS ngày 21/10/2021 ban hành Quy chế tổ chức hoạt động Trường CĐ Công nghiệp Cao su; Quyết định số 200/QĐ-CĐCS ngày 15/5/2023 ban hành Quy chế tổ chức hoạt động Trường CĐ Công nghiệp Cao su; **3.4.01** - Quyết định ban hành Nội quy cơ quan trường Cao đẳng Công nghiệp Cao su)

Đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức và người lao động giữ vai trò quan trọng trong mọi hoạt động của Nhà trường. Qua hơn 45 năm xây dựng và phát triển, trường đã đào tạo và bồi dưỡng được một đội ngũ giảng viên trực tiếp giảng dạy và cán bộ quản lý có trình độ chuyên môn cao, năng lực sư phạm và có trình độ quản lý tốt. Tính đến tháng 12/2023, Nhà trường có 144 CBVC (Nam: 95, Nữ: 49); trong đó trình độ tiến sĩ 03, thạc sĩ 37, đại học 41, cao đẳng 02, trung cấp 30, còn lại 24 công nhân khai thác cao su và 7 người thuộc trình độ khác.

Nhà trường có đầy đủ danh sách trích ngang nhà giáo: họ và tên; mô-đun, môn

học đang giảng dạy; trình độ đào tạo; nghiệp vụ sư phạm; kỹ năng thực hành; ngoại ngữ ; tin học (3.3.01 – Danh sách trích ngang giảng viên cơ hữu của trường; 3.4.03 - Hồ sơ quản lý nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức và người lao động) và danh sách về cán bộ quản lý, viên chức và người lao động theo từng đơn vị cụ thể theo từng chức vụ, trình độ chuyên môn, trình độ chính trị ở từng bộ phận công tác (3.4.02 – Danh sách cán bộ quản lý, người lao động theo các bộ phận của trường).

Trên cơ sở hướng dẫn Luật Viên chức, pháp luật lao động; hướng dẫn của Tập đoàn hàng năm nhà trường đã ban hành Quy chế đánh giá, phân loại viên chức Trường Công nghiệp Cao su. Trong đó có đầy đủ quy trình và các biểu mẫu hướng dẫn nhận xét, đánh giá và phân loại cán bộ quản lý, nhà giáo, viên chức, người lao động. Theo đó, hằng năm Trường sẽ tổ chức cho CBVC-NLĐ tự nhận xét, đánh giá, chấm điểm, thông qua bình xét công khai, dân chủ của các đơn vị theo các tiêu chuẩn quy định (3.1.02 – Quyết định 449/QĐ-CĐCS, ngày 02/10/2020 về việc ban hành Quy chế đánh giá, phân loại cán bộ, viên chức trường Cao đẳng Công nghiệp cao su; 3.1.03– Hướng dẫn tổng kết, phân loại năm 2021, 2022, 2023; Hướng dẫn tổng kết năm học 2022 – 2023, năm học 2021 – 2022) và công nhận kết quả phân loại cán bộ, viên chức, kết quả thi đua hàng năm của cán bộ, viên chức, người lao động (3.2.05- Kết quả công nhận đánh giá, xếp loại viên chức năm 2021, 2022;2023; 3.2.06 – Quyết định Công nhận kết quả bình xét thi đua 2021, 2022; 2023; 1.4.06 - Báo cáo số: 56/BC-CĐCS ngày 25/01/2021 báo cáo tổng kết hoạt động năm 2020 và phương hướng, nhiệm vụ năm 2021; Báo cáo số: 13/BC-CĐCS ngày 10/01/2022 báo cáo tổng kết hoạt động năm 2021 và phương hướng, nhiệm vụ năm 2022; Báo cáo số: 91/BC-CĐCS ngày 03/3/2023 báo cáo tổng kết hoạt động năm 2022 và phương hướng, nhiệm vụ năm 2023).

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 4 tiêu chí 3 : 01 điểm

Tiêu chuẩn 3.5: Trường có đội ngũ nhà giáo đảm bảo tỷ lệ quy đổi; số lượng nhà giáo cơ hữu đảm nhận khối lượng chương trình mỗi ngành, nghề đào tạo theo quy định; trường đảm bảo tỷ lệ nhà giáo có trình độ sau đại học theo quy định.

Mô tả, nhận định, phân tích

Trường có đủ số lượng giảng viên đạt chuẩn về chuyên môn, nghiệp vụ để thực hiện chương trình đào tạo ở hầu hết các chuyên ngành (3.3.01- Danh sách trích ngang giảng viên cơ hữu của trường). Đội ngũ giảng viên ở các bộ môn có cơ cấu tương đối

hợp lí về trình độ và độ tuổi, có đủ năng lực thực hiện nhiệm vụ chuyên môn theo đúng qui định.

Căn cứ văn bản hợp nhất số 5160/VBHN-BLĐTĐBXH ngày 02/12/2019 của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội về quy định chế độ làm việc của nhà giáo giáo dục nghề nghiệp, nhà Trường đều ban hành Hướng dẫn chế độ công tác giáo viên, trong đó quy định rõ số tiết chuẩn của giáo viên, định mức giảng dạy và các chế độ vượt giờ của giáo viên. (**1.12.04- Hướng dẫn số 258/HD-CĐCS ngày 25/05/2021; số 182/HD-CĐCS ngày 13/04/2022 và số 241/HD-CĐCS ngày 15/05/2023 về việc thực hiện chế độ công tác giáo viên năm 2021, 2022, 2023**). Hàng năm, căn cứ vào chương trình đào tạo đã được Hiệu trưởng phê duyệt và chỉ tiêu tuyển sinh, các Khoa phối hợp với Phòng Quản lý Đào tạo xây dựng kế hoạch tiến độ đào tạo toàn khóa; kế hoạch giáo viên giảng dạy từng ngành, nghề, mô đun/môn học chi tiết (**2.4.03 - Kế hoạch, tiến độ đào tạo các lớp năm học 2021-2022; 2022-2023; 2023-2024; 2.4.02- Quyết định trúng tuyển, biên chế lớp các ngành trình độ Trung cấp, Cao đẳng năm 2021, 2022, 2023**).

Kết thúc năm học, nhà trường có thống kê giờ giảng của nhà giáo các từng bộ môn, khoa chuyên môn, từ đó làm căn cứ thanh toán tiền vượt giờ cho nhà giáo theo quy định (**3.5.01 – Bảng thống kê giờ giảng của giáo viên năm 2021, 2022, 2023; 3.5.02 – Bảng thanh toán tiền vượt giờ cho giáo viên năm 2021, 2022, 2023**)

Nhà trường luôn thực hiện đúng quy định về tỷ lệ HSSV/nhà giáo: 25 HSSV/nhà giáo đối với các ngành, nghề thuộc lĩnh vực nhân văn, kinh tế và dịch vụ; 20 HSSV/nhà giáo đối với các ngành, nghề thuộc lĩnh vực kỹ thuật, công nghệ và sức khỏe; 15 HSSV/nhà giáo đối với các ngành nghề yêu cầu về năng khiếu theo quy định hiện hành. Số lượng nhà giáo cơ hữu đảm nhận hơn 65% khối lượng chương trình của mỗi ngành, nghề đào tạo; tỷ lệ nhà giáo có trình độ sau đại học trên 50% (đảm bảo không ít hơn 30% tổng số nhà giáo của trường cao đẳng theo quy định), đảm bảo mỗi ngành nghề giảng dạy trình độ cao đẳng có nhà giáo trình độ thạc sỹ trở lên. (**3.5.03 – Bảng thống kê tỉ lệ quy đổi người học/nhà giáo năm 2021, 2022, 2023**)

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 5 tiêu chí 3 : 0 điểm

Tiêu chuẩn 3.6: Nhà giáo giảng dạy theo nội dung, mục tiêu của chương trình đào tạo và thực hiện đầy đủ các yêu cầu của chương trình đào tạo.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Nhằm nâng cao chất lượng đào tạo, hàng năm nhà trường có xây dựng đầy đủ các Chương trình đào tạo, kế hoạch đào tạo cho từng ngành phù hợp với chương trình đào tạo đã ban hành, chương trình chi tiết đến từng môn học, môđun; cụ thể cho các giờ học lý thuyết, học thực hành, thực tập doanh nghiệp kế hoạch đào tạo cho từng ngành phù hợp với chương trình dạy nghề đã ban hành. **(2.1.02 - Quyết định số 451B/QĐ-CĐCS năm 2020; Quyết định số 592/QĐ-CĐCS năm 2022 của Hiệu trưởng về việc ban hành chương trình đào tạo các ngành trình độ Trung cấp ; Quyết định số 606/QĐ-CĐCS ngày 20/12/2022 của Hiệu trưởng về việc ban hành chương trình đào tạo các ngành trình độ Cao đẳng; 2.4.03 - Kế hoạch, tiến độ đào tạo các lớp năm học 2021-2022; 2022-2023; 2023-2024; 2.5.01 – Thời khóa biểu lên lớp theo tuần của giảng viên).**

Bên cạnh đó, nhà trường cũng rất quan tâm đến việc bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ sư phạm, nghiệp vụ quản lý cho đội ngũ giáo viên và cán bộ quản lý. Nhà trường đã có đủ số lượng giảng viên đứng lớp giảng dạy các môđun, môn học cho tất cả các ngành đang đào tạo cho hai bậc: Cao đẳng và Trung cấp. Tất cả các giáo viên đều đạt chuẩn về trình độ được đào tạo và nghiệp vụ sư phạm, cụ thể: nhà trường hiện có 56 giáo viên; trong đó trình độ tiến sĩ là 03 người, thạc sĩ là 34 người; còn lại có trình độ đại học. Hầu hết giảng viên của Trường đều ứng dụng công nghệ thông tin trong chuyên môn, sử dụng powerpoint để soạn bài giảng, giáo án trong giảng dạy, có trình độ tin học đạt Chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản theo quy định tại Thông tư số 03/2014/TT-BTTTT ngày 11/3/2014 của Bộ Thông tin và truyền thông. Trình độ ngoại ngữ của giảng viên từ trình độ A2 trở lên theo Khung Ngoại ngữ 6 bậc quy định tại Thông tư số 08/2017/TT- BLĐTBXH ngày 10/3/2017 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội. Nhà trường có đầy đủ danh sách trích ngang nhà giáo: họ và tên; mô-đun, môn học đang giảng dạy; trình độ đào tạo; nghiệp vụ sư phạm; kỹ năng thực hành; ngoại ngữ; tin học **(3.3.01 – Danh sách trích ngang giảng viên cơ hữu của trường)**

Đảm bảo chất lượng đào tạo được nhà trường xác định là mục tiêu hàng đầu trong suốt quá trình tồn tại và phát triển. Chính vì vậy, kiểm tra việc thực hiện giảng dạy của giáo viên là nhiệm vụ được nhà trường thực hiện thường xuyên; định kỳ hàng quý các Khoa đều tiến hành tổ chức dự giờ, thao giảng đối với giảng viên theo kế hoạch năm học. Bên cạnh đó, Khoa kết hợp phòng Thanh tra - Bảo vệ còn thực hiện

kiểm tra hồ sơ giáo viên theo từng học kỳ, từng năm học. Qua dự giờ và kiểm tra hồ sơ giáo viên, đội ngũ giáo viên có chuẩn bị đầy đủ sổ giáo án có xác nhận của trưởng khoa trước khi lên lớp, thực hiện đầy đủ các nhiệm vụ giảng dạy theo thời khoá biểu và đảm bảo yêu cầu chất lượng; giảng dạy đúng tiến độ, đúng giờ thông qua phản hồi thông tin từ người học, dự giờ góp ý nâng cao chất lượng giảng dạy và qua việc giám sát giảng dạy của các Khoa và Phòng Quản lý Đào tạo (2.6.01- Sổ lên lớp, giáo án, Sổ tay nhà giáo năm học 2021 – 2022; 2022-2023; 2.8.01 - Các Kế hoạch dự giờ năm 2021, 2022, 2023; 2.8.02 – Phiếu đánh giá tiết dự giờ của ban Phương pháp năm 2021, 2022, 2023)

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 6 tiêu chí 3 : 01 điểm

Tiêu chuẩn 3.7: Trường có chính sách, biện pháp và thực hiện các chính sách, biện pháp khuyến khích nhà giáo học tập và tự bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, đổi mới phương pháp giảng dạy.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Công tác đào tạo, bồi dưỡng cho đội ngũ nhà giáo được Ban Giám hiệu Nhà trường đặc biệt quan tâm. Nhà trường có chính sách khuyến khích bồi dưỡng cập nhật và nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý thông qua việc hỗ trợ kinh phí đào tạo, giảm giờ định mức khi tham gia học tập nâng cao trình độ (1.3.02 - Quyết định số 132/QĐ-CĐCS ngày 13/4/2022 ban hành Quy chế chi tiêu nội bộ năm 2022; Quyết định số 207/QĐ-CĐCS ngày 17/05/2023 ban hành Quy chế chi tiêu nội bộ năm 2023; 3.1.05 - Quyết định ban hành Quy chế đào tạo, bồi dưỡng; 1.12.04 - Hướng dẫn số 258/HD-CĐCS ngày 25/05/2021; số 182/HD-CĐCS ngày 13/04/2022 và số 241/HD-CĐCS ngày 15/05/2023 về việc thực hiện chế độ công tác giáo viên năm 2021, 2022, 2023).

Hàng năm nhà trường có kế hoạch bồi dưỡng cập nhật và nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý. Thực hiện đầy đủ chính sách thanh toán kinh phí học tập, bồi dưỡng cho Cán bộ, giảng viên. (3.1.06 - Kế hoạch đào tạo bồi dưỡng năm 2021, 2022, 2023; 3.2.02 - Quyết định cử cán bộ, viên chức đi học năm 2021, 2022, 2023; 3.7.01 - Hồ sơ thanh toán kinh phí học tập và bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, đổi mới phương pháp giảng dạy).

Hàng năm, Trường đều có Báo cáo công tác đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ, đổi mới phương pháp dạy học cho cấp trên, (3.7.02 - Báo cáo công tác đào

tạo, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ, đổi mới phương pháp giảng dạy năm 2021, 2022, 2023).

Bên cạnh đó, hàng năm nhà trường tổ chức rà soát, lấy ý kiến đóng góp của nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức và người lao động trong toàn trường về chính sách, biện pháp và thực hiện các chính sách, biện pháp khuyến khích nhà giáo học tập và tự bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, đổi mới phương pháp giảng dạy, trước Hội nghị CBVC trường xem xét điều chỉnh theo từng năm cho phù hợp với tình hình thực tế của đơn vị (**3.7.03** – *Phiếu khảo sát, Báo cáo kết quả khảo sát ý kiến phản hồi đào tạo, bồi dưỡng, các bộ quản lý, nhà giáo, viên chức và người lao động năm 2021, 2022, 2023*)

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 7 tiêu chí 3 : 01 điểm

Tiêu chuẩn 3.8: Hàng năm, trường có kế hoạch và triển khai kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ và phương pháp giảng dạy cho đội ngũ nhà giáo.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Nhà trường rất quan tâm đến việc nâng cao chất lượng đội ngũ nhà giáo cơ hữu. Hàng năm, đều xây dựng kế hoạch đào tạo bồi dưỡng cho đội ngũ nhà giáo nhằm khuyến khích nhà giáo nghiên cứu học tập và bồi dưỡng nâng cao trình độ học tập, đổi mới phương pháp giảng dạy, tạo điều kiện để GV tham dự đầy đủ các lớp tập huấn bồi dưỡng nâng cao chuyên môn, nghiệp vụ; tùy theo nhu cầu học tập của các nhà giáo, tùy vào nội dung, chủ đề từng khóa học tập, bồi dưỡng nhà trường sẽ tiến hành lựa chọn và gửi danh sách đối tượng có chuyên môn phù hợp tham dự. (**3.1.06** - *Kế hoạch đào tạo bồi dưỡng năm 2021, 2022, 2023; 3.2.02* - *Quyết định cử cán bộ, viên chức đi học có kèm theo danh sách năm 2021, 2022, 2023*).

Hầu hết giảng viên được cử đi tham gia các khóa học tập, bồi dưỡng đều được đơn vị tập huấn cấp chứng chỉ hoặc giấy chứng nhận sau khi hoàn thành khóa học cũng như tài liệu theo đúng nội dung tập huấn. Bên cạnh đó GV sẽ báo cáo lại với lãnh đạo trường về nội dung được tập huấn thông qua các cuộc họp giao ban; Thực hiện đầy đủ chính sách thanh toán kinh phí học tập, bồi dưỡng cho Cán bộ, giảng viên (**3.8.01**- *Các văn bằng, chứng chỉ hoặc giấy chứng nhận của đội ngũ nhà giáo sau khi hoàn thành khóa học năm 2021, 2022, 2023; 3.8.02* - *Báo cáo học tập và bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, đổi mới phương pháp giảng dạy; 3.7.01* -

Hồ sơ thanh toán kinh phí học tập và bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, đổi mới phương pháp giảng dạy).

Hai năm một lần, Nhà trường đều tổ chức Hội giảng cấp trường và cho Giảng viên tham gia Hội giảng cấp toàn quốc nhằm nâng cao phương pháp giảng dạy, học tập kinh nghiệm, phương pháp giảng dạy giữa các giáo viên với nhau. Trong năm 2021, Nhà trường có 02 GV đạt giải nhì, 02 GV đạt giải khuyến khích cấp toàn quốc. Năm 2023 Nhà trường có 02 giáo viên đạt giải nhì, 3 giáo viên đạt giải ba và 3 giáo viên đạt giải ba cấp trường (3.8.03 – *Danh sách giảng viên tham gia hội giảng các cấp năm 2021, 2022, 2023; 3.8.04 – Quyết định công nhận kết quả hội giảng các cấp năm 2021, 2022, 2023*)

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 8 tiêu chí 3 : 01 điểm

Tiêu chuẩn 3.9: Nhà giáo được bồi dưỡng, thực tập tại đơn vị sử dụng lao động để cập nhật kiến thức, công nghệ, phương pháp tổ chức quản lý sản xuất theo quy định và thực hiện theo quy định đặc thù của ngành nếu có.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Trong những năm gần đây, Nhà trường luôn quan tâm, cử giảng viên bồi dưỡng, thực tập tại đơn vị sử dụng lao động để cập nhật kiến thức, công nghệ, phương pháp tổ chức quản lý sản xuất theo quy định. Đầu năm nhà trường sẽ gửi Thông báo đến các bộ phận về việc đăng ký đi bồi dưỡng, thực tập tại các cơ sở để GV đăng ký. Sau đó tùy theo nhu cầu học tập của các GV, nhà trường ra Quyết định cử GV đến cơ sở để thực tập (3.3.01 – *Danh sách trích ngang giảng viên cơ hữu của trường; 3.9.01 - Danh sách nhà giáo cơ hữu được bồi dưỡng, thực tập tại đơn vị sử dụng lao động để cập nhật kiến thức, công nghệ, phương pháp tổ chức quản lý sản xuất hàng năm; 3.9.02 - Thông báo về việc đăng ký giảng viên đi bồi dưỡng, thực tập cơ sở; 3.9.03 - Quyết định cử nhà giáo đi bồi dưỡng, thực tập tại đơn vị sử dụng lao động hoặc Công văn gửi tới các cơ sở)*

Các nhà giáo sau khi học tập, bồi dưỡng, thực tập xong sẽ hoàn thiện báo cáo về lĩnh vực học tập, bồi dưỡng, thực tập của mình tại cơ sở và trình lên Ban giám hiệu (3.9.04 - *Báo cáo của giảng viên tham gia học tập và bồi dưỡng, thực tập tại đơn vị sử dụng lao động*)

Bên cạnh đó, hàng năm nhà trường tổ chức rà soát, lấy ý kiến đóng góp của nhà giáo về việc được bồi dưỡng, thực tập tại đơn vị sử dụng lao động để cập nhật kiến

thức, công nghệ, phương pháp tổ chức quản lý sản xuất. Trên 90% Nhà giáo mong muốn được bồi dưỡng, thực tập tại đơn vị sử dụng lao động để cập nhật kiến thức, công nghệ, phương pháp tổ chức quản lý sản xuất (3.9.05 – *Phiếu khảo sát, Báo cáo kết quả khảo sát nhà giáo về việc được bồi dưỡng, thực tập tại đơn vị sử dụng lao động*)

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 9 tiêu chí 3 : 01 điểm

Tiêu chuẩn 3.10: Hằng năm, trường thực hiện tổng kết, đánh giá hiệu quả công tác đào tạo, bồi dưỡng đối với đội ngũ nhà giáo.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Đào tạo bồi dưỡng đội ngũ nhà giáo, cán bộ, nhân viên làm công tác quản lý giáo dục luôn được Nhà trường quan tâm và thực hiện hàng năm. Vào đầu năm dương lịch, Phòng TC-HC triển khai về các đơn vị của trường đăng kí kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cho từng đơn vị. Phòng TC-HC tổng hợp Kế hoạch đào tạo bồi dưỡng trong toàn trường và trình Ban giám hiệu phê duyệt kế hoạch đào tạo bồi dưỡng từng năm. (3.1.06 - *Kế hoạch đào tạo bồi dưỡng năm 2021, 2022, 2023*)

Trên cơ sở Kế hoạch đã được phê duyệt Phòng TC-HC làm các quyết định của cán bộ, giảng viên, công nhân viên đi đào tạo, bồi dưỡng theo các thông báo nhập học của từng lớp (3.2.02 - *Quyết định cử cán bộ, viên chức đi học có kèm theo danh sách năm 2021, 2022, 2023.*)

Các cán bộ, giảng viên, công nhân viên sau khi hoàn thành khóa đào tạo, bồi dưỡng sẽ viết báo cáo gửi Ban Giám hiệu về tình hình học tập của cá nhân. (3.8.02 - *Báo cáo học tập và bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, đổi mới phương pháp giảng dạy của đội ngũ nhà giáo.*)

Hằng năm, trong Hội nghị CBCCVC, nhà trường đều có thực hiện tổng kết, đánh giá kết quả đào tạo, bồi dưỡng đối với đội ngũ cán bộ, viên chức, giảng viên. Qua đó làm cơ sở để báo cáo cho Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam thực hiện công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ cho giai đoạn tiếp theo (1.4.06 - *Báo cáo số: 56/BC-CĐCS ngày 25/01/2021 báo cáo tổng kết hoạt động năm 2020 và phương hướng, nhiệm vụ năm 2021; Báo cáo số: 13/BC-CĐCS ngày 10/01/2022 báo cáo tổng kết hoạt động năm 2021 và phương hướng, nhiệm vụ năm 2022; Báo cáo số: 91/BC-CĐCS ngày 03/3/2023 báo cáo tổng kết hoạt động năm 2022 và phương hướng, nhiệm vụ năm 2023.*)

Có thể nói, Công tác đào tạo bồi dưỡng Cán bộ - Giảng viên – Công nhân viên trong nhà Trường hàng năm là hết sức cần thiết. Qua đó, giúp cho Cán bộ - Giảng viên – Công nhân viên nâng cao kiến thức chuyên môn, nghiệp vụ, cập nhật các kiến thức mới và phù hợp với tình hình thực tế của xã hội, đặc biệt là trong thời kỳ đại công nghiệp 4.0.

Có thể nhận thấy, Nhà trường đã rất quan tâm đến hoạt động này vì hàng năm đều xây dựng và triển khai thực hiện đào tạo bồi dưỡng cho Cán bộ - Giảng viên – Công nhân viên. Từ đó, tổng kết và đánh giá chính xác hiệu quả của công tác đào tạo bồi dưỡng đội ngũ lao động cho phù hợp với yêu cầu của người học.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 10 tiêu chí 3 : 01 điểm

Tiêu chuẩn 3.11: Hiệu trưởng, phó hiệu trưởng của trường đáp ứng các tiêu chuẩn theo quy định và thực hiện đúng quyền hạn, trách nhiệm được giao.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Ban giám hiệu Trường hiện tại gồm 04 đồng chí: 01 hiệu trưởng và 03 Phó Hiệu trưởng (3.11.01 – *Danh sách trích ngang Hiệu trưởng, Phó Hiệu trưởng*) tất cả đều có chuyên ngành phù hợp với nhiệm vụ đào tạo của nhà trường. Trong đó Hiệu trưởng có trình độ Thạc sỹ chuyên ngành Kỹ thuật Nông nghiệp. 3 Phó Hiệu trưởng trong đó có 1 tiến sỹ chuyên ngành về Bảo vệ thực vật và 02 thạc sỹ một chuyên ngành về Công nghệ thông tin, một chuyên ngành về Cơ khí hóa tự động. Các đồng chí trong Ban Giám hiệu đều trưởng thành từ giáo viên giảng dạy, có thâm niên công tác và độ tuổi theo quy định của Điều lệ trường cao đẳng. Ban Giám hiệu nhà trường đáp ứng đầy đủ các tiêu chuẩn của Hiệu trưởng, phó Hiệu trưởng Trường Cao đẳng: có phẩm chất đạo đức tốt, lý lịch rõ ràng, được tập thể tín nhiệm cao về chuyên môn, nghiệp vụ, có sức khỏe và năng lực quản lý, điều hành hoạt động của nhà trường. Việc bổ nhiệm Hiệu trưởng và các Phó Hiệu trưởng nhà Trường do Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam thực hiện trên cơ sở căn cứ vào các tiêu chuẩn quy định về quy chế bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, luân chuyển, từ chức, miễn nhiệm cán bộ, công chức lãnh đạo của Tập đoàn, Điều lệ Trường Cao đẳng và Luật giáo dục nghề nghiệp (3.11.02 – *Hồ sơ bổ nhiệm lần đầu, bổ nhiệm lại Hiệu trưởng; 3.11.03 – Quyết định bổ nhiệm, bổ nhiệm lại Phó Hiệu trưởng*)

Để cụ thể hóa các công việc của thành viên trong Ban giám hiệu. Hiệu trưởng sẽ tiến hành phân công nhiệm vụ cho từng người trong Ban Giám hiệu, từ đó các thành

viên trong Ban Giám hiệu sẽ triển khai thực hiện các nhiệm vụ được giao theo đúng chức trách và quyền hạn (**1.5.01 – Quyết định phân công nhiệm vụ của Ban Giám hiệu năm 2020, 2021, 2022**)

Định kỳ hàng năm, Trường tổ chức đánh giá xếp loại cán bộ viên chức. Trong đó, Tổ chức Hội nghị cán bộ chủ chốt bao gồm trường, phó các đơn vị đóng góp ý kiến cho Hiệu trưởng và các Phó Hiệu trưởng về kết quả hoạt động được cấp trên phân công và từng mảng công việc phụ trách. Qua đó nêu ra những ưu điểm, hạn chế, mức độ tin nhiệm của tập thể đối với từng thành viên trong Ban giám hiệu làm cơ sở điều chỉnh, khắc phục trong quá trình thực hiện nhiệm vụ. Kết quả các đồng chí trong Ban Giám hiệu luôn được tin nhiệm với mức từ 90% trở lên (**3.11.04– Nhận xét đánh giá Hiệu trưởng, Phó Hiệu trưởng năm 2021, 2022, 2023; (3.11.05– Biên bản Hội nghị cán bộ chủ chốt lấy ý kiến nhận xét Ban Giám hiệu năm 2021, 2022, 2023)**)

Hàng năm nhà trường đều có tổng kết, đánh giá quá trình hoạt động của đơn vị gồm những nội dung về tất cả các mặt hoạt động của trường và đều có báo cáo bằng văn bản cụ thể về Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam (**1.4.06 - Báo cáo số: 56/BC-CĐCS ngày 25/01/2021 báo cáo tổng kết hoạt động năm 2020 và phương hướng, nhiệm vụ năm 2021; Báo cáo số: 13/BC-CĐCS ngày 10/01/2022 báo cáo tổng kết hoạt động năm 2021 và phương hướng, nhiệm vụ năm 2022; Báo cáo số: 91/BC-CĐCS ngày 03/3/2023 báo cáo tổng kết hoạt động năm 2022 và phương hướng, nhiệm vụ năm 2023**)

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 11 tiêu chí 3 : 01 điểm

Tiêu chuẩn 3.12: Đội ngũ cán bộ quản lý của các đơn vị thuộc trường được bổ nhiệm, miễn nhiệm theo quy định.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Trường Cao đẳng Công nghiệp Cao su được thành lập theo Quyết định số 424/QĐ/BGDĐT ngày 24/01/2008 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT trên cơ sở trường Trung Học Kỹ Thuật Nghiệp Vụ Cao Su. Chức năng, nhiệm vụ của Trường được thực hiện theo đúng theo Quyết định số 38/QĐ-HĐTVCSVN, ngày 13 tháng 8 năm 2010 của Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Cao đẳng Công nghiệp cao su và Quyết định số 463/QĐ – HĐTVCSVN, ngày 16 tháng 10 năm 2017 của Hội đồng thành viên Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam, về việc phê duyệt “Chuyển đổi Trường Cao đẳng Công

ng nghiệp Cao su thành đơn vị sự nghiệp công lập tự chủ, tự chịu trách nhiệm về thực hiện nhiệm vụ, tổ chức bộ máy, biên chế và tài chính từ 2017”. Hiện tại, nhà trường đã tiến hành điều chỉnh bổ sung Quy chế làm việc tại trường thành Quy chế tổ chức, hoạt động của trường để phù hợp với quy định tại Thông tư 46/2016/TT-BLĐTB&XH đối với trường cao đẳng. *(1.1.02-Quyết định số 387/QĐ-CĐCS ngày 21/10/2021 ban hành Quy chế tổ chức hoạt động Trường CĐ Công nghiệp Cao su; Quyết định số 200/QĐ-CĐCS ngày 15/5/2023 ban hành Quy chế tổ chức hoạt động Trường CĐ Công nghiệp Cao su)*

Căn cứ yêu cầu nhiệm vụ, vị trí chức danh và quy hoạch cán bộ quản lý của nhà trường; Đảng ủy, Ban Giám hiệu đề xuất phương án nhân sự hoặc thống nhất phương án nhân sự trên cơ sở ý kiến giới thiệu của viên chức trong nhà trường. Nhà trường có đầy đủ danh sách về cán bộ quản lý theo từng đơn vị cụ thể theo từng chức vụ, trình độ chuyên môn, trình độ chính trị ở từng bộ phận công tác và được quản lý trong Hồ sơ quản lý cán bộ lưu tại Phòng Tổ chức – Hành chính *(3.12.01 – Danh sách trích ngang đội ngũ cán bộ quản lý của trường; 3.12.02 – Các quyết định bổ nhiệm, bổ nhiệm lại cán bộ quản lý năm 2021, 2022, 2023)*

Định kỳ hằng năm Trường tổ chức đánh giá xếp loại CBQL theo tiêu chuẩn, quy định hiện hành. CBQL làm báo cáo tự đánh giá kết quả công tác theo nhiệm vụ được giao và tự nhận mức phân loại, trình bày báo cáo tự đánh giá kết quả công tác tại cuộc họp của đơn vị để tập thể đóng góp ý kiến. Các ý kiến được ghi vào biên bản và thông qua tại cuộc họp, Chi bộ có ý kiến nhận xét bằng văn bản về CBQL được đánh giá, phân loại. Hiệu trưởng trực tiếp tham khảo báo cáo tự đánh giá kết quả công tác của CBQL, các ý kiến tham gia, quyết định đánh giá, phân loại đối với CBQL. Trong các năm qua, 100% CBQL được đánh giá hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên *(3.2.05 – Kết quả công nhận đánh giá, xếp loại viên chức năm 2021, 2022, 2023)*.

Hằng năm nhà trường đều có tổng kết, đánh giá quá trình hoạt động của các đơn vị gồm những nội dung về các mặt hoạt động của các đơn vị và của Trường *(1.5.02 – Báo cáo tổng kết năm của các đơn vị trực thuộc 2021, 2022; 1.4.06 - Báo cáo số: 56/BC-CĐCS ngày 25/01/2021 báo cáo tổng kết hoạt động năm 2020 và phương hướng, nhiệm vụ năm 2021; Báo cáo số: 13/BC-CĐCS ngày 10/01/2022 báo cáo tổng kết hoạt động năm 2021 và phương hướng, nhiệm vụ năm 2022; Báo cáo số: 91/BC-CĐCS ngày 03/3/2023 báo cáo tổng kết hoạt động năm 2022 và phương*

hướng, nhiệm vụ năm 2023)

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 12 tiêu chí 3 : 01 điểm

Tiêu chuẩn 3.13: Đội ngũ cán bộ quản lý của trường đạt chuẩn về chuyên môn, nghiệp vụ; thực hiện đúng quyền hạn và nhiệm vụ được giao.

Mô tả, phân tích, nhận định:

CBQL của Trường 100% đạt chuẩn chức danh theo quy định của nhà nước, có năng lực chuyên môn, nghiệp vụ quản lý đáp ứng yêu cầu công tác (3.12.01- *Danh sách trích ngang đội ngũ cán bộ quản lý của trường*). Hồ sơ của cán bộ trường/ phó đơn vị được thể hiện đầy đủ và cập nhật thường xuyên khi thay đổi thông tin (3.13.01- *Hồ sơ cán bộ quản lý trong trường*).

Đối với Kế toán trưởng đảm bảo yêu cầu được bổ nhiệm theo Nghị định số 174/2016/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số Điều của Luật kế toán; Thông tư 05/2018/TT-BNV ngày 27/03/2018 của Bộ Nội vụ hướng dẫn về thẩm quyền, thủ tục bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, miễn nhiệm, thay thế và phụ cấp trách nhiệm công việc của kế toán trưởng, phụ trách kế toán của các đơn vị kế toán trong lĩnh vực kế toán nhà nước (3.13.02 – *Quyết định số 105/QĐ-CSVN về việc bổ nhiệm chức vụ Kế toán trưởng kiêm Trưởng phòng Kế toán trường cao đẳng Công nghiệp Cao su*); (3.13.03 - *Hồ sơ bổ nhiệm Kế toán trưởng*).

Đối với các chức danh quản lý khác, Nhà trường nghiêm túc thực hiện quy hoạch theo Quy định 50-QĐ/TW của Bộ Chính trị, Hướng dẫn 15, 16-HD/BCHTW. Công tác bổ nhiệm, bổ nhiệm lại các chức danh quản lý theo Nghị định 116/2003; NĐ 115/2020/NĐ-CP (3.12.02- *Các quyết định bổ nhiệm, bổ nhiệm lại cán bộ quản lý năm 2021, 2022, 2023*)

Định kỳ hằng năm nhà trường đều có tổng kết, đánh giá quá trình hoạt động của các đơn vị gồm những nội dung về các mặt hoạt động của các đơn vị và của trường (1.5.02– *Báo cáo tổng kết năm của các đơn vị trực thuộc 2021, 2022; 1.4.06 - Báo cáo số: 56/BC-CĐCS ngày 25/01/2021 báo cáo tổng kết hoạt động năm 2020 và phương hướng, nhiệm vụ năm 2021; Báo cáo số: 13/BC-CĐCS ngày 10/01/2022 báo cáo tổng kết hoạt động năm 2021 và phương hướng, nhiệm vụ năm 2022; Báo cáo số: 91/BC-CĐCS ngày 03/3/2023 báo cáo tổng kết hoạt động năm 2022 và phương hướng, nhiệm vụ năm 2023*).

Định kỳ hằng năm Trường tổ chức đánh giá xếp loại CBQL theo tiêu chuẩn,

quy định hiện hành. CBQL làm báo cáo tự đánh giá kết quả công tác theo nhiệm vụ được giao và tự nhận mức phân loại, trình bày báo cáo tự đánh giá kết quả công tác tại cuộc họp của đơn vị để tập thể đóng góp ý kiến. Các ý kiến được ghi vào biên bản và thông qua tại cuộc họp, Chi bộ có ý kiến nhận xét bằng văn bản về cán bộ quản lý được đánh giá, phân loại. Hiệu trưởng trực tiếp tham khảo báo cáo tự đánh giá kết quả công tác của cán bộ quản lý, các ý kiến tham gia, quyết định đánh giá, phân loại đối với cán bộ quản lý. Trong các năm qua, 100% cán bộ quản lý được đánh giá hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên (3.2.05 – *Quyết định về việc công nhận kết quả phân loại cán bộ, viên chức năm 2021, 2022, 2023*).

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 13 tiêu chí 3 : 01 điểm

Tiêu chuẩn 3.14: Hàng năm, trường có kế hoạch và triển khai kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ quản lý.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Cán bộ quản lý là một trong những đội ngũ quan trọng trong tính kế thừa, góp phần quan trọng trong sự phát triển của Nhà trường. Chính vì vậy, có thể nói công tác đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ quản lý là nhiệm vụ hàng đầu được Đảng ủy, Ban Giám hiệu quan tâm. Hàng năm, nhà trường đều có kế hoạch cử cán bộ quản lý tham gia các lớp tập huấn, bồi dưỡng nghiệp vụ quản lý do tập đoàn và cấp trên tổ chức (3.1.06 - *Kế hoạch đào tạo bồi dưỡng năm 2021, 2022, 2023*) và hàng năm Trường đều làm Tờ trình để xin Tập đoàn phê duyệt Kinh phí đào tạo, Bồi dưỡng (3.14.01 – *Các Tờ trình xin kinh phí đào, tạo bồi dưỡng cán bộ của Trường hàng năm 2021, 2022, 2023*).

Tập đoàn đồng ý và có Quyết định phê duyệt kinh phí đào tạo, bồi dưỡng hàng năm (3.14.02 - *Các Quyết định về việc phê duyệt kinh phí đào tạo, bồi dưỡng hàng năm của Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam năm 2020, 2021, 2022*), căn cứ vào Quyết định phê duyệt kinh phí đào tạo, bồi dưỡng hàng năm của Tập đoàn, Nhà trường đã làm các Quyết định và Danh sách cử cán bộ đi học tập, bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ (3.2.02 - *Quyết định cử cán bộ, viên chức đi học năm 2021, 2022, 2023*).

Sau khi kết thúc khóa học những cán bộ được nhà trường cử đi tập huấn đều phải có bản Báo cáo kết quả khi đi tập huấn, những gì đạt được và kiến nghị trình Ban giám hiệu (3.8.02 - *Báo cáo học tập và bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn,*

nghiệp vụ, đổi mới phương pháp giảng dạy của đội ngũ nhà giáo). Bên cạnh đó nhà trường cũng quan tâm bồi dưỡng về lý luận chính trị cho đối tượng này. Hiện nay, đội ngũ cán bộ quản lý của trường hầu hết đều có trình độ chuyên môn sau đại học và đa số đều có trình độ chính trị từ Trung cấp trở lên (**3.14.03 – Bồi dưỡng Chính trị cho cán bộ quản lý hàng năm**)

Ngoài việc cán bộ quản lý được cử đi học tập, bồi dưỡng trong nước, năm 2023 nhà trường đã làm Tờ trình xin Tập đoàn cử cán bộ quản lý đi học tập, bồi dưỡng tại nước ngoài (**3.14.04 – Quyết định cử cán bộ đi tham quan học tập tại nước ngoài**).

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 14 tiêu chí 3 : 01 điểm

Tiêu chuẩn 3.15: Đội ngũ viên chức, người lao động của trường đủ số lượng, có năng lực chuyên môn đáp ứng yêu cầu công việc được giao, được định kỳ bồi dưỡng nâng cao trình độ

Mô tả, phân tích, nhận định:

Nhà trường có đầy đủ danh sách viên chức, người lao động của trường, có Danh sách trích ngang nhà giáo: họ và tên; mô-đun, môn học đang giảng dạy; trình độ đào tạo; nghiệp vụ sư phạm; kỹ năng thực hành; ngoại ngữ; tin (**3.15.01 – Danh sách của Viên chức và người lao động của trường (trình độ chuyên môn, thời gian công tác, vị trí công việc...)**); **3.15.02 - Hồ sơ quản lý viên chức, người lao động**).

Hàng năm nhà trường đều khuyến khích đội ngũ viên chức, người lao động nghiên cứu học tập, bồi dưỡng nâng cao trình độ, tạo điều kiện để đội ngũ viên chức, người lao động tham dự đầy đủ các lớp tập huấn bồi dưỡng nâng cao chuyên môn, nghiệp vụ; tùy theo nhu cầu học tập của các đội ngũ viên chức, người lao động, tùy vào nội dung, chủ đề từng khóa học tập, bồi dưỡng nhà trường sẽ tiến hành lựa chọn và gửi danh sách đối tượng có chuyên môn phù hợp tham dự (**3.2.02 - Quyết định cử cán bộ, viên chức đi học năm 2021, 2022, 2023**). Hầu hết đội ngũ viên chức, người lao động được cử đi tham gia các khóa học tập, bồi dưỡng đều được đơn vị tập huấn cấp chứng chỉ hoặc giấy chứng nhận sau khi hoàn thành khóa học cũng như tài liệu theo đúng nội dung tập huấn. Bên cạnh đó đội ngũ viên chức, người lao động sẽ báo cáo lại với lãnh đạo trường về nội dung được tập huấn thông qua các cuộc họp giao ban (**3.8.02 - Báo cáo học tập và bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, đổi mới phương pháp giảng dạy của đội ngũ nhà giáo**).

Cuối mỗi năm, nhà trường đều Báo cáo tổng kết hoạt động của đơn vị để báo

cáo cấp trên và báo cáo trước Hội nghị công nhân viên chức người lao động (**1.4.06 – Báo cáo tổng kết của trường hàng năm năm 2021, 2022, 2023**).

Đánh giá đội ngũ viên chức, nhân viên trong thực hiện nhiệm vụ được giao là nhiệm vụ quan trọng. Định kỳ hàng năm, nhà trường tiến hành đánh giá, xếp loại viên chức, nhân viên theo hướng dẫn của Tập đoàn gồm: Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, hoàn thành tốt nhiệm vụ, hoàn thành nhiệm vụ nhưng còn hạn chế về năng lực (đối với viên chức là hoàn thành nhiệm vụ) và không hoàn thành nhiệm vụ và được hội đồng thi đua, khen thưởng của Trường họp và đánh giá đảm bảo công bằng, khách quan, dân chủ. Qua 03 năm 2021, 2022, 2023 kết quả như sau:

- Năm 2021: có 19 cá nhân đạt danh hiệu Chiến sĩ thi đua cơ sở; 01 cá nhân nhận Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ, 11 cá nhân nhận Bằng khen của Tập đoàn Công nghiệp Cao su; 04 cá nhân nhận bằng khen UBQLV, 138 cá nhân đạt danh hiệu Lao động tiên tiến; 06 tập thể đạt danh hiệu Tập thể Lao động xuất sắc; 7 tập thể đạt danh hiệu Tập thể Lao động tiên tiến.

- Năm 2022: 19 cá nhân đạt danh hiệu Chiến sĩ thi đua cơ sở; 02 cá nhân đạt danh hiệu CSTĐ cấp UBQLVNN, 02 cá nhân nhận bằng khen của Thủ tướng Chính Phủ, 12 cá nhân nhận Bằng khen của Tập đoàn Công nghiệp Cao su; 05 cá nhân nhận bằng khen của UBQLVNN, 126 cá nhân đạt danh hiệu Lao động tiên tiến; 05 tập thể đạt danh hiệu Tập thể Lao động xuất sắc; 07 tập thể đạt danh hiệu Tập thể Lao động tiên tiến.

- Năm 2023: cá nhân đạt danh hiệu Chiến sĩ thi đua cơ sở là 17; cá nhân nhận Bằng khen của Tập đoàn Công nghiệp Cao su 9 người; cá nhân nhận bằng khen UBQLVNN là 4 người, 125 cá nhân đạt danh hiệu Lao động tiên tiến; có 5 tập thể đạt danh hiệu Tập thể Lao động xuất sắc; 8 tập thể đạt danh hiệu Tập thể Lao động tiên tiến. (**3.2.05- Kết quả công nhận đánh giá, xếp loại viên chức năm 2021, 2022, 2023; 3.2.06 – Quyết định Công nhận kết quả bình xét thi đua 2021, 2022, 2023**)

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 15 tiêu chí 3 : 01 điểm

3.2.4. Tiêu chí 4 - Chương trình, giáo trình

Đánh giá tổng quát tiêu chí 4:

Chương trình đào tạo các ngành, nghề của nhà trường được xây dựng trên cơ sở chương trình khung của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội ban hành; Thông tư số 03/2017/TT-BLĐTBXH của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định về quy

trình xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình; tổ chức biên soạn, lựa chọn, thẩm định giáo trình đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng; Thông tư số 42/2015/TT-BLĐTBXH ngày 20/10/2015 quy định về đào tạo trình độ sơ cấp; đáp ứng nhu cầu đào tạo nguồn nhân lực kỹ thuật cao cho các ngành, lĩnh vực trên địa bàn tỉnh Bình Phước và các tỉnh lân cận. Trong quá trình biên soạn và thẩm định chương trình đào tạo, tài liệu học tập của trường có sự tham gia biên soạn, đóng góp ý kiến của các giáo viên trực tiếp giảng dạy ở các Khoa và cán bộ quản lý, đồng thời cũng đã nhận được sự góp ý từ các doanh nghiệp, đơn vị sử dụng lao động và của học sinh viên sau đào tạo để tiến hành bổ sung, điều chỉnh cho phù hợp với nhu cầu thực tế.

Các chương trình và tài liệu học tập hiện có đã cụ thể hoá yêu cầu về nội dung kiến thức, kỹ năng cần đạt trong chương trình dạy nghề, tạo điều kiện thuận lợi cho người học liên thông ở bậc học cao hơn. Bên cạnh đó việc biên soạn tài liệu giảng dạy thích ứng với phương pháp dạy học tích cực, trên cơ sở các tài liệu tham khảo và kết hợp thêm phần kinh nghiệm thực tiễn của giáo viên và cũng được các chuyên gia từ các doanh nghiệp, chuyên gia tư vấn góp ý khi thẩm định trước khi ban hành.

** Những điểm mạnh:*

Nhà trường có đầy đủ chương trình đào tạo các ngành, nghề mà trường đào tạo và được Tổng cục giáo dục nghề nghiệp cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp; hàng năm chương trình đào tạo đều được các Khoa chuyên môn rà soát, cập nhật; 100% chương trình đào tạo được xây dựng theo quy định (Thông tư số 42/2015/TT-BLĐTBXH ngày 20/10/2015 quy định về đào tạo trình độ sơ cấp và Thông tư số 03/2017/TT – BLĐTBXH ngày 01/3/2017 Quy định về quy trình xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình; tổ chức biên soạn, lựa chọn, thẩm định giáo trình đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng);_Chương trình đào tạo của trường thể hiện được mục tiêu đào tạo của trình độ tương ứng; quy định chuẩn kiến thức, kỹ năng của người học đạt được sau tốt nghiệp; phạm vi và cấu trúc nội dung, phương pháp và hình thức đào tạo; cách thức đánh giá kết quả học tập đối với từng mô đun, môn học, từng chuyên ngành hoặc nghề và từng trình độ theo quy định; Chương trình đào tạo được xây dựng có sự tham gia của nhà giáo, cán bộ quản lý giáo dục nghề nghiệp, cán bộ khoa học kỹ thuật của đơn vị sử dụng lao động; Trước khi tổ chức đào tạo liên thông, trường căn cứ chương trình đào tạo, thực hiện rà soát các mô đun,

tín chỉ, môn học và có quyết định đối với các môn, tín chỉ, môn học mà người học không phải học để đảm bảo quyền lợi của người học.

** Những tồn tại:*

Trong thời gian qua chương trình đào tạo của nhà trường được rà soát, cập nhật hàng năm. Tuy nhiên chưa có ý kiến đóng góp của doanh nghiệp về chương trình đào tạo trong các năm; chưa có tổ chức Hội thảo hiệu chỉnh chương trình đào tạo; chưa có quy định về công nhận giá trị chuyển đổi kết quả học tập và khối lượng kiến thức, kỹ năng đã tích lũy của người học được miễn trừ khi học chương trình đào tạo liên thông đã được cơ sở giáo dục đại học ban hành.

Chương trình trình độ trung cấp, cao đẳng đang đào tạo chưa được cơ sở giáo dục đại học công nhận liên thông giữa trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng với trình độ đại học; chưa có tham khảo các chương trình đào tạo tương ứng của nước ngoài để cập nhật, bổ sung vào chương trình đào tạo.

** Kế hoạch nâng cao chất lượng:*

Trong thời gian tới căn cứ kế hoạch tuyển sinh các ngành đào tạo, Trường sẽ xây dựng kế hoạch lấy ý kiến các chuyên gia kỹ thuật, cán bộ quản lý nghề nghiệp, cựu học sinh sinh viên để đánh giá, biên soạn, chỉnh sửa CTĐT, giáo trình, sẽ dành một phần nguồn kinh phí để chỉnh sửa, bổ sung các giáo trình đã biên soạn trước đây theo hướng cập nhật công nghệ tiên tiến và tiếp cận với giáo trình nước ngoài; xây dựng kế hoạch khắc phục những hạn chế, tồn tại trong năm 2023 về công tác rà soát, biên soạn chương trình, giáo trình đào tạo; triển khai các nội dung về tự đánh giá chương trình đào tạo theo hướng dẫn của Bộ LĐTĐ&XH.

Điểm đánh giá tiêu chí 4

Tiêu chí, tiêu chuẩn	Điểm tự đánh giá
Tiêu chí 4	14
Tiêu chuẩn 1	1
Tiêu chuẩn 2	1
Tiêu chuẩn 3	1
Tiêu chuẩn 4	1
Tiêu chuẩn 5	0
Tiêu chuẩn 6	1

Tiêu chí, tiêu chuẩn	Điểm tự đánh giá
Tiêu chuẩn 7	1
Tiêu chuẩn 8	1
Tiêu chuẩn 9	1
Tiêu chuẩn 10	1
Tiêu chuẩn 11	1
Tiêu chuẩn 12	1
Tiêu chuẩn 13	1
Tiêu chuẩn 14	1
Tiêu chuẩn 15	1

Tiêu chuẩn 1: Có đầy đủ chương trình đào tạo các chuyên ngành hoặc nghề mà trường đào tạo.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Căn cứ Công văn số 134/TCĐN-PCTT ngày 20/01/2017 của Tổng cục Dạy nghề (nay là Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp) về việc đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp, Nhà trường đã đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp. Từ năm 2017 đến nay Nhà trường được cấp 5 giấy chứng nhận đăng ký hoạt động nghề nghiệp. (1.2.01- Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp số 389/2017/GCNDKHD-TCGDNN ngày 14/11/2017; Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp số 45/2017/GCNDKHD-TCGDNN ngày 30/05/2019; Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp số 90/2019/GCNDKBS - TCGDNN ngày 16/9/2019; Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp số 90a/2019/GCNDKBS - TCGDNN ngày 03/6/2021)

Hiện nhà trường được cấp phép đào tạo cho 48 nghề: 11 nghề hệ trung cấp, 10 nghề hệ cao đẳng và 27 nghề trình độ sơ cấp; các nghề đã đăng ký đều có trong danh mục ngành, nghề đào tạo cấp IV trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng ban hành kèm theo Thông tư số 04/2017/TT-BLĐTBXH ngày 02 tháng 3 năm 2017 của Bộ trưởng LĐTBXH về việc Ban hành Danh mục ngành, nghề đào tạo cấp IV trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng ; Thông tư số 26/2020/TT-BLĐTBXH ngày 30 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng LĐTBXH về việc ban hành danh mục ngành, nghề đào tạo cấp IV trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng, phù hợp với cơ cấu ngành, nghề, trình độ đào tạo và quy hoạch phát triển kinh tế xã hội của ngành và của địa phương. (2.1.01- Bảng

thống kê các ngành, nghề đào tạo của trường đến năm 2023)

Nhà trường có đầy đủ các chương trình đào tạo các ngành theo Giấy chứng nhận đã đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp; tất cả các chương trình đào tạo có mục tiêu được xác định rõ ràng, trong đó quy định cụ thể chuẩn kiến thức, kỹ năng, thái độ, phương pháp, hình thức đào tạo; có đầy đủ chương trình chi tiết cho các môn học, mô đun đào tạo và đều được Hiệu trưởng phê duyệt, quyết định ban hành kèm theo. (2.1.02 – Quyết định số 451B/QĐ-CĐCS năm 2020; Quyết định số 592/QĐ-CĐCS năm 2022 của Hiệu trưởng về việc ban hành chương trình đào tạo các ngành trình độ Trung cấp ; Quyết định số 606/QĐ-CĐCS ngày 20/12/2022 của Hiệu trưởng về việc ban hành chương trình đào tạo các ngành trình độ Cao đẳng)

Từ năm học 2023, Trường sẽ tiếp tục cập nhật các kiến thức về tiên bộ khoa học kỹ thuật, công nghệ sản xuất, các phương pháp dạy học tích cực, tiên tiến để đảm bảo nâng cao chất lượng đào tạo cho những năm tiếp theo.

Nhà trường tự đánh giá đạt yêu cầu của tiêu chuẩn.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 1 tiêu chí 4: 01 điểm

Tiêu chuẩn 2: 100% chương trình đào tạo được xây dựng hoặc lựa chọn theo quy định.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Từ năm 2021 đến nay, Trường xây dựng, lựa chọn, chỉnh sửa chương trình đào tạo theo qui định Luật Giáo dục nghề nghiệp.

Đối với các chương trình đào tạo trình độ Cao đẳng, trung cấp và liên thông từ trung cấp lên Cao đẳng: Nhà trường thực hiện xây dựng theo Thông tư 03/2017/TT-BLĐTBXH ngày 01/3/2017 của Bộ trưởng LĐTBXH.

Cụ thể:

Trường có Lập kế hoạch và Hướng dẫn xây dựng, rà soát chỉnh sửa chương trình đào tạo trình độ Cao đẳng, trình độ trung cấp (4.2.01-Các kế hoạch xây dựng/rà soát, chỉnh sửa chương trình đào tạo năm 2021,2022,2023; 4.2.02 – Hướng dẫn số 03B/HD-CĐCS ngày 04/01/2021 về việc xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo trình độ Cao đẳng, Trung cấp).

Trên cơ sở Kế hoạch và Hướng dẫn xây dựng, rà soát chỉnh sửa chương trình đào tạo trình độ Cao đẳng, trình độ trung cấp, Ban Giám hiệu giao về cho các Khoa thành lập Ban chủ nhiệm xây dựng chương trình đào tạo (4.2.03 – Các Quyết định về việc

thành lập các Ban chủ nhiệm, tổ biên soạn chương trình đào tạo trình độ Cao đẳng, trung cấp năm 2021, 2022, 2023).

Đề nghiệm thu các Chương trình đào tạo đã hoàn thành, Trường có quyết định thành lập hội đồng thẩm định chương trình đào tạo và tổ chức thẩm định theo quy định *(4.2.04-Các Quyết định thành lập Hội đồng thẩm định chương trình đào tạo các năm 2021, 2022, 2023)*

Trường có tổ chức xây dựng chương trình đào tạo đúng theo hướng dẫn như: Xây dựng chương trình đào tạo; Tổ chức hội thảo lấy ý kiến chuyên gia, giảng viên, cán bộ quản lý, các chuyên gia đến từ các trường bạn và các đơn vị sử dụng lao động; Hoàn chỉnh dự thảo chương trình đào tạo. *(4.2.05 - Các biên bản trong quá trình biên soạn, lựa chọn thẩm định chương trình các năm 2021,2022,2023)*

Các thành viên tham gia ban chủ nhiệm, các thành viên Hội đồng thẩm định, các thành viên tổ biên soạn đều là những giáo viên được đào tạo đúng chuyên ngành, có thâm niên công tác, có kinh nghiệm trong biên soạn chương trình, giáo trình. Các thành viên Hội đồng thẩm định đều là các cán bộ quản lý, giáo viên có kinh nghiệm, đại diện các Trường bên ngoài, đại diện các doanh nghiệp, đại diện cơ quan quản lý GDNN. Tất cả các đối tượng trên đều có thâm niên tối thiểu 5 năm hoạt động trong lĩnh vực của mình.

Nhà trường tự đánh giá đạt yêu cầu của tiêu chuẩn.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 2 tiêu chí 4: 01 điểm

Tiêu chuẩn 3: *Chương trình đào tạo của trường thể hiện được mục tiêu đào tạo của trình độ tương ứng; quy định chuẩn kiến thức, kỹ năng của người học đạt được sau tốt nghiệp; phạm vi và cấu trúc nội dung, phương pháp và hình thức đào tạo; cách thức đánh giá kết quả học tập đối với từng mô đun, môn học, từng chuyên ngành hoặc nghề và từng trình độ theo quy định*

Mô tả, phân tích, nhận định:

Căn cứ nhiệm vụ đào tạo của các khoa Nhà trường tổ chức xây dựng, bổ sung, chỉnh sửa và thẩm định, phê duyệt chương trình đào tạo đáp ứng yêu cầu quy định tại Thông tư số 03/2017/TT-BLĐTBXH do Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội ban hành *(2.1.02 – Quyết định số 451B/QĐ-CĐCS năm 2020; Quyết định số 592/QĐ-CĐCS năm 2022 của Hiệu trưởng về việc ban hành chương trình đào tạo các ngành trình độ Trung cấp ; Quyết định số 606/QĐ-CĐCS ngày 20/12/2022 của Hiệu*

trưởng về việc ban hành chương trình đào tạo các ngành trình độ Cao đẳng);

Dựa vào quy trình xây dựng, thẩm định và ban hành các CTĐT tại Trường đều đáp ứng được các điều kiện: yêu cầu về CTĐT, cấu trúc CTĐT, thời gian khóa học và đơn vị thời gian trong CTĐT, quy trình xây dựng CTĐT, quy trình thẩm định CTĐT và ban hành CTĐT theo đúng quy định tại Điều 3, Điều 4, Điều 5, Điều 6, Điều 7, Điều 8 của Thông tư số 03/2017/TT-BLĐTBXH ngày 01/3/2017 (**4.3.01. Chương trình chi tiết các mô-đun, môn học theo từng ngành, nghề đã được ban hành (10 cao đẳng, 11 trung cấp, 27 sơ cấp)**)

Căn cứ vào các văn bản pháp quy của Nhà nước, Bộ Lao động Thương binh và Xã hội, Nhà trường ban hành các Quy chế về đào tạo đánh giá kết quả học tập đối với từng mô đun, môn học, từng chuyên ngành trong nhà trường (**2.4.01- Quyết định số 432/QĐ-CĐCS ngày 6/9/2021 của Hiệu trưởng nhà trường về Ban hành quy chế Đào tạo trực tuyến; Quyết định số 411/QĐ-CĐCS ngày 29/8/2022; QĐ 113/QĐ-CĐCS ngày 27/3/2023 của Hiệu trưởng nhà trường về Ban hành quy chế tổ chức đào tạo trình độ Trung cấp, trình độ Cao đẳng tại Trường Cao đẳng Công nghiệp Cao su**)

Căn cứ tình hình thực hiện từng khóa đào tạo cho các ngành nghề thì thực hiện hình thức đánh giá kết thúc khóa học (**2.14.06- Quyết định số: 509/QĐ-CĐCS năm 2021; Quyết định số: 346/QĐ-CĐCS năm 2022; Quyết định số: 12/QĐ-CĐCS năm 20223 về việc công nhận danh sách học sinh đủ điều kiện tốt nghiệp các lớp Trung cấp, Cao đẳng trong trường**).

Hàng năm Nhà trường tiếp tục cập nhật, sửa đổi, bổ sung, xác định khối lượng kiến thức và yêu cầu về năng lực mà người học phải đạt được sau khi tốt nghiệp trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng theo từng ngành, nghề đào tạo nhằm mục đích nâng cao chất lượng đào tạo tại Trường đáp ứng yêu cầu của các doanh nghiệp.

Nhà trường tự đánh giá đạt yêu cầu của tiêu chuẩn.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 3 tiêu chí 4: 1 điểm

Tiêu chuẩn 4: Chương trình đào tạo được xây dựng có sự tham gia của nhà giáo, cán bộ quản lý giáo dục nghề nghiệp, cán bộ khoa học kỹ thuật của đơn vị sử dụng lao động; thực hiện theo quy định đặc thù của ngành nếu có.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Căn cứ nhiệm vụ đào tạo của các khoa Nhà trường tổ chức xây dựng, bổ sung, chỉnh sửa và thẩm định, phê duyệt chương trình đào tạo đáp ứng yêu cầu quy định tại

Thông tư số 03/2017/TT-BLĐT BXH. (4.2.03- Quyết định thành lập Ban chủ nhiệm/Tổ biên soạn/lựa chọn chương trình đào tạo năm 2020, 2021, 2022). Theo đó Nhà trường ra Quyết định thành lập các Hội đồng thẩm định các chương trình (4.2.04. Quyết định thành lập Hội đồng thẩm định chương trình đào tạo năm 2020, 2021, 2022);

Trong quá trình biên soạn, thẩm định các CTĐT trình độ trung cấp và thẩm định CTĐT trình độ cao đẳng được thể hiện các biên bản được thực hiện với các nhiệm vụ tương ứng (4.2.05- Các biên bản trong quá trình biên soạn/lựa chọn, thẩm định chương trình đào tạo năm 2021, 2022, 2023). Trên cơ sở kết quả các Hội đồng thẩm định các chương trình trình độ cao đẳng trung cấp Nhà trường ban hành các Quyết định các chương trình đào tạo các ngành hàng năm (2.1.02 – Quyết định số 451B/QĐ-CĐCS năm 2020; Quyết định số 592/QĐ-CĐCS năm 2022 của Hiệu trưởng về việc ban hành chương trình đào tạo các ngành trình độ Trung cấp ; Quyết định số 606/QĐ-CĐCS ngày 20/12/2022 của Hiệu trưởng về việc ban hành chương trình đào tạo các ngành trình độ Cao đẳng);

Nhà trường rất quan tâm đến việc phối hợp với cán bộ quản lý giáo dục nghề nghiệp, cán bộ khoa học kỹ thuật của đơn vị sử dụng lao động trong việc xây dựng các CTĐT mục đích làm cho các CTĐT này phù hợp với thực tiễn, giúp người học tiếp cận công việc sau khi ra trường một cách nhanh chóng.

- Nhà trường rất quan tâm đến việc phối hợp với cán bộ quản lý giáo dục nghề nghiệp, các nhà giáo và cán bộ khoa học kỹ thuật của đơn vị sử dụng lao động trong việc xây dựng các CTĐT hàng năm việc làm này nhằm giúp cho các CTĐT này phù hợp với thực tiễn, người học tiếp cận công việc sau khi ra trường một cách nhanh chóng

- Hàng năm Nhà trường tiếp tục cập nhật, sửa đổi, bổ sung, xác định khối lượng kiến thức và yêu cầu về năng lực;

- Việc phối hợp với cán bộ quản lý giáo dục nghề nghiệp, cán bộ khoa học kỹ thuật của đơn vị sử dụng lao động trong việc xây dựng các CTĐT đem lại nhiều lợi ích cho người học sau khi tốt nghiệp giúp Nhà trường có được những yêu cầu mới nhằm bổ sung cập nhật trong chương trình đào tạo hàng năm phù hợp.

Trong quá trình thực hiện rà soát chương trình hàng năm, cũng như quá trình cập nhật, bổ sung chương trình đào tạo đều có các ý kiến tham gia của lực lượng cán bộ quản lý, nhà giáo và đơn vị sử dụng (1.7.10 - Phiếu khảo sát cán bộ quản lý, giáo

viên dạy nghề, doanh nghiệp và người học về phương thức đào tạo đáp ứng yêu cầu học tập của người học; **2.4.05** - Báo cáo kết quả khảo sát về phương thức đào tạo đáp ứng yêu cầu học tập của người học).

Nhà trường tự đánh giá đạt yêu cầu của tiêu chuẩn.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 4 tiêu chí 4: 01 điểm

Tiêu chuẩn 5: Chương trình đào tạo đảm bảo tính thực tiễn và đáp ứng sự thay đổi của thị trường lao động

Mô tả, phân tích, nhận định:

Để chương trình đào tạo luôn đảm bảo tính thực tiễn và đáp ứng được sự thay đổi của thị trường lao động, phù hợp với nhu cầu xã hội. Hàng năm, Nhà trường đã tổ chức khảo sát, thu thập các ý kiến nhận xét đánh giá của người sử dụng lao động, cựu học sinh đã đi làm về chất lượng đào tạo tại trường, từ đó có kế hoạch điều chỉnh cho phù hợp. Qua các kết quả khảo sát, chương trình đào tạo được đánh giá là có tính thực tiễn, đáp ứng được nhu cầu của thị trường lao động (**2.1.02** - Quyết định số 451B/QĐ-CĐCS năm 2020; Quyết định số 592/QĐ-CĐCS năm 2022 của Hiệu trưởng về việc ban hành chương trình đào tạo các ngành trình độ Trung cấp ; Quyết định số 606/QĐ-CĐCS ngày 20/12/2022 của Hiệu trưởng về việc ban hành chương trình đào tạo các ngành trình độ Cao đẳng; **2.2.03** - Quyết định số 298/QĐ-CĐCS ngày 28/6/2018 của Hiệu trưởng về việc ban hành Quy định về đào tạo liên thông giữa các trình độ trong Trường Cao đẳng Công nghiệp Cao su; **1.7.10** - Phiếu khảo sát cán bộ quản lý, giáo viên dạy nghề, doanh nghiệp và người học về phương thức đào tạo đáp ứng yêu cầu học tập của người học; **2.4.05** - Báo cáo kết quả khảo sát về phương thức đào tạo đáp ứng yêu cầu học tập của người học)

Nhà trường tự đánh giá không đạt yêu cầu của tiêu chuẩn.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 5 tiêu chí 4: 0 điểm

Tiêu chuẩn 6: Chương trình đào tạo được xây dựng bảo đảm việc liên thông giữa các trình độ giáo dục nghề nghiệp với các trình độ đào tạo khác trong hệ thống giáo dục quốc dân theo quy định.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Chương trình đào tạo của nhà Trường được xây dựng bảo đảm việc liên thông giữa trình độ cao đẳng và đại học, trong đó có bao gồm chương trình chi tiết các môn học (**2.1.02** - Quyết định số 451B/QĐ-CĐCS năm 2020; Quyết định số 592/QĐ-CĐCS

năm 2022 của Hiệu trưởng về việc ban hành chương trình đào tạo các ngành trình độ Trung cấp ; Quyết định số 606/QĐ-CĐCS ngày 20/12/2022 của Hiệu trưởng về việc ban hành chương trình đào tạo các ngành trình độ Cao đẳng; **2.1.03** - Quyết định số 298B/QĐ-CĐCS ngày 28 tháng 6 năm 2018 về việc ban hành Quy định về đào tạo liên thông giữa các trình độ trong trường Cao đẳng Công nghiệp Cao su).

Nội dung liên thông đã thể hiện trong chương trình đào tạo. Nhà trường đã liên kết đào tạo với Trường Đại học Bình Dương, Trường Đại học Tây Nguyên đào tạo liên thông từ cao đẳng lên đại học 4 ngành có trong danh mục ngành đào tạo của Trường (**4.6.01** - Thông báo tuyển sinh đại học liên thông; **4.6.02** – Quyết định trúng tuyển lớp liên thông Đại học ngành Công nghệ ô tô, Kế toán, ngành Luật.; **4.6.03** - Hợp đồng thỏa thuận đào tạo với cơ sở đại học).

Nhà trường tự đánh giá đạt yêu cầu của tiêu chuẩn.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 6 tiêu chí 4: 01 điểm

Tiêu chuẩn 7: Ít nhất 3 năm 1 lần trường thực hiện đánh giá, cập nhật và điều chỉnh nếu có đối với chương trình đào tạo đã ban hành

Mô tả, phân tích, nhận định:

Khi nhà trường chuyển sang hoạt động theo giáo dục nghề nghiệp, căn cứ theo hướng dẫn của Tổng cục giáo dục nghề nghiệp, bắt đầu từ năm 2016 nhà trường đã xây dựng kế hoạch rà soát, chuyển đổi chương trình đào tạo theo quy định của Bộ LĐTB&XH, tiến hành hoàn thiện hồ sơ để chuyển đổi, mở các ngành, nghề đào tạo và được Tổng cục GDNN cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động (**1.2.01**- Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp của Tổng cục trưởng Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp: Số 389/2017/GCNDKHHĐ-TCGDNN ngày 14 tháng 11 năm 2017; Số 5/2019/GCNDKHHĐ-TCGDNN ngày 30 tháng 5 năm 2019; Số 90/2019/GCNDKHHĐ-TCGDNN ngày 16 tháng 09 năm 2019; Số 90a/2019/GCNDKBS-TCGDNN ngày 03 tháng 6 năm 2021); Tất cả chương trình đào tạo các ngành, nghề được cấp giấy đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp được tiến hành theo các bước theo quy định của Bộ LĐTB&XH và đều có quyết định ban hành chương trình đào tạo (**4.7.01** – Quyết định ban hành chương trình đào tạo các trình độ, các ngành (lần đầu))

Hàng năm trường có kế hoạch cụ thể trong việc cải tiến và nâng cao chất lượng đào tạo trên cơ sở kết quả tự đánh giá. Tiếp tục hoàn thiện hồ sơ chuyển đổi chương trình đào tạo theo hướng GDNN, mở các mã ngành mới, điều chỉnh và thay đổi các mã

ngành, nghề hàng năm cho phù hợp.

Sau mỗi năm học, nhà trường chỉ đạo các khoa quản ngành căn cứ vào thực tế giảng dạy, định kỳ rà soát, bổ sung, điều chỉnh chương trình đào tạo, chương trình chi tiết môn học, mô đun. Những vấn đề bất cập, chưa phù hợp đã được các giảng viên và các đơn vị sử dụng lao động, người học sau khi tốt nghiệp có ý kiến bổ sung, điều chỉnh kịp thời nhằm từng bước hoàn thiện chương trình đào tạo đáp ứng yêu cầu thực tiễn đặt ra, đáp ứng xu hướng phát triển của xã hội và yêu cầu của các doanh nghiệp (4.2.03 – Các Quyết định về việc thành lập các Ban chủ nhiệm, tổ biên soạn chương trình đào tạo trình độ Cao đẳng, trung cấp năm 2021, 2022, 2023; 4.2.04-Các Quyết định thành lập Hội đồng thẩm định chương trình đào tạo các năm 2021, 2022, 2023; 4.2.05. Các biên bản trong quá trình biên soạn/lựa chọn, thẩm định chương trình đào tạo năm 2020, 2021, 2022; 4.2.06 - Danh sách trích ngang các thành viên tham gia Ban chủ nhiệm, Hội đồng thẩm định và biên soạn chương trình năm 2021, 2022, 2023)

Thông qua hội đồng nghiệm thu, các chương trình đã chỉnh sửa được nhà trường ban hành và đưa vào đào tạo (2.1.02 - Quyết định số 451B/QĐ-CĐCS năm 2020; Quyết định số 592/QĐ-CĐCS năm 2022 của Hiệu trưởng về việc ban hành chương trình đào tạo các ngành trình độ Trung cấp ; Quyết định số 606/QĐ-CĐCS ngày 20/12/2022 của Hiệu trưởng về việc ban hành chương trình đào tạo các ngành trình độ Cao đẳng)

Nhà trường tự đánh giá đạt yêu cầu của tiêu chuẩn.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 7 tiêu chí 4: 01 điểm

Tiêu chuẩn 8: *Chỉnh sửa, bổ sung chương trình đào tạo có cập nhật những thành tựu khoa học công nghệ tiên tiến liên quan đến ngành, nghề đào tạo hoặc tham khảo các chương trình đào tạo tương ứng của nước ngoài*

Mô tả, phân tích, nhận định:

Như phân tích, nhận định trong Tiêu chuẩn 4.7, từ khi nhà trường chuyển sang hoạt động theo giáo dục nghề nghiệp, nhà trường đã rà soát, xây dựng và có quyết định ban hành tất cả các chương trình đào tạo (4.7.01 – Các Quyết định ban hành chương trình đào tạo các trình độ, các ngành năm 2018)

Chương trình đào tạo của nhà trường được định kỳ bổ sung, điều chỉnh dựa trên cơ sở tham khảo các chương trình khung của Tổng cục GDNN, các ý kiến phản hồi từ các nhà tuyển dụng lao động, nhằm đáp ứng yêu cầu nguồn nhân lực phục vụ sự phát

triển kinh tế - xã hội của khu vực và của ngành, các chương trình đã chỉnh sửa được nhà trường ban hành và đưa vào đào tạo (**2.1.02** – *Các Quyết định về việc ban hành chương trình đào tạo các ngành trình độ Trung cấp ; Cao đẳng năm 2021*)

Nhà trường tự đánh giá đạt yêu cầu của tiêu chuẩn.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 8 tiêu chí 4: 1 điểm

Tiêu chuẩn 9: *Trước khi tổ chức đào tạo liên thông, trường căn cứ chương trình đào tạo, thực hiện rà soát các mô đun, tín chỉ, môn học và có quyết định đối với các mô đun, tín chỉ, môn học mà người học không phải học để đảm bảo quyền lợi của người học*

Mô tả, phân tích, nhận định:

Ngay từ năm 2018, nhà trường đã ban hành Quy định về đào tạo liên thông giữa các trình độ trong trường theo hướng dẫn tại Thông tư 27/2017/TT-BLĐT BXH (**2.1.02** – *Quyết định số 451B/QĐ-CĐCS năm 2020; Quyết định số 592/QĐ-CĐCS năm 2022 của Hiệu trưởng về việc ban hành chương trình đào tạo các ngành trình độ Trung cấp ; Quyết định số 606/QĐ-CĐCS ngày 20/12/2022 của Hiệu trưởng về việc ban hành chương trình đào tạo các ngành trình độ Cao đẳng; 2.1.03 - Quyết định số 298B/QĐ-CĐCS ngày 28/6/2018 của Hiệu trưởng về việc ban hành Quy định về đào tạo liên thông giữa các trình độ trong Trường Cao đẳng Công nghiệp Cao su*)

Qua đó, Nhà trường tiến hành tổ chức biên soạn và thẩm định chương trình đào tạo liên thông theo cho 03 nghề: Khoa học cây trồng, Kế toán, Công nghệ kỹ thuật Điện, điện tử. Trên cơ sở chương trình đào tạo hệ trung cấp các nghề, Nhà trường tiến hành họp rà soát và đưa ra quyết định miễn các mô-đun, môn học đối với học sinh học liên thông giữa các hệ trong trường (**4.9.01-** *Các biên bản rà soát miễn giảm mô-đun, tín chỉ cho người học liên thông từ trình độ trung cấp lên cao đẳng; 4.9.02-* *Quyết định công nhận miễn giảm các mô đun, tín chỉ, môn học đối với người học liên thông từ trung cấp lên cao đẳng*)

Các chương trình đào tạo liên thông được cập nhật hàng năm theo các lớp học. (**2.16.04-** *Chương trình đào tạo liên thông Cao đẳng Kế toán; Chương trình đào tạo liên thông Cao đẳng Khoa học cây trồng; Chương trình đào tạo liên thông Cao đẳng công nghệ kỹ thuật Điện – Điện tử; Chương trình đào tạo liên thông Cao đẳng Công nghệ ô tô; Chương trình đào tạo liên thông Cao đẳng Công nghệ thông tin*)

Nhà trường tự đánh giá đạt yêu cầu của tiêu chuẩn.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 9 tiêu chí 4: 01 điểm

Tiêu chuẩn 10: Có đủ giáo trình cho các mô đun, môn học của từng chương trình đào tạo

Mô tả, phân tích, nhận định:

Hiện nay số ngành đào tạo có học sinh đang theo học tại trường có 3 ngành đào tạo hệ Cao đẳng, 7 ngành đào tạo trung cấp và 3 ngành đào tạo liên thông với tổng số 181 môn học (**1.2.01**-Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp số 389/2017/GCNĐKHHĐ-TCGDNN ngày 14/11/2017; Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp số 45/2017/GCNĐKHHĐ-TCGDNN ngày 30/05/2019; Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp số 90/2019/GCNĐKBS - TCGDNN ngày 16/9/2019; Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp số 90a/2019/GCNĐKBS - TCGDNN ngày 03/6/2021; **2.1.02** – Quyết định số 451B/QĐ-CĐCS năm 2020; Quyết định số 592/QĐ-CĐCS năm 2022 của Hiệu trưởng về việc ban hành chương trình đào tạo các ngành trình độ Trung cấp; Quyết định số 606/QĐ-CĐCS ngày 20/12/2022 của Hiệu trưởng về việc ban hành chương trình đào tạo các ngành trình độ Cao đẳng)

Các môn học/mô đun giảng dạy đều có đủ tài liệu học tập trong quá trình giảng dạy và đã được thẩm định qua hội đồng trường và có văn bản quyết định sử dụng giáo trình được chọn phù hợp với chương trình đào tạo; Trước khi bắt đầu giảng dạy mô học/mô đun nhà trường đều phô tô hoặc cung cấp file mềm tài liệu học tập cho HSSV các lớp. (**4.10.01** - Danh sách thống kê giáo trình cho từng mô-đun, môn học của các chương trình đào tạo; **4.10.02** - Quyết định phê duyệt và cho phép đưa giáo trình vào sử dụng)

Nhà trường tự đánh giá đạt yêu cầu của tiêu chuẩn.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 10 tiêu chí 4: 01 điểm

Tiêu chuẩn 11: 100% giáo trình đào tạo được xây dựng hoặc lựa chọn theo quy định để làm tài liệu giảng dạy, học tập chính thức.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Nhà trường được Tổng cục giáo dục nghề nghiệp cấp phép cho đào tạo 10 nghề trình độ cao đẳng, 11 nghề trình độ trung cấp, 27 nghề trình độ sơ cấp (**1.2.01** Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp số 389/2017/GCNĐKHHĐ-TCGDNN ngày 14/11/2017; Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề

nghiệp số 45/2017/GCNDKHD-TCGDNN ngày 30/05/2019; Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp số 90/2019/GCNDKBS - TCGDNN ngày 16/9/2019; Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp số 90a/2019/GCNDKBS - TCGDNN ngày 03/6/2021 của Tổng cục trưởng Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp)

Năm 2021, nhà trường có ban hành kế hoạch xây dựng, rà soát, điều chỉnh và bổ sung giáo trình đào tạo cho các ngành đào tạo trình độ Trung cấp, Cao đẳng (**4.11.01** – *Kế hoạch về việc xây dựng, rà soát, điều chỉnh và bổ sung giáo trình năm 2021*)

Trên cơ sở kế hoạch, Nhà trường có ban hành Quyết định giao nhiệm vụ biên soạn đề cương, giáo trình cho các tổ chuyên môn; (**4.11.02** - *Quyết định thành lập ban biên soạn, lựa chọn giáo trình năm 2021*)

Các tổ chuyên môn phân công nhiệm vụ cho các thành viên, tiến hành biên soạn theo kế hoạch, định kỳ họp báo cáo kết quả thực hiện; (**4.11.04** - *Các biên bản họp của hội đồng chuyên môn về rà soát, điều chỉnh và bổ sung giáo trình trong các năm 2021*)

Các tổ chuyên môn báo cáo hoàn thành công việc, nhà trường ban hành Quyết định thành lập Hội đồng thẩm định đề cương, giáo trình đào tạo. Thành viên của hội đồng thẩm định gồm các giáo viên, giảng viên, chuyên gia, cán bộ quản lý có kinh nghiệm của ngành nghề đào tạo; (**4.11.03** - *Quyết định thành lập hội đồng thẩm định giáo trình năm 2021*)

Sau khi nghe tổ chuyên môn báo cáo kết quả biên soạn đề cương, giáo trình. Hội đồng thẩm định nhận xét, đánh giá về bản dự thảo giáo trình. Các biên bản phản biện, các biên bản nghiệm thu của Hội đồng thẩm định đều nhận xét về mức độ đáp ứng yêu cầu đổi mới về nội dung và phương pháp dạy học của từng giáo trình. Do đó, 100% giáo trình đào tạo được xây dựng hoặc lựa chọn theo quy định để làm tài liệu giảng dạy, học tập chính thức. Chủ tịch hội đồng thẩm định kết luận về chất lượng giáo trình đào tạo. (**4.11.06** - *Biên bản thẩm định giáo trình đào tạo trong các năm 2021*)

Các tổ chuyên môn hoàn thiện giáo trình đào tạo theo ý kiến góp ý của Hội đồng thẩm định. (**4.11.05** - *Biên bản tổng hợp các ý kiến đóng góp của các chuyên gia về rà soát, điều chỉnh và bổ sung giáo trình trong các năm 2021*)

Căn cứ Báo cáo kết quả thẩm định giáo trình đào tạo sau khi đã hoàn chỉnh theo ý kiến của hội đồng thẩm định, Hiệu trưởng nhà trường ra quyết định phê duyệt và đưa

vào sử dụng giáo trình cho 04 ngành đào tạo. (**4.10.01** - *Danh sách thống kê giáo trình cho từng mô-đun, môn học của các chương trình đào tạo*; **4.10.02** – *Quyết định phê duyệt và cho phép đưa giáo trình vào sử dụng*).

Nhà trường tự đánh giá đạt yêu cầu của tiêu chuẩn.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 11 tiêu chí 4: 01 điểm

Tiêu chuẩn 4.12: Giáo trình đào tạo cụ thể hóa yêu cầu về nội dung kiến thức, kỹ năng của từng mô-đun, môn học trong chương trình đào tạo.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Nhà trường được Tổng cục giáo dục nghề nghiệp cấp phép cho đào tạo 10 nghề trình độ cao đẳng, 11 nghề trình độ trung cấp, 27 nghề trình độ sơ cấp (**1.2.01** - *Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp số 26c/2016/GCNĐKHD-TCGDNN ngày 28/07/2017; Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp số 389/2017/GCNĐKHD-TCGDNN ngày 14/11/2017; Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp số 45/2017/GCNĐKHD-TCGDNN ngày 30/05/2019; Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp số 90/2019/GCNĐKBS-TCGDNN ngày 16/9/2019; Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp số 90a/2019/GCNĐKBS-TCGDNN ngày 03/6/2021 của Tổng cục trưởng Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp; 2.1.01 - Bảng thống kê các ngành, nghề đào tạo của trường đến năm 2023*)

Nhà trường đã xây dựng chương trình đào tạo, chuẩn đầu ra của các ngành nghề đào tạo được Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp. (**2.1.02** – *Các Quyết định ban hành chương trình đào tạo các ngành trình độ Trung cấp ; Cao đẳng năm 2021*)

Nhà trường có đủ giáo trình cho từng mô-đun, môn học của các chương trình đào tạo cao đẳng, trung cấp được ban hành năm 2021. (**4.10.01** - *Danh sách thống kê giáo trình cho từng mô-đun, môn học của các chương trình đào tạo*; **4.10.02** - *Các quyết định phê duyệt, công nhận giáo trình và tài liệu giảng dạy cho từng mô-đun, môn học của chương trình đào tạo năm 2021*).

Giáo trình đào tạo đã cụ thể hóa yêu cầu về nội dung kiến thức, kỹ năng của từng mô-đun, môn học trong chương trình đào tạo ban hành năm 2021 (**4.11.06** - *Biên bản thẩm định giáo trình đào tạo trong các năm 2021*).

Sau khi ban hành giáo trình và tài liệu giảng dạy, Nhà trường tiến hành lấy kiến khảo sát của giảng viên và HSSV về giáo trình mới ban hành. Trên 90% người học và Giảng viên đánh giá giáo trình phù hợp với Chương trình đào tạo và đáp ứng yêu cầu của người học (*1.7.10-Phiếu khảo sát ý kiến của học sinh, sinh viên và giáo viên về giáo trình đào tạo năm học 2020-2021, 2021-2022. 2022-2023; 4.11.07 - Báo cáo tổng hợp ý kiến của học sinh, sinh viên và giáo viên về giáo trình đào tạo năm học 2020-2021, 2021-2022. 2022-2023*)

Nhà trường tự đánh giá đạt yêu cầu của tiêu chuẩn.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 12 tiêu chí 4: 01 điểm

Tiêu chuẩn 13: Giáo trình đào tạo tạo điều kiện để thực hiện phương pháp dạy học tích cực.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Nhà trường được Tổng cục giáo dục nghề nghiệp cấp phép cho đào tạo 10 nghề trình độ cao đẳng, 11 nghề trình độ trung cấp, 27 nghề trình độ sơ cấp (*1.2.01 - Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp số 26c/2016/GCNĐKHD-TCGDNN ngày 28/07/2017; Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp số 389/2017/GCNĐKHD-TCGDNN ngày 14/11/2017; Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp số 45/2017/GCNĐKHD-TCGDNN ngày 30/05/2019; Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp số 90/2019/GCNĐKBS-TCGDNN ngày 16/9/2019; Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp số 90a/2019/GCNĐKBS-TCGDNN ngày 03/6/2021 của Tổng cục trưởng Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp. 2.1.01 - Bảng thống kê các ngành, nghề đào tạo của trường đến năm 2023*)

Nhà trường đã xây dựng chương trình đào tạo, chuẩn đầu ra của các ngành nghề đào tạo được Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp. (*2.1.02 – Các Quyết định ban hành chương trình đào tạo các ngành trình độ Trung cấp ; Cao đẳng năm 2021*)

Trong năm 2021 nhà trường đã triển khai xây dựng và nghiệm thu các giáo trình đào tạo của 03 ngành đào tạo trình độ Cao đẳng, 01 ngành đào tạo trình độ Trung cấp (*4.10.01 - Danh sách thống kê giáo trình cho từng mô-đun, môn học của các chương trình đào tạo; 4.10.02 - Các quyết định phê duyệt, công nhận giáo trình và tài liệu giảng dạy cho từng mô-đun, môn học của chương trình đào tạo năm 2021*); còn

lại các ngành, nghề đào tạo khác nhà trường mới triển khai xây dựng đề cương/tài liệu học tập, chưa có quyết định phê duyệt.

Giáo trình đào tạo phê duyệt năm 2021 của nhà trường tạo điều kiện để thực hiện các phương pháp dạy học tích cực thông qua các kì thi Giáo viên dạy giỏi cấp trường, cấp Bộ. (**4.13.01** - *Hồ sơ giáo viên tham gia hội thi giáo viên dạy giỏi cấp khoa, trường, cấp tỉnh và cấp bộ năm 2021, 2023*; **4.13.02** - *Các quyết định khen thưởng nhà giáo tham gia các hội thi giáo viên dạy giỏi các năm 2021, 2023*).

Sau khi ban hành giáo trình và tài liệu giảng dạy, Nhà trường tiến hành lấy kiến khảo sát của giảng viên và HSSV về giáo trình mới ban hành. Trên 90% người học và Giảng viên đánh giá giáo trình phù hợp với Chương trình đào tạo và đáp ứng yêu cầu của người học (**1.7.10**-*Phiếu khảo sát ý kiến của học sinh, sinh viên và giáo viên về giáo trình đào tạo năm học 2020-2021, 2021-2022. 2022-2023*; **4.11.07** - *Báo cáo tổng hợp ý kiến của học sinh, sinh viên và giáo viên về giáo trình đào tạo năm học 2020-2021, 2021-2022. 2022-2023*)

Nhà trường tự đánh giá đạt yêu cầu của tiêu chuẩn.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 13 tiêu chí 4: 01 điểm

Tiêu chuẩn 14: Hằng năm, trường thực hiện việc lấy ý kiến của nhà giáo, cán bộ quản lý, cán bộ khoa học kỹ thuật của đơn vị sử dụng lao động, người tốt nghiệp về mức độ phù hợp của giáo trình đào tạo; thực hiện theo quy định đặc thù của ngành nếu có.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Năm 2023, nhà trường có xây dựng kế hoạch và triển khai thực hiện khảo sát cán bộ, giáo viên, CNV và cựu HSSV về công tác giáo trình, tài liệu học tập (**4.14.01** - *Kế hoạch khảo sát, lấy ý kiến của các bên liên quan phục vụ công tác đảm bảo chất lượng của nhà trường năm học 2023 – 2024*), trong kế hoạch có phân công cụ thể việc triển khai lấy phiếu khảo sát, hình thức lấy ý kiến qua phiếu hỏi hoặc lấy ý kiến qua đường link online (khảo sát online, gửi đường link qua email, zalo).

Trước khi khảo sát, nhà trường đều cho lập danh sách các đối tượng liên quan để lấy phiếu, mỗi đối tượng sẽ có hình thức lấy phiếu khảo sát khác nhau (**4.14.02** - *Danh sách nhà giáo, cán bộ quản lý, cán bộ khoa học kỹ thuật của nhà trường, cựu HSSV được lấy ý kiến*). Kết thúc đợt khảo sát, nhà trường đều có tổng hợp, phân tích kết quả khảo sát theo từng nội dung để đưa vào kế hoạch cải tiến, nâng cao chất lượng

đào tạo vào năm sau (**4.14.03** - Báo cáo kết quả khảo sát lấy ý kiến của cán bộ, nhà giáo và cựu HSSV về công tác giáo trình)

Nhà trường tự đánh giá đạt yêu cầu của tiêu chuẩn.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 14 tiêu chí 4: 01 điểm

Tiêu chuẩn 15: Khi có sự thay đổi về chương trình đào tạo, trường thực hiện đánh giá, cập nhật và điều chỉnh nếu có đối với giáo trình đào tạo đảm bảo yêu cầu theo quy định.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Tất cả chương trình đào tạo các ngành, nghề được cấp giấy đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp được tiến hành theo các bước theo quy định của Bộ LĐTB&XH và đều có quyết định ban hành chương trình đào tạo (**4.7.01** – Quyết định ban hành chương trình đào tạo các trình độ, các ngành (lần đầu))

Hàng năm trường có kế hoạch cụ thể trong việc cải tiến và nâng cao chất lượng đào tạo trên cơ sở kết quả tự đánh giá. Tiếp tục hoàn thiện hồ sơ chuyên đổi chương trình đào tạo theo hướng GDNN, mở các mã ngành mới, điều chỉnh và thay đổi các mã ngành, nghề hàng năm cho phù hợp.

Sau mỗi năm học, nhà trường chỉ đạo các khoa quản ngành căn cứ vào thực tế giảng dạy, định kỳ rà soát, bổ sung, điều chỉnh chương trình đào tạo, chương trình chi tiết môn học, mô đun. Những vấn đề bất cập, chưa phù hợp đã được các giảng viên và các đơn vị sử dụng lao động, người học sau khi tốt nghiệp có ý kiến bổ sung, điều chỉnh kịp thời nhằm từng bước hoàn thiện chương trình đào tạo đáp ứng yêu cầu thực tiễn đặt ra, đáp ứng xu hướng phát triển của xã hội và yêu cầu của các doanh nghiệp. Thông qua hội đồng nghiệm thu, các chương trình đã chỉnh sửa được nhà trường ban hành và đưa vào đào tạo (**2.1.02** – Các Quyết định ban hành chương trình đào tạo các ngành trình độ Trung cấp; Cao đẳng năm 2021)

Trong năm 2021 nhà trường đã triển khai xây dựng và nghiệm thu các giáo trình đào tạo các ngành đào tạo trình độ Cao đẳng, Trung cấp (**4.10.02** - Các quyết định phê duyệt, công nhận giáo trình và tài liệu giảng dạy cho từng mô-đun, môn học của chương trình đào tạo năm 2021); còn lại các ngành, nghề đào tạo khác nhà trường mới triển khai xây dựng đề cương/tài liệu học tập.

Nhà trường tự đánh giá đạt yêu cầu của tiêu chuẩn.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 15 tiêu chí 4: 01 điểm

3.2.5 Tiêu chí 5 - Cơ sở vật chất, thiết bị đào tạo và thư viện

Đánh giá tổng quát tiêu chí 5:

Để thực hiện tốt các điều kiện đảm bảo chất lượng trong đào tạo, đặc biệt là điều kiện về cơ sở vật chất, nhà trường đã không ngừng đầu tư về CSVC, trang thiết bị phục vụ cho công tác giảng dạy và nghiên cứu khoa học. Hàng năm, nhà trường đều triển khai cho các đơn vị trực thuộc rà soát và đề xuất các hạng mục đầu tư cơ sở vật chất, các trang thiết bị cần thiết để phục vụ đào tạo. Trong 3 năm qua, nhà trường đã được Tập đoàn phê duyệt với tổng mức đầu tư là hơn 30 tỷ đồng cho các công trình phục vụ cho các hoạt động đào tạo. Hiện nay, cơ sở vật chất và các trang thiết bị của nhà trường cơ bản đáp ứng được quy mô đào tạo các lớp tại trường.

**** Những điểm mạnh:***

Địa điểm của Trường phù hợp với quy hoạch chung của tỉnh Bình Phước, đảm bảo điều kiện an toàn, yên tĩnh cho hoạt động giảng dạy, học tập và thuận tiện cho việc đi lại. Mặt bằng tổng thể của Trường đã được quy hoạch phù hợp với Chiến lược phát triển trường, có khả năng mở rộng để đáp ứng yêu cầu phát triển trong tương lai. Quy hoạch chi tiết tổng thể mặt bằng của trường có đủ các khối công trình, hệ thống hạ tầng kỹ thuật đảm bảo đáp ứng nhu cầu hoạt động dạy nghề. Có đầy đủ các hệ thống điện, hệ thống cấp thoát nước, đường nội bộ được thảm nhựa đảm bảo việc phòng cháy chữa cháy, được các cơ quan chức năng hàng năm kiểm tra đánh giá đảm bảo tốt các điều kiện kỹ thuật. Nhà trường có trang thiết bị, dụng cụ phù hợp với chương trình đào tạo đã đăng ký. Trang thiết bị, đồ dùng dạy học ở một số ngành đúng chủng loại, có chất lượng cao, đạt tiêu chuẩn về mặt kỹ thuật và đảm bảo sức khỏe cho người vận hành, đáp ứng và phù hợp với các ngành mà nhà trường đang đào tạo

**** Những tồn tại:***

Nhà trường đang thực hiện theo cơ chế tự chủ 100%, do vậy nguồn kinh phí để đầu tư cơ sở vật chất, mua sắm các trang thiết bị đều lấy từ nguồn khấu hao hàng năm. Hiện nay các thiết bị đầu tư phục vụ cho một số ngành nghề để đáp ứng được nhu cầu đào tạo của các doanh nghiệp có giá trị rất lớn, nguồn kinh phí của nhà trường không thể đầu tư được, một số công trình đầu tư đã lâu nay đã xuống cấp, thiết bị cũ phần nào ảnh hưởng đến hoạt động đào tạo.

Hiện nay, thư viện của nhà trường hoạt động chưa hiệu quả, tài liệu giảng dạy chủ yếu do giáo viên và các Khoa lựa chọn xây dựng, phòng QLĐT tổng hợp và in ấn, cung cấp cho HSSV, chưa cập nhật trên thư viện số của trường.

** Kế hoạch nâng cao chất lượng:*

Tiếp tục triển khai rà soát, đầu tư cơ sở vật chất, lắp đặt, sửa chữa trang thiết bị học tập ở những phòng học chưa có đảm bảo phục vụ tốt cho công tác giảng dạy và học tập; tăng cường đầu tư và ứng dụng công nghệ thông tin, chuyên đổi số vào các hoạt động đào tạo của nhà trường. Xây dựng thư viện số, đảm bảo đầu sách cho HSSV và Giảng viên nghiên cứu, học tập.

Triển khai ký kết với các doanh nghiệp, công ty để phối hợp tổ chức đào tạo học kỳ tại doanh nghiệp. Từ đó, HSSV sẽ có cơ hội và điều kiện tốt nhất để tiếp cận các trang thiết bị đào tạo hiện đại và có thể đi làm ngay sau khi tốt nghiệp.

Điểm đánh giá tiêu chí 5

Tiêu chí, tiêu chuẩn	Điểm tự đánh giá
Tiêu chí 5	11
Tiêu chuẩn 1	1
Tiêu chuẩn 2	1
Tiêu chuẩn 3	1
Tiêu chuẩn 4	1
Tiêu chuẩn 5	1
Tiêu chuẩn 6	1
Tiêu chuẩn 7	1
Tiêu chuẩn 8	1
Tiêu chuẩn 9	1
Tiêu chuẩn 10	1
Tiêu chuẩn 11	1
Tiêu chuẩn 12	1
Tiêu chuẩn 13	1
Tiêu chuẩn 14	0
Tiêu chuẩn 15	0

Tiêu chuẩn 1: *Địa điểm xây dựng trường phù hợp với quy hoạch chung của khu vực và mạng lưới các cơ sở giáo dục nghề nghiệp, khu đất xây dựng cần đảm bảo yên tĩnh cho việc giảng dạy và học tập; giao thông thuận tiện và an toàn; thuận tiện cho việc cung cấp điện, nước, đảm bảo khoảng cách đối với các xí nghiệp công nghiệp thải ra chất độc hại; thực hiện theo quy định*

Mô tả, phân tích, nhận định:

Trường CĐCNCS được thành lập theo Quyết định số 424/QĐ-BGD&ĐT-TCCB ngày 24 tháng 01 năm 2008 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT trên cơ sở trường Trung Kỹ thuật Nghiệp vụ Cao su (**1.01.01 - QĐ 424/QĐ-GDDT ngày 24/01/2008, Thành lập trường Cao đẳng Công nghiệp Cao su**). Trường trực thuộc Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam chịu sự quản lý nhà nước về giáo dục của Bộ LĐ TB&XH với nhiệm vụ đào tạo và bồi dưỡng cán bộ có trình độ cao đẳng và các trình độ thấp hơn trong lĩnh vực: kinh tế, nông học, kỹ thuật công nghệ, kỹ thuật điện - điện tử. Trường được xây dựng trên địa bàn phường Tân Đông, TP Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước với tổng diện tích quy hoạch là 19.2km², phù hợp với quy hoạch chung của tỉnh Bình Phước cũng như mạng lưới các cơ sở GDNN trên địa bàn tỉnh (**5.01.01 – Quy hoạch mạng lưới giáo dục tỉnh Bình Phước**)

Phía Tây Bắc cách nhà trường 4-10 km là các nhà máy chế biến cao su của công ty Cổ phần cao su Đồng Phú và Công ty Cao su Thuận Lợi. Phía Tây cách trụ sở nhà trường 4-5km là khu công nghiệp Đồng Xoài I và Đồng Xoài II. Phía Đông Nam cách 10km là khu công nghiệp Bắc Đồng Phú (**5.01.02 - Danh sách các xí nghiệp công nghiệp thải ra chất độc hại gần trường, trong đó có thống kê khoảng cách từ trường đến trường**) khoảng cách này không ảnh hưởng đến hoạt động học tập, sinh hoạt và phát triển của HSSV cũng như hoạt động đào tạo chung của nhà trường (**5.01.03- Bản đồ vị trí của trường tại khu vực**).

Trước mặt trụ sở của trường là đường ĐT741, rất thuận tiện trong việc lưu thông, đi lại của cán bộ, giảng viên và sinh viên. Phía sau nhà trường là khu dân cư, cách 2km về phía Nam là Quốc lộ 14 thuận tiện cho việc đi lại di chuyển đi các tỉnh thành Miền Đông, Miền Tây Nam Bộ và các tỉnh Tây Nguyên. Trong trường có Trạm biến áp 400KVA và tuyến cáp ngầm xuất tuyến hạ thế 0,4KV thuộc Dự án đầu tư xây dựng, mở rộng trường CĐCNCS - Giai đoạn 2010 - 2012 đã được đưa vào sử dụng rất thuận tiện cho việc cung cấp điện phục vụ cho toàn trường.

Nhà trường có kế hoạch khảo sát và tổ chức thực hiện khảo sát đối với các đối tượng người học, cán bộ, công nhân viên về vị trí của nhà trường đảm bảo yên tĩnh cho việc giảng dạy và học tập, thuận tiện cho việc đi lại của CB-GV-HSSV, thuận tiện cho việc cung cấp điện nước và mức độ ảnh hưởng của những khu công nghiệp xung quanh nhà trường...

Kết quả khảo sát qua các năm 2021, 2022, 2023 được thống kê trong các Bảng báo cáo kết quả khảo sát CB, GV, CNV, HSSV

Nội dung khảo sát: vị trí của nhà trường đảm bảo yên tĩnh cho việc giảng dạy và học tập, thuận tiện cho việc đi lại của CB-GV-HSSV, thuận tiện cho việc cung cấp điện nước và Môi trường học tập không bị ô nhiễm bởi ảnh hưởng của các khu công nghiệp xung quanh nhà trường.

Năm	Đối tượng lấy ý kiến	Không đồng ý	Đồng ý	Ý kiến khác
Nội dung: Vị trí của nhà trường đảm bảo yên tĩnh cho việc giảng dạy và học tập,				
2021	Cán bộ - Giảng viên - CNV (147)	11/147 (7.48%)	132/147 (89.80%)	4/147 (2.72%)
	HSSV (912)	106/912 (11.62%)	797/912 (87.39%)	9/912 (0.99%)
2022	Cán bộ - Giảng viên - CNV	5/142 (3.52%)	131/142 (92.25%)	6/142 (4.23%)
	HSSV	106/926 (11.45%)	813/926 (87.80%)	7/926 (0.76%)
Nội dung: Thuận tiện cho việc đi lại của CB-GV-HSSV, thuận tiện cho việc cung cấp điện nước				
2021	Cán bộ - Giảng viên - CNV	1/147 (0.68%)	142/147 (96.60%)	4/147 (2.72%)
	HSSV	97/912 (10.64%)	806/912 (88.38%)	9/912 (0.99%)
2022	Cán bộ - Giảng viên - CNV	2/142 (1.41%)	139/142 (97.89%)	1/142 (0.70%)
	HSSV	18/926	903/926	5/926

		(1.94%)	(97.52%)	(0.54%)
Nội dung: <i>Môi trường học tập không bị ô nhiễm bởi ảnh hưởng của các khu công nghiệp xung quanh nhà trường</i>				
2021	Cán bộ - Giảng viên - CNV	15/147 (10.20%)	127/147 (86.39%)	5/147 (3.40%)
	HSSV	96/912 (10.53%)	812/912 (89.04%)	4/912 (0.44%)
2022	Cán bộ - Giảng viên - CNV	7/142 (4.93%)	134/142 (94.37%)	1/142 (0.70%)
	HSSV	27/926 (2.92%)	893/926 (96.44%)	6/926 (0.65%)

(1.7.10 – Phiếu khảo sát ý kiến của người học, nhà giáo, cán bộ quản lý;

5.1.04 – Báo cáo tổng hợp sau khảo sát ý kiến của người học, nhà giáo, cán bộ quản lý).

Hiện tại địa điểm xây dựng Trường phù hợp với quy hoạch chung của khu vực và đã đáp ứng mọi điều kiện thuận tiện cho tổ chức giáo dục, đào tạo trong trường

Nhà trường tự đánh giá đạt yêu cầu của tiêu chuẩn.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 1 tiêu chí 5: 1 điểm

Tiêu chuẩn 2: *Quy hoạch tổng thể mặt bằng khuôn viên hợp lý, phù hợp với công năng và các yêu cầu giao thông nội bộ, kiến trúc và môi trường sư phạm; diện tích đất sử dụng, diện tích cây xanh đảm bảo theo quy định:*

Mô tả, phân tích, nhận định:

Tổng diện tích đất theo quy hoạch 19.2 ha được quy hoạch bố trí hợp lý, có khu vực nhà làm việc tại vị trí trung tâm, xung quanh bố trí các giảng đường học tập, phòng thí nghiệm, thực hành hội trường lớn, khu liên hiệp thể thao. Nhà trường có khu Ký túc xá và nhà ăn sinh viên riêng biệt thuận lợi cho việc sinh hoạt và học tập của HSSV (5.2.01- Sơ đồ mặt bằng, khuôn viên trường). Hệ thống phòng học, nhà làm việc và khu KTX của nhà trường được đầu tư sửa chữa thường xuyên đảm bảo về mỹ quan và công năng phục vụ hoạt động học tập

+ Khu hành chính (Khu hiệu bộ): tổng diện tích xây dựng là 1.760,00 m², số lượng phòng làm việc là 18, diện tích bình quân mỗi phòng làm việc: 20m².

+ Phòng học lý thuyết: tổng diện tích xây dựng 6.150,00 m², số lượng phòng

học lý thuyết 30, diện tích bình quân mỗi phòng học lý thuyết: 76,75 m².

+ Phòng học thực hành: tổng diện tích xây dựng 3.107,00 m², số lượng phòng học thực hành 20, diện tích bình quân mỗi phòng học thực hành: 78,8 m².

+ Xưởng thực hành điện cơ số 1: tổng diện tích xây dựng 992,50 m²

+ Xưởng thực hành điện cơ số 1: tổng diện tích xây dựng 992,50 m²

+ Khu phục vụ: Thư viện, hội trường, thể thao, ký túc xá, nhà ăn, y tế: tổng diện tích xây dựng 6.564,00 m² (5.2.02- Hình ảnh chụp thực tế hệ thống nhà làm việc, phòng học, KTX)

Khuôn viên nhà trường hiện có trồng 160 cây dầu đường kính gốc hiện nay trung bình khoảng 40cm, chiều cao trung bình khoảng 20m, trung bình mỗi cây cách nhau 4m dọc lối đi của khuôn viên trường, 8 cây cọ, 5 cây bàng Đài Loan, 5 cây sao, thảm cỏ 5000m² trước nhà hiệu bộ và nhiều thảm cỏ, cây cảnh các loại, tổng diện tích là 10,170m² (5.2.03 - Số liệu báo cáo về diện tích cây xanh)

Trường đã được Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam phê duyệt đầu tư xây dựng đường giao thông trong Trường, theo đó hơn 2000m đường theo quy hoạch được đầu tư thảm nhựa hoàn toàn, trường có hệ thống cáp ngầm đầu tư và sử dụng từ 2013. Đến thời điểm hiện tại, giao thông nội bộ và kiến trúc của nhà trường hoàn toàn đáp ứng được các yêu cầu trong đào tạo các ngành/nghề của nhà trường theo các báo cáo tình hình tăng giảm tài sản cố định của Nhà trường (5.2.04 – Biên bản nghiệm thu hệ thống cáp ngầm, biên bản nghiệm thu thảm nhựa hệ thống đường)

Hàng năm trường xây dựng kế hoạch khảo sát và thực hiện việc khảo sát lấy ý kiến của người học, nhà giáo và đặc biệt là phụ huynh học sinh về cơ sở vật chất phục vụ hoạt động dạy học cũng như sinh hoạt sau giờ học

Phần lớn ý kiến được hỏi cho rằng quy hoạch tổng thể khuôn viên, kiến trúc của nhà trường phù hợp, là môi trường để HSSV rèn luyện nâng cao tay nghề, có 97,28% đồng ý về CSVC phục vụ ăn ở, sinh hoạt, vui chơi thể thao sau giờ học của các em HSSV, 99,34% ý kiến của học sinh, sinh viên đồng ý về tỷ lệ, khối lượng cây xanh, bóng mát và thảm thực vật của nhà trường là đảm bảo quy định của nhà nước

Kết quả khảo sát cho thấy quy hoạch tổng thể mặt bằng của nhà trường phù hợp với môi trường sư phạm, khối lượng cây xanh, thảm thực vật đảm bảo theo quy định đối với cơ sở giáo dục, cơ bản đáp ứng được nhu cầu giảng dạy và học tập của hoạt động đào tạo tại nhà trường.

Năm	Đối tượng lấy ý kiến	Không đồng ý	Đồng ý	Ý kiến khác
Nội dung: Quy hoạch của nhà trường phù hợp với công năng và các yêu cầu giao thông nội bộ, kiến trúc và môi trường sư phạm				
2021	Cán bộ - Giảng viên - CNV (147)	0.00%	143/147 (97.28%)	4/147 (2.72%)
	HSSV (912)	2/912 (0.22%)	907/912 (99.45%)	3/912 (0.33%)
2022	Cán bộ - Giảng viên - CNV	0.00%	139/142 (97.89%)	3/142 (2.11%)
	HSSV	7/926 (0.76%)	913/926 (98.60%)	6/926 (0.65%)
Nội dung: Diện tích đất sử dụng của nhà trường, diện tích cây xanh đảm bảo theo quy định				
2021	Cán bộ - Giảng viên - CNV	2/147 (1.36%)	142/147 (96.60%)	3/147 (2.04%)
	HSSV	11/926 (1.21%)	906/912 (99.34%)	9/912 (0.99%)
2022	Cán bộ - Giảng viên - CNV	1/142 (1.41%)	139/142 (97.89%)	1/142 (0.70%)
	HSSV	12/926 (1.30%)	906/926 (97.84%)	8/926 (0.86%)

(1.7.10 – Phiếu khảo sát ý kiến của người học, nhà giáo, cán bộ quản lý; 5.1.04 – Báo cáo tổng hợp sau khảo sát ý kiến của người học, nhà giáo, cán bộ quản lý)
Nhà trường tự đánh giá đạt yêu cầu của tiêu chuẩn.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 2 tiêu chí 5: 1 điểm

Tiêu chuẩn 3: Có đủ các khu vực phục vụ hoạt động của trường theo tiêu chuẩn: khu học tập và nghiên cứu khoa học (phòng học lý thuyết, phòng học thực hành, phòng thí nghiệm và phòng học chuyên môn); khu thực hành (xưởng thực hành, thực tập, trại trường, vườn thí nghiệm); khu vực rèn luyện thể chất; khu hành chính quản trị, phụ trợ và khu phục vụ sinh hoạt cho người học và nhà giáo:

Mô tả, phân tích, nhận định:

Trường có tổng diện tích đất 19,2 ha đã được quy hoạch cụ thể từng khu vực phục vụ nhu cầu đào tạo và các hoạt động trong nhà trường (các khối công trình được bố trí độc lập không ảnh hưởng nhau) như: khu hiệu bộ, khu phòng học lý thuyết, các xưởng thực hành, khu vệ sinh, nhà giữ xe, ký túc xá, hội trường lớn, sân chơi, sân TDTT. Giữa các khối công trình có hệ thống đường giao thông nên rất thuận tiện cho việc đi lại và vận chuyển thiết bị khi cần (**5.3.01- Danh sách phòng học, xưởng thực hành, hội trường, nhà làm việc, khu liên hợp thể thao, KTX**).

Hiện tại trường có đủ diện tích lớp học, có các phòng thí nghiệm cần thiết, trang thiết bị phù hợp yêu cầu của từng chuyên ngành đào tạo và NCKH của giáo viên- sinh viên (**5.3.02 – Hồ sơ kiểm kê hàng năm**).

Số lượng phòng học thực hành, thí nghiệm, đảm bảo cho nhu cầu đào tạo. Khu vực vui chơi giải trí đáp ứng được nhu cầu rèn luyện sau giờ học của HSSV. Ký túc xá nhà trường khang trang sạch sẽ là nơi sinh hoạt của học sinh sau những giờ học căng thẳng. Nhìn chung cơ sở vật chất của nhà trường cơ bản đáp ứng được trình độ đào tạo hiện nay

+ Khu hành chính (Khu hiệu bộ): tổng diện tích xây dựng là 1.760,00 m², số lượng phòng làm việc là 18, diện tích bình quân mỗi phòng làm việc: 20m².

+ Phòng học lý thuyết: tổng diện tích xây dựng 6.150,00 m², số lượng phòng học lý thuyết 30, diện tích bình quân mỗi phòng học lý thuyết: 76,75 m².

+ Phòng học thực hành: tổng diện tích xây dựng 3.107,00 m², số lượng phòng học thực hành 20, diện tích bình quân mỗi phòng học thực hành: 78,8 m².

+ Xưởng thực hành điện cơ số 1: tổng diện tích xây dựng 992,50 m²

+ Xưởng thực hành điện cơ số 1: tổng diện tích xây dựng 992,50 m²

+ Khu phục vụ: Thư viện, hội trường, thể thao, ký túc xá, nhà ăn, y tế: tổng diện tích xây dựng 6.564,00 m² (**5.3.03 - Các hồ sơ hoàn công nhà học, nhà thí nghiệm, xưởng thực hành; 5.3.04– Bảng thống kê phòng học, phòng thí nghiệm, xưởng thực hành**).

Nhà trường đã xây dựng kế hoạch khảo sát, xác định các đối tượng để thực hiện việc khảo sát lấy ý kiến của người học, nhà giáo và cán bộ quản lý về cơ sở vật chất của nhà trường đủ các khu vực phục vụ hoạt động: khu học tập và nghiên cứu khoa học, khu thực hành, khu rèn luyện thể chất, khu hành chính, khu phục vụ sinh

hoạt cho người học và nhà giáo. Sau khi có kế hoạch nhà trường đã xây dựng các công cụ khảo sát (**1.7.10 – Phiếu khảo sát lấy ý kiến CBQL-GV-HSSV**) và tổ chức lấy phiếu khảo sát theo kế hoạch.

Khi có kết quả các đơn vị chuyên môn tổng hợp ý kiến, nội dung được phản ánh và xác định những yếu tố cần cải thiện hoặc phát huy báo cáo lãnh đạo nhà trường.

Năm	Đối tượng lấy ý kiến	Không đồng ý	Đồng ý	Ý kiến khác
Nội dung: <i>Đủ các khu vực phục vụ hoạt động: khu học tập và nghiên cứu khoa học, khu thực hành,</i>				
2021	Cán bộ - Giảng viên - CNV (147)	16/147 (10.88%)	117/147 (79.59%)	4/147 (2.72%)
	HSSV (912)	98/912 (10.75%)	805/912 (88.27%)	9/912 (0.99%)
2022	Cán bộ - Giảng viên - CNV	17/142 (11.97%)	118/142 (83.10%)	5/142 (3.52%)
	HSSV	99/926 (10.69%)	818/926 (88.34%)	9/926 (0.97%)
Nội dung: <i>Có khu rèn luyện thể chất cho HSSV hoạt động TDTT</i>				
2021	Cán bộ - Giảng viên - CNV	4/147 (2.72%)	137 /147 (93.20%)	6/147 (4.08%)
	HSSV	94/912 (10.31%)	810/912 (88.82%)	8/912 (0.88%)
2022	Cán bộ - Giảng viên - CNV	5/142 (3.52%)	132/142 (95.07%)	2/142 (1.41%)
	HSSV	18/926 (1.94%)	903/926 (97.52%)	5/926 (0.54%)
Nội dung: <i>Có khu phục vụ sinh hoạt cho người học và nhà giáo (cantin, KTX..)</i>				
2021	Cán bộ - Giảng viên - CNV	12/147 (8.16%)	132/147 (89.80%)	3/147 (2.04%)
	HSSV	96/912 (10.53%)	809/912 (88.71%)	7/912 (0.77%)

2022	Cán bộ - Giảng viên - CNV	8/142 (5.63%)	133/142 (93.66%)	1/142 (0.70%)
	HSSV	25/926 (2.70%)	895 /926 (96.65%)	6/926 (0.65%)

(5.3.05 – Báo cáo tổng hợp kết quả khảo sát ý kiến của người học, nhà giáo, cán bộ quản lý).

Nhà trường tự đánh giá đạt yêu cầu của tiêu chuẩn.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 3 tiêu chí 5: 1 điểm

Tiêu chuẩn 4: Hệ thống hạ tầng kỹ thuật của trường (đường giao thông nội bộ; hệ thống điện; cấp thoát nước, xử lý nước thải, chất thải; thông gió; phòng cháy chữa cháy) theo quy chuẩn và đáp ứng nhu cầu đào tạo, sản xuất, dịch vụ, sinh hoạt; được bảo trì, bảo dưỡng theo quy định.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Nhà trường được quy hoạch hợp lý có đầy đủ các khối công trình thuận tiện cho hoạt động của nhà trường. Hệ thống đường nội bộ được thảm nhựa đảm bảo việc phòng cháy chữa cháy. Hệ thống đường bộ, hệ thống điện, cấp thoát nước, xử lý rác thải được xây dựng đúng quy định, bố trí phù hợp; Các bình chống cháy được trang bị đầy đủ ở các phòng học, phòng làm việc luôn đảm bảo tốt công tác PCCC (5.4.01 - Hồ sơ xây dựng, thiết kế mặt bằng khuôn viên trường; 5.3.03 - Các hồ sơ hoàn công; 5.4.02 – Hợp đồng cung cấp điện; 5.4.03 – Hợp đồng cung cấp nước; 5.4.04 - Hợp đồng thu gom chất thải).

Hàng năm nhà trường xây dựng Kế hoạch PCCC, thành lập lực lượng PCCC. Xây dựng kế hoạch bảo trì, bảo dưỡng hệ thống hạ tầng kỹ thuật và triển khai bảo trì, bảo dưỡng hệ thống hạ tầng kỹ thuật như đường giao thông nội bộ; hệ thống điện; cấp thoát nước, xử lý nước thải, chất thải; thông gió; phòng cháy chữa cháy nhằm đáp ứng nhu cầu đào tạo, sản xuất, dịch vụ, sinh hoạt đúng theo quy định (5.4.05 - Kế hoạch PCCC hàng năm; 5.4.06 – Tờ trình kế hoạch về bảo trì, bảo dưỡng hệ thống hạ tầng kỹ thuật; 5.4.07 – Các phê duyệt kế hoạch về bảo trì, bảo dưỡng hệ thống hạ tầng kỹ thuật; 5.4.08 - Quyết định thành lập lực lượng PCCC của nhà trường; 5.4.09- Các hồ sơ thực hiện bảo trì, bảo dưỡng hệ thống hạ tầng kỹ thuật; 5.4.10 - Biên bản bàn giao sau khi bảo trì, bảo dưỡng hệ thống hạ tầng kỹ thuật)

Theo định kỳ hoặc cuối năm nhà trường sẽ kiểm tra và báo cáo công tác PCCC,

bảo trì, bảo dưỡng hệ thống hạ tầng kỹ thuật (đường giao thông nội bộ; hệ thống điện; cấp thoát nước, xử lý nước thải, chất thải; thông gió; phòng cháy chữa cháy) đồng thời xây dựng kế hoạch khảo sát và thực hiện khảo sát lấy ý kiến của người học, nhà giáo, cán bộ quản lý về mức độ đạt yêu cầu của hệ thống hạ tầng kỹ thuật của trường.

Kết quả khảo sát qua các năm 2021, 2022 được thống kê trong Bảng tổng kết quả khảo sát CB, GV, CNV, HSSV như sau:

Năm	Đối tượng lấy ý kiến	Không đồng ý	Đồng ý	Ý kiến khác
Nội dung: Hệ thống hạ tầng kỹ thuật của trường (đường giao thông nội bộ; hệ thống điện; cấp thoát nước, xử lý nước thải, chất thải; thông gió; phòng cháy chữa cháy) được xây dựng theo quy chuẩn				
2021	Cán bộ - Giảng viên - CNV	5/121 (4.13 %)	116/121 (95.87 %)	
	HSSV	30/912 (3.29 %)	882/912 (96.71 %)	
2022	Cán bộ - Giảng viên - CNV	7/120 (5.83 %)	113/120 (94.17 %)	
	HSSV	57/910 (6.26 %)	853/910 (93.74 %)	
Nội dung: Hệ thống hạ tầng kỹ thuật (đường giao thông nội bộ; hệ thống điện; cấp thoát nước, xử lý nước thải, chất thải; thông gió; phòng cháy chữa cháy) đáp ứng nhu cầu đào tạo, sản xuất, dịch vụ, sinh hoạt và được bảo trì, bảo dưỡng theo quy định				
2021	Cán bộ - Giảng viên - CNV	9/121 (7.44 %)	112/121 (92.56 %)	
	HSSV	20/912 (2.19 %)	892/912 (97.81 %)	
2022	Cán bộ - Giảng viên - CNV	6/120 (5.00 %)	114/120 (95.00 %)	
	HSSV	47/910 (5.16 %)	863/910 (94.84 %)	

Qua kết quả khảo sát đánh giá được hệ thống hạ tầng kỹ thuật của trường (đường giao thông nội bộ; hệ thống điện; cấp thoát nước, xử lý nước thải, chất thải; thông gió; phòng cháy chữa cháy) được xây dựng theo quy chuẩn và đáp ứng nhu cầu đào tạo, sản xuất, dịch vụ, sinh hoạt và được bảo trì, bảo dưỡng theo quy định. (5.4.11 - Biên bản kiểm tra PCCC hàng năm; 5.4.12 - Báo cáo thực hiện Kế hoạch PCCC; 5.4.13 - Bảng thống kê dụng cụ phòng cháy chữa cháy; 5.4.14- Báo cáo kết quả thực hiện bảo trì, bảo dưỡng hệ thống hạ tầng kỹ thuật; 5.4.15 - Báo cáo giám sát tổng thể của trường; 1.7.10 - Phiếu khảo sát lấy ý kiến của người học, nhà giáo, cán bộ quản lý về mức độ đạt yêu cầu của hệ thống hạ tầng kỹ thuật của trường; 5.1.04- Báo cáo tổng hợp ý kiến khảo sát của người học, nhà giáo, cán bộ quản lý về mức độ đạt yêu cầu của hệ thống hạ tầng kỹ thuật của trường)

Căn cứ Kế hoạch số 185/KH-BCĐ ngày 21 tháng 9 năm 2022 của ban chỉ đạo phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa” Liên đoàn lao động thành phố Đồng Xoài đã công nhận Trường Cao đẳng Công nghiệp Cao su là cơ quan đạt “Chuẩn văn hóa” năm 2022. Trong đó, đã công nhận nhà trường thực hiện tốt quy định về bảo vệ môi trường; hệ thống thu gom, xử lý nước thải, rác thải đạt chuẩn theo quy định pháp luật; khuôn viên cơ quan xanh, sạch, đẹp (5.4.16 – Công văn 148/LĐLĐ của Liên đoàn lao động thành phố Đồng Xoài công nhận Trường Cao đẳng Công nghiệp Cao su đạt cơ quan “Chuẩn văn hóa”)

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 4 tiêu chí 5: 1 điểm

Tiêu chuẩn 5.5: Phòng học, phòng thí nghiệm, xưởng thực hành, phòng học chuyên môn hóa bảo đảm quy chuẩn xây dựng, tiêu chuẩn cơ sở vật chất hiện hành và các yêu cầu công nghệ của thiết bị đào tạo.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Nhà trường có đầy đủ hồ sơ hoàn công, các số liệu thống kê bằng văn bản về số lượng, diện tích, vị trí của phòng học, phòng thí nghiệm, xưởng thực hành, phòng học chuyên môn hóa phục vụ đào tạo, cụ thể:

+ Khu hành chính (Khu hiệu bộ): tổng diện tích xây dựng là 1.760,00 m², số lượng phòng làm việc là 18, diện tích bình quân mỗi phòng làm việc: 20m².

+ Phòng học lý thuyết: tổng diện tích xây dựng 6.150,00 m², số lượng phòng học lý thuyết 30, diện tích bình quân mỗi phòng học lý thuyết: 76,75 m².

+ Phòng học thực hành: tổng diện tích xây dựng 3.107,00 m², số lượng phòng học thực hành 20, diện tích bình quân mỗi phòng học thực hành: 78,8 m².

+ Xưởng thực hành điện cơ số 1: tổng diện tích xây dựng 992,50 m²

+ Khu phục vụ: Thư viện, hội trường, thể thao, ký túc xá, nhà ăn, y tế: tổng diện tích xây dựng 6.564,00 m² (5.3.03 - Các hồ sơ hoàn công nhà học, nhà thí nghiệm, xưởng thực hành; 5.3.04 – Bảng thống kê phòng học, phòng thí nghiệm, xưởng thực hành)

Trang thiết bị có tầm quan trọng đặc biệt, quyết định chất lượng đào tạo dạy nghề, nghiên cứu khoa học và quản lý Nhà trường. Trong những năm qua, việc mua sắm các thiết bị, máy móc phục vụ cho công tác đào tạo tại trường được các đơn vị chuyên môn tham mưu, đề xuất phù hợp với yêu cầu thực tế dạy học và sản xuất kinh doanh dịch vụ trên thị trường. Các thiết bị đào tạo chính đạt mức tương đương trình độ

công nghệ của sản xuất, dịch vụ hiện tại; chất lượng trang thiết bị, dụng cụ và tài liệu bảo đảm cho các hoạt động thực hành về chủng loại, công năng, các yêu cầu thông số kỹ thuật và mỹ thuật, các yêu cầu về sức khỏe, vệ sinh và an toàn lao động. (5.5.01 – Danh mục thiết bị đào tạo theo phòng học, phòng thí nghiệm và xưởng thực hành)

Hàng năm để đánh giá sự phù hợp của các thiết bị trong các phòng học, phòng thí nghiệm, xưởng thực hành và nhu cầu mua sắm đầu tư để nâng cao chất lượng đào tạo, nhà trường đều xây dựng kế hoạch khảo sát và thực hiện khảo sát đội ngũ nhà giáo, tổng hợp các ý kiến khảo sát báo cáo Ban giám hiệu.

Kết quả khảo sát qua các năm 2021, 2022 được thống kê trong Bảng tổng kết quả khảo sát đội ngũ nhà giáo như sau:

Năm	Đối tượng lấy ý kiến	Không đồng ý	Đồng ý	Ý kiến khác
Nội dung: <i>Phòng học, phòng thí nghiệm, xưởng thực hành, phòng học chuyên môn hóa bảo đảm quy chuẩn xây dựng, tiêu chuẩn cơ sở vật chất hiện hành và các yêu cầu công nghệ của thiết bị đào tạo.</i>				
2021	Giảng viên	4/46 (8,70 %)	42/46 (91,30 %)	
2022	Giảng viên	2/46 (4,35 %)	44/46 (95,65 %)	

Qua kết quả khảo sát đánh giá được Phòng học, phòng thí nghiệm, xưởng thực hành, phòng học chuyên môn hóa của nhà trường bảo đảm quy chuẩn xây dựng, tiêu chuẩn cơ sở vật chất hiện hành và các yêu cầu công nghệ của thiết bị đào tạo. (5.5.04 - Kế hoạch khảo sát đội ngũ nhà giáo về thiết bị đào tạo đối với phòng học, phòng thí nghiệm, xưởng thực hành; 1.7.10 - Phiếu khảo sát nhà giáo về thiết bị đào tạo đối với phòng học, phòng thí nghiệm, xưởng thực hành; 5.1.04 – Báo cáo tổng hợp phiếu khảo sát nhà giáo về thiết bị đào tạo đối với phòng học, phòng thí nghiệm, xưởng thực hành)

Cuối năm, nhà trường sẽ đánh giá chung về mức độ đáp ứng về số lượng phòng học, phòng thí nghiệm, xưởng thực hành, phòng học chuyên môn hóa cho các chương trình đào tạo trong Báo cáo tổng kết hoạt động của năm để rút ra được những ưu điểm và tồn tại cần phải khắc phục trong thời gian tới (1.4.06 - Báo cáo số: 56/BC-CĐCS ngày 25/01/2021 báo cáo tổng kết hoạt động năm 2020 và phương hướng, nhiệm vụ năm 2021; Báo cáo số: 13/BC-CĐCS ngày 10/01/2022 báo cáo tổng kết hoạt động năm 2021 và phương hướng, nhiệm vụ năm 2022; Báo cáo số: 91/BC-CĐCS ngày 03/3/2023 báo cáo tổng kết hoạt động năm 2022 và phương hướng, nhiệm vụ năm

2023).

Nhà trường tự đánh giá đạt yêu cầu của tiêu chuẩn.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 5 tiêu chí 5: 1 điểm

Tiêu chuẩn 6: *Trường có quy định về quản lý, sử dụng, bảo trì, bảo dưỡng thiết bị đào tạo.*

Mô tả, phân tích, nhận định:

Việc quản lý thiết bị phục vụ cho quá trình dạy và học tập chủ yếu được Nhà trường giao cho Phòng Tổ chức - Hành chính trực tiếp quản lý, một số thiết bị chuyên môn, thí nghiệm thực hành, vật tư dụng cụ đặc thù chuyên môn giao cho các khoa quản ngành phụ trách quản lý. Đơn vị này chịu trách nhiệm quản lý thiết bị, có sổ theo dõi xuất nhập vật tư thiết bị; sổ theo dõi quá trình bảo quản sửa chữa. Tất cả các thiết bị đều có hồ sơ: xuất xứ, năm, nước sản xuất, nhà sản xuất (5.5.01 – *Danh mục thiết bị đào tạo theo phòng học, phòng thí nghiệm và xưởng thực hành*).

Nhà trường có văn bản cụ thể quy định về sử dụng, bảo trì, bảo dưỡng thiết bị đào tạo của nhà sản xuất. Các thiết bị được đầu tư một cách đồng bộ, hiện đại, đáp ứng được nhu cầu đào tạo của trường (5.6.02 – *Nội quy, quy định về quản lý, sử dụng, bảo trì, bảo dưỡng thiết bị đào tạo*)

Nhà trường tự đánh giá đạt yêu cầu của tiêu chuẩn.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 6 tiêu chí 5: 1 điểm

Tiêu chuẩn 7: *Phòng học, giảng đường, phòng thí nghiệm, xưởng thực hành, phòng học chuyên môn hóa được sử dụng theo quy định hiện hành.*

Mô tả, phân tích, nhận định:

Hiện nay để thực hiện tốt công tác giảng dạy nhà trường bố trí các giảng đường học lý thuyết tách biệt các giảng đường có phòng thí nghiệm, xưởng thực hành (5.7.01 - *Sơ đồ bố trí phòng học, phòng thí nghiệm, xưởng thực hành của nhà trường; 5.3.04 - Bảng thống kê diện tích phòng học, phòng thí nghiệm, xưởng thực hành theo các ngành nghề đào tạo*).

Nhà trường thực hiện việc sử dụng phòng học, giảng đường, phòng thí nghiệm, xưởng thực hành, phòng học chuyên môn hóa đều đúng theo các quy định hiện hành phù hợp với việc học lý thuyết, thực hành của các ngành nghề đào tạo và có quy định về sử dụng phòng học, giảng đường, phòng thí nghiệm, xưởng thực hành, phòng học chuyên môn hóa”. Mỗi phòng học giảng đường, phòng thí nghiệm, xưởng thực hành,

phòng học chuyên môn hóa có nội quy quy định riêng, các hoạt động diễn ra trong phòng để được ghi chép nhật ký đầy đủ. (5.6.02 – Nội quy, quy định về quản lý, sử dụng, bảo trì, bảo dưỡng thiết bị đào tạo; 5.7.02 - Các Sổ nhật ký của các phòng thí nghiệm/ khu vườn thực nghiệm, xưởng/phòng thực hành, phòng học chuyên môn hóa.)

Hàng năm để đánh giá mức độ đạt yêu cầu về việc sử dụng phòng học, giảng đường, phòng thí nghiệm, xưởng thực hành, phòng học chuyên môn hóa, nhà trường đều xây dựng kế hoạch khảo sát và thực hiện khảo sát lấy ý kiến của nhà giáo, cán bộ quản lý, nhân viên, tổng hợp các ý kiến khảo sát báo cáo Ban giám hiệu.

Kết quả khảo sát qua các năm 2021, 2022 được thống kê trong Bảng tổng kết quả khảo sát CB, GV, CNV như sau:

Năm	Đối tượng lấy ý kiến	Không đồng ý	Đồng ý	Ý kiến khác
Nội dung: Phòng học, giảng đường, phòng thí nghiệm, xưởng thực hành, phòng học chuyên môn hóa được sử dụng theo quy định của Nhà trường				
2021	Cán bộ - CNV	0/121 (0 %)	121/121 (100 %)	
	Giảng viên	0/46 (0 %)	46/46 (100 %)	
2022	Cán bộ - CNV	0/120 (0 %)	120/120 (100 %)	
	Giảng viên	0/46 (0 %)	46/46 (100 %)	

Qua kết quả khảo sát đánh giá được 100% phòng học, giảng đường, phòng thí nghiệm, xưởng thực hành, phòng học chuyên môn hóa được sử dụng theo quy định của Nhà trường. (1.7.10 – Phiếu khảo sát việc sử dụng phòng học, giảng đường, phòng thí nghiệm, xưởng thực hành, phòng học chuyên môn hóa hàng năm; 5.1.04 - Báo cáo tổng hợp phiếu khảo sát việc sử dụng phòng học, giảng đường, phòng thí nghiệm, xưởng thực hành, phòng học chuyên môn hóa hàng năm)

Cuối năm, nhà trường sẽ có báo cáo tổng hợp việc sử dụng phòng học, giảng đường, phòng thí nghiệm, xưởng thực hành, phòng học chuyên môn hóa trong năm, đánh giá đều thực hiện đúng theo các quy định hiện hành và từ đó đưa ra những đề xuất để việc sử dụng phòng học, giảng đường, phòng thí nghiệm, xưởng thực hành, phòng học chuyên môn hóa ngày một hiệu quả hơn (5.7.03 - Báo cáo về việc sử dụng phòng học, giảng đường, phòng thí nghiệm, xưởng thực hành, phòng học chuyên môn hóa hàng năm)

Nhà trường tự đánh giá đạt yêu cầu của tiêu chuẩn.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 7 tiêu chí 5: 1 điểm

Tiêu chuẩn 8: *Thiết bị đào tạo đáp ứng danh mục và tiêu chuẩn thiết bị tối thiểu theo yêu cầu đào tạo của từng trình độ đào tạo theo chuyên ngành hoặc nghề do cơ quan quản lý nhà nước về giáo dục nghề nghiệp ở trung ương quy định. Đối với các chuyên ngành hoặc nghề mà cơ quan quản lý nhà nước về giáo dục nghề nghiệp ở trung ương chưa ban hành danh mục và tiêu chuẩn thiết bị tối thiểu thì trường đảm bảo thiết bị đào tạo đáp ứng yêu cầu chương trình đào tạo, tương ứng quy mô đào tạo của chuyên ngành hoặc nghề đó.*

Mô tả, phân tích, nhận định:

Trang thiết bị có tầm quan trọng đặc biệt, quyết định chất lượng đào tạo dạy nghề, nghiên cứu khoa học và quản lý Nhà trường. Trong những năm qua, việc mua sắm các thiết bị, máy móc phục vụ cho công tác đào tạo tại trường được các đơn vị chuyên môn tham mưu, đề xuất phù hợp với yêu cầu thực tế dạy học và sản xuất kinh doanh dịch vụ trên thị trường. Các thiết bị đào tạo chính đạt mức tương đương trình độ công nghệ của sản xuất, dịch vụ hiện tại; chất lượng trang thiết bị, dụng cụ và tài liệu bảo đảm cho các hoạt động thực hành về chủng loại, công năng, các yêu cầu thông số kỹ thuật và mỹ thuật, các yêu cầu về sức khoẻ, vệ sinh và an toàn lao động. Các ngành, nghề như Khoa học cây trồng, công nghệ kỹ thuật hóa học, công nghệ kỹ thuật môi trường, công nghệ sản xuất các sản phẩm cao su, công nghệ thông tin, công nghệ kỹ thuật điện - điện tử, công nghệ ô tô (trình độ cao đẳng); trồng trọt, bảo vệ thực vật, kỹ thuật cao su, chế biến cao su, kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí, tin học, công nghệ ô tô (trình độ trung cấp) có các thiết bị đầu tư được bám sát vào danh mục thiết bị đào tạo tối thiểu do Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội ban hành. Hàng năm, nhà trường tiến hành kiểm kê, thống kê cụ thể danh mục thiết bị đào tạo hiện có của trường: tên thiết bị, số lượng, năm sản xuất, năm đưa vào sử dụng (**5.5.01** - *Danh mục thiết bị đào tạo theo phòng học, phòng thí nghiệm và xưởng thực hành*; **5.8.01** - *Biên bản kiểm kê tài sản trang thiết bị hàng năm*; **5.8.02** – *Bảng so sánh, đối chiếu danh mục thiết bị đào tạo hiện có của trường với danh mục thiết bị đào tạo tối thiểu do Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội ban hành*)

Hàng năm, nhà trường đều có thống kê số lượng người học, số giờ học lý thuyết, học thực hành theo từng lớp, từng ngành cụ thể của các chương trình đào tạo, đánh giá tỷ lệ tốt nghiệp ra trường và đều có báo cáo số liệu cụ thể về Bộ (**5.8.03** - *Báo*

cáo theo dõi tài sản cố định của trường hàng năm; **2.1.02** - Quyết định số 451B/QĐ-CĐCS năm 2020; Quyết định số 592/QĐ-CĐCS năm 2022 của Hiệu trưởng về việc ban hành chương trình đào tạo các ngành trình độ Trung cấp ; Quyết định số 606/QĐ-CĐCS ngày 20/12/2022 của Hiệu trưởng về việc ban hành chương trình đào tạo các ngành trình độ Cao đẳng; **2.4.03** - Kế hoạch, tiến độ đào tạo các lớp năm học 2021-2022; 2022-2023; 2023-2024; **2.5.01** - Thời khóa biểu bố trí phòng học, phòng thí nghiệm, xưởng thực hành của các lớp học hàng năm; **5.8.04** - Bảng thống kê số lượng người học tại mỗi lớp học lý thuyết và thực hành của các mô-đun, môn học của chương trình đào tạo)

Cuối năm để đánh giá số lượng và chủng loại thiết bị đào tạo có đáp ứng được với nhu cầu thực tế trong quá trình đào tạo cho số lượng HSSV đang học tại trường hay không, nhà trường đều xây dựng kế hoạch khảo sát và thực hiện khảo sát lấy ý kiến của người học, nhà giáo, cán bộ quản lý thiết bị đào tạo, tổng hợp các ý kiến khảo sát báo cáo Ban giám hiệu.

Kết quả khảo sát qua các năm 2021, 2022 được thống kê trong Bảng tổng kết quả khảo sát CB, GV, CNV, HSSV như sau:

Năm	Đối tượng lấy ý kiến	Không đồng ý	Đồng ý	Ý kiến khác
Nội dung: Thiết bị đào tạo có đáp ứng đủ chủng loại, đủ số lượng cho quá trình đào tạo HSSV tại Trường hay không ?				
2021	Giảng viên	5/46 (10,87 %)	41/46 (89,13 %)	
	HSSV	35/912 (3,87 %)	877/912 (96,16 %)	
	CB-NV quản lý thiết bị đào tạo	1/7 (14,29 %)	6/7 (85,71 %)	
2022	Giảng viên	2/46 (4,35 %)	44/46 (95,65 %)	
	HSSV	20/910 (2,20 %)	890/910 (97,80 %)	
	CB-NV quản lý thiết bị đào tạo	1/7 (14,29 %)	6/7 (85,71 %)	

Qua kết quả khảo sát nhận thấy hầu hết các thiết bị đào tạo được đầu tư có đáp ứng đủ chủng loại, đủ số lượng cho quá trình đào tạo HSSV tại Trường, tuy nhiên một số ít các thiết bị hiện có do được đầu tư quá lâu nên trong quá trình đào tạo không sử

dụng được nữa. Số thiết bị này sẽ được kiểm tra và thanh lý để đầu tư thiết bị mới đáp ứng cho quá trình đào tạo HSSV tại Trường. **(1.7.10 - Phiếu khảo sát lấy ý kiến của người học, nhà giáo, cán bộ quản lý thiết bị đào tạo về thiết bị đào tạo có đáp ứng đủ chủng loại, đủ số lượng cho quá trình đào tạo HSSV tại Trường hay không; 5.1.04 - Báo cáo tổng hợp phiếu khảo sát lấy ý kiến của người học, nhà giáo, cán bộ quản lý thiết bị đào tạo về thiết bị đào tạo có đáp ứng đủ chủng loại, đủ số lượng cho quá trình đào tạo HSSV tại Trường hay không)**

Nhà trường tự đánh giá đạt yêu cầu của tiêu chuẩn.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 8 tiêu chí 5: 1 điểm

Tiêu chuẩn 9: *Thiết bị, dụng cụ phục vụ đào tạo được bố trí hợp lý, an toàn, thuận tiện cho việc đi lại, vận hành, bảo dưỡng và tổ chức hướng dẫn thực hành; đảm bảo các yêu cầu sư phạm, an toàn vệ sinh công nghiệp, vệ sinh môi trường.*

Mô tả, phân tích, nhận định:

Hàng năm, nhà trường đều xây dựng Kế hoạch và phê duyệt kế hoạch Đầu tư, sửa chữa tài sản mua sắm thiết bị, vật tư, hóa chất phục vụ công tác đào tạo. Các thiết bị được lắp đặt trong các phòng học, phòng thí nghiệm thực hành theo ngành nghề đào tạo. Các thiết bị, máy móc đều có hồ sơ quản lý đảm bảo khai thác tối đa hiệu quả công suất thiết kế **(5.9.01 - Kế hoạch Đầu tư, sửa chữa tài sản mua sắm thiết bị, vật tư, hóa chất phục vụ công tác đào tạo hàng năm; 5.9.02 - Phê duyệt kế hoạch Đầu tư, sửa chữa tài sản mua sắm thiết bị, vật tư, hóa chất phục vụ công tác đào tạo hàng năm; 5.5.01 - Danh mục thiết bị đào tạo theo phòng học, phòng thí nghiệm và xưởng thực hành)**

Các thiết bị, dụng cụ phục vụ đào tạo tại trường được bố trí hợp lý, an toàn, thuận tiện cho việc đi lại, vận hành, bảo dưỡng và tổ chức hướng dẫn thực hành; đảm bảo các yêu cầu sư phạm, an toàn vệ sinh công nghiệp, vệ sinh môi trường **(5.9.03- Sơ đồ/hình ảnh bố trí các thiết bị, dụng cụ phục vụ đào tạo)**

Cuối năm, nhà trường đều có thành lập Ban kiểm kê, đánh giá tài sản của nhà Trường. Nhiệm vụ của ban này là rà soát, kiểm kê, đánh giá tài sản tại đơn vị về hiện trạng sử dụng, mức độ hao mòn, tỷ lệ khấu hao,...đồng thời tiến hành lập các biên bản kiểm tra đánh giá tài sản báo cáo về Ban giám hiệu để có kế hoạch sửa chữa, bảo trì hoặc mua sắm thêm thiết bị cho những năm tiếp theo **(5.9.04 - Biên bản kiểm kê đánh giá về tình trạng hoạt động và hiệu quả sử dụng thiết bị đào tạo)**

Ngoài ra để đánh giá các thiết bị, dụng cụ phục vụ đào tạo tại trường có được bố trí hợp lý, an toàn, thuận tiện cho việc đi lại, vận hành, bảo dưỡng và tổ chức hướng dẫn thực hành; đảm bảo các yêu cầu sư phạm, an toàn vệ sinh công nghiệp, vệ sinh môi trường không, nhà trường đều xây dựng kế hoạch khảo sát và thực hiện khảo sát lấy ý kiến của người học, nhà giáo, cán bộ quản lý thiết bị đào tạo, tổng hợp các ý kiến khảo sát báo cáo Ban giám hiệu.

Kết quả khảo sát qua các năm 2021, 2022 được thống kê trong Bảng tổng kết quả khảo sát CB, GV, CNV, HSSV như sau:

Năm	Đối tượng lấy ý kiến	Không	Có	Ý kiến khác
Nội dung: Các thiết bị, dụng cụ phục vụ đào tạo tại trường có được bố trí hợp lý, an toàn, thuận tiện cho việc đi lại, vận hành, bảo dưỡng và tổ chức hướng dẫn thực hành; đảm bảo các yêu cầu sư phạm, an toàn vệ sinh công nghiệp, vệ sinh môi trường không?				
2021	Giảng viên	4/46 (8,70 %)	42/46 (91,30 %)	
	HSSV	33/912 (3,62 %)	879/912 (96,38 %)	
	CB-NV quản lý thiết bị đào tạo	2/7 (28,57 %)	5/7 (71,43 %)	
2022	Giảng viên	2/46 (4,35 %)	44/46 (95,65 %)	
	HSSV	27/910 (2,97 %)	883/910 (97,03 %)	
	CB-NV quản lý thiết bị đào tạo	1/7 (14,29 %)	6/7 (85,71 %)	

Qua kết quả khảo sát đánh giá các thiết bị, dụng cụ phục vụ đào tạo tại trường được bố trí tương đối hợp lý, an toàn, thuận tiện cho việc đi lại, vận hành, bảo dưỡng và tổ chức hướng dẫn thực hành; đảm bảo các yêu cầu sư phạm, an toàn vệ sinh công nghiệp, vệ sinh môi trường, tuy nhiên vẫn còn một số các thiết bị cần phải sắp xếp lại cho phù hợp hơn sẽ được khắc phục trong thời gian tới. (1.7.10 - Phiếu khảo sát lấy ý kiến của người học, nhà giáo, cán bộ quản lý; 5.1.04 - Báo cáo tổng hợp phiếu khảo sát lấy ý kiến của người học, nhà giáo, cán bộ quản lý)

Nhà trường tự đánh giá đạt yêu cầu của tiêu chuẩn.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 9 tiêu chí 5: 1 điểm

Tiêu chuẩn 10: *Trường có quy định về quản lý, sử dụng, bảo trì, bảo dưỡng thiết bị đào tạo, trong đó có quy định về việc định kỳ đánh giá và đề xuất biện pháp nâng cao hiệu quả sử dụng thiết bị đào tạo.*

Mô tả, phân tích, nhận định:

Việc quản lý thiết bị phục vụ cho quá trình dạy và học tập chủ yếu được Nhà trường giao cho Phòng Tổ chức - Hành chính trực tiếp quản lý, một số thiết bị chuyên môn, thí nghiệm thực hành, vật tư dụng cụ đặc thù chuyên môn giao cho các khoa quản ngành phụ trách quản lý. Đơn vị này chịu trách nhiệm quản lý thiết bị, có sổ theo dõi xuất nhập vật tư thiết bị; sổ theo dõi quá trình bảo quản sửa chữa. Tất cả các thiết bị đều có hồ sơ: xuất xứ, năm, nước sản xuất, nhà sản xuất (5.5.01 - *Danh mục thiết bị đào tạo theo phòng học, phòng thí nghiệm và xưởng thực hành*).

Nhà trường xây dựng và ban hành hệ thống bảo đảm chất lượng theo Thông tư số 28/2017/TT-BLĐTĐBXH ngày 15/12/2017 của Bộ LĐTBXH trong đó có ban hành quy trình Bảo trì – Sửa chữa thiết bị (1.7.04- *Quyết định số 469/QĐ-CĐCS ngày 19/10/2020 Ban hành hệ thống đảm bảo chất lượng năm học 2020-2021*) cho thấy:

Nhà trường có ban hành văn bản cụ thể quy định về quản lý, sử dụng thiết bị. (5.6.02- *Nội quy, quy định về quản lý, sử dụng, bảo trì, bảo dưỡng thiết bị đào tạo*)

Hằng năm Nhà trường có Biên bản họp Hội đồng kiểm kê đánh giá và đề xuất biện pháp nâng cao hiệu quả sử dụng thiết bị đào tạo. (5.10.01- *Biên bản đánh giá và đề xuất biện pháp nâng cao hiệu quả sử dụng thiết bị đào tạo.*)

Nhà trường tự đánh giá đạt yêu cầu của tiêu chuẩn.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 10 tiêu chí 5: 1 điểm

Tiêu chuẩn 5.11: *Thiết bị đào tạo có hồ sơ quản lý rõ ràng, được sử dụng đúng công năng, quản lý, bảo trì, bảo dưỡng theo quy định của trường và nhà sản xuất; hằng năm đánh giá và đề xuất biện pháp nâng cao hiệu quả sử dụng theo quy định.*

Mô tả, phân tích, nhận định:

Nhà trường có danh mục kiểm kê thiết bị đào tạo hằng năm hiện có của trường: tên thiết bị, số lượng, năm sản xuất, năm đưa vào sử dụng (5.11.1- *Các Quyết định về việc bàn giao tài sản năm 2021, 2022, 2023 cho Khoa Điện – Điện tử* 5.11.2- *Các Quyết định về việc bàn giao tài sản năm 2021, 2022, 2023 cho Khoa Kinh tế* 5.11.3- *Các Quyết định về việc bàn giao tài sản năm 2021, 2022, 2023 cho Khoa Kỹ thuật Công nghệ* 5.11.4- *Các Quyết định về việc bàn giao tài sản năm 2021, 2022, 2023 cho*

Khoa Nông Học 5.11.5- Các Quyết định về việc bàn giao tài sản năm 2021, 2022, 2023 cho Phòng Tổ chức Hành chính 5.11.6- Các Quyết định về việc bàn giao tài sản năm 2021, 2022, 2023 cho Trung tâm Đào tạo và Sát hạch Lái xe) và thanh lý các thiết bị đào tạo không hiệu quả (5.11.7- Các Quyết định về việc thanh lý tài sản năm 2021, 2022, 2023).

Nhà trường có kế hoạch thực hiện bảo trì, bảo dưỡng thiết bị đào tạo một năm 2 lần, cụ thể là 06 tháng đầu năm và 06 tháng cuối năm tiến hành tiến hành bảo trì, bảo dưỡng trang thiết bị (5.9.02 – Các Quyết định về việc phê duyệt kế hoạch: Đầu tư, sửa chữa tài sản, mua sắm vật tư, hóa chất phục vụ công tác đào tạo năm 2021, 2022, 2023) trong quá trình thực hiện bảo trì, bảo dưỡng trang thiết bị theo quy định của nhà trường (1.7.04- Quyết định số 469/QĐ-CĐCS ngày 19/10/2020 Ban hành hệ thống đảm bảo chất lượng năm học 2020-2021. phục lục Bảo trì, bảo dưỡng trang thiết bị). Sau khi thiết bị được thực hiện bảo trì, bảo dưỡng trang thiết bị Phòng tổ chức Hành chính tổ chức nghiệm thu công tác bảo trì, bảo dưỡng trang thiết bị đưa vào sử dụng (5.4.10 – Các Biên bản nghiệm thu bàn giao sau bảo trì bảo dưỡng các thiết bị năm 2021, 2022, 2023)

Hàng năm Nhà trường có Biên bản họp Hội đồng kiểm kê đánh giá và đề xuất biện pháp nâng cao hiệu quả sử dụng thiết bị đào tạo và thanh lý thiết bị đào tạo không hiệu quả. (5.10.01- Biên bản đánh giá và đề xuất biện pháp nâng cao hiệu quả sử dụng thiết bị đào tạo.)

Nhà trường tự đánh giá đạt yêu cầu của tiêu chuẩn.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 11 tiêu chí 5: 1 điểm

Tiêu chuẩn 5.12: *Trường có định mức tiêu hao vật tư hoặc định mức kinh tế - kỹ thuật trong đào tạo và có quy định về quản lý, cấp phát, sử dụng vật tư, phục vụ đào tạo; tổ chức thực hiện theo quy định đảm bảo kịp thời, đáp ứng kế hoạch và tiến độ đào tạo; vật tư được bố trí sắp xếp gọn gàng, ngăn nắp thuận tiện cho việc bảo quản và sử dụng*

Mô tả, phân tích, nhận định:

Hàng năm Nhà trường có ban hành quy chế chi tiêu nội bộ có định mức tiêu hao vật tư (1.3.02- Quyết định số 132/QĐ-CĐCS ngày 13/4/2022 ban hành Quy chế chi tiêu nội bộ năm 2022; Quyết định số 207/QĐ-CĐCS ngày 17/05/2023 ban hành Quy chế chi tiêu nội bộ năm 2023).

Nhà trường có ban hành Quy trình về quản lý, cấp phát, sử dụng vật tư, phục vụ đào tạo. (1.7.04- QĐ 469/QĐ-CĐCS, Ban hành hệ thống đảm bảo chất lượng năm 2021).

Hàng năm các đơn vị đề xuất nhu cầu về vật tư phục vụ đào tạo một năm 2 lần, cụ thể là 06 tháng đầu năm và 06 tháng cuối năm của đơn vị liên quan đến thực hiện chương trình đào tạo. (5.09.02- Các Quyết định về việc phê duyệt kế hoạch: Đầu tư, sửa chữa tài sản, mua sắm vật tư, hóa chất phục vụ công tác đào tạo năm 2021, 2022, 2023)

Trong quá trình cấp phát sử dụng vật tư cho các đơn vị phòng tổ chức Hành chính có sổ sách theo dõi việc quản lý, cấp phát, sử dụng vật tư, phục vụ đào tạo (5.12.02- Sổ sách theo dõi việc quản lý, cấp phát, sử dụng vật tư, phục vụ đào tạo)

Hiện tại các lớp thực hành liên kết ở các huyện thuộc tỉnh và khác tỉnh đa phần giáo viên chủ nhiệm trực tiếp mua sắm vật tư, phục vụ đào tạo theo kế hoạch hàng năm thực hiện đúng định mức tiêu hao vật tư. Quá trình mua và cấp phát đúng định mức, đúng số lượng (5.12.01- Các biên bản Nghiệm thu mua sắm vật tư, hóa chất phục vụ công tác đào tạo năm 2021; 2022; 2023).

Hàng năm để đánh giá trường có định mức tiêu hao vật tư hoặc định mức kinh tế - kỹ thuật trong đào tạo và có quy định về quản lý, cấp phát, sử dụng vật tư, phục vụ đào tạo hay không; tổ chức thực hiện theo quy định đảm bảo kịp thời, đáp ứng kế hoạch và tiến độ đào tạo; vật tư được bố trí sắp xếp gọn gàng, ngăn nắp thuận tiện cho việc bảo quản và sử dụng, nhà trường đều xây dựng kế hoạch khảo sát và thực hiện khảo sát CB, GV, CNV, HSSV, tổng hợp các ý kiến khảo sát báo cáo Ban giám hiệu.

Kết quả khảo sát qua các năm 2021, 2022 được thống kê trong Bảng tổng kết quả khảo sát CB, GV, CNV, HSSV như sau:

Năm	Đối tượng lấy ý kiến	Không đồng ý	Đồng ý	Ý kiến khác
Nội dung: Trường có định mức tiêu hao vật tư hoặc định mức kinh tế - kỹ thuật trong đào tạo và có quy định về quản lý, cấp phát, sử dụng vật tư, phục vụ đào tạo; tổ chức thực hiện theo quy định đảm bảo kịp thời, đáp ứng kế hoạch và tiến độ đào tạo; vật tư được bố trí sắp xếp gọn gàng, ngăn nắp thuận tiện cho việc bảo quản và sử dụng				
2021	Giảng viên	3/46 (6,52 %)	43/46 (93,48 %)	

	HSSV	35/912 (3,84 %)	877/910 (96,16 %)	
	Cán bộ - Nhân viên quản lý thiết bị đào tạo	1/7 (14,29 %)	6/7 (85,71 %)	
2022	Giảng viên	2/46 (4,35 %)	44/46 (95,65 %)	
	HSSV	23/910 (2,53 %)	887/910 (97,47 %)	
	Cán bộ - Nhân viên quản lý thiết bị đào tạo	1/7 (14,29 %)	6/7 (85,71 %)	

Qua kết quả khảo sát nhận thấy các ngành nghề đào tạo trong nhà trường có định mức tiêu hao vật tư hoặc định mức kinh tế - kỹ thuật trong đào tạo và có quy định về quản lý, cấp phát, sử dụng vật tư, phục vụ đào tạo; tổ chức thực hiện theo quy định đảm bảo kịp thời, đáp ứng kế hoạch và tiến độ đào tạo; vật tư được bố trí sắp xếp gọn gàng, ngăn nắp thuận tiện cho việc bảo quản và sử dụng (**1.7.10** - Phiếu khảo sát lấy ý kiến của người học, nhà giáo, cán bộ quản lý; **5.1.04** - Báo cáo tổng hợp phiếu khảo sát lấy ý kiến của người học, nhà giáo, cán bộ quản lý).

Nhà trường tự đánh giá đạt yêu cầu của tiêu chuẩn.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 12 tiêu chí 5: 1 điểm

Tiêu chuẩn 5.13: Trường có thư viện bao gồm phòng đọc, phòng lưu trữ bảo đảm theo tiêu chuẩn thiết kế. Thư viện có đủ chương trình, giáo trình đã được trường phê duyệt, mỗi loại giáo trình đảm bảo tối thiểu 05 bản in.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Trung tâm Thông tin Thư viện hiện tại đang đóng cửa và không hoạt động (**5.13.01**- Nội quy của Thư viện và nội quy kho sách)

Trung tâm Thông tin Thư viện với tổng diện tích là 1.137m² (3 tầng) thư viện có tổng số 9 phòng (1 kho sách giáo trình có diện tích 162.9m², 1 kho tài liệu tham khảo có diện tích 162.9m², 6 phòng đọc có diện tích 341.1 m², 1 phòng truyền thống có diện tích 76 m²) (**5.13.02**- Thống kê diện tích phòng đọc, phòng lưu trữ)

Nhà trường được Tổng Cục Giáo Dục Nghề nghiệp cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp số 389/2017/GCNĐKHĐ-TCGDNN ngày 16/09/2019 và Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp số 90/2019/GCNĐKHĐ-TCGDNN ngày 16/09/2019 bao gồm các ngành nghề như sau:

TT	Tên ngành/nghề đào tạo	Mã ngành/nghề	Trình độ đào tạo
1	Tin học ứng dụng	5480205	Trung cấp
2	Kế toán tin học	5340306	Trung cấp
3	Công nghệ ô tô	5510216	Trung cấp
4	Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí	5520205	Trung cấp
5	Điện công nghiệp và dân dụng	5520223	Trung cấp
6	Trồng trọt và bảo vệ thực vật	5620111	Trung cấp
7	Kỹ thuật cây cao su	5620204	Trung cấp
8	Công nghệ ô tô	6510216	Cao đẳng
9	Kế toán	6340301	Cao đẳng
10	Công nghệ thông tin	6480201	Cao đẳng
11	Kế toán	6340301	Liên thông
12	Khoa học cây trồng	6620109	Liên thông
13	Công nghệ ô tô	6510216	Liên thông
14	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	6510303	Liên thông

(1.2.01- Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp của Tổng cục trưởng Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp: Số 389/2017/GCNDKHD-TCGDNN ngày 14 tháng 11 năm 2017; Số 5/2019/GCNDKHD-TCGDNN ngày 30 tháng 5 năm 2019; Số 90/2019/GCNDKHD-TCGDNN ngày 16 tháng 09 năm 2019; Số 90a/2019/GCNDKBS-TCGDNN ngày 03 tháng 6 năm 2021)

Thư viện hiện có 11 đầu báo và tạp chí, 3.364 đầu sách (14.441 cuốn sách và tài liệu tham khảo), 6.879 cơ sở dữ liệu điện tử

Nhà trường tự đánh giá đạt yêu cầu của tiêu chuẩn.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 13 tiêu chí 5: 1 điểm

Tiêu chuẩn 5.14: *Tổ chức hoạt động, hình thức phục vụ của thư viện trường phù hợp với nhu cầu tra cứu của cán bộ quản lý, nhà giáo và người học.*

Mô tả, phân tích, nhận định:

Những năm trước, cán bộ, GV và HSSV của trường khi đến thư viện đọc sách - mượn sách phục vụ nhu cầu nghiên cứu, học tập đều thực hiện đúng theo nội quy do nhà trường ban hành. Cán bộ phụ trách thư viện thực hiện việc ghi chép vào sổ sách ngày mượn, ngày trả, tên sách, người mượn,... Thư viện có các sổ sách ghi chép thể hiện nhu cầu tra cứu của cán bộ, giảng viên và HSSV (5.13.01 - Nội quy của Thư viện và nội quy kho sách). Trung tâm Thông tin Thư viện hiện tại đang đóng cửa và không hoạt động

Nhà trường tự đánh giá không đạt yêu cầu của tiêu chuẩn.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 13 tiêu chí 5: 0 điểm

Tiêu chuẩn 5.15: *Trường có thư viện điện tử, có phòng máy tính đáp ứng nhu cầu tra cứu, truy cập thông tin của nhà giáo và người học; các giáo trình, tài liệu tham khảo của trường được số hóa và tích hợp với thư viện điện tử phục vụ hiệu quả cho hoạt động đào tạo.*

Mô tả, phân tích, nhận định:

Nhà trường hiện tại chưa xây dựng được hệ thống thư viện điện tử phục vụ cho nhu cầu nghiên cứu học tập của cán bộ, GV và HSSV. Còn danh mục giáo trình của trường chưa được số hóa nhưng các giáo trình của mỗi ngành nghề đào tạo đều được lưu thành thư mục tại các khoa để phục vụ cho công tác đào tạo. Trung tâm Thông tin Thư viện hiện tại đang đóng cửa và không hoạt động

Nhà trường tự đánh giá không đạt yêu cầu của tiêu chuẩn.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 15 tiêu chí 5: 0 điểm

3.2.6. Tiêu chí 6 - Nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ và hợp tác quốc tế

Đánh giá tổng quát tiêu chí 6:

Để nâng cao chất lượng giáo dục đào tạo, tạo được uy tín và thương hiệu ngoài xã hội thì nhà trường phải không ngừng đổi mới nâng cao chất lượng giảng dạy và hiệu quả quản lý, điều này đòi hỏi sự góp sức của nhiều bộ phận trong toàn trường, trong đó đội ngũ cán bộ, giảng viên (CBGV) có vai trò rất lớn. Cùng với việc thực

hiện tốt công tác giảng dạy, đổi mới phương pháp giảng dạy trong nhà trường, trong những năm gần đây, các hoạt động NCKH đã được đầu tư phát triển với sự tham gia ngày càng nhiều của các CBGV trong trường và bước đầu đã đạt được các kết quả khả quan, đáp ứng được những yêu cầu mới phát sinh trong quá trình quản lý, đổi mới phương pháp giảng dạy, đáp ứng những nhu cầu cấp thiết xã hội. Hoạt động NCKH trong nhà trường góp phần nâng cao năng lực nghiên cứu và giảng dạy của đội ngũ CBGV trong nhà trường, và cũng là một trong những tiêu chí cần đạt được trong kiểm định chất lượng đối với các cơ sở giáo dục nghề nghiệp, qua đó góp phần khẳng định được uy tín, vai trò của nhà trường với các trường trong khu vực và trên cả nước và đối với xã hội.

** Những điểm mạnh:*

Trường có chính sách và thực hiện các chính sách khuyến khích cán bộ quản lý, nhà giáo và nhân viên tham gia nghiên cứu khoa học, sáng kiến cải tiến và chuyển giao công nghệ nhằm nâng cao hiệu quả, chất lượng đào tạo; Hằng năm, trường có đề tài nghiên cứu khoa học, sáng kiến cải tiến từ cấp trường trở lên phục vụ thiết thực công tác đào tạo của trường và của ngành, các đề tài nghiên cứu khoa học, sáng kiến cải tiến của trường được ứng dụng thực tiễn.

** Những tồn tại:*

Hiện nay đội ngũ giảng viên của trường đa số bị chi phối nhiều công việc chuyên môn khác nên thời gian đầu tư cho hoạt động NCKH còn hạn chế, chưa đảm bảo được tiến độ nghiên cứu theo quy định, chưa phát huy được hoạt động NCKH trong HSSV; một số sáng kiến kinh nghiệm được nghiệm thu, đánh giá cao và hiệu quả nhưng chi phí để đầu tư công nghệ còn hạn chế; trong những năm gần đây nhà trường chưa ký kết hợp tác đào tạo với các trường Đại học nước ngoài trong thời gian qua.

** Kế hoạch nâng cao chất lượng:*

Tiếp tục hoàn thiện hệ thống các văn bản liên quan đến hoạt động NCKH, chú ý đến trách nhiệm của cá nhân, các đơn vị trong trường, tăng cường các điều khoản về khen thưởng và khuyến khích CBGV tham gia các hoạt động khoa học.

Nâng cao tỷ trọng kinh phí dùng cho hoạt động NCKH, thúc đẩy hoạt động NCKH trong giảng viên, HSSV thiết thực hơn.

Tăng cường công tác tập huấn nâng cao kỹ năng viết báo khoa học, đưa giáo viên đi tham quan thực tế các công trình nghiên cứu đã triển khai ứng dụng nhằm giúp giáo viên có thêm kinh nghiệm và định hướng tốt hơn khi tham gia NCKH.

Triển khai ký kết hợp tác đào tạo với các cơ sở

Điểm đánh giá tiêu chí 6

Tiêu chí, tiêu chuẩn	Điểm tự đánh giá
Tiêu chí 6	4
Tiêu chuẩn 1	1
Tiêu chuẩn 2	1
Tiêu chuẩn 3	1
Tiêu chuẩn 4	1
Tiêu chuẩn 5	0

Tiêu chuẩn 1: Trường có chính sách và thực hiện các chính sách khuyến khích cán bộ quản lý, nhà giáo và nhân viên tham gia nghiên cứu khoa học, sáng kiến cải tiến và chuyển giao công nghệ nhằm nâng cao hiệu quả, chất lượng đào tạo.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Trường Cao đẳng Công nghiệp Cao su quy định chức năng quản lý về nghiên cứu khoa học và hợp tác từ năm 2022 trở về trước thuộc phòng Công tác sinh viên (1.1.02-Quyết định số 387/QĐ-CĐCS ngày 21/10/2021 ban hành Quy chế tổ chức hoạt động Trường CĐ Công nghiệp Cao su), từ năm 2023 thuộc chức năng của Phòng Quản lý đào tạo (1.1.02-Quyết định số 200/QĐ-CĐCS ngày 15/5/2023 ban hành Quy chế tổ chức hoạt động Trường CĐ Công nghiệp Cao su).

Nhà trường có quy định rõ ràng, cụ thể về nghiên cứu khoa học, sáng kiến để khuyến khích cán bộ quản lý, nhà giáo và nhân viên tham gia nghiên cứu khoa học, sáng kiến cải tiến và chuyển giao công nghệ nhằm nâng cao hiệu quả, chất lượng đào tạo (6.1.01-Quyết định số 306/QĐ-CĐCS ngày 22/6/2015 ban hành Quy chế nghiên cứu khoa học; Quyết định số 405/QĐ-CĐCS ngày 18/10/2023 ban hành Quy định hoạt động của HDKH&ĐT). Các hoạt động nghiên cứu khoa học, sáng kiến còn được quy định cụ thể trong nhiệm vụ của giảng viên và được quy đổi giờ để khuyến khích giảng viên tham gia (1.12.04-Hướng dẫn số 258/HD-CĐCS ngày 25/05/2021; số 182/HD-CĐCS ngày 13/04/2022 và số 241/HD-CĐCS ngày 15/05/2023 về việc thực hiện chế độ công tác giáo viên năm 2021, 2022, 2023). Chính sách khuyến khích còn được quy

định chi tiết, rõ ràng về tỷ lệ giao nộp cho nhà trường khi thực hiện các nghiên cứu, chuyển giao công nghệ trong Quy chế chi tiêu nội bộ và khen thưởng cụ thể trong Quy chế thi đua khen thưởng (**1.3.02-Quyết định số 87/QĐ-CĐCS năm 2021; số 132/QĐ-CĐCS năm 2022; số 207/QĐ-CĐCS năm 2023 ban hành Quy chế chi tiêu nội bộ; 1.4.03- Quyết định số 86/QĐ-CĐCS năm 2021; số 103/QĐ-CĐCS năm 2022; số 201/QĐ-CĐCS năm 2023 về việc ban hành Quy chế thi đua khen thưởng**).

Hàng năm, nhà trường đều ban hành hướng dẫn để cán bộ, giảng viên, nhân viên đăng ký thực hiện nghiên cứu khoa học, sáng kiến và tham gia các Hội thi sáng tạo, hội thi thiết bị đào tạo tự làm (**6.1.02- Hướng dẫn số 450/QĐ-CĐCS ngày 24/9/2020 Hướng dẫn xét duyệt và công nhận sáng kiến; Hướng dẫn số 54/QĐ-CĐCS ngày 14/02/2023 Hướng dẫn nghiên cứu khoa học và sáng kiến năm 2023**).

Với các chính sách khuyến khích và hướng dẫn đầy đủ, kịp thời hàng năm nên kết quả tham gia của cán bộ, giáo viên, giảng viên thực hiện các đề tài và sáng kiến ngày càng nhiều. Năm 2022 đã có 09 sáng kiến được nghiệm thu, năm 2021 đã có 04 sáng kiến được nghiệm thu (**6.1.03-Các quyết định công nhận sáng kiến cấp trường năm 2022, 2021**).

Các sáng kiến không chỉ phát huy hiệu quả cấp trường mà còn có ứng dụng rộng rãi trong Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam. Vì thế trong 2 năm 2022, 2021 đã có 03 sáng kiến được công nhận cấp Tập đoàn (**6.1.04-Các quyết định công nhận sáng kiến cấp Tập đoàn năm 2022, 2021**).

Ngoài ra nhà trường còn có nhiều sáng kiến tham gia các Hội thi của tỉnh và của Bộ. Cụ thể như: tham gia Hội thi sáng tạo KHKT thành phố Đồng Xoài 2021: 01 giải nhất, 02 giải Ba, 01 giải Khuyến khích, Hội thi sáng tạo KHKT tỉnh Bình Phước năm 2021: 01 giải Ba, 03 giải Khuyến khích. Tham gia Hội thi thiết bị đào tạo tự làm toàn quốc năm 2022 có 01 giải Nhất, 03 giải Khuyến khích (**6.1.05-Các quyết định công nhận giải thưởng Sáng tạo KHKT và Hội thi thiết bị đào tạo tự làm toàn quốc 2022**).

Trong 02 năm từ 2021, 2022 nhà trường đã hỗ trợ kinh phí cho các hoạt động sáng kiến với tổng số giờ là 1.030 giờ, tổng số tiền là: 122.373.000đ (**6.1.03-Các quyết định công nhận sáng kiến cấp trường năm 2022, 2021**).

Do nhà trường có những chính sách khuyến khích cán bộ quản lý, nhà giáo và nhân viên tham gia nghiên cứu khoa học, sáng kiến cải tiến đã thể hiện hiệu quả về công tác nghiên cứu khoa học và triển khai ứng dụng trong công tác đào tạo tại Trường

(6.1.06-Báo cáo kết quả về công tác nghiên cứu khoa học và triển khai ứng dụng trong công tác đào tạo tại Trường giai đoạn 2021-2023). Thông qua hoạt động nghiên cứu khoa học, sáng kiến cải tiến và chuyển giao công nghệ đã góp phần nâng cao hiệu quả, chất lượng đào tạo (6.1.07- Báo cáo kết quả khảo sát về chính sách khuyến khích cán bộ quản lý, nhà giáo và nhân viên tham gia nghiên cứu khoa học, sáng kiến cải tiến và chuyển giao công nghệ của Trường đối với nhà giáo, người học năm 2023)

Nhà trường tự đánh giá đạt yêu cầu của tiêu chuẩn.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 1 tiêu chí 6: 01 điểm

Tiêu chuẩn 2: Hằng năm, trường có đề tài nghiên cứu khoa học, sáng kiến cải tiến từ cấp trường trở lên phục vụ thiết thực công tác đào tạo của trường (ít nhất 01 đề tài nghiên cứu khoa học, sáng kiến cải tiến đối với trường trung cấp, ít nhất 02 đề tài nghiên cứu khoa học, sáng kiến cải tiến đối với trường cao đẳng).

Mô tả, phân tích, nhận định:

Căn cứ vào Quy chế nghiên cứu khoa học của Trường Cao đẳng Công nghiệp Cao su (**6.1.01- Quyết định số 306/QĐ-CĐCS ngày 22/6/2015 ban hành Quy chế nghiên cứu khoa học**). Nhà trường cũng đã ban hành hướng dẫn thực hiện sáng kiến kinh nghiệm để hướng dẫn cán bộ, giảng viên, công nhân viên và học sinh sinh viên nhà trường trong công tác thực hiện sáng kiến (**6.1.02-Hướng dẫn số 450/QĐ-CĐCS ngày 24/9/2020 Hướng dẫn xét duyệt và công nhận sáng kiến; Hướng dẫn số 54/QĐ-CĐCS ngày 14/02/2023 Hướng dẫn nghiên cứu khoa học và sáng kiến năm 2023**).

Trong vòng ba năm trở lại đây, hoạt động nghiên cứu khoa học của nhà trường rất được chú trọng. Rất nhiều các đề tài, sáng kiến kinh nghiệm được cán bộ, giảng viên, công nhân viên thực hiện tốt và đã được ứng dụng vào các hoạt động thực tiễn. Các đơn vị đã tiến hành triển khai cho cán bộ, giảng viên, công nhân viên trong đơn vị mình đăng kí sáng kiến cải tiến kỹ thuật, đề tài NCKH theo hướng dẫn (**6.2.01- Phiếu đăng kí đề tài NCKH, sáng kiến cải tiến kỹ thuật năm 2020, 2021, 2022; 6.2.02 – Danh sách CB-GV tham gia NCKH năm 2020, 2021, 2022**)

Từ năm 2021 đến nay, nhà trường đã quyết định công nhận 12 sáng kiến kinh nghiệm. (**6.2.03 – Danh sách đề tài NCKH, SK cải tiến kỹ thuật năm 2020, 2021, 2022; 6.1.03-Các quyết định công nhận sáng kiến cấp trường năm 2022, 2021, 2022**). Các sáng kiến đều được thực hiện đúng theo hướng dẫn thực hiện sáng kiến kinh nghiệm của trường và đều có hồ sơ thuyết minh đầy đủ (**6.2.04- Hồ sơ thuyết minh các**

sáng kiến kinh nghiệm năm 2021,2022,2023). Nổi bật trong số đó là sáng kiến: “Xây dựng phương án điều chỉnh lưu lượng đào tạo lái xe lên trên 1000”. Nhờ có sáng kiến này, lượng hồ sơ tồn đọng đã được giải quyết triệt để, qua đó tăng mạnh nguồn thu của nhà trường. Các sáng kiến còn lại đều được áp dụng vào hoạt động của các đơn vị và đem lại các kết quả khả quan.

Năm 2022, nhà trường có 1 sáng kiến được công nhận sáng kiến cấp Tập đoàn (6.1.04-*Các quyết định công nhận sáng kiến cấp Tập đoàn năm 2021, 2022, 2023*) và đã phát triển 02 đề tài nghiên cứu khoa học để tham gia dự Hội thi thiết bị đào tạo tự làm toàn quốc lần thứ VII năm 2022. Kết quả, nhà trường vinh dự đạt được 01 giải nhất với thiết bị: “Mô hình hệ thống xác định hàm lượng Lipit trong cao su thiên nhiên” và được Bộ trưởng Bộ Lao động Thương binh và Xã hội quyết định tặng bằng khen (6.1.05 - *Các quyết định công nhận giải thưởng Sáng tạo KHKT và Hội thi thiết bị đào tạo tự làm toàn quốc 2022*; 6.2.05- *Quyết định số 963/QĐ-LĐTĐ ngày 14 tháng 10 năm 2022 Về việc tặng bằng khen của Bộ trưởng Bộ Lao động Thương binh và Xã hội*).

Cuối mỗi năm, phòng QLĐT sẽ thực hiện báo cáo kết quả về công tác nghiên cứu khoa học của nhà trường trong năm. Trong báo cáo sẽ thể hiện các đề tài, sáng kiến đã được thực hiện và hiệu quả mang lại khi được ứng dụng vào trong thực tiễn tại các đơn vị. (6.1.06- *Báo cáo kết quả về công tác nghiên cứu khoa học và triển khai ứng dụng trong công tác đào tạo tại Trường giai đoạn 2021-2023*).

Nhà trường tự đánh giá đạt yêu cầu của tiêu chuẩn.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 2 tiêu chí 6: 01 điểm

Tiêu chuẩn 3: Hằng năm, trường có các bài báo, ấn phẩm của nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức, người lao động đăng trên các báo, tạp chí khoa học ở trong nước hoặc quốc tế.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Những năm gần đây, trường đã có các bài báo của những giảng viên có uy tín và kinh nghiệm được đăng trên các Tạp chí như tạp chí Quốc tế, tạp chí Khoa học Giáo dục và các tạp chí khác. Tham gia viết bài đăng trên các tạp chí đã giúp cho giáo viên, giảng viên nhà trường mở rộng mối quan hệ trong các lĩnh vực GD&ĐT cũng như NCKH, đã thúc đẩy chất lượng đào tạo của trường được nâng lên người học có những kiến thức bổ ích sát với thực tế và tiến bộ khoa học kỹ thuật đổi mới nội dung

chương trình đào tạo cũng như phương thức dạy và học theo tích cực lấy người học làm trung tâm (6.3.01-Danh sách bài báo khoa học đăng trên các tạp chí trong nước và quốc tế năm 2021, 2022, 2023); (6.3.02-Bản in các bài báo khoa học đăng trên các tạp chí trong nước và quốc tế năm 2021, 2022, 2023); (6.3.03-Thống kê số lượng các bài báo khoa học đăng trên các tạp chí trong nước và quốc tế năm 2021, 2022, 2023).

Nhà trường có chế độ đãi ngộ khuyến khích cán bộ, giảng viên trong trường công bố, đăng báo, công trình NCKH trên các tạp chí trong nước và quốc tế, đồng thời có các chế tài cụ thể để cán bộ giảng viên hoàn thành nhiệm vụ NCKH của giảng viên trong trường Cao đẳng.

Nhà trường tự đánh giá đạt yêu cầu của tiêu chuẩn.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 3 tiêu chí 6: 01 điểm

Tiêu chuẩn 4: Các đề tài nghiên cứu khoa học, sáng kiến cải tiến của trường được ứng dụng thực tiễn.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Hàng năm căn cứ vào kế hoạch triển khai hoạt động khoa học và công nghệ của Tập đoàn Công Nghiệp Cao Su, Tỉnh Bình Phước và phương hướng nhiệm vụ cụ thể của nhà trường trong từng năm học nhà trường hướng dẫn tập thể, cá nhân đăng ký tham gia nghiên cứu các đề tài khoa học và chuyển giao công nghệ. Việc NCKH, ứng dụng và chuyển giao công nghệ được nhà trường, các cá nhân, tập thể tham gia thực hiện theo đúng hệ thống văn bản quy định và hướng dẫn của các cấp quản lý. Các đề tài, dự án NCKH khi xét duyệt, nghiệm thu đều dựa trên các tiêu chuẩn cụ thể của các cấp xét duyệt (**1.6.01** – Quyết định thành lập Hội đồng Khoa học đào tạo; **6.1.01** – Quyết định số 306/QĐ-CĐCS ngày 22/6/2015 ban hành Quy chế nghiên cứu khoa học; Quyết định số 405/QĐ-CĐCS ngày 18/10/2023 ban hành Quy định hoạt động của HĐKH&ĐT). Nghiệm thu các đề tài tuân theo quy trình, thủ tục khi xét duyệt và có biên bản cụ thể khoa học; **6.1.02**-Hướng dẫn số 450/QĐ-CĐCS ngày 24/9/2020 Hướng dẫn xét duyệt và công nhận sáng kiến; Hướng dẫn số 54/QĐ-CĐCS ngày 14/02/2023 Hướng dẫn nghiên cứu khoa học và sáng kiến năm 2023)

Trong những năm qua đội ngũ giảng viên của trường đã đáp ứng được yêu cầu thực hiện chương trình đào tạo và NCKH. Các đề tài NCKH của trường đã tập trung giải quyết được nhiều vấn đề lớn, thiết thực và hiệu quả, góp phần nâng cao chất lượng đào tạo của trường, của ngành cao su, địa phương, xã hội (**6.1.03**-Các quyết định công

nhận sáng kiến cấp trường năm 2022, 2021 và biểu mẫu; 6.1.04-Các quyết định công nhận sáng kiến cấp Tập đoàn năm 2022, 2021 và biểu mẫu; 6.1.05 - Các quyết định công nhận giải thưởng Sáng tạo KHKT và Hội thi thiết bị đào tạo tự làm toàn quốc 2022; 6.2.05- Quyết định số 963/QĐ-LĐT BXH ngày 14 tháng 10 năm 2022 Về việc tặng bằng khen của Bộ trưởng Bộ Lao động Thương binh và Xã hội.)

Nhà trường có phòng QLĐT với chức năng theo dõi, quản lý và thực hiện nghiêm chỉnh các quy trình của việc nghiên cứu khoa học và công nghệ do đó việc nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ của nhà trường luôn thuận lợi và đạt được kết quả tốt.

Cuối mỗi năm, phòng QLĐT sẽ thực hiện báo cáo kết quả về công tác nghiên cứu khoa học của nhà trường trong năm. Trong báo cáo sẽ thể hiện các đề tài, sáng kiến đã được thực hiện và hiệu quả mang lại khi được ứng dụng vào trong thực tiễn tại các đơn vị. (**6.1.06- Báo cáo kết quả về công tác nghiên cứu khoa học và triển khai ứng dụng trong công tác đào tạo tại Trường giai đoạn 2021-2023**).

Nhà trường cần thành lập quỹ hỗ trợ nghiên cứu khoa học cho các tập thể, cá nhân có những đề tài được phê duyệt và thường xuyên phát động những cuộc thi hoặc hội thảo về kinh nghiệm nghiên cứu khoa học.

Nhà trường tự đánh giá đạt yêu cầu của tiêu chuẩn.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 4 tiêu chí 6: 01 điểm

Tiêu chuẩn 5: Có liên kết đào tạo hoặc triển khai các hoạt động, hợp tác với các trường nước ngoài hoặc các tổ chức quốc tế; các hoạt động hợp tác quốc tế góp phần nâng cao chất lượng đào tạo của trường.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Hợp tác quốc tế là một vấn đề đã và đang được quan tâm nhiều hơn trong nền giáo dục tại các quốc gia và cả tại Việt Nam. Hiện nay rất nhiều trường Đại học, Cao đẳng, Trung cấp trong cả nước thực hiện hợp tác đào tạo, phát triển chương trình, giáo trình với các trường Quốc tế hoặc tổ chức quốc tế. Việc hợp tác mang lại nhiều lợi ích to lớn, giúp các trường đổi mới khả năng tư duy, tiếp cận được với những tiến bộ khoa học kỹ thuật của thời đại, cũng như giúp học sinh sinh viên tăng khả năng sử dụng ngoại ngữ, trình độ chuyên môn.

Trường Cao đẳng Công nghiệp Cao su cũng đã lên ý tưởng về các hoạt động hợp tác quốc tế. Tuy nhiên trong giai đoạn vừa qua, trường vẫn chưa triển khai liên hệ

được với các trường nước ngoài hoặc tổ chức quốc tế. Cuối năm 2023, nhà trường sẽ xây dựng kế hoạch liên hệ với các đối tác và nội dung làm việc cụ thể. Hướng tới 2024, trường sẽ triển khai hợp tác được với ít nhất 1 đơn vị nước ngoài.

Nhà trường tự đánh giá không đạt yêu cầu của tiêu chuẩn.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 5 tiêu chí 6: 0 điểm

3.2.7. Tiêu chí 7 - Quản lý tài chính

Đánh giá tổng quát tiêu chí 7:

Trường CĐCNCS được Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam phê duyệt chuyển trường thành đơn vị sự nghiệp công lập tự chủ, tự chịu trách nhiệm về thực hiện nhiệm vụ, tổ chức bộ máy, biên chế và tài chính từ năm 2017. Nhà trường có bộ phận kế toán chuyên trách là phòng Tài chính – Kế toán, thực hiện các công tác chuyên môn về tài chính kế toán, tham mưu cho Ban giám hiệu trong việc quản lý và sử dụng các nguồn kinh phí hiệu quả và đúng quy định của nhà nước.

Căn cứ các quy định của nhà nước và tình hình thực tế tại đơn vị, nhà trường đã ban hành các quy định về công tác tài chính như Quy chế chi tiêu nội bộ (CTNB), quy định về quản lý quỹ tiền mặt, quy định về hướng dẫn công tác tạm ứng, thu tiền và thanh toán đối với các hoạt động mua sắm, sửa chữa tài sản, thanh toán các chi phí đào tạo.

Hàng năm, nhà trường xây dựng kế hoạch tài chính trình Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam phê duyệt trên cơ sở tình hình thực hiện nhiệm vụ năm trước và kế hoạch tuyển sinh của các bộ phận trực thuộc, đảm bảo các chế độ quy định. Định kỳ (quý, năm), trường lập các báo cáo tài chính nộp cơ quan chủ quản đồng thời thực hiện quyết toán thuế theo đúng quy định.

Công tác tài chính của trường được thực hiện theo đúng các hướng dẫn về mẫu biểu, định mức chi và chứng từ quy định, đáp ứng yêu cầu thực hiện nhiệm vụ. Việc phân bổ chênh lệch thu chi được thực hiện theo đúng quy định và công khai minh bạch đến người lao động.

Trường có các giải pháp phù hợp làm gia tăng nguồn thu, tăng thu nhập cho người lao động

** Những điểm mạnh:*

Thực hiện đúng các quy định về quản lý tài chính, hệ thống báo cáo tài chính, sổ sách, chứng từ rõ ràng, đầy đủ, chính xác.

Thanh toán chi phí đầu tư, mua sắm vật tư hóa chất cho các bộ phận trực thuộc đầy đủ, nhanh chóng, đúng quy định

Kế hoạch tài chính được xây dựng trên cơ sở tình hình thực hiện nhiệm vụ năm trước và kế hoạch tuyển sinh của các bộ phận trực thuộc, công khai đến các đơn vị.

Quy chế Chi tiêu nội bộ của đơn vị được sửa đổi, cập nhật hàng năm dựa trên cơ sở các văn bản hướng dẫn của nhà nước và tình hình hoạt động thực tế của đơn vị.

** Những tồn tại:*

Trong những năm qua công tác tuyển sinh học nghề ngày càng gặp nhiều khó khăn, vì vậy nguồn thu từ học phí cũng gặp nhiều khó khăn

Theo Nghị quyết 165/NQ-CP ngày 20.12.2022 của Chính phủ về học phí đối với cơ sở giáo dục và đào tạo công lập năm học 2022 – 2023, Chính phủ yêu cầu giữ nguyên mức thu học phí năm học 2022-2023 như năm học trước ở tất cả cấp học. Vì vậy, nguồn thu của trường cũng gặp nhiều khó khăn, dẫn đến việc đầu tư trang thiết bị phục vụ học tập cũng gặp nhiều hạn chế.

Định mức cấp kinh phí trên một học sinh, sinh viên bình quân các hệ vẫn còn thấp trong khi kinh phí phục vụ công tác đào tạo, các khoản chi tiền lương, các khoản trích theo lương, vật tư, tuyển sinh... ngày càng tăng mạnh.

** Kế hoạch nâng cao chất lượng:*

Tiếp tục triển khai và phát triển các hoạt động liên kết đào tạo với các cơ sở đào tạo nhằm tăng nguồn thu từ các hoạt động này. Liên kết với các địa phương, các công ty, doanh nghiệp để đào tạo theo nhu cầu.

Thường xuyên cân đối nguồn tài chính nhằm đảm bảo việc sử dụng phù hợp nguồn kinh phí cho các bộ phận, ưu tiên kinh phí cho vật tư thực tập, trang thiết bị cho các khoa.

Ban Giám hiệu nhà trường cùng toàn thể giáo viên đang thực hiện nâng cao chất lượng giảng dạy, đầu tư nâng cấp máy móc thiết bị để HSSV được thực hành thường xuyên và liên tục. Từ đó củng cố thêm uy tín của nhà trường trong lịch vực dạy nghề. Đồng thời đẩy mạnh kế hoạch tuyên truyền, tuyển sinh trong các năm học mới để công tác tuyển sinh đạt kết quả cao, ngày càng tăng số lượng HSSV tuyển được.

Điểm đánh giá tiêu chí 7

Tiêu chí, tiêu chuẩn	Điểm tự đánh giá
----------------------	------------------

Tiêu chí, tiêu chuẩn	Điểm tự đánh giá
Tiêu chí 7	6
Tiêu chuẩn 1	1
Tiêu chuẩn 2	1
Tiêu chuẩn 3	1
Tiêu chuẩn 4	1
Tiêu chuẩn 5	1
Tiêu chuẩn 6	1

Tiêu chuẩn 1: Trường có quy định về quản lý, sử dụng, thanh quyết toán về tài chính theo quy định và công bố công khai

Mô tả, phân tích, nhận định:

Từ năm 2017 đến nay, với mô hình hoạt động của đơn vị sự nghiệp công lập tự chủ, tự chịu trách nhiệm về thực hiện nhiệm vụ, tổ chức bộ máy, biên chế và tài chính; công tác tài chính của Trường đã được quan tâm hơn để đáp ứng nhu cầu chi tiêu và xây dựng của đơn vị, đảm bảo thực hiện đúng theo các văn bản quy định của Nhà nước và Bộ tài chính (7.1.01- Quyết định 463/QĐ-HĐTVCSVN ngày 16/10/2017 phê duyệt "Chuyển đổi trường Cao đẳng Công nghiệp Cao su thành đơn vị sự nghiệp công lập tự chủ, tự chịu trách nhiệm về thực hiện nhiệm vụ, tổ chức bộ máy, biên chế và tài chính từ năm 2017").

Nhà trường có ban hành quy định về thu học phí và có các quyết định ban hành mức thu học phí đối với từng năm học(7.1.02- Quyết định 452/QĐ-CĐCS ngày 13/12/2021 về việc ban hành quy định thu học phí từ năm học 2018-2019; Quyết định 462/QĐ-CĐCS ngày 13/12/2021 về việc ban hành quy định thu học phí; Quyết định số 343/QĐ-CĐCS ngày 26/7/2018 về việc ban hành mức thu học phí hệ chính quy giai đoạn 2018-2021; Quyết định số 213/QĐ-CĐCS ngày 11/6/2021 ban hành mức thu học phí chính quy năm học 2021-2022; Quyết định số 32/QĐ-CĐCS ngày 02/02/2023 ban hành mức thu học phí chính quy năm học 2022-2023).Ngoài học phí hệ chính quy, trường còn có các nguồn thu khác như thu học phí đào tạo lái xe, thu từ học lại, thi lại, thu cho thuê cơ sở vật chất,... (7.1.03- Quyết định số 43/QĐ-CĐCS ngày 26/01/2022 về việc điều chỉnh thu học phí đào tạo lái xe ô tô, xe gắn máy từ năm 2022; Phê duyệt các khoản thu 2019; Quyết định số 566/QĐ-CĐCS ngày 29/10/2019 về việc ban hành Quy định thu tiền phòng học, phòng ở, nhà thể thao, xe ô tô dịch vụ; Đề nghị phê

duyet các khoản thu, mức thu từ năm 2023 ngày 12/01/2023), đã xây dựng Quy chế chi tiêu nội bộ trong đó quy định các nội dung chi theo quy định hiện hành của nhà nước và theo tính chất đặc thù riêng của đơn vị. Quy chế CTNB hàng năm đều thực hiện sửa đổi, bổ sung cho phù hợp với hoạt động của đơn vị (**1.3.02- Quyết định số 132/QĐ-CĐCS ngày 13/4/2022 ban hành Quy chế chi tiêu nội bộ năm 2022; Quyết định số 207/QĐ-CĐCS ngày 17/05/2023 ban hành Quy chế chi tiêu nội bộ năm 2023**).

Nhà trường có các văn bản hướng dẫn về công tác tài chính như quy định quản lý quỹ tiền mặt, quy định về hướng dẫn công tác tạm ứng, thu tiền và thanh toán đối với các hoạt động mua sắm, sửa chữa tài sản, thanh toán các chi phí đào tạo,...dựa trên các quy định của nhà nước và tình hình thực tế tại đơn vị (**7.1.04- Quyết định 808/QĐ-CĐCS ngày 24/11/2016 về quản lý quỹ tiền mặt; Quyết định số 377/QĐ-CĐCS ngày 06/5/2016 Quy định hướng dẫn công tác tạm ứng, thu tiền và thanh toán**).

Kế hoạch tài chính hàng năm của trường đều được Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam giao căn cứ vào kế hoạch do trường xây dựng (**7.1.05- Các Quyết định giao kế hoạch SXKD 2021, 2022, 2023 của Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam cho trường Cao đẳng Công nghiệp Cao su**). Trên cơ sở Quyết định giao của Tập đoàn, trường giao kế hoạch cho các bộ phận trực thuộc, đây là cơ sở để đánh giá kết quả hoạt động của các đơn vị hàng năm (**1.3.01- Các Quyết định giao kế hoạch SXKD 2020, 2021, 2022 của trường Cao đẳng Công nghiệp Cao su cho khác phòng, khoa, trung tâm trực thuộc trường**).

Nhà trường thực hiện đầy đủ quy định về chế độ kế toán theo Thông tư 107/2017/TT-BTC ngày 10/10/2017 của Bộ Tài chính, thực hiện quản lý hồ sơ, sổ sách, lập báo cáo tài chính theo quy định (**7.1.06- Các BCTC theo TT 107 2020, 2021, 2022**). Ngoài ra, trường còn lập bộ Báo cáo tài chính theo thông tư 200 và theo hướng dẫn của Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam (**7.1.07-BCTC theo TT 200 năm 2020, 2021, 2022; Bộ báo cáo tài chính năm 2020, 2021, 2022**)

Các văn bản hướng dẫn về công tác tài chính được công khai trên trang web của trường(<http://ric.edu.vn/3cmsnew-portlet/upload/caosu/File/Noi-bo/2016qd377sv.pdf>; <http://ric.edu.vn/3cmsnew-portlet/upload/caosu/File/Noi-bo/2020th108sv.pdf>; <http://ric.edu.vn/3cmsnew-portlet/upload/caosu/File/Noi-bo/2023qd32sv.pdf>; <http://ric.edu.vn/3cmsnew-portlet/upload/caosu/File/Noi-bo/thongbaosv.pdf>).

Hàng năm, Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam có văn bản hướng dẫn lập kế

hoạch tài chính với yêu cầu nhà trường bám sát các mục tiêu, nhiệm vụ được giao (7.1.08- Các Văn bản Hướng dẫn xây dựng kế hoạch năm 2021, 2022, 2023; Các Văn bản Hướng dẫn bổ sung, điều chỉnh xây dựng kế hoạch năm 2021, 2022, 2023). Trên cơ sở tình hình thực hiện nhiệm vụ năm trước và kế hoạch tuyển sinh của các bộ phận trực thuộc, nhà trường xây dựng kế hoạch tài chính đảm bảo các chế độ quy định, trình Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam phê duyệt (7.1.09- Các Tờ trình phê duyệt Kế hoạch tài chính của trường 2021,2022, 2023; Các Tờ trình điều chỉnh Kế hoạch tài chính của trường 2021, 2022)

Định kỳ (quý, năm), trường lập các báo cáo tài chính báo cáo nộp Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam theo đúng quy định (7.1.09) đồng thời thực hiện kê khai quyết toán các loại thuế với Cục thuế tỉnh Bình Phước (7.1.10- Tờ khai thuế GTGT 2020, 2021, 2022; Tờ khai thuế TNDN 2020, 2021, 2022; Tờ khai thuế môn bài 2020, 2021, 2022; Tờ khai thuế TNCN 2020, 2021, 2022). Căn cứ tờ khai và báo cáo quyết toán, trường thực hiện nộp các khoản thuế vào ngân sách nhà nước (7.1.11-Giấy nộp tiền thuế năm 2020, 2021, 2022)

Cuối năm, bộ phận kế toán nhà trường tổng hợp các khoản thu của từng bộ phận trong trường (7.1.12-Báo cáo các khoản thu từng bộ phận năm 2020, 2021, 2022), lập báo cáo kết quả hoạt động tài chính của toàn trường (7.1.13- Tổng hợp thu chi sự nghiệp toàn trường năm 2020, 2021, 2022). Trên cơ sở kết quả hoạt động của các bộ phận trực thuộc, bộ phận kế toán lập báo cáo kết quả hoạt động tài chính của toàn trường. Kết quả hoạt động tài chính được công khai trong hội nghị sơ tổng kết cuối năm dưới hình thức báo cáo bằng văn bản (7.1.14-Báo cáo Kết quả tài chính Hội nghị CNVC 2020, 2021, 2022).

Các nội dung về quản lý, sử dụng, thanh quyết toán tài chính đã được công khai gồm có: mức thu (7.1.03), các nội dung chi theo quy định (1.3.02), quy định quản lý quỹ tiền mặt, quy định về hướng dẫn công tác tạm ứng, thu tiền và thanh toán (7.1.04), giao kế hoạch cho các bộ phận trực thuộc (1.3.01), báo cáo kết quả hoạt động tài chính (7.1.14), tình hình sử dụng và tồn quỹ của đơn vị (7.1.15-Báo cáo sử dụng các quỹ của đơn vị năm 2020, 2021, 2022).

Nhà trường tự đánh giá đạt yêu cầu của tiêu chuẩn

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 1 tiêu chí 7: 01 điểm

Tiêu chuẩn 2: Quản lý, sử dụng các nguồn thu từ hoạt động dịch vụ đào tạo;

tham gia sản xuất, kinh doanh, dịch vụ đúng theo quy định.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Nhà trường thực hiện đầy đủ quy định về chế độ kế toán theo Thông tư 107/2017/TT-BTC ngày 10/10/2017 của Bộ Tài chính. Hàng năm, căn cứ hướng dẫn của Tập đoàn và kết quả thực hiện nhiệm vụ năm trước, nhà trường xây dựng kế hoạch tài chính đảm bảo các chế độ quy định, trình Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam phê duyệt (**7.1.09- Các Tờ trình phê duyệt Kế hoạch tài chính của trường 2020,2021, 2022; Các Tờ trình điều chỉnh Kế hoạch tài chính của trường 2020, 2021**)

Là đơn vị tự chủ về tài chính nên trường ban hành các khoản thu và mức thu dựa trên cơ sở lấy thu bù chi và quy định của nhà nước (**7.1.03- Quyết định số 43/QĐ-CĐCS ngày 26/01/2022 về việc điều chỉnh thu học phí đào tạo lái xe ô tô, xe gắn máy từ năm 2022; Phê duyệt các khoản thu 2019; Quyết định số 566/QĐ-CĐCS ngày 29/10/2019 về việc ban hành Quy định thu tiền phòng học, phòng ở, nhà thể thao, xe ô tô dịch vụ; Đề nghị phê duyệt các khoản thu, mức thu từ năm 2023 ngày 12/01/2023**),. Cuối năm, phòng tài chính - kế toán thực hiện đối chiếu kinh phí với các bộ phận trực thuộc (**7.2.01- Biên bản đối chiếu số liệu BP trực thuộc 2020,2021,2022**)

Trường theo dõi các khoản thu theo từng bộ phận, có sổ theo dõi thu chi của từng bộ phận. Tổng hợp các khoản thu theo từng nội dung thực hiện của từng bộ phận (**7.1.12-Báo cáo các khoản thu từng bộ phận năm 2020, 2021, 2022**). Cuối năm, phòng tài chính - kế toán thực hiện đối chiếu kinh phí với các bộ phận trực thuộc (**7.2.01- Biên bản đối chiếu số liệu BP trực thuộc 2020,2021,2022**). Lập báo cáo tổng hợp thu chi sự nghiệp toàn trường và của từng bộ phận trực thuộc (**7.1.13- Tổng hợp thu chi sự nghiệp toàn trường năm 2020, 2021, 2022**).

Thực hiện quản lý hồ sơ, sổ sách, lập báo cáo tài chính theo quy định (**7.1.06- Các BCTC theo TT 107 2020, 2021, 2022**).

Trường thực hiện thu, chi, báo cáo tài chính theo đúng quy định tại Thông tư 107/2017/TT-BTC ngày 10/10/2017 của Bộ Tài chính.

Lập báo cáo tài chính theo quý, năm theo quy định tại Thông tư 107/2017/TT-BTC ngày 10/10/2017 của Bộ Tài chính (**7.1.06- Các BCTC theo TT 107 2020, 2021, 2022**).. Ngoài ra trường còn lập Bộ báo cáo tài chính theo Thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 và theo yêu cầu của Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam (**7.1.07- BCTC theo TT 200 năm 2020, 2021, 2022; Bộ báo cáo tài chính năm 2020, 2021,**

2022).

Hàng năm nhà trường đều được cơ quan chủ quản là Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam kiểm tra báo cáo tài chính, xác định lại các nguồn thu, chi thường xuyên và chi đầu tư. Sau khi kiểm tra, Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam lập bảng xác định số liệu báo cáo tài chính, trong đó thể hiện tổng thu, tổng chi, chênh lệch thu chi, tình hình phân phối, sử dụng các quỹ của trường (7.2.02- *Bảng xác định số liệu VRG 2020,2021*). Căn cứ Bảng xác định số liệu và Báo cáo tài chính sau điều chỉnh, Tập đoàn ban hành Quyết định thông qua Báo cáo tài chính của trường (7.2.04- *Quyết định thông qua BCTC 2020,2021*) và thông báo kết quả xếp loại doanh nghiệp (7.2.05- *Xếp loại doanh nghiệp 2020,2021*).

Từ năm 2019, trường thực hiện kiểm toán độc lập đối với báo cáo tài chính (7.2.03- *Biên bản kiểm toán BCTC 2020,2021,2022*). Kết quả kiểm toán về cơ bản thống nhất với Báo cáo tài chính của đơn vị lập, chỉ điều chỉnh một số chỉ tiêu về doanh thu hoạt động tài chính và doanh thu hoạt động khác cũng như chi phí tương ứng, không ảnh hưởng đến kết quả hoạt động cuối cùng.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 2 tiêu chí 7: 01 điểm

Tiêu chuẩn 3: Trường có các nguồn lực về tài chính đảm bảo đủ kinh phí phục vụ các hoạt động của trường.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Nhà trường xây dựng kế hoạch tài chính hàng năm trên cơ sở kế hoạch tuyển sinh, quy mô đào tạo của các bộ phận trực thuộc và hướng dẫn của Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam (7.1.09- *Các Tờ trình phê duyệt Kế hoạch tài chính của trường 2020,2021, 2022; Các Tờ trình điều chỉnh Kế hoạch tài chính của trường 2020, 2021*). Kế hoạch tài chính của trường đều được Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam phê duyệt và giao hàng năm thông qua các Quyết định giao kế hoạch (7.1.05- *VRG giao kế hoạch 2020, 2021,2022*).

Hiện nay nguồn tài chính của nhà trường được hình thành chủ yếu từ hoạt động kinh doanh, dịch vụ chiếm khoảng 60%, còn lại hoạt động đào tạo, giáo dục chiếm 40%. Hoạt động tài chính của trường thực hiện theo đúng các quy định của Nhà nước, nhà trường thực hiện đa dạng hóa hoạt động từ đó tăng nguồn thu đảm bảo cho hoạt động thường xuyên và đầu tư của nhà trường.

Định kỳ, phòng tài chính kế toán tiến hành tổng hợp các nguồn thu của từng bộ

phận theo từng nội dung thu (**7.1.12-Báo cáo các khoản thu từng bộ phận năm 2020, 2021, 2022**), đối chiếu với kế hoạch giao cho từng bộ phận để đôn đốc, nhắc nhở các bộ phận hoàn thành kế hoạch.

Cuối năm, trường lập báo cáo tổng hợp thu chi toàn trường trên cơ sở kết quả hoạt động của từng bộ phận trong năm, trong đó nêu rõ tổng thu, tổng chi, chênh lệch thu chi của từng bộ phận và của toàn trường (**7.1.13- Tổng hợp thu chi sự nghiệp toàn trường năm 2020, 2021, 2022**).

Trường lập báo cáo tài chính định kỳ quý, năm theo quy định tại Thông tư 107/2017/TT-BTC ngày 10/10/2017 của Bộ Tài chính (**7.1.08- BCTC theo TT 107 2020, 2021, 2022**). Ngoài ra, trường được Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam hướng dẫn lập bộ Báo cáo tài chính (**7.3.01- Hướng dẫn lập BCTC 2020, 2021,2022**) theo Thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 để Tập đoàn có cơ sở lập báo cáo tài chính hợp nhất toàn Tập đoàn(**7.1.08-BCTC theo TT 200 năm 2020, 2021, 2022; Bộ báo cáo tài chính năm 2020, 2021, 2022**).

Hàng năm, nhà trường đều có chênh lệch thu chi, thực hiện trích lập quỹ theo hướng dẫn của Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam (**7.3.02- Hướng dẫn trích lập quỹ 2020,2021,2022**) và theo kết quả xếp loại doanh nghiệp cuối năm (**7.2.05- Xếp loại doanh nghiệp 2020,2021**).

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 3 tiêu chí 7: 01 điểm

Tiêu chuẩn 4: Thực hiện việc quản lý, sử dụng và thanh quyết toán đúng quy định.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Các chứng từ kế toán được thực hiện theo quy định tại Thông tư số 185/2010/TT-BTC ngày 15/11/2010 của Bộ Tài chính. Nhà trường thực hiện đầy đủ quy định về chế độ kế toán theo thông tư 107/2017/TT-BTC ngày 10/10/2017 của Bộ Tài chính, có đầy đủ hệ thống hồ sơ, sổ sách về quản lý tài chính (**7.1.06- BCTC theo TT 107 2020, 2021, 2022; 7.1.07-BCTC theo TT 200 năm 2020, 2021, 2022; Bộ báo cáo tài chính năm 2020, 2021, 2022**) .

Nhà trường lập báo cáo tài chính định kỳ quý, năm theo quy định tại Thông tư 107/2017/TT-BTC ngày 10/10/2017 của Bộ Tài chính (**7.1.06- BCTC theo TT 107 2020, 2021, 2022**). Ngoài ra, trường được Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam hướng dẫn lập bộ báo cáo tài chính (**7.3.01- Hướng dẫn lập Báo cáo tài chính năm**

2020) theo Thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 đề Tập đoàn có cơ sở lập báo cáo tài chính hợp nhất toàn Tập đoàn (7.1.07-BCTC theo TT 200 năm 2020, 2021, 2022; Báo cáo tài chính năm 2020, 2021, 2022).

Hàng năm, trường được Ban Tài chính – Kế toán Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam kiểm tra báo cáo tài chính của đơn vị, ban hành Bảng xác định số liệu Báo cáo tài chính (7.2.02- Bảng xác định số liệu Báo cáo tài chính năm 2020, 2021, 2022). Căn cứ Bảng xác định số liệu và Báo cáo tài chính sau điều chỉnh, Tập đoàn ban hành Quyết định thông qua Báo cáo tài chính của trường (7.2.04 - Quyết định về việc thông qua Báo cáo tài chính năm 2020, 2021, 2022) và thông báo kết quả xếp loại doanh nghiệp (7.2.05- Thông báo chỉ tiêu xếp loại doanh nghiệp năm 2020, 2021, 2022).

Nhà trường thực hiện kiểm toán độc lập theo Luật số 67/2011/QH12 ngày 29/3/2011 – Luật kiểm toán độc lập và Nghị định số 17/2012/NĐ-CP ngày 13/02/2012 hướng dẫn Luật Kiểm toán độc lập. Hàng năm, Trường đã thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính và có kết quả báo cáo kiểm toán năm 2020, 2021, 2022 (7.2.03- Báo cáo kiểm toán năm 2020, 2021, 2022).

Ngoài việc được cơ quan chủ quản là Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam kiểm tra báo cáo tài chính hàng năm, nhà trường còn được Cục thuế tỉnh Bình Phước kiểm tra tình hình thực hiện nghĩa vụ thuế. Qua kiểm tra giúp cho hoạt động tài chính của trường đảm bảo tuân thủ đúng pháp luật và các quy định của cơ quan tài chính (7.4.01- Biên bản kiểm tra thuế).

Hàng năm Trường đã làm tờ trình đề nghị Cục thuế tỉnh Bình Phước vào kiểm tra thuế hàng năm (7.4.02- Tờ trình kiểm tra nghĩa vụ thuế năm 2020), tuy nhiên do tình hình dịch bệnh Covid kéo dài nên Cục thuế chưa kiểm tra thuế của nhà Trường giai đoạn từ 01/04/2018 đến nay và Cục thuế đã ban hành công văn trả lời đề nghị kiểm tra quyết toán thuế của Trường (7.4.03 – Công văn trả lời đề nghị kiểm tra thuế tại trụ sở người nộp thuế năm 2021).

Nhà trường tự đánh giá đạt yêu cầu của tiêu chuẩn

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 4 tiêu chí 7: 01 điểm

Tiêu chuẩn 5: Thực hiện công tác tự kiểm tra tài chính kế toán; thực hiện kiểm toán theo quy định; xử lý, khắc phục kịp thời các vấn đề còn vướng mắc trong việc thực hiện các quy định về quản lý và sử dụng tài chính khi có kết luận của các cơ quan có thẩm quyền; thực hiện công khai tài chính theo quy định

Mô tả, phân tích, nhận định:

Nhà trường thực hiện công tác tự kiểm tra tài chính theo quy định của nhà nước theo Quyết định số 67/2004/QĐ-BTC ngày 13/8/2004 Về việc ban hành Quy chế về tự kiểm tra tài chính, kế toán tại các cơ quan, đơn vị có sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước.

Tại ngày 31/12 hàng năm, phòng Tài chính – Kế toán của trường thực hiện kiểm tra quỹ tiền mặt của trường, đối chiếu giữa quỹ tiền mặt và sổ sách kế toán. Từ năm 2021, trường xây dựng kế hoạch tự kiểm tra tài chính kế toán đối với phòng tài chính – kế toán của trường (**7.5.01- Kế hoạch tự kiểm tra tài chính năm 2020, 2021, 2022**).

Sau khi kiểm tra, phòng Tài chính – Kế toán lập biên bản kiểm tra quỹ tiền mặt và báo cáo lãnh đạo về kết quả kiểm tra quỹ tiền mặt của đơn vị (**7.5.02- Biên bản kiểm tra quỹ tiền mặt năm 2020, 2021, 2022**). Ban tự kiểm tra lập báo cáo tự kiểm tra tài chính của trường sau khi thực hiện công tác tự kiểm tra (**7.5.03- Báo cáo tự kiểm tra tài chính năm 2020, 2021, 2022**).

Nhà trường thực hiện kiểm toán độc lập theo Luật số 67/2011/QH12 ngày 29/3/2021 – Luật kiểm toán độc lập và Nghị định số 17/2012/NĐ-CP ngày 13/02/2012 hướng dẫn Luật Kiểm toán độc lập. Hàng năm, Trường đã thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính và có kết quả báo cáo kiểm toán năm 2020, 2021, 2022 (**7.2.03- Báo cáo kiểm toán năm 2020, 2021, 2022**).

Kết quả kiểm tra của Cục thuế tỉnh Bình Phước về tình hình thực hiện nghĩa vụ đối với Nhà nước của trường về cơ bản đều tốt (**7.4.01- Biên bản kiểm tra thuế**).

Hàng năm Trường đã làm tờ trình đề nghị Cục thuế tỉnh Bình Phước vào kiểm tra thuế hàng năm (**7.4.02- Tờ trình kiểm tra nghĩa vụ thuế năm 2020**), tuy nhiên do tình hình dịch bệnh Covid kéo dài nên Cục thuế chưa kiểm tra thuế của nhà Trường giai đoạn từ 01/04/2018 đến nay và Cục thuế đã ban hành công văn trả lời đề nghị kiểm tra quyết toán thuế của Trường (**7.4.03 – Công văn trả lời đề nghị kiểm tra thuế tại trụ sở người nộp thuế năm 2021**).

Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam kiểm tra báo cáo tài chính của trường, ban hành Bảng xác định số liệu (**7.2.02- Bảng xác định số liệu Báo cáo tài chính năm 2020, 2021, 2022**), Quyết định thông qua Báo cáo tài chính của trường (**7.2.04 - Quyết định về việc thông qua Báo cáo tài chính năm 2020, 2021, 2022**) và thông báo kết quả xếp loại doanh nghiệp (**7.2.05- Thông báo chỉ tiêu xếp loại doanh nghiệp năm 2020,**

2021, 2022).

Định kỳ (quý, năm), bộ phận kế toán cung cấp số liệu để lãnh đạo trường báo cáo tình hình thực hiện trước hội nghị sơ kết hoạt động (7.1.07- BCTC theo TT 200 năm 2020, 2021, 2022; Bộ báo cáo tài chính năm 2020, 2021, 2022)

Thực hiện thủ tục thanh quyết toán đúng quy định về chế độ kế toán, thực hiện đầy đủ hệ thống báo cáo tài chính, báo cáo quyết toán, hệ thống chứng từ, sổ sách kế toán đầy đủ và lưu trữ đúng quy định hiện hành.

Kết quả hoạt động tài chính được công khai dưới hình thức báo cáo bằng văn bản tại hội nghị CNVC-LĐ (7.1.14- Báo cáo Kết quả tài chính Hội nghị CNVC 2020, 2021, 2022).

Các văn bản hướng dẫn về công tác tài chính được công khai trên trang web của trường (<http://ric.edu.vn/3cmsnew-portlet/upload/caosu/File/Noi-bo/2016qd377sv.pdf>; <http://ric.edu.vn/3cmsnew-portlet/upload/caosu/File/Noi-bo/2020th108sv.pdf>; <http://ric.edu.vn/3cmsnew-portlet/upload/caosu/File/Noi-bo/2023qd32sv.pdf>; <http://ric.edu.vn/3cmsnew-portlet/upload/caosu/File/Noi-bo/thongbaosv.pdf>).

Nhà trường tự đánh giá đạt yêu cầu của tiêu chuẩn

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 5 tiêu chí 7: 01 điểm

Tiêu chuẩn 6: Hằng năm, trường có đánh giá hiệu quả sử dụng nguồn tài chính của trường; có các biện pháp nâng cao hiệu quả quản lý và sử dụng tài chính nhằm nâng cao chất lượng các hoạt động của trường

Mô tả, phân tích, nhận định:

Từ năm 2018, nhà trường có báo cáo giám sát tài chính và đánh giá hiệu quả hoạt động của đơn vị. Qua báo cáo cho thấy, nhà trường bảo toàn và phát triển được vốn do Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam giao cho trường (7.6.01- Báo cáo giám sát tài chính và đánh giá kết quả hoạt động năm 2020, 2021, 2022).

Để nâng cao hiệu quả quản lý và sử dụng nguồn tài chính, hằng năm phòng Tài chính – Kế toán đều có báo cáo về việc sử dụng nguồn tài chính. Trong báo cáo có nêu rõ tình hình sử dụng nguồn tài chính của các đơn vị, cũng như các biện pháp để nâng cao hiệu quả quản lý tài chính (7.6.02- Báo cáo về việc sử dụng các nguồn tài chính 2020,2021,2022).

Hằng năm, Phòng tài chính – Kế toán đã lập phiếu góp ý để khảo sát mức độ hài lòng của cán bộ quản lý về công tác tài chính và thực hiện xin ý kiến đối với một số

cán bộ quản lý trong trường (7.6.03- *Phiếu góp ý về hoạt động tài chính của cán bộ quản lý*). Qua khảo sát cho thấy, hầu hết cán bộ quản lý đều hài lòng về hoạt động quản lý tài chính của trường.

Nhà trường tự đánh giá đạt yêu cầu của tiêu chuẩn

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 6 tiêu chí 7: 01 điểm

3.2.8. Tiêu chí 8 - Dịch vụ người học

Đánh giá tổng quát tiêu chí 8:

Công tác quản lý, giáo dục HSSV do Phòng Công tác Sinh viên phụ trách, được nhà trường hết sức coi trọng và được thực hiện đồng bộ từ các bộ phận chức năng; thường xuyên kiểm tra, nhắc nhở và xử lý kịp thời các vi phạm nếu có

Nhà trường luôn quan tâm đảm bảo tốt nhất các điều kiện phục vụ học tập, hoạt động phong trào văn hóa văn nghệ, thể dục thể thao nhằm tạo sân chơi lành mạnh để HSSV học tập và rèn luyện, đồng thời xây dựng môi trường thân thiện, tích cực nhưng kỷ cương nề nếp.

Ngay từ đầu khóa học và đầu mỗi năm học, trường đã tổ chức “Sinh hoạt chính trị đầu khóa- HSSV”. Phòng Đào tạo phổ biến về chương trình đào tạo, kế hoạch đào tạo, mục tiêu đào tạo, các yêu cầu về chuyên môn của từng ngành nghề; phổ biến quy chế thi, kiểm tra đánh giá, điều kiện xét tốt nghiệp cho HSSV; Phòng Công tác sinh viên truyền đạt nội dung các nội quy, quy chế của nhà trường; Phòng Tổ chức - Hành chính hướng dẫn thực hiện nội quy ra vào cơ quan, một số quy định của nhà trường,... Tất cả những nội quy, qui chế đều được phổ biến tới người học.

Việc cung cấp cho người học các thông tin cần thiết về nghề nghiệp, nhu cầu của thị trường lao động; tư vấn học nghề, giới thiệu việc làm cho HSSV sau khi tốt nghiệp được Bộ phận tuyển sinh, trực thuộc Phòng Đào tạo và Phòng Công tác sinh viên thực hiện thường xuyên và có hiệu quả.

Tại các buổi sinh hoạt lớp thứ 2 hàng tháng, người học còn được cung cấp thêm những thông tin về các hoạt động của nhà trường thông qua giáo viên chủ nhiệm lớp. Ngoài ra HSSV còn được tư vấn đầy đủ tại Phòng Công tác sinh viên, Phòng Đào tạo nếu có nhu cầu.

** Những điểm mạnh:*

Nhà trường cung cấp đầy đủ thông tin cần thiết cho người học về mục tiêu, chương trình đào tạo, các yêu cầu về chuyên môn cần đạt được của khóa học; người

học được phổ biến đầy đủ về quy chế thi và kiểm tra, đánh giá, điều kiện xét tốt nghiệp và các nội quy, quy định của nhà trường.

Thường xuyên tổ chức các hoạt động văn hoá văn nghệ, thể dục thể thao ngoài giờ; đảm bảo an ninh trật tự trong trường học; có dịch vụ y tế chăm sóc và bảo vệ sức khoẻ;

Nhà trường cập nhật thông tin thị trường lao động, giới thiệu việc làm cho người học và tổ chức các cuộc tiếp xúc giữa người học và nhà tuyển dụng, đáp ứng được yêu cầu việc làm phù hợp với ngành nghề đào tạo của người học.

** Những tồn tại:*

Việc tổ chức công tác tư vấn hướng nghiệp và giới thiệu việc làm cho người học hiện vẫn chưa kịp thời. Năm học 2021-2022 do tình hình dịch Covid- 19 kéo dài chưa tổ chức được Hội nghị việc làm trong năm tại trường.

Các dịch vụ như chăm sóc sức khoẻ, khu vui chơi giải trí cho sinh viên tuy được đầu tư nhưng chưa đáp ứng theo yêu cầu.

** Kế hoạch nâng cao chất lượng:*

Tiếp tục thực hiện đa dạng hơn nữa các hình thức thông tin đến HSSV và đầu tư hơn nữa trong các hoạt động thể dục thể thao, văn hóa văn nghệ trong HSSV.

Tiếp tục tìm kiếm các đối tác và ký kết các hợp đồng cung ứng lao động qua đó giúp các em HSSV sau khi tốt nghiệp ra trường có nhiều lựa chọn hơn trong việc tìm kiếm việc làm phù hợp.

Tổ chức hội nghị việc làm thường xuyên, tăng cường các hoạt động giáo dục kỹ năng mềm cho HSSV.

Điểm đánh giá tiêu chí 8

Tiêu chí, tiêu chuẩn	Điểm tự đánh giá
Tiêu chí 8	8
Tiêu chuẩn 1	1
Tiêu chuẩn 2	1
Tiêu chuẩn 3	1
Tiêu chuẩn 4	1
Tiêu chuẩn 5	1
Tiêu chuẩn 6	1

Tiêu chí, tiêu chuẩn	Điểm tự đánh giá
Tiêu chuẩn 7	1
Tiêu chuẩn 8	0
Tiêu chuẩn 9	1

Tiêu chuẩn 1: *Người học được cung cấp đầy đủ thông tin về mục tiêu, chương trình đào tạo; quy chế kiểm tra, thi và xét công nhận tốt nghiệp; nội quy, quy chế của trường; các chế độ, chính sách hiện hành đối với người học; các điều kiện đảm bảo chất lượng dạy và học theo quy định.*

Mô tả, phân tích, nhận định:

Hàng năm Nhà trường luôn chủ động triển khai công tác tuyển sinh như lập kế hoạch, thông báo tuyển sinh, thành lập đoàn công tác tuyển sinh đến các doanh nghiệp, các địa phương, phường, xã, các trường THPT, THCS... để cung cấp cho người học thông tin về ngành, nghề, mục tiêu, chương trình đào tạo (2.3.03- Kế hoạch số 15/KH-CĐCS năm 2021; số 25/KH-CĐCS năm 2022; số 21/KH-CĐCS năm 2023 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Công nghiệp Cao su về việc thực hiện công tác tuyển sinh dài hạn năm 2021, 2022, 2023; 2.3.04- Thông báo tuyển sinh năm 2021, 2022, 2023; 8.1.01- Thông báo số 393/TB-CĐCS năm 2021; Kế hoạch số 422/KH-CĐCS ngày 10/8/2022 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Công nghiệp Cao su về việc tổ chức nhập học cho HSSV hệ chính quy năm 2021, 2022.)

Ngay sau khi HSSV nhập học, Nhà trường tổ chức tuần sinh hoạt chính trị đầu khóa, chào cờ hàng tháng, sinh hoạt lớp/đoàn, HSSV thường xuyên được phổ biến đầy đủ đầy đủ về Luật Giáo dục nghề nghiệp, các quy định pháp luật liên quan đến HSSV, công tác Đoàn thanh niên, công tác nữ công, quy chế đào tạo, quy chế thi và kiểm tra đánh giá, điều kiện xét tốt nghiệp, quy chế công tác HSSV, HSSV nội trú, ngoại trú, quy định học phí, quy định học bổng, các quyền lợi, nghĩa vụ và các chế độ, chính sách hiện hành đối với người học. Qua đó, người học nắm được nội quy, quy định của trường, chính sách của Nhà nước một một cách thường xuyên và đầy đủ. (8.1.02- Kế hoạch số 394/KH-CĐCS năm 2021; số 430/KH-CĐCS năm 2022; số 447/KH-CĐCS năm 2023 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Công nghiệp Cao su về việc tổ chức sinh hoạt chính trị đầu khóa năm học 2021 – 2022, 2022 – 2023, 2023-2024; 1.1.02 - Quyết định số 387/QĐ-CĐCS ngày 21/10/2021 ban hành Quy chế tổ chức hoạt động Trường CĐ Công nghiệp Cao su; Quyết định số 200/QĐ-CĐCS ngày 15/5/2023 ban

hành Quy chế tổ chức hoạt động Trường CĐ Công nghiệp Cao su; 2.1.02-Quyết định số 451B/QĐ-CĐCS năm 2020; Quyết định số 592/QĐ-CĐCS năm 2022 của Hiệu trưởng về việc ban hành chương trình đào tạo các ngành trình độ Trung cấp ; Quyết định số 606/QĐ-CĐCS ngày 20/12/2022 của Hiệu trưởng về việc ban hành chương trình đào tạo các ngành trình độ Cao đẳng; 8.1.03- Quyết định số 460/QĐ-CĐCS ngày 13/12/2021 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Công nghiệp Cao su về việc ban hành quy chế công tác học sinh, sinh viên; 2.4.01 - Quyết định số 432/QĐ-CĐCS ngày 6/9/2021 của Hiệu trưởng nhà trường về Ban hành quy chế Đào tạo trực tuyến; Quyết định số 411/QĐ-CĐCS ngày 29/8/2022; QĐ 113/QĐ-CĐCS ngày 27/3/2023 của Hiệu trưởng nhà trường về Ban hành quy chế tổ chức đào tạo trình độ Trung cấp, trình độ Cao đẳng tại Trường Cao đẳng Công nghiệp Cao su; 2.12.02 - Quyết định số 103/QĐ-CĐCS ngày 22 tháng 3 năm 2023 về việc ban hành Quy chế tổ chức thi kết thúc môn học, mô đun các lớp trình độ Trung cấp, trình độ Cao đẳng tại Trường CĐ Công nghiệp Cao su)

Hàng năm, Phòng CTSV thống kê các chính sách về học bổng khuyến khích, chính sách miễn giảm học phí các chính sách khác hỗ trợ cho HSSV trong quá trình học tập phổ biến cho HSSV trong tuần học sinh hoạt chính đầu khóa, sinh hoạt dưới cờ 1 tháng một lần và các buổi sinh hoạt lớp (**8.1.04- Quyết định số 461/QĐ-CĐCS ngày 13/12/2021 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Công nghiệp Cao su về việc ban hành quy định xét, cấp học bổng cho học sinh, sinh viên; 8.1.05- Hướng dẫn số 446/HD-CĐCS ngày 26/8/2022 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Công nghiệp Cao su về việc hướng dẫn hồ sơ, thủ tục thực hiện chính sách miễn giảm học phí theo Nghị định 81/NĐ-CP của Chính phủ**)

Hàng năm, Phòng CTSV đều có Báo cáo kết quả thực hiện công tác nhập học cho Ban Giám hiệu, trong đó đánh giá cụ thể kết quả đạt được cũng như những hạn chế, tồn tại trong công tác nhập học hàng năm để rút kinh nghiệm cho công tác nhập học của các năm sau (**8.1.06 – Báo cáo kết quả thực hiện công tác nhập học của HSSV năm học 2002-2021, 2021-2022, 2022-2023**)

Trong các buổi sinh hoạt chính trị đầu khóa, Phòng CTSV cũng tiến hành khảo sát HSSV về công tác nhập học. Qua tổng hợp, báo cáo HSSV đánh giá công tác nhập học hài lòng trên 90% (**1.7.10– Phiếu khảo sát HSSV về công tác nhập học của trường Cao đẳng Công nghiệp Cao su năm học 2002-2021, 2021-2022, 2022-2023; 8.1.7 –**

Báo cáo kết quả khảo sát HSSV về công tác nhập học năm học 2002-2021, 2021-2022, 2022-2023)

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 1 tiêu chí 8: 1 điểm

Tiêu chuẩn 8.2: Người học được hưởng các chế độ, chính sách theo quy định.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Hàng năm, vào tuần sinh hoạt chính trị đầu khóa, nhà trường đều tổ chức triển khai cho HSSV về các chế độ chính sách miễn, giảm học phí theo Nghị định số 86/2015/NĐ-CP ngày 02/10/2015 của Chính phủ; chế độ vay vốn hỗ trợ chi phí học tập dành cho HSSV; tạm hoãn nghĩa vụ quân sự; học bổng khuyến khích học tập; trợ cấp dành cho Ban cán sự, Ban chấp hành chi đoàn các lớp (8.1.04- Quyết định số 461/QĐ-CĐCS ngày 13/12/2021 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Công nghiệp Cao su về việc ban hành quy định xét, cấp học bổng cho học sinh, sinh viên.; 8.1.05- Hướng dẫn số 446/HD-CĐCS ngày 26/8/2022 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Công nghiệp Cao su về việc hướng dẫn hồ sơ, thủ tục thực hiện chính sách miễn giảm học phí theo Nghị định 81/NĐ-CP của Chính phủ)

Nhà trường luôn thực hiện chế độ, chính sách cho HSSV đảm bảo chính xác, kịp thời và đúng đối tượng. Thực hiện công bằng, công khai và dân chủ trong việc giải quyết chế độ, chính sách đối với HSSV.

Hàng năm nhà trường đều có thông báo về việc xét học bổng cho HSSV vượt khó học tốt (8.2.01- Danh sách HSSV nhận học bổng năm học 2020-2021; 2021-2022; 2022-2023; 8.2.02- Thông báo việc xét tặng HBKH năm 2021, 2022, 2023; 8.2.03- Quyết định số 320/QĐ-CĐCS ngày 26/08/2021 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Công nghiệp Cao su về việc chi hỗ trợ học sinh nghèo vượt khó, học giỏi; 8.2.04 - Quyết định số 331, 134, 425, 549/QĐ-CĐCS năm 2021, 2022 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Công nghiệp Cao su về việc tặng học bổng năm học 2020-2021; 2021-2022; 2022 - 2023)

Trường luôn cập nhật những văn bản mới nhất về miễn giảm học phí cho HSSV của Bộ LĐ-TB&XH đồng thời triển khai và hướng dẫn người học hoàn tất các thủ tục để được chi trả đúng theo quy định. (8.2.05- Thông báo về việc phối hợp chi trả tiền cấp bù học phí năm học 2022 – 2023; 2023 - 2024)

Trong năm học 2022 nhà trường thông báo cho học sinh, phụ huynh về việc cấp bù học phí theo quy định, Phòng CTSV tổng hợp, lập danh sách phối hợp phòng

TCKT để chi trả, cấp bù học phí cho HS (8.2.06 - Danh sách HSSV nhận miễn giảm học phí năm học 2020-2021; 2021-2022; 2022-2023)

Cuối năm học Phòng CTSV có báo cáo về tình hình thực hiện các chế độ chính sách hỗ trợ HSSV, đảm bảo quyền lợi của các em được thực hiện đầy đủ (1.4.06 - Báo cáo số: 56/BC-CĐCS ngày 25/01/2021 báo cáo tổng kết hoạt động năm 2020 và phương hướng, nhiệm vụ năm 2021; Báo cáo số: 13/BC-CĐCS ngày 10/01/2022 báo cáo tổng kết hoạt động năm 2021 và phương hướng, nhiệm vụ năm 2022; Báo cáo số: 91/BC-CĐCS ngày 03/3/2023 báo cáo tổng kết hoạt động năm 2022 và phương hướng, nhiệm vụ năm 2023)

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 2 tiêu chí 8: 1 điểm

Tiêu chuẩn 8.3: Có chính sách và thực hiện chính sách khen thưởng, khuyến khích kịp thời đối với người học đạt kết quả cao trong học tập, rèn luyện. Người học được hỗ trợ kịp thời trong quá trình học tập tại trường để hoàn thành nhiệm vụ học tập.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Hàng năm, ngay từ tuần “Sinh hoạt chính trị đầu khóa- HSSV” đầu năm học, nhà trường đều tổ chức triển khai cho HSSV về các chế độ chính sách miễn, giảm học phí theo Nghị định số 86/2015/NĐ- CP ngày 02/10/2015 của Chính phủ; chế độ vay vốn hỗ trợ chi phí học tập dành cho HSSV; tạm hoãn nghĩa vụ quân sự; học bổng khuyến khích học tập; trợ cấp dành cho Ban cán sự, Ban chấp hành chi đoàn các lớp (1.3.02- Quyết định số 87/QĐ-CĐCS năm 2021; số 132/QĐ-CĐCS năm 2022; số 207/QĐ-CĐCS năm 2023 ban hành Quy chế chi tiêu nội bộ)

Trường có Phòng Công tác sinh viên có chức năng tham mưu cho Hiệu trưởng về công tác quản lý người học; thực hiện các dịch vụ phục vụ và hỗ trợ người học, công tác chính trị tư tưởng đối với người học (1.1.02 -Quyết định số 387/QĐ-CĐCS ngày 21/10/2021 ban hành Quy chế tổ chức hoạt động Trường CĐ Công nghiệp Cao su; Quyết định số 200/QĐ-CĐCS ngày 15/5/2023 ban hành Quy chế tổ chức hoạt động Trường CĐ Công nghiệp Cao su; 8.1.03- Quyết định số 460/QĐ-CĐCS ngày 13/12/2021 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Công nghiệp Cao su về việc ban hành quy chế công tác học sinh, sinh viên)

Hàng năm nhà trường đều ban hành Quy định xét, cấp học bổng cho HSSV trường CĐ CN Cao su, căn cứ quy định PCTSV có thông báo về việc xét học bổng cho

HSSV vượt khó học tốt năm học 2022 – 20203; Việc họp xét học bổng được thực hiện qua từng bước ở lớp, khoa, và Hội đồng Khen thưởng – Kỷ luật nhà trường. **(8.1.04- Quyết định số 461/QĐ-CĐCS ngày 13/12/2021 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Công nghiệp Cao su về việc ban hành quy định xét, cấp học bổng cho học sinh, sinh viên; 8.2.01- Danh sách HSSV nhận học bổng năm học 2020-2021; 2021-2022; 2022-2023; 8.2.02- Thông báo việc xét tặng HBKH năm 2021, 2022, 2023)**

Căn cứ vào kết quả họp xét của hội đồng khen thưởng thì nhà trường ban hành Quyết định tặng học Khuyến học cho hssv năm học. **(8.2.03- Quyết định số 320/QĐ-CĐCS ngày 26/08/2021 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Công nghiệp Cao su về việc chi hỗ trợ học sinh nghèo vượt khó, học giỏi; 8.2.04- Quyết định số 331, 134, 425, 549/QĐ-CĐCS năm 2021, 2022 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Công nghiệp Cao su về việc tặng học bổng năm học 2020-2021; 2021- 2022; 2022 - 2023)**

Hằng năm, Nhà trường chỉ đạo Phòng chức năng và các khoa chuyên môn tiến hành khảo sát ý kiến của người học, người học tốt nghiệp đã đi làm về việc thực hiện chính sách khen thưởng, khuyến khích kịp thời cho người học. **(8.3.01 – Báo cáo tổng hợp kết quả khảo sát HSSV về việc thực hiện chính sách khen thưởng, khuyến khích kịp thời cho người học năm 2021, 2022, 2023)**

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 3 tiêu chí 8: 1 điểm

Tiêu chuẩn 4: Người học được tôn trọng và đối xử bình đẳng, không phân biệt giới tính, tôn giáo, nguồn gốc xuất thân.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Phòng Công tác học sinh, sinh viên được giao nhiệm vụ là phục vụ công tác HSSV, bên cạnh đó còn có nhiệm vụ về tuyên truyền, giáo dục, nắm bắt tư tưởng HSSV. Với phương châm chỉ đạo của lãnh đạo trường, thì HSSV là trung tâm của mọi hoạt động. Do đó HSSV theo học tại trường luôn được tôn trọng và đối xử bình đẳng, không phân biệt giới tính, tôn giáo, nguồn gốc xuất thân **(2.3.03 - Kế hoạch số 15/KH-CĐCS năm 2021; số 25/KH-CĐCS năm 2022; số 21/KH-CĐCS năm 2023 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Công nghiệp Cao su về việc thực hiện công tác tuyển sinh dài hạn năm 2021, 2022, 2023; 2.3.04 – Thông báo tuyển sinh năm 2021, 2022, 2023; 8.1.03- Quyết định số 460/QĐ-CĐCS ngày 13/12/2021 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Công nghiệp Cao su về việc ban hành quy chế công tác học sinh, sinh viên)**

Khu ký túc xá hiện tại có 02 khu, bố trí khu riêng biệt dành cho nam và nữ, tính đến tháng 09 năm 2023 với các nội quy, quy định đều không phân biệt giới tính, tôn giáo, nguồn gốc xuất thân đối với các sinh viên (**8.4.01** - Quyết định số 73/QĐ-CĐCS ngày 16 tháng 3 năm 2022 về việc ban hành Quy chế công tác học sinh sinh viên nội trú; Quyết định số 74/QĐ-CĐCS ngày 16 tháng 3 năm 2022 về việc ban hành Quy chế công tác học sinh sinh viên ngoại trú; **8.4.02**- Nội quy ký túc xá)

Ngoài ra, khi xét các chế độ khen thưởng, khuyến khích học tập, các hoạt động phong trào, các chế độ chính sách ...Nhà trường cũng không phân biệt giới tính, tôn giáo, nguồn gốc xuất thân (**8.1.04**- Quyết định số 461/QĐ-CĐCS ngày 13/12/2021 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Công nghiệp Cao su về việc ban hành quy định xét, cấp học bổng cho học sinh, sinh viên; **8.2.01** - Danh sách HSSV nhận học bổng năm học 2020-2021; 2021-2022; 2022-2023; **8.2.03**- Quyết định số 320/QĐ-CĐCS ngày 26/8/2021 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Công nghiệp Cao su về việc tặng học bổng Khuyến học năm học 2020 – 2021; **8.2.04**- Quyết định số 331, 134, 425, 549/QĐ-CĐCS năm 2021, 2022 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Công nghiệp Cao su về việc tặng học bổng năm học 2020-2021; 2021- 2022; 2022 – 2023)

Mọi chế độ chính sách đối với HSSV đều được công khai, minh bạch, rõ ràng cho HSSV theo dõi trên bảng tin cũng như Website của trường. Nhà trường không phân biệt đối tượng, giới tính, tôn giáo, nguồn gốc xuất thân khi xét các chế độ chính sách đối với HSSV (**1.4.06** - Báo cáo số: 56/BC-CĐCS ngày 25/01/2021 báo cáo tổng kết hoạt động năm 2020 và phương hướng, nhiệm vụ năm 2021; Báo cáo số: 13/BC-CĐCS ngày 10/01/2022 báo cáo tổng kết hoạt động năm 2021 và phương hướng, nhiệm vụ năm 2022; Báo cáo số: 91/BC-CĐCS ngày 03/3/2023 báo cáo tổng kết hoạt động năm 2022 và phương hướng, nhiệm vụ năm 2023)

Hằng năm, Nhà trường chỉ đạo Phòng chức năng và các khoa chuyên môn tiến hành khảo sát ý kiến của người học về việc được tôn trọng và đối xử bình đẳng, không phân biệt giới tính, tôn giáo, nguồn gốc xuất thân (**8.3.01** –Báo cáo kết quả khảo sát HSSV về việc người học được tôn trọng và đối xử bình đẳng, không phân biệt giới tính, tôn giáo, nguồn gốc xuất thân)

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 4 tiêu chí 8: 1 điểm

Tiêu chuẩn 5: Ký túc xá đảm bảo đủ diện tích nhà ở và các điều kiện tối thiểu (chỗ ở, điện, nước, vệ sinh, các tiện nghi khác) cho sinh hoạt và học tập của người học.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Ký túc xá của Trường hiện nay gồm 02 dãy nhà B và C với tổng số 84 phòng ở, sức chứa tối đa là 504 chỗ (trong đó diện tích phòng lớn nhất là 15m², diện tích nhỏ nhất là 12m² bố trí tối đa 06 em và tối thiểu 01 em/ phòng). Dãy nhà B có 2 tầng xây dựng năm 1997 với 20 phòng, diện tích mỗi phòng là 12m², dãy nhà C có 4 tầng xây dựng năm 2007 với 64 phòng diện tích mỗi phòng là 15m². Ký túc xá có khuôn viên và được tách biệt với khu học tập, có cổng và tường rào xung quanh (8.5.01– Hồ sơ thiết kế/xây dựng Ký túc xá; 8.5.02 - Bản thiết kế KTX)

KTX nằm trong khuôn viên của trường thuận tiện cho sinh hoạt và học tập; có cây xanh, ghế đá, sân cầu lông, bóng chuyền, bàn bóng bàn phục vụ cho HSSV sau giờ học. Nhà trường còn trang bị thêm ti vi và các phương tiện thể thao tại sân ký túc xá. 06 HSSV được bố trí trên 1 phòng, mỗi phòng có phòng tắm và phòng vệ sinh riêng biệt, diện tích của mỗi phòng đảm bảo đúng theo quy định và có thông gió tự nhiên vào phòng. Hệ thống điện, nước bảo đảm cung cấp 24/24. (8.5.03 – Bản kiểm kê tài sản Ký túc xá năm 2021, 2022, 2023)

Nhà trường có quy chế quản lý ký túc xá, quy định rõ chế độ sinh hoạt, sử dụng trang thiết bị, kinh phí đóng góp... (8.4.02- Nội quy ký túc xá). HSSV ở KTX đều có danh sách cụ thể để thuận tiện cho việc theo dõi, quản lý (8.5.04- Danh sách HSSV ở nội trú năm 2021, 2022, 2023).

Ban quản lý ký túc xá là một tập thể cán bộ, nhân viên có kinh nghiệm, luôn giải quyết kịp thời các vấn đề sinh hoạt tại ký túc xá, nên không có những tệ nạn, mất an ninh trật tự, giúp các em an tâm học tập. Hàng năm ban quản lý ký túc xá đều có báo cáo đánh giá ký túc xá đảm bảo đủ điều kiện tối thiểu cho sinh hoạt và học tập của người học (8.5.05 - Báo cáo hoạt động KTX năm 2020, 2021, 2022).

Mỗi năm nhà trường thường xuyên phát phiếu khảo sát cho các em HSSV ở ký túc xá để thăm dò mức độ hài lòng và đóng góp ý kiến để nâng cao chất lượng phục vụ cho người học (8.3.01- Báo cáo kết quả khảo sát và báo cáo khảo sát của người học về đảm bảo đủ diện tích nhà ở và các điều kiện tối thiểu cho sinh hoạt và học tập của người học)

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 5 tiêu chí 8: 1 điểm

Tiêu chuẩn 6: Có dịch vụ y tế chăm sóc và bảo vệ sức khỏe; dịch vụ ăn uống của trường đáp ứng nhu cầu của người học và đảm bảo an toàn vệ sinh thực phẩm.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Nhà trường đảm bảo mọi điều kiện chăm sóc y tế cho HSSV ngay từ đầu năm học. Hiện nay, nhà trường có phòng y tế riêng biệt, được biên chế 01 nhân viên y tế, có trình độ chuyên môn được đào tạo qua trường lớp, có nhiều năm kinh nghiệm và đạo đức nghề nghiệp. Phòng y tế có 02 giường để người bệnh nằm nghỉ, được trang bị đầy đủ các dụng cụ, thiết bị phục vụ cho hoạt động chăm sóc sức khỏe cho cán bộ, nhà giáo và học sinh, sinh viên (**1.1.02** - Quyết định số 387/QĐ-CĐCS ngày 21/10/2021 ban hành Quy chế tổ chức hoạt động Trường CĐ Công nghiệp Cao su; Quyết định số 200/QĐ-CĐCS ngày 15/5/2023 ban hành Quy chế tổ chức hoạt động Trường CĐ Công nghiệp Cao su; **8.6.01**- Bảng kê danh mục thuốc, dụng cụ và thiết bị vật tư y tế của phòng y tế).

Đầu mỗi năm học, Nhà trường khuyến khích, động viên HSSV mua bảo hiểm y tế và bảo hiểm thân thể để đảm bảo quyền lợi về chăm sóc y tế và sức khỏe cho HSSV (**8.6.02** – Danh sách HSSV tham gia BH y tế năm 2021, 2022, 2023)

Bên cạnh đó, Nhà trường có nhà ăn và căng tin đặt trong ký túc xá phục vụ nhu cầu sinh hoạt và học tập cho HSSV toàn trường. Đảm bảo tuyệt đối về an toàn vệ sinh thực phẩm, đảm bảo chất lượng từng bữa ăn, giá cả hợp lý, hàng năm được sở y tế cấp chứng nhận bảo đảm an toàn vệ sinh thực phẩm (**8.6.03** – Hợp đồng cho thuê căng tin Ký túc xá hàng năm; **8.6.04** - Giấy chứng nhận đủ điều kiện vệ sinh an toàn thực phẩm của Nhà ăn hoặc dịch vụ ăn uống),

Hàng năm, Nhà trường đều tiến hành lập kế hoạch kiểm tra vệ sinh an toàn thực phẩm tại Căn tin và có báo cáo đánh giá về dịch vụ ăn uống của căn tin Ký túc xá (**8.6.05** – Kế hoạch kiểm tra VSATTP năm 2021, 2022, 2023; **8.6.06** – Biên bản kiểm tra vệ sinh an toàn thực phẩm căng tin Ký túc xá; **8.6.07**- Báo cáo đánh giá của nhà trường về dịch vụ ăn uống của căng tin Ký túc xá),

Hàng năm, nhà trường đều tiến hành khảo sát lấy ý kiến của CBCNV và HSSV về các vấn đề liên quan đến dịch vụ y tế chăm sóc và bảo vệ sức khỏe; dịch vụ ăn uống, kết quả khảo sát đều được đánh giá từ mức độ tốt trở lên (**8.3.01** – Báo cáo kết quả

khảo sát về dịch vụ y tế chăm sóc và bảo vệ sức khoẻ; dịch vụ ăn uống của Trường đối với cán bộ quản lý, người học)

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 6 tiêu chí 8: 1 điểm

Tiêu chuẩn 7: Người học được tạo điều kiện hoạt động, tập luyện văn nghệ, thể dục thể thao, tham gia các hoạt động xã hội; được đảm bảo an toàn trong khuôn viên trường.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Nhà trường thường xuyên đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị nhằm phục vụ tốt nhu cầu dạy học và vui chơi giải trí cho HSSV. Tổng diện tích đất sử dụng của trường (tính bằng m²): 146.789 ha, trong đó diện tích nơi vui chơi giải trí: 20.580m² bao gồm 1 hội trường lớn, 1 sân thể thao đa năng (để tổ chức chơi bóng chuyền, cầu lông, bóng bàn ...), 4 sân cỏ bóng đá mini ngoài trời, 2 sân tennis, 1 sân bóng chuyền và 1 sân bóng đá xi măng trong sân KTX (8.7.01 – Bản vẽ mặt bằng quy hoạch tổng thể; 8.7.02 – Hồ sơ xây dựng, thiết kế mặt bằng khuôn viên trường; 5.2.02 – Hình ảnh thực tế chụp toàn bộ quang cảnh khuôn viên trường)

Hoạt động văn nghệ, thể thao và các hoạt động phong trào được nhà trường xác định là sân chơi chính, bổ ích và lành mạnh nhằm giúp HSSV rèn luyện năng khiếu và kỹ năng. Đây cũng là công cụ hiệu quả để tuyên truyền chính sách pháp luật và giáo dục chính trị tư tưởng cho HSSV. Hoạt động VHVN, TDTT và phong trào là hoạt động thế mạnh của nhà trường và được sự quan tâm rất lớn từ phía lãnh đạo. Thông qua các hoạt động VHVN, TDTT HSSV có điều kiện rèn luyện sức khỏe cả về thể chất lẫn tinh thần; qua đó, giúp cho HSSV học tập tốt, rèn luyện tốt. (8.7.03 - Kế hoạch hoạt động Đoàn thanh niên năm học 2020-2021, 2021-2022, 2022-2023; 8.7.04 – Kế hoạch tổ chức các giải thể thao, văn nghệ năm 2021, 2022, 2023; 8.7.05 – Thông báo về việc tham gia chương trình hiến máu nhân đạo tình nguyện; 8.7.06 – Báo cáo công tác Đoàn thanh niên năm học 2020-2021, 2021-2022, 2022-2023)

Nhà trường tăng cường phối hợp chặt chẽ với chính quyền, công an địa phương đảm bảo an ninh, trật tự trường học, phòng chống âm mưu kích động, lôi kéo HSSV tham gia vào các hoạt động vi phạm pháp luật ảnh hưởng đến an ninh quốc gia, trật tự an toàn xã hội. Thực hiện có hiệu quả công tác quản lý, tuyên truyền giáo dục và phối hợp ngăn chặn tình trạng đánh nhau ở trong và ngoài trường học, nhà trường bố trí đội ngũ bảo vệ túc trực 24/24 tại các cổng ra vào trường, gồm có 3 bảo vệ tại cổng chính,

2 bảo vệ tại cổng KTX trực tiếp quản lý và giải quyết các sự việc liên quan đến công tác an ninh trật tự trong khuôn viên nhà trường và KTX, ngoài ra nhà trường còn có 01 tiểu đội tự vệ sẵn sàng hỗ trợ công tác đảm bảo ANTT khi cần thiết (8.7.07 – Báo cáo tổng kết công tác ANCT, TTATXH, PCCC năm 2020, 2021, 2022).

Nhà trường đã chủ động xây dựng kế hoạch phối hợp cùng công an địa phương trong công tác đảm bảo an ninh trật tự (8.7.08- Quy chế phối hợp giữa nhà trường và công an địa phương trong công tác đảm bảo ANTT), vào đầu năm học tăng cường lực lượng công an địa phương vào hỗ trợ công tác đảm bảo an ninh trật tự trong trường, bên cạnh đó hàng tháng cũng duy trì và bố trí lực lượng công an tham gia công tác kiểm tra đảm bảo ANTT tại khuôn viên KTX.

Hàng năm nhà trường đều tiến hành công tác khảo sát ý kiến của người học, cựu học viên về người học được tạo điều kiện hoạt động, tập luyện văn nghệ, thể dục thể thao, tham gia các hoạt động xã hội; được đảm bảo an toàn trong khuôn viên trường, kết quả đánh giá của người học đều đạt từ mức độ hài lòng trở lên (8.3.01 – Báo cáo kết quả khảo sát về việc người học được tạo điều kiện hoạt động, tập luyện văn nghệ, thể dục thể thao, tham gia các hoạt động xã hội; được đảm bảo an toàn trong khuôn viên trường)

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 7 tiêu chí 8: 1 điểm

Tiêu chuẩn 8: Trường tư vấn việc làm cho người học sau khi tốt nghiệp

Mô tả, phân tích, nhận định:

Hàng năm, Phòng công tác sinh viên của Nhà trường đều lên kế hoạch tổ chức tư vấn - giới thiệu việc làm, phiên giao dịch việc làm cho HSSV mới tốt nghiệp. Đồng thời có mời các doanh nghiệp có nhu cầu tuyển dụng đến tham dự và tư vấn tuyển dụng tại chỗ trong các buổi lễ tốt nghiệp nhằm thu thập thông tin của doanh nghiệp và nhu cầu sử dụng lao động, để cung cấp cho người học (8.8.01 – Kế hoạch tổ chức ngày tư vấn, giới thiệu việc làm cho học sinh, sinh viên năm 2021, 2022, 2023; 8.8.02 – Danh sách HSSV tốt nghiệp năm học 2020-2021, 2021-2022, 2022-2023).

Để HSSV yên tâm trong việc học tập và tìm kiếm việc làm phù hợp với ngành nghề đào tạo sau khi tốt nghiệp nhà trường thường xuyên cung cấp các thông tin về nghề nghiệp, thị trường lao động và việc làm cho HSSV thông qua việc niêm yết các thông tin tuyển dụng của các doanh nghiệp xin tuyển dụng, đưa các thông tin nhu cầu lao động của doanh nghiệp về các khoa chuyên ngành để các khoa cùng thông tin đến

HSSV. Các thông tin này được cung cấp đến cho người học trên website của trường (**8.8.03**- *Thông báo tuyển dụng của các Công ty đăng trên website của nhà trường* (<http://ric.edu.vn/chi-tiet-tin/-/view-article/1/1344822372604/1423620299344>).

Hàng năm, Phòng CTSV đều có Báo cáo kết quả công tác tư vấn việc làm với Ban Giám hiệu, nêu rõ các nội dung đã làm được, một số tồn tại hạn chế và phương án khắc phục trong thời gian tới (**8.8.04** - *Báo cáo kết quả công tác tư vấn việc làm năm 2020, 2021, 2022*)

Để thực hiện tốt cho việc hỗ trợ việc làm cho HSSV đã tốt nghiệp ra trường, phòng CTVS thực hiện công tác lấy ý kiến của người học đã tốt nghiệp có việc làm sau khi được đào tạo tại trường (**1.7.10** - *Phiếu khảo sát HSSV tốt nghiệp 2020, 2021, 2022*) để từ đó theo dõi và nắm bắt được tình hình HSSV sau khi tốt nghiệp ra trường để từ đó xác định được số lượng/ngành nghề HSSV cần việc làm (**8.8.05** – *Báo cáo tổng hợp ý kiến sinh viên tốt nghiệp*)

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 8 tiêu chí 8: 0 điểm

Tiêu chuẩn 9: *Hàng năm, trường tổ chức hoặc phối hợp tổ chức hội chợ việc làm để người học tiếp xúc với các nhà tuyển dụng*

Mô tả, phân tích, nhận định:

Nhằm mục đích cho HSSV được tiếp xúc với các nhà tuyển dụng, hàng năm nhà trường phối hợp với Trung tâm dịch vụ việc làm của tỉnh tổ chức hội chợ việc làm, từ đó HSSV có nhiều thông tin nghề nghiệp để lựa chọn sau khi tốt nghiệp (**8.9.01** – *Kế hoạch tổ chức phiên giao dịch việc làm 2021, 2022, 2023*).

Để thực hiện được phiên giao dịch việc làm nhà trường tiến hành gửi thư mời cho Trung tâm Dịch vụ việc làm và các doanh nghiệp tham gia phiên giao dịch việc làm để tạo điều kiện thuận lợi cho HSSV có nhu cầu làm việc được tư vấn tại chỗ mọi thắc mắc về doanh nghiệp mà HSSV dự định ứng cử tại hội chợ (**8.9.02** - *Thư mời các Công ty, DN tham gia phiên giao dịch việc làm 2023*).

Bên cạnh đó, Nhà trường cũng tổ chức lễ kí kết hợp tác với các Doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh về công tác tư vấn, giới thiệu việc làm, tạo điều kiện cho HSSV thực hành thực tập và tiếp nhận HSSV sau khi tốt nghiệp của trường (**2.13.02** – *Biên bản ký kết hợp tác số 275, 276, 277, 278. 279, 280, 281, 282/BBHT ngày 26 tháng 5 năm 2022 giữa Trường Cao đẳng Công nghiệp Cao su với Công ty Cổ phần Thái Việt Corporation, - Công ty Cổ phần Đầu tư Thái Bình - Công ty Cổ phần AUTO Bình*

Phước - Công ty Cổ phần Kim Tín MDF - Công ty Cổ phần Phát triển hạ tầng kỹ thuật Becamex – Bình Phước - Công ty Cổ phần Dịch vụ ô tô Thành phố mới Bình Dương - Bình Phước - Công ty TNHH MTV Toyota Bình Phước; 8.9.03- Hình ảnh lễ kí kết hợp tác với các Công ty, DN trên địa bàn tỉnh Bình Phước)

Hàng năm, Phòng CTSV đều có Báo cáo kết quả tổ chức hội chợ việc làm để người học tiếp xúc với các nhà tuyển dụng với Ban Giám hiệu, nêu rõ các nội dung đã làm được, một số tồn tại hạn chế và phương án khắc phục trong thời gian tới (**8.9.04- Báo cáo kết quả tổ chức hội chợ việc làm để người học tiếp xúc với các nhà tuyển dụng năm 2021, 2022, 2023**)

Nhằm đánh giá được chất lượng đào tạo cũng như chất lượng nguồn nhân lực sau khi được đào tạo, Nhà trường tiến hành khảo sát (**1.7.10 – Phiếu khảo sát về việc tổ chức hội chợ việc làm để người học tiếp xúc với các nhà tuyển dụng đối với cán bộ quản lý, cựu HSSV, người học**) và tổng hợp ý kiến khảo sát của HSSV đã tốt nghiệp ra trường (**8.3.01 - Báo cáo tổng hợp kết quả khảo sát về việc tổ chức hội chợ việc làm để người học tiếp xúc với các nhà tuyển dụng đối với cán bộ quản lý, cựu HSSV, người học**).

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 9 tiêu chí 8: 1 điểm

3.2.9. Tiêu chí 9 - Giám sát, đánh giá chất lượng

Đánh giá tổng quát tiêu chí 9:

Trường Cao đẳng Công nghiệp cao su chuyển từ học động giáo dục chuyên nghiệp sang đào tạo nghề từ năm 2016. Công tác giám sát, đánh giá chất lượng là cơ sở để Trường cải tiến chất lượng, đồng thời thể hiện tính tự chủ và tự chịu trách nhiệm của Trường trong toàn bộ hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học, theo chức năng, nhiệm vụ được giao, phù hợp với sứ mạng, mục tiêu của Trường.

Hoạt động tự đánh giá chất lượng đào tạo, tự kiểm định của Trường được thực hiện hàng năm một cách thường xuyên từ các đơn vị đào tạo đến Hội đồng kiểm định Nhà trường theo đúng quy định.

**** Những điểm mạnh***

Công tác đảm bảo chất lượng được sự quan tâm chỉ đạo sát sao của Ban giám hiệu nhà trường;

Hàng năm, thu thập ý kiến CBQL, nhà giáo, viên chức và người lao động về các chính sách liên quan đến dạy và học, chính sách tuyển dụng, đào tạo, bồi dưỡng,

đánh giá, phân loại, bổ nhiệm CBQL, nhà giáo, viên chức và người lao động;

Nhà trường thực hiện hoạt động tự đánh giá chất lượng cơ sở GDNN và chương trình đào tạo theo quy định. Hằng năm, lập kế hoạch cụ thể và đề ra các biện pháp thực hiện việc cải thiện, nâng cao chất lượng đào tạo trên cơ sở kết quả tự đánh giá; Phối hợp với các đơn vị, các doanh nghiệp nắm bắt người học có việc làm phù hợp với chuyên ngành đào tạo sau 6 tháng kể từ khi tốt nghiệp, từ đó có kế hoạch điều chỉnh sửa đổi chương trình đào tạo.

** Những tồn tại*

Mặc dù rất chủ động trong việc chuyển đổi loại hình đào tạo song công tác giám sát, đánh giá chất lượng vẫn còn nhiều tiêu chuẩn Trường chưa thực hiện đạt yêu cầu.

Do Nhà trường đang hoàn thiện hệ thống đảm bảo chất lượng, không có nhân sự chuyên trách công tác đảm bảo chất lượng ở các phòng, ban, khoa, trung tâm. Công tác tuyên truyền, vận động mọi người có liên quan cùng tham gia các hoạt động bảo đảm chất lượng còn chưa nhiều.

** Kế hoạch nâng cao chất lượng*

Tuyên truyền, phổ biến để nâng cao nhận thức, tạo sự đồng thuận của cán bộ, giảng viên, nhân viên và người học về công tác bảo đảm chất lượng, trong đó có hoạt động xây dựng và phát triển văn hóa chất lượng trong toàn trường;

Trên cơ sở kết quả tự đánh giá và kiểm định chất lượng, nhà Trường điều chỉnh kế hoạch phát huy các mặt tích cực và khắc phục những hạn chế, qua đó cải thiện nâng cao chất lượng đào tạo. Trong thời gian tới căn cứ vào các quy định trong công tác giám sát, đánh giá chất lượng do Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định, Trường sẽ xây dựng xây dựng kế hoạch nhằm đảm bảo thực hiện tốt các tiêu chuẩn trong tiêu chí 9 “Giám sát, đánh giá chất lượng”.

Tiếp tục duy trì và phát huy các hoạt động đảm bảo chất lượng, đồng thời xây dựng thêm các bộ công cụ, quy trình mới nhằm từng bước hoàn thiện hệ thống đảm bảo chất lượng của Nhà trường theo xu thế mới, đáp ứng các tiêu chí của trường chất lượng cao.

Điểm đánh giá tiêu chí 9

Tiêu chí, tiêu chuẩn	Điểm tự đánh giá
Tiêu chí 9	5
Tiêu chuẩn 1	1
Tiêu chuẩn 2	1
Tiêu chuẩn 3	1
Tiêu chuẩn 4	1
Tiêu chuẩn 5	1
Tiêu chuẩn 6	0

Tiêu chuẩn 9.1: Hàng năm, thu thập ý kiến tối thiểu 10 đơn vị sử dụng lao động về mức độ đáp ứng của người tốt nghiệp làm việc tại đơn vị sử dụng lao động.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Để đánh giá mức độ đáp ứng của HSSV sau khi tốt nghiệp làm việc tại doanh nghiệp về các kiến thức nghề được đào tạo, các kỹ năng mềm, về chương trình đào tạo.

Hàng năm, nhà trường có kế hoạch tổ chức gửi phiếu khảo sát, thu thập ý kiến của các cơ quan, doanh nghiệp có HSSV tốt nghiệp năm học 2021-2022; 2022 - 2023 về mức độ đáp ứng các công việc tại nơi làm việc để từ đó điều chỉnh phù hợp với thực tế, nâng cao hiệu quả và phương pháp tổ chức đào tạo. **(9.1.01- Kế hoạch thu thập ý kiến của Cán bộ quản lý, Nhà giáo, Viên chức, HSSV, cựu HSSV và Doanh nghiệp về hoạt động Bảo đảm chất lượng năm 2021, 2022, 2023).**

Phòng Công tác sinh viên liên hệ các đơn vị có HSSV của trường đã tốt nghiệp đang làm để gửi phiếu khảo sát qua đường Bưu điện và đường link để lấy ý kiến về mức độ đáp ứng của học sinh, sinh viên tốt nghiệp làm việc tại doanh nghiệp năm 2021, 2022, 2023 **(9.1.02 – Danh sách đơn vị sử dụng lao động được thu thập ý kiến; 1.7.10 – Phiếu Khảo sát thu thập thu thập ý kiến sử dụng lao động về mức độ đáp ứng của học sinh, sinh viên tốt nghiệp làm việc tại doanh nghiệp 2021, 2022, 2023)**

Nhà trường luôn chú trọng chất lượng đào tạo và nhu cầu thực tập, việc làm của HSSV trong quá trình học và sau khi tốt nghiệp, Nhà trường có thực hiện ký kết hợp tác với các Doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh trong năm 2022 về việc làm cho HSSV sau khi tốt nghiệp và cơ sở cho HSSV thực tập **(2.13.02 – Biên bản ký kết hợp tác số 275, 276, 277, 278. 279, 280, 281, 282/BBHT ngày 26 tháng 5 năm 2022 giữa Trường Cao đẳng Công nghiệp Cao su với Công ty Cổ phần Thái Việt Corporation, - Công ty Cổ**

phần Đầu tư Thái Bình - Công ty Cổ phần AUTO Bình Phước - Công ty Cổ phần Kim Tín MDF - Công ty Cổ phần Phát triển hạ tầng kỹ thuật Becamex – Bình Phước - Công ty Cổ phần Dịch vụ ô tô Thành phố mới Bình Dương - Bình Phước - Công ty TNHH MTV Toyota Bình Phước; **8.9.03-** Hình ảnh lễ kí kết hợp tác với các Công ty, DN trên địa bàn tỉnh Bình Phước).

Kết quả khảo sát thu thập ý kiến của các Doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh được thống kê trong Báo cáo kết quả khảo sát ý kiến phản hồi về mức độ đáp ứng của HSSV tốt nghiệp làm việc tại doanh nghiệp năm 2021, 2022 như sau:

Năm	Đối tượng lấy ý kiến	Hài lòng	Không hài lòng	Ý kiến khác
Nội dung: Đánh giá về mức độ nắm vững kiến thức của nghề được đào tạo				
2021	Doanh nghiệp	13/15 (86,7%)	2/15 (13,3%)	
2022	Doanh nghiệp	18/20 (90%)	2/20 (10%)	
Nội dung: Đánh giá về vận dụng kiến thức chuyên môn vào thực tiễn có hiệu quả				
2021	Doanh nghiệp	12/15 (80%)	3/15 (20%)	Yếu kỹ năng mềm
2022	Doanh nghiệp	17/20 (85%)	3/20 (15%)	Yếu ngoại ngữ tin học
Nội dung: Đánh giá về đạo đức tác phong nghề nghiệp				
2021	Doanh nghiệp	14/15 (93,3%)	1/15 (6,7%)	
2022	Doanh nghiệp	18/20 (90%)	2/20 (10%)	

Các Doanh nghiệp đều đánh giá tốt về mức độ đáp ứng của HSSV tốt nghiệp như nắm vững kiến thức của nghề được đào tạo (trên 85%), về vận dụng kiến thức chuyên môn vào thực tiễn có hiệu quả (trên 80%) và có đạo đức tác phong nghề nghiệp tốt (trên 90%) (1.7.10 – Phiếu khảo sát ý kiến phản hồi về mức độ đáp ứng của HSSV tốt nghiệp làm việc tại doanh nghiệp; **9.1.01-** Báo cáo kết quả khảo sát ý kiến phản hồi về mức độ đáp ứng của HSSV tốt nghiệp làm việc tại doanh nghiệp năm 2021, 2022)

Tuy nhiên, kỹ năng tin học cơ bản của HSSV ngành Kỹ thuật và năng lực ngoại ngữ đối với HSSV ngành Kế toán chưa đáp ứng tốt nhu cầu của doanh nghiệp và cần được cải thiện.

Tự đánh giá tiêu chuẩn 1, tiêu chí 9 đạt: 01 điểm

Tiêu chuẩn 9.2: Hàng năm, thu thập ý kiến đánh giá tối thiểu 50% cán bộ quản lý, nhà giáo, viên chức và người lao động về các chính sách liên quan đến dạy và học, chính sách tuyển dụng, đào tạo, bồi dưỡng, đánh giá, phân loại, bổ nhiệm cán bộ quản lý, nhà giáo, viên chức và người lao động..

Mô tả, phân tích, nhận định:

Để đánh giá các chính sách liên quan đến dạy và học, chính sách tuyển dụng đào tạo, bồi dưỡng, đánh giá, phân loại, bổ nhiệm CBQL, nhà giáo, viên chức và người lao động, hàng năm nhà trường có kế hoạch tổ chức thu thập ý kiến của các CBQL, giảng viên, viên chức và người lao động trong toàn trường về các chính sách liên quan đến dạy và học, chính sách tuyển dụng đào tạo, bồi dưỡng, đánh giá, phân loại, bổ nhiệm CBQL, nhà giáo, viên chức và người lao động năm học 2021-2022 để từ đó điều chỉnh cho phù hợp với thực tế (**9.1.01- Kế hoạch thu thập ý kiến của Cán bộ quản lý, Nhà giáo, Viên chức, HSSV, cựu HSSV và Doanh nghiệp về hoạt động Bảo đảm chất lượng năm 2021, 2022, 2023**)

Dựa trên Danh sách cán bộ quản lý, nhà giáo, viên chức và người lao động của trường hàng năm do Phòng Tổ chức – Hành chính cung cấp (**3.4.03 – Danh sách cán bộ quản lý, nhà giáo, viên chức và người lao động năm 2021, 2022, 2023**). Phòng Thanh tra – Bảo vệ lập Danh sách cán bộ quản lý, nhà giáo, viên chức và người lao động được thu thập ý kiến để trình Hiệu trưởng phê duyệt (**9.2.02 – Danh sách cán bộ quản lý, nhà giáo, viên chức và người lao động được thu thập ý kiến năm 2021, 2022, 2023**) và tiến hành lấy ý kiến qua phiếu khảo sát (**1.7.10 – Phiếu khảo sát lấy ý kiến cán bộ quản lý, nhà giáo, viên chức và người lao động về các chính sách liên quan đến dạy và học, chính sách tuyển dụng, đào tạo, bồi dưỡng, đánh giá, phân loại, bổ nhiệm cán bộ quản lý, nhà giáo, viên chức và người lao động**).

Kết quả khảo sát thu thập ý kiến của CB-GV-CNV được thống kê trong Báo cáo kết quả thu thập ý kiến cán bộ quản lý, nhà giáo, viên chức và người lao động về các chính sách liên quan đến dạy và học, chính sách tuyển dụng, đào tạo, bồi dưỡng, đánh giá, phân loại, bổ nhiệm cán bộ quản lý, nhà giáo, viên chức và người lao động cụ thể như sau:

Năm	Đối tượng lấy ý kiến	Hài lòng	Không hài lòng	Ý kiến
-----	----------------------	----------	----------------	--------

				khác
Nội dung: liên quan đến chính sách dạy và học				
2021	Cán bộ - Giảng viên	44/46 (95,7%)	2/46 (4,3%)	
2022	Cán bộ - Giảng viên	46/46 (100%)	0.00%	
Nội dung: liên quan đến chính sách tuyển dụng, đào tạo, bồi dưỡng				
2021	Cán bộ - Giảng viên - CNV	90/100 (90%)	10/100 (10%)	
2022	Cán bộ - Giảng viên - CNV	110/120 (91,67%)	10/120 (8,33%)	
Nội dung: liên quan đến chính sách đánh giá, phân loại, bổ nhiệm cán bộ quản lý, viên chức				
2021	Cán bộ - Giảng viên - CNV	95/100 (95%)	5/100 (5%)	
2022	Cán bộ - Giảng viên - CNV	112/120 (93.33%)	8/120 (6.67)	

Qua bảng thống kê cho thấy CBQL, giảng viên, viên chức và người lao động đều đồng ý trên 90% với các nội dung về các chính sách liên quan đến dạy và học, chính sách tuyển dụng, đào tạo, bồi dưỡng, đánh giá, phân loại, bổ nhiệm CBQL, nhà giáo, viên chức và người lao động trong phiếu khảo sát. Điều này cho thấy nhà trường rất quan tâm đến các chính sách, tạo điều kiện thuận lợi cho CBQL, nhà giáo giảng dạy, viên chức và người lao động được học tập, nâng cao trình độ (**9.1.03**– Các báo cáo kết quả thu thập ý kiến cán bộ quản lý, nhà giáo, viên chức và người lao động về các chính sách liên quan đến dạy và học, chính sách tuyển dụng, đào tạo, bồi dưỡng, đánh giá, phân loại, bổ nhiệm cán bộ quản lý, nhà giáo, viên chức và người lao động năm 2021, 2022, 2023).

Tự đánh giá tiêu chuẩn 2, tiêu chí 9 đạt: 01 điểm

Tiêu chuẩn 9.3: Hằng năm, thu thập ý kiến đánh giá tối thiểu 30% người học đại diện các ngành, nghề đào tạo về chất lượng, hiệu quả của các hình thức, phương thức đào tạo; chất lượng dịch vụ, giảng dạy và việc thực hiện chính sách liên quan đến người học của trường.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Hằng năm, căn cứ vào Kế hoạch năm học và quy định về công tác lấy ý kiến phản hồi từ người học, Nhà trường đều có kế hoạch triển khai thực hiện lấy ý kiến

phản hồi từ người học về chất lượng, hiệu quả của các hình thức, phương thức đào tạo; chất lượng dịch vụ, giảng dạy và việc thực hiện chính sách liên quan đến người học của trường. Xác định việc thu thập ý kiến phản hồi từ người học là công tác quan trọng, làm căn cứ cho các đơn vị liên quan đề xuất các giải pháp giúp Nhà trường nâng cao chất lượng các hoạt động đào tạo cũng như phục vụ công tác tự đánh giá, đảm bảo chất lượng tại Trường nên kế hoạch được xây dựng chi tiết theo từng bước, có sự phân công rõ ràng cho từng đơn vị liên quan với các mốc thời gian cụ thể đảm bảo cho việc lấy ý kiến người học được thực hiện một cách nghiêm túc, chính xác (**9.1.01- Kế hoạch thu thập ý kiến của Cán bộ quản lý, Nhà giáo, Viên chức, HSSV, cựu HSSV và Doanh nghiệp về hoạt động Bảo đảm chất lượng năm 2021, 2022, 2023**).

Căn cứ vào danh sách trúng tuyển, Nhà trường tổng hợp danh sách HSSV đang theo học tại Trường hằng năm và danh sách này luôn được cập nhật theo thời gian. (**9.3.01 - Danh sách HSSV năm 2021, 2022, 2023**).

Căn cứ vào kế hoạch triển khai thực hiện lấy ý kiến phản hồi từ người học cho từng học kỳ và danh sách người học hằng năm, Nhà trường đã lên danh sách cụ thể người học được thu thập ý kiến cho từng học kỳ trên cơ sở khách quan và bao quát toàn diện các ngành, nghề. Ý kiến người học là một trong các cơ sở hết sức quan trọng trong việc đánh giá chất lượng đào tạo của Nhà trường nên số lượng học sinh, sinh viên được thu thập ý kiến luôn chiếm hơn 80% tổng số học sinh, sinh viên theo học tại trường trong từng học kỳ. (**9.3.02 – Danh sách HSSV lấy ý kiến về chất lượng, hiệu quả của các hình thức, phương thức đào tạo; chất lượng dịch vụ, giảng dạy và việc thực hiện chính sách liên quan đến người học của trường năm 2021, 2022, 2023**)

Việc lấy ý kiến người học và xử lý phiếu lấy ý kiến được thực hiện nghiêm túc theo đúng tiến độ trong kế hoạch, Nhà trường triển khai lấy ý kiến trên giấy và trên file mềm trên website của trường (**1.7.10- Phiếu khảo sát lấy ý kiến HSSV về chất lượng, hiệu quả của các hình thức, phương thức đào tạo; chất lượng dịch vụ, giảng dạy và việc thực hiện chính sách liên quan đến người học của trường năm 2021, 2022, 2023; 9.3.03- www.ric.edu.vn**).

Kết quả khảo sát thu thập ý kiến của HSSV về chất lượng, hiệu quả của các hình thức, phương thức đào tạo; chất lượng dịch vụ, giảng dạy và việc thực hiện chính sách liên quan đến người học được thể hiện qua Bảng thống kê Báo cáo kết quả năm 2021, 2022 cụ thể như sau:

Năm	Đối tượng lấy ý kiến	Hài lòng	Không hài lòng	Ý kiến khác
<i>Nội dung: liên quan chất lượng hình thức, phương thức đào tạo</i>				
2021	HSSV	867/912 (95,06%)	45/912 (9,94%)	
2022	HSSV	882/910 (96,92%)	28/910 (3,08%)	
<i>Nội dung: liên quan đến chất lượng dịch vụ, giảng dạy</i>				
2021	HSSV	872/912 (95,6%)	40/912 (4,4%)	
2022	HSSV	886/910 (97,4%)	24/910 (2,6%)	
<i>Nội dung: liên quan đến chính sách khác của Nhà trường</i>				
2021	HSSV	846/912 (92,76%)	66/912 (7,24%)	
2022	HSSV	852/910 (93,63%)	58/910 (6,37%)	

Qua đợt khảo sát thu thập ý kiến, cho thấy các em HSSV đều đồng ý trên 90% với các nội dung về chất lượng, hiệu quả của các hình thức, phương thức đào tạo; chất lượng dịch vụ, giảng dạy và việc thực hiện chính sách liên quan đến người học của trường trong phiếu khảo sát. Điều này cho thấy Nhà trường rất quan tâm đến các chính sách liên quan đến HSSV, tạo môi trường, điều kiện thuận lợi học tập cho các em (**9.1.03- Các báo cáo kết quả thu thập ý kiến của HSSV năm về chất lượng, hiệu quả của các hình thức, phương thức đào tạo; chất lượng dịch vụ, giảng dạy và việc thực hiện chính sách liên quan đến người học của trường 2021, 2022, 2023**).

Trường luôn xác định lấy ý kiến người học là một trong những nhiệm vụ trọng tâm phục vụ cho công tác tự đánh giá và đảm bảo chất lượng của Trường, từ đó từng bước góp phần nâng cao hiệu quả công tác đào tạo.

Tự đánh giá tiêu chuẩn 3, tiêu chí 9 đạt: 01 điểm

Tiêu chuẩn 9.4: Trường thực hiện hoạt động tự đánh giá chất lượng và kiểm định chất lượng theo quy định.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Trường Cao đẳng Công nghiệp Cao su từ năm 2018 đã thực hiện công tác tự đánh giá chất lượng theo quy định của Bộ Lao động Thương Binh và Xã hội. Hiểu rõ tầm quan trọng của công tác tự đánh giá nên trước khi tiến hành, Trường đều có ban hành kế hoạch chi tiết, có sự phân công rõ ràng các cán bộ, giảng viên, công nhân viên phụ trách các tiêu chí, tiêu chuẩn cho từng cá nhân, với các mốc thời gian cụ thể nhằm

đảm bảo thực hiện việc tự đánh giá một cách chính xác, khách quan. *(9.4.01- Kế hoạch tự đánh giá năm 2021, 2022, 2023)*

Hàng năm, để tiến hành tự đánh giá chất lượng trường, Nhà trường ban hành Quyết định kiện toàn Hội đồng tự đánh giá, trong đó phân công cụ thể các cá nhân phụ trách theo từng tiêu chí, tiêu chuẩn *(9.4.02 – Quyết định kiện toàn Hội đồng tự đánh giá)*

Để tiến hành tự đánh giá chất lượng trường, Ban Giám hiệu đã tổ chức tập huấn cho Cán bộ, Giáo viên và nhân viên phụ trách các tiêu chí, tiêu chuẩn về hệ thống đảm bảo chất lượng. Từ đó nhận thức và hiểu rõ nội hàm của các tiêu chí, tiêu chuẩn để tìm kiếm minh chứng phù hợp và thực hiện viết báo cáo phù hợp cho từng tiêu chí, tiêu chuẩn. *(9.4.03- Thông báo triệu tập tập huấn về ĐBCL và tự đánh giá chất lượng trường;)*

Sau khi triển khai tập huấn, Hội đồng tự đánh giá tiến hành họp để triển khai kế hoạch thực hiện tự đánh giá chất lượng trường và phân công cụ thể các nhóm thực hiện tiêu chí, tiêu chuẩn *(9.4.04 – Các biên bản họp Hội đồng tự đánh giá; 9.4.05 – Thông báo hoàn thiện phiếu mô tả và đánh giá các tiêu chuẩn, tiêu chí sau tập huấn tự đánh giá chất lượng trường).*

Các đơn vị trực thuộc căn cứ vào Kế hoạch và thông báo của Hội đồng tự đánh giá thực hiện việc tự đánh giá các hoạt động của đơn vị mình, thu thập minh chứng và gửi báo cáo tự đánh giá của đơn vị mình về Ban thư ký của Hội đồng tự đánh giá theo tiến độ trong Kế hoạch và Thông báo.

Căn cứ vào Báo cáo tự đánh giá của các đơn vị trực thuộc, thư ký Hội đồng tự đánh giá tổng hợp lập dự thảo báo cáo tự đánh giá chung của trường và công khai đến các đơn vị trực thuộc để lấy ý kiến CB-CNV-GV và người lao động. Sau đó, Hội đồng tự đánh giá họp thông qua dự thảo Báo cáo tự đánh giá. *(9.4.04 – Biên bản họp Hội đồng tự đánh giá)*

Kết quả báo cáo tự đánh giá chất lượng của năm 2021 đạt 76 điểm, năm 2022 đạt 79 điểm và được nhà Trường đăng tải lên website nhằm công khai cho toàn thể cán bộ giảng viên cũng như học sinh, sinh viên toàn Trường được biết và theo dõi. *(9.3.03- <http://www.ric.edu.vn>)*

Qua mỗi lần thực hiện tự đánh giá chất lượng, Trường đều có báo cáo gửi về Tổng cục GDNN và Sở Lao động Thương binh Xã hội theo quy định. Báo cáo thể hiện

được rõ các tiêu chí đạt và chưa đạt, từ đó nêu rõ điểm mạnh, điểm yếu của từng tiêu chí, từ đó có các phương án cải tiến nhằm nâng cao chất lượng của trường hằng năm. (9.4.09- Báo cáo tự đánh giá 2021, 2022, 2023).

Qua phân tích, Trường thực hiện công tác tự đánh giá chất lượng và kiểm định chất lượng theo đúng quy trình, kết quả phản ánh khách quan, đúng thực tế, hằng năm đều có báo cáo cụ thể bằng văn bản đúng theo quy định.

Tự đánh giá là cơ sở để Trường cải tiến chất lượng, đồng thời thể hiện tính tự chủ và chịu trách nhiệm của Trường trong toàn bộ hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học, dịch vụ xã hội theo chức năng, nhiệm vụ được giao, phù hợp với sứ mạng, mục tiêu của Trường. Trong thời gian tới, nhà Trường sẽ tiếp tục xem công tác tự đánh giá là một trong các nhiệm vụ gắn liền với sự phát triển và quan tâm thực hiện theo đúng quy định của Bộ Lao động thương binh và xã hội.

Tự đánh giá tiêu chuẩn 4, tiêu chí 9 đạt: 01 điểm

Tiêu chuẩn 9.5: Hằng năm, trường có kế hoạch cụ thể và các biện pháp thực hiện việc cải thiện, nâng cao chất lượng đào tạo trên cơ sở tự đánh giá và kết quả đánh giá ngoài nếu có.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Hằng năm Nhà trường đều có Báo cáo tự đánh giá. Trong các Báo cáo nêu lên những tồn tại và hạn chế liên quan đến chất lượng đào tạo và có kế hoạch, biện pháp khắc phục trong năm sau. (9.4.06 - Báo cáo tự đánh giá năm 2021, 2022, 2023).

Dựa trên báo cáo tự đánh giá hằng năm, nhà trường nhận thấy có một số tồn tại, hạn chế. Từ đó bộ phận tham mưu của Trường đề xuất các kế hoạch, giải pháp khắc phục nâng cao chất lượng đào tạo Trường Cao đẳng Công nghiệp Cao su (9.5.01 - Kế hoạch cải thiện, nâng cao chất lượng đào tạo Trường Cao đẳng Công nghiệp Cao su năm 2021, 2022, 2023)

Bộ phận tham mưu tiến hành họp với các đơn vị rà soát các tồn tại trong báo cáo tự đánh giá và đưa ra các giải pháp khắc phục nhằm nâng cao chất lượng đào tạo của từng đơn vị (9.5.02 - Biên bản rà soát cải thiện, nâng cao chất lượng đào tạo của từng đơn vị năm 2021, 2022, 2023).

Để khắc phục một số tồn tại trong năm 2021 như chưa có dịch vụ y tế chăm sóc và bảo vệ sức khỏe; dịch vụ ăn uống của trường đáp ứng nhu cầu của người học và đảm bảo an toàn vệ sinh thực phẩm.; Trường chưa thực hiện việc tư vấn việc làm cho

người học sau khi tốt nghiệp; thu thập ý kiến tối thiểu 10 đơn vị sử dụng lao động về mức độ đáp ứng của người tốt nghiệp làm việc tại đơn vị sử dụng lao động.

Năm 2022, Nhà trường đã cho đấu thầu căng tin của trường để đảm bảo dịch vụ ăn uống cho HSSV, tháng 10/2022 Nhà trường cũng đã kiểm tra an toàn vệ sinh thực phẩm tại căng tin để đảm bảo các thực phẩm của HSSV đều đảm bảo vệ sinh, có xuất xứ. Cuối năm 2022, Phòng CTSV cũng đã tổ chức tư vấn việc làm cho hơn 200 HSSV tốt nghiệp, tiến hành kí kết và hợp tác với 12 Doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh để tạo điều kiện cho HSSV thực hành tại cơ sở cũng như tạo điều kiện việc làm sau khi tốt nghiệp.

Bộ phận tham mưu tổng hợp biên bản và làm báo cáo việc đề xuất các biện pháp thực hiện nâng cao chất lượng đào tạo trên cơ sở tự đánh giá của các đơn vị trong trường gửi Ban giám hiệu và các đơn vị trực thuộc (**9.5.03 - Báo cáo đề xuất các biện pháp thực hiện nâng cao chất lượng đào tạo trên cơ sở tự đánh giá của từng đơn vị năm 2021, 2022, 2023**).

Ban Giám hiệu dựa trên Báo cáo việc đề xuất các biện pháp thực hiện nâng cao chất lượng đào tạo của các đơn vị tiến hành họp và thống nhất các giải pháp nâng cao chất lượng đào tạo trình Hiệu trưởng phê duyệt. (**9.5.04 – Biên bản họp Ban giám hiệu thống nhất về một số giải pháp nâng cao chất lượng đào tạo trên cơ sở tự đánh giá**)

Từ đó Hiệu trưởng ban hành các Quyết định thực hiện nâng cao chất lượng đào tạo trên cơ sở tự đánh giá (**9.5.05 - Quyết định thực hiện nâng cao chất lượng đào tạo trên cơ sở tự đánh giá năm 2021, 2022, 2023**).

Phòng Tổ chức Hành chính cập nhật các Quyết định thực hiện nâng cao chất lượng đào tạo lên website của nhà trường để các đơn vị theo dõi và thực hiện theo (**9.3.03- website: ric.edu.vn**)

Tự đánh giá tiêu chuẩn 5, tiêu chí 9 đạt: 1 điểm

Tiêu chuẩn 9.6: Trường có tỷ lệ 80% người học có việc làm phù hợp với chuyên ngành hoặc nghề đào tạo sau 6 tháng kể từ khi tốt nghiệp.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Hàng năm, để đánh giá được chất lượng đào tạo, sự phù hợp của chương trình đào tạo với vị trí việc làm của HSSV sau khi tốt nghiệp làm đúng ngành nghề được đào tạo, Trường có kế hoạch tổ chức điều tra lần vết với những HSSV tốt nghiệp cho các nghề đào tạo của Trường để từ đó điều chỉnh chương trình đào tạo cho phù hợp

với thực tế (**9.6.01- Quyết định công nhận tốt nghiệp và danh sách người học đã tốt nghiệp năm 2020, 2021, 2022; 9.1.01- Kế hoạch thu thập ý kiến của Cán bộ quản lý, Nhà giáo, Viên chức, HSSV, cựu HSSV và Doanh nghiệp về hoạt động Bảo đảm chất lượng năm 2021, 2022, 2023; 1.7.10 – Phiếu Khảo sát cựu HSSV đã ra trường**)

Kết quả khảo sát HSSV làm việc tại doanh nghiệp năm 2021, 2022 được thể hiện trong Báo cáo kết quả khảo sát ý kiến phản hồi về mức độ đáp ứng của học sinh, sinh viên tốt nghiệp làm việc tại doanh nghiệp năm 2021, 2022 như sau:

Sinh viên tốt nghiệp				
2020	119			
2021	100			
2022	77			
Số sinh viên tốt nghiệp được khảo sát/số sinh viên tốt nghiệp năm trước				
2021	100/119 (84,03%)	KS bằng điện thoại: 40/100	KS gửi link qua zalo: 40/100	KS trực tiếp: 20/100
2022	90/100 (90%)	KS bằng điện thoại: 30/90	KS gửi link qua zalo: 50/90	KS trực tiếp: 10/90
Số sinh viên có việc làm/Số sinh viên khảo sát				
2021	86/100 (86%)			
2022	78/90 (86,67%)			
Nội dung: mức độ đáp ứng của học sinh, sinh viên tốt nghiệp làm việc tại doanh nghiệp				
Năm	Đối tượng lấy ý kiến	Phù hợp	Không phù hợp	Ý kiến khác
2021	HSSV	72/86 (83,7%)	14/86 (16,27%)	
2022	HSSV	68/78 (87,18%)	10/78 (12,82%)	

Qua kết quả khảo sát cho thấy trên 80% HSSV sau khi tốt nghiệp đều có công việc phù hợp với ngành nghề đào tạo (**9.1.03 – Báo cáo kết quả khảo sát ý kiến phản hồi về mức độ đáp ứng của học sinh, sinh viên tốt nghiệp làm việc tại doanh nghiệp 2020, 2021, 2022**).

Qua điều tra lần vết 164/190 HSSV trả lời “Đã có việc làm sau 6 tháng tốt nghiệp” trong năm đầu tiên cho thấy HSSV tốt nghiệp tại trường có cơ hội việc làm

cao. Kết quả này cho thấy những HSSV của trường sau khi tốt nghiệp năng động, chịu khó tìm kiếm và nắm bắt cơ hội việc làm.

Tự đánh giá tiêu chuẩn 6, tiêu chí 9 đạt: 0 điểm

PHẦN III. TỔNG HỢP KẾ HOẠCH NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG CƠ SỞ GIÁO DỤC NGHỀ NGHIỆP

1. Tiêu chí 1

Năm học 2023-2024, Đảng ủy, Ban Giám hiệu có nhiều kế hoạch nâng cao chất lượng. Nhà trường đã hoạch định các công việc sau: Xây dựng mục tiêu và nhiệm vụ theo tiêu chí trường chất lượng cao. Đào tạo bồi dưỡng giáo viên, cán bộ quản lý; xây dựng chương trình, giáo trình, đầu tư xây dựng cơ sở vật chất và trang thiết bị để đào tạo nguồn nhân lực đạt chuẩn khu vực và quốc gia.

Các Phòng chức năng và Khoa chuyên môn hoạt động theo chức năng, nhiệm vụ, lập kế hoạch nâng cao chất lượng đào tạo.

Phòng Thanh tra – Khảo thí & ĐBCL tăng cường công tác thanh, kiểm tra, tham mưu Ban Giám hiệu kịp thời.

Phòng Công tác sinh viên tiến hành khảo sát các nhà tuyển dụng, Doanh nghiệp về mức độ đáp ứng của người học với các công việc đang đảm trách.

Trong quá trình xây dựng và phát triển, Nhà trường sẽ định kỳ rà soát, bổ sung mục tiêu, sứ mạng, tổ chức và quản lý cho phù hợp với từng giai đoạn phát triển, hướng tới việc đảm bảo các điều kiện trường cao đẳng đào tạo nghề chất lượng cao.

2. Tiêu chí 2

Trong năm 2024, nhà trường tiếp tục việc ứng dụng công nghệ thông tin vào việc dạy học, đầu tư các ứng dụng để hỗ trợ phương pháp giảng dạy của giáo viên, hỗ trợ công tác tuyển sinh của nhà trường được hiệu quả hơn. Mở rộng quan hệ giao lưu, hợp tác với các trường bạn để trao đổi kinh nghiệm về chuyên môn nghiệp vụ cho cán bộ, giảng viên nhằm nâng cao chất lượng giảng dạy và công tác quản trị của nhà trường.

Triển khai rà soát, xây dựng và ban hành các chương trình đào tạo; xây dựng, ban hành và công khai khối lượng kiến thức tối thiểu, yêu cầu về năng lực mà người học đạt được sau khi tốt nghiệp (chuẩn đầu ra) các ngành, nghề; Kết thúc năm học, thực hiện rà soát, đánh giá mức độ phù hợp giữa hoạt động đào tạo với mục tiêu, nội dung chương trình đào tạo đã được phê duyệt, lấy ý kiến và tổng hợp các đề xuất nâng cao chất lượng dạy và học cho năm học;

Để gắn kết công tác đào tạo, đánh giá và sử dụng lao động hơn nữa, trong thời gian tới nhà trường sẽ tổ chức các buổi hội thảo với sự tham gia của các công ty, doanh nghiệp và các đơn vị liên kết. Từ đây, nhà trường có thể lắng nghe các ý kiến của các đơn vị sử dụng lao động, tìm hiểu nhu cầu thị trường việc làm để kịp thời cập nhật nội dung đào tạo cho phù hợp với yêu cầu của thực tiễn. Và cũng để gắn kết chặt chẽ hơn mối quan hệ giữa nhà trường với các công ty, doanh nghiệp trong và ngoài tỉnh. Từ đó thường xuyên ký kết hợp tác để hỗ trợ trong công tác thực hành, thực tập và giới thiệu việc làm cho học sinh sinh viên của trường.

Triển khai xây dựng kế hoạch và có báo cáo cụ thể việc triển khai rà soát, xây dựng các quy chế, quy định của nhà trường, trong đó có quy định về tổ chức đào tạo, quy định về kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp, đánh giá kết quả học tập, rèn luyện, cấp văn bằng, chứng chỉ.

3. Tiêu chí 3

Phân đầu từ nay đến hết năm 2024, toàn thể giảng viên của trường sẽ đạt chuẩn giảng dạy thực hành theo quy định của Thông tư số 08/2017/TT-BLĐTBXH ngày 10/3/2017 Quy định chuẩn về chuyên môn, nghiệp vụ của nhà giáo giáo dục nghề nghiệp của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.

Từ năm học 2023 - 2024, tăng cường các hoạt động quảng bá hình ảnh của trường, đẩy mạnh các hoạt động dịch vụ nhằm tạo nguồn thu để hỗ trợ CBGV đi đào tạo, bồi dưỡng, học tập nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, lý luận chính trị.

Xây dựng kế hoạch bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ cho cán bộ làm công tác thanh tra, kiểm tra, đảm bảo chất lượng để đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ cho công việc và phát triển Trường.

4. Tiêu chí 4

Trong thời gian tới căn cứ kế hoạch tuyển sinh các ngành đào tạo. Hàng năm xây dựng kế hoạch lấy ý kiến các chuyên gia kỹ thuật, cán bộ quản lý nghề nghiệp, cựu học sinh sinh viên để đánh giá, biên soạn, chỉnh sửa CTĐT, giáo trình, sẽ dành một phần nguồn kinh phí để chỉnh sửa, bổ sung các giáo trình đã biên soạn trước đây theo hướng cập nhật công nghệ tiên tiến và tiếp cận với giáo trình nước ngoài; xây dựng kế hoạch khắc phục những hạn chế, tồn tại trong năm 2023 về công tác rà soát, biên soạn chương trình, giáo trình đào tạo; triển khai các nội dung về tự đánh giá chương trình đào tạo theo hướng dẫn của Bộ LĐTB&XH.

5. Tiêu chí 5

Tiếp tục triển khai rà soát, đầu tư cơ sở vật chất, lắp đặt, sửa chữa trang thiết bị học tập ở những phòng học chưa có đảm bảo phục vụ tốt cho công tác giảng dạy và học tập; tăng cường đầu tư và ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số vào các hoạt động đào tạo của nhà trường.

Triển khai ký kết với các doanh nghiệp, công ty để phối hợp tổ chức đào tạo học kỳ tại doanh nghiệp. Từ đó, HSSV sẽ có cơ hội và điều kiện tốt nhất để tiếp cận các trang thiết bị đào tạo hiện đại và có thể đi làm ngay sau khi tốt nghiệp.

Xây dựng phương án, kế hoạch hoạt động của Thư viện số trong đầu năm 2024.

6. Tiêu chí 6

Tiếp tục hoàn thiện hệ thống các văn bản liên quan đến hoạt động NCKH, chú ý đến trách nhiệm của cá nhân, các đơn vị trong trường, tăng cường các điều khoản về khen thưởng và khuyến khích CBGV tham gia các hoạt động khoa học.

Nâng cao tỷ trọng kinh phí dùng cho hoạt động NCKH, thúc đẩy hoạt động NCKH trong giảng viên, HSSV thiết thực hơn.

Tăng cường công tác tập huấn nâng cao kỹ năng viết báo khoa học, đưa giáo viên đi tham quan thực tế các công trình nghiên cứu đã triển khai ứng dụng nhằm giúp giáo viên có thêm kinh nghiệm và định hướng tốt hơn khi tham gia NCKH.

7. Tiêu chí 7

Tiếp tục triển khai và phát triển các hoạt động liên kết đào tạo với các cơ sở đào tạo nhằm tăng nguồn thu từ các hoạt động này. Liên kết với các địa phương, các công ty, doanh nghiệp để đào tạo theo nhu cầu.

Thường xuyên cân đối nguồn tài chính nhằm đảm bảo việc sử dụng phù hợp nguồn kinh phí cho các bộ phận, ưu tiên kinh phí cho vật tư thực tập, trang thiết bị cho các khoa.

Ban giám hiệu nhà trường cùng toàn thể giáo viên đang thực hiện nâng cao chất lượng giảng dạy, đầu tư nâng cấp máy móc thiết bị để HSSV được thực hành thường xuyên và liên tục. Từ đó củng cố thêm uy tín của nhà trường trong lịch vực dạy nghề. Đồng thời đẩy mạnh kế hoạch tuyên truyền, tuyển sinh trong các năm học mới để công tác tuyển sinh đạt kết quả cao, ngày càng tăng số lượng HSSV tuyển được.

8. Tiêu chí 8

Tiếp tục thực hiện đa dạng hơn nữa các hình thức thông tin đến HSSV và đầu tư

hơn nữa trong các hoạt động thể dục thể thao, văn hóa văn nghệ trong HSSV.

Tiếp tục tìm kiếm các đối tác và ký kết các hợp đồng cung ứng lao động qua đó giúp các em HSSV sau khi tốt nghiệp ra trường có nhiều lựa chọn hơn trong việc tìm kiếm việc làm phù hợp.

Tổ chức hội nghị việc làm thường xuyên, tăng cường các hoạt động giáo dục kỹ năng mềm cho HSSV.

9. Tiêu chí 9

Tuyên truyền, phổ biến để nâng cao nhận thức, tạo sự đồng thuận của cán bộ, giảng viên, nhân viên và người học về công tác bảo đảm chất lượng, trong đó có hoạt động xây dựng và phát triển văn hóa chất lượng trong toàn trường;

Trên cơ sở kết quả tự đánh giá và kiểm định chất lượng, nhà Trường điều lên kế hoạch phát huy các mặt tích cực và khắc phục những hạn chế, qua đó cải thiện nâng cao chất lượng đào tạo. Trong thời gian tới căn cứ vào các quy định trong công tác giám sát, đánh giá chất lượng do Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định, Trường sẽ xây dựng xây dựng kế hoạch nhằm đảm bảo thực hiện tốt các tiêu chuẩn trong tiêu chí 9 “Giám sát, đánh giá chất lượng”.

Tiếp tục duy trì và phát huy các hoạt động đảm bảo chất lượng, đồng thời xây dựng thêm các bộ công cụ, quy trình mới nhằm từng bước hoàn thiện hệ thống đảm bảo chất lượng của Nhà trường theo xu thế mới, đáp ứng các tiêu chí của trường chất lượng cao.

PHẦN IV: KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ

1. Kết luận

Công tác tự kiểm định chất lượng giáo dục nghề nghiệp là một quá trình xem xét và đánh giá dựa trên hệ thống tiêu chí, tiêu chuẩn KĐCLDN do Bộ LĐTB-XH ban hành là một yếu tố không thể thiếu được trong hoạt động quản lý Nhà nước về đào tạo và hoạt động của các trường Cao đẳng.

Trường Cao đẳng Công nghiệp Cao su Căn cứ vào Thông tư số 15/2017/TT-BLĐTBXH ngày 08/6/2017 của Bộ trưởng Bộ Lao động Thương binh và Xã hội quy định tiêu chí, tiêu chuẩn kiểm định chất lượng GDNN, Quy trình thực hiện tự đánh giá chất lượng theo Thông tư số 28/2017/TT-BLĐTBXH ngày 15/12/2017 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định hệ thống bảo đảm chất lượng của cơ sở GDNN; Công văn số 453/TCGDNN-KĐCL ngày 25/3/2019 của Tổng cục GDNN về việc hướng dẫn chi tiết đánh giá các tiêu chí, tiêu chuẩn; nhà trường tiếp tục tự đánh giá, phân tích những điểm mạnh, những tồn tại và kế hoạch nâng cao chất lượng tương ứng với từng tiêu chí, tiêu chuẩn

Xác định công tác tự đánh giá là quá trình, là nhiệm vụ thường xuyên chứ không phải là đích đến. Trường Cao đẳng Công nghiệp Cao su, mỗi năm học đều phải căn cứ vào các tiêu chí, tiêu chuẩn kiểm định để rà soát các hoạt động GDNN, đánh giá những mặt mạnh và những tồn tại, qua đó phát huy những ưu thế của Trường và từng bước cải thiện những mặt còn hạn chế; luôn xem công tác tự đánh giá là một nhân tố không thể thiếu được trong sự nghiệp phát triển của nhà trường, là động lực để Trường hoàn thành mục tiêu đề ra trong từng giai đoạn phát triển

2. Kiến nghị

Tăng cường mở các lớp tập huấn, đào tạo cho các kiểm định viên của các cơ sở GDNN, xây dựng ban hành hướng dẫn, đánh giá các tiêu chí, tiêu chuẩn theo hướng gọn nhẹ và sát với từng nội dung của tiêu chí.

Để các doanh nghiệp tham gia sâu vào quá trình đào tạo nhằm nâng cao tay nghề cho HSSV của mỗi khóa Đào tạo, Bộ Lao động Thương binh và Xã hội cần ban hành các văn bản cụ thể hóa các chính sách liên kết đào tạo giữa các cơ sở GDNN với Doanh nghiệp nhằm hỗ trợ cho các cơ sở GDNN trong việc đào tạo thực hành nghề

cho HSSV. Đồng thời, giảm bớt gánh nặng cho các Doanh nghiệp trong công tác đào tạo lại Công nhân mới vào nghề.

Bình Phước, ngày 20 tháng 12 năm 2023

Nơi nhận:

- BGH (b/c);
- Các Khoa (đề t/h),
- Lưu VT, TT-KT&ĐBCL./.



ThS. Lê Văn Kịch

PHỤ LỤC 1: BẢNG TỔNG HỢP MINH CHỨNG

Stt	Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Mã MC	Mã MC dùng chung	Tên minh chứng
1	1	1	1.1.01		Quyết định 424/QĐ-BGDĐT ngày 24/1/2008 về việc thành lập Trường
2	1	1	1.1.02		Các Quyết định số 387/QĐ-CĐCS ngày 21/10/2021 ban hành Quy chế tổ chức hoạt động Trường CĐ Công nghiệp Cao su; Quyết định số 200/QĐ-CĐCS ngày 15/5/2023 ban hành Quy chế tổ chức hoạt động Trường CĐ Công nghiệp Cao su
3	1	1	1.1.03		Tờ trình số 570/TTr-CĐCS ngày 01/12/2020 về Đề án hoạt động của Trường giai đoạn 2021-2025
4	1	1	1.1.04		Quyết định số 2090/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ ngày 26/12/2017 phê duyệt Phương án cổ phần hoá Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam
5	1	1	1.1.05		Kế hoạch 358/KH-UBND ngày 30/12/2022 của UBND tỉnh Bình Phước về phát triển GDNN đến 2030, tầm nhìn đến 2045; Kết luận 374-KL-TU ngày 25/6/2022 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về thu hút, chuyển đổi cơ cấu và nâng cao chất lượng nguồn lao động trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2021 - 2025, định hướng đến năm 2030
6	1	1	1.1.06		Website: ric.edu.vn
7	1	1	1.1.07		Kết quả khảo sát của nhà giáo và cán bộ quản lý
8	1	2	1.2.01		GCN đăng ký hoạt động GDNN Số 90/2019/GCNĐKHĐ-TCGDNN ngày 16/9/2019 Giấy phép hoạt động GDNN; Số 90a/2019/GCNĐKBS-TCGDNN ngày 03 tháng 6 năm 2021
9	1	2	1.2.02		Đề án tái cấu trúc sau Cổ phần hoá của VRG
10	1	2	1.2.03		Kế hoạch số 358/KH-UBND ngày 05/12/2022 của UBND tỉnh Bình Phước về phát triển GDNN trên địa bàn tỉnh Bình Phước đến năm 2030, tầm nhìn đến 2045 - Kế hoạch đào tạo nghề đến năm 2025 của UBND tỉnh Bình Phước - Quyết định số 594/QĐ-UBND ngày 14/4/2023 của UBND tỉnh Bình Phước ban hành danh mục nghề đào tạo trình độ Sơ cấp trên địa bàn tỉnh
11	1	2	1.2.04		Báo cáo phân tích, đánh giá nhu cầu nhân lực của Ngành và địa phương năm 2023

Stt	Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Mã MC	Mã MC dùng chung	Tên minh chứng
12	1	3		1.1.02	Quyết định số 387/QĐ-CĐCS ngày 21/10/2021 ban hành Quy chế tổ chức hoạt động Trường CĐ Công nghiệp Cao su; Quyết định số 200/QĐ-CĐCS ngày 15/5/2023 ban hành Quy chế tổ chức hoạt động Trường CĐ Công nghiệp Cao su
13	1	3	1.3.01		Các quyết định giao chỉ tiêu năm 2023 cho các đơn vị
14	1	3	1.3.02		Quyết định số 132/QĐ-CĐCS ngày 13/4/2022 ban hành Quy chế chi tiêu nội bộ năm 2022; Quyết định số 207/QĐ-CĐCS ngày 17/05/2023 ban hành Quy chế chi tiêu nội bộ năm 2023
15	1	3	1.3.03		Quyết định số 273/QĐ-CĐCS ngày 05/5/2022 ban hành Quy chế trả lương năm 2022; Quyết định số 202/QĐ-CĐCS ngày 15/5/2023 ban hành Quy chế trả lương năm 2023
16	1	3	1.3.04		Kết quả khảo sát ý kiến của nhà giáo và cán bộ quản lý
17	1	4		1.1.02	Quyết định số 387/QĐ-CĐCS ngày 21/10/2021 ban hành Quy chế tổ chức hoạt động Trường CĐ Công nghiệp Cao su; Quyết định số 200/QĐ-CĐCS ngày 15/5/2023 ban hành Quy chế tổ chức hoạt động Trường CĐ Công nghiệp Cao su
18	1	4	1.4.01		Quy định về việc rà soát, điều chỉnh, bổ sung mục tiêu và nhiệm vụ của Trường Cao đẳng Công nghiệp Cao su
19	1	4	1.4.02		Kế hoạch số 142/KH-CĐCS ngày 16/3/2022 về việc khắc phục những tồn tại trong công tác bảo đảm chất lượng năm 2021; Kế hoạch số 428/KH-CĐCS ngày 25/2/2023 về việc khắc phục những tồn tại trong công tác bảo đảm chất lượng năm 2022
20	1	4	1.4.03		Các biên bản họp thông qua các văn bản quy định về tổ chức và quản lý hàng năm
21	1	4	1.4.04		Báo cáo tổng kết và phương hướng nhiệm vụ các đơn vị năm 2021, 2022;
22	1	5		1.1.02	Quyết định số 387/QĐ-CĐCS ngày 21/10/2021 ban hành Quy chế tổ chức hoạt động Trường CĐ Công nghiệp Cao su; Quyết định số 200/QĐ-CĐCS ngày 15/5/2023 ban hành Quy chế tổ chức hoạt động Trường CĐ Công nghiệp Cao su

Stt	Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Mã MC	Mã MC dùng chung	Tên minh chứng
23	1	5		1.2.01	Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp của Tổng cục trưởng Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp: Số 389/2017/GCNĐKHĐ-TCGDNN ngày 14 tháng 11 năm 2017; Số 45/2019/GCNĐKHĐ-TCGDNN ngày 30 tháng 5 năm 2019; Số 90a/2019/GCNĐKBS-TCGDNN ngày 03 tháng 6 năm 2021
24	1	5		1.4.04	Báo cáo tổng kết và phương hướng nhiệm vụ các đơn vị năm 2021, 2022;
25	1	5	1.5.01		Báo cáo tổng kết công tác hàng năm 2020, 2021, 2022 của trường: Báo cáo số: 56/BC-CĐCS ngày 25/01/2021 báo cáo tổng kết hoạt động năm 2020 và phương hướng, nhiệm vụ năm 2021; Báo cáo số: 13/BC-CĐCS ngày 10/01/2022 báo cáo tổng kết hoạt động năm 2021 và phương hướng, nhiệm vụ năm 2022; Báo cáo số: 91/BC-CĐCS ngày 03/3/2023 báo cáo tổng kết hoạt động năm 2022 và phương hướng, nhiệm vụ năm 2023
26	1	6		1.1.02	Quyết định số 387/QĐ-CĐCS ngày 21/10/2021 ban hành Quy chế tổ chức hoạt động Trường CĐ Công nghiệp Cao su; Quyết định số 200/QĐ-CĐCS ngày 15/5/2023 ban hành Quy chế tổ chức hoạt động Trường CĐ Công nghiệp Cao su
27	1	6	1.6.01		Quyết định thành lập Hội đồng khoa học và đào tạo của nhà trường nhiệm kỳ 2021-2026; Quyết định thành lập các Hội đồng tư vấn khác
28	1	6		1.4.04	Báo cáo tổng kết và phương hướng nhiệm vụ các đơn vị năm 2021, 2022;
29	1	6		1.5.01	Báo cáo tổng kết công tác hàng năm 2020, 2021, 2022 của trường: Báo cáo số: 56/BC-CĐCS ngày 25/01/2021 báo cáo tổng kết hoạt động năm 2020 và phương hướng, nhiệm vụ năm 2021; Báo cáo số: 13/BC-CĐCS ngày 10/01/2022 báo cáo tổng kết hoạt động năm 2021 và phương hướng, nhiệm vụ năm 2022; Báo cáo số: 91/BC-CĐCS ngày 03/3/2023 báo cáo tổng kết hoạt động năm 2022 và phương hướng, nhiệm vụ năm 2023
30	1	6	1.6.02		Báo cáo tổng kết và phương hướng nhiệm vụ năm 2021, 2022 của nhà trường
31	1	6	1.6.03		Quyết định của Tập đoàn, UBQLV nhà nước về việc khen thưởng tập thể, cá nhân nhà trường có thành tích xuất sắc trong năm 2021, 2022
32	1	7	1.7.01		QĐ .../QĐ-CĐCS, Ban hành hệ thống đảm bảo chất lượng
33	1	7	1.7.02		QĐ 51b/QĐ-CĐCS, Thành lập hội đồng Tự đánh giá

Stt	Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Mã MC	Mã MC dùng chung	Tên minh chứng
34	1	7	1.7.02		TB 162/TB-CĐCS, Thông báo về Kế hoạch Tự đánh giá của các nhóm
35	1	7		1.4.04	Báo cáo tổng kết và phương hướng nhiệm vụ các đơn vị năm 2021, 2022;
36	1	7	1.7.03		Báo cáo hệ thống bảo đảm chất lượng của trường năm 2021, 2022
37	1	7	1.7.04		Ý kiến của nhà giáo, cán bộ quản lý
38	1	8	1.8.01		Quyết định đổi tên phòng Thanh tra - Khảo thí và Đảm bảo chất lượng
39	1	8		1.7.02	QĐ 51b/QĐ-CĐCS, Thành lập hội đồng Tự đánh giá
40	1	8		1.7.05	Báo cáo hệ thống bảo đảm chất lượng của trường năm 2021, 2022
41	1	8	1.8.02		Hồ sơ thi đua của phòng Thanh tra – Khảo thí & Đảm bảo chất lượng
42	1	8	1.8.03		Kết quả khảo sát
43	1	9	1.9.01		QĐ .../QĐ-CĐCS, Thành lập đảng bộ nhà trường
44	1	9	1.9.02		Nghị quyết đảng bộ năm 2021, 2022, 2023
45	1	9	1.9.03		Báo cáo tổng kết công tác chuyên môn năm 2021, 2022, 2023
46	1	9	1.9.04		Báo cáo tổng kết công tác Đảng năm 2021, 2022, 2023
47	1	10	1.10.01		Các Quyết định công nhận kết quả bầu cử Ban chấp hành Công đoàn nhiệm kỳ 2017-2022, 2023-2028
48	1	10	1.10.02		Các Quyết định công nhận Ban chấp hành Đoàn TNCS Hồ Chí Minh nhiệm kỳ 2019-2022, 2022-2024
49	1	10	1.10.03		Quyết định số 32/QĐ-CĐCS ngày 3/6/2019 về việc thành lập Ban nữ công nhiệm kỳ 2017-2022
50	1	10	1.10.04		Các Quyết định về việc kiện toàn Hội Chữ thập đỏ 2016, 2017; Quyết định số 02/QĐ-CTĐ ngày 26/01/2022 công nhận BCH Hội Chữ Thập đỏ trường Cao đẳng Công nghiệp Cao su nhiệm kỳ 2021-2026.
51	1	10	1.10.05		Các Kế hoạch phát động phong trào thi đua năm 2022, 2023
52	1	10	1.10.06		Các Kế hoạch, thông báo tổ chức hoạt động ngày Quốc tế thiếu nhi năm 2021, 2022
53	1	10	1.10.07		Các Kế hoạch tổ chức hoạt động chào mừng ngày Gia đình Việt Nam năm 2021, 2022

Stt	Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Mã MC	Mã MC dùng chung	Tên minh chứng
54	1	10	1.10.08		Các Kế hoạch liên tịch phát động phong trào thi đua nước rút 3 tháng cuối năm 2020, 2021, 2022
55	1	10	1.10.09		Các Kế hoạch liên tịch Tổ chức tháng công nhân năm 2020, 2021, 2022
56	1	10	1.10.10		Kế hoạch số 74/KH-CD ngày 28/11/2022 Phát động phong trào thi đua chào mừng Đại hội công đoàn các cấp nhiệm kỳ 2023-2028; Kế hoạch số 66/KH-CD ngày 01/11/2022 Tổ chức giải cầu lông CNVCLĐ năm 2022; Kế hoạch số 44/KH-CD ngày 22/7/2022 Đại hội Công đoàn Trường Cao đẳng Công nghiệp Cao su nhiệm kỳ 2023-2028; Kế hoạch số 18/KH-CD ngày 04/4/2022 Công tác tuyên giáo và tuyên truyền năm 2022
57	1	10	1.10.11		-Các chương trình hành động nhiệm kỳ 2019-2022, 2022-2024
58	1	10	1.10.12		Các Chương trình công tác năm học 2020-2021, 2021-2022, 2022-2023
59	1	10	1.10.13		Các Kế hoạch Về việc tổ chức Đại hội chi đoàn nhiệm kỳ 2020-2021, 2021-2022, 2022-2023
60	1	10	1.10.14		Kế hoạch số 27-KH/ĐTN ngày 26/12/2022 về việc tổ chức Kỷ niệm ngày HSSV; Các Kế hoạch tổ chức các hoạt động thánh thanh niên năm 2022, 2023
61	1	10	1.10.15		Các Kế hoạch Tổ chức Văn nghệ năm 2020, 2023; Kế hoạch số 03/KH-ĐTN ngày 21/2/2022 về việc tổ chức giao lưu bóng đá năm học 2021-2022; Kế hoạch số 26-KH/ĐTN ngày 01/10/2022 Tổ chức ngày chủ nhật xanh năm 2022; Kế hoạch số 46-KH/ĐTN ngày 5/4/2023 về việc tổ chức cuộc thi kể chuyện và hát về Bác Hồ).
62	1	10	1.10.16		Các Thông báo tổ chức hoạt động chào mừng ngày Quốc tế Phụ nữ năm 2021, 2022, 2023
63	1	10	1.10.17		Các Thông báo tổ chức Tết trung thu cho các cháu thiếu nhi năm 2020, 2021, 2022
64	1	10	1.10.18		Kế hoạch số 02/KH-CTĐ ngày 24/11/2022 về hoạt động Hội Chữ thập đỏ năm học 2022-2023
65	1	10	1.10.19		Các Quy chế làm việc của các đoàn thể
66	1	10	1.10.20		Các báo cáo kết quả hoạt động tháng công nhân năm 2021, 2022

Stt	Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Mã MC	Mã MC dùng chung	Tên minh chứng
67	1	10	1.10.21		Các báo cáo tổng kết hoạt động công đoàn và phương hướng nhiệm vụ năm 2020, 2021, 2022
68	1	10	1.10.22		Các báo cáo tổng kết công tác đoàn năm 2019-2020, 2020-2021 và 2021-2022)
69	1	10	1.10.23		Các báo cáo kết quả công tác nữ công năm 2020, 2021, 2022)
70	1	10	1.10.24		Giấy khen, Bằng khen các cấp Công đoàn năm 2020, 2021, 2022
71	1	10	1.10.25		Giấy khen, Bằng khen Đoàn thanh niên các cấp năm 2020, 2021, 2022
72	1	10	1.10.26		Các Quyết định công nhận phụ nữ 2 giỏi năm 2020, 2021, 2022
73	1	11	1.11.01		Quyết định số 296/QĐ-CĐCS, ngày 18/8/2010 về việc thành lập Phòng Thanh tra giáo dục
74	1	11	1.11.02		QĐ chuẩn y Ban Thanh tra nhân dân
75	1	11	1.11.03		Kế hoạch số 64/KH-CĐCS ngày 16/2/2023 về Thanh tra, kiểm tra công tác đào tạo năm 2023
76	1	11	1.11.04		Các Báo cáo công tác thanh tra năm 2021, 2022
77	1	11	1.11.05		Các Báo cáo kết quả hoạt động Ban Thanh tra nhân dân năm 2021, 2022
78	1	11	1.11.06		Kế hoạch Hội giảng năm 2020, 2023; Thông báo số 594 ngày 9/11/2022 triển khai dự giờ Học kỳ I năm học 2022-2023
79	1	11	1.11.01		Thông báo số 56/TB-CĐ ngày 08/9/2021 về cập nhật văn bản mới về học phí theo nghị định 81/2021
80	1	11	1.11.02		Quyết định số 462/QĐ-CĐCS ngày 13/12/2021 về việc ban hành quy định thu học phí
81	1	11	1.11.03		Các Thông báo về việc phối hợp chi trả tiền cấp bù học phí năm 2022, 2023
82	1	11	1.11.04		Bảng tổng hợp đề nghị chi trả tiền hỗ trợ học phí học kỳ II năm học 2022-2023

Stt	Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Mã MC	Mã MC dùng chung	Tên minh chứng
83	2	1		1.2.01	Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp của Tổng cục trưởng Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp: Số 389/2017/GCNĐKHHĐ-TCGDNN ngày 14 tháng 11 năm 2017; Số 5/2019/GCNĐKHHĐ-TCGDNN ngày 30 tháng 5 năm 2019; Số 90/2019/GCNĐKHHĐ-TCGDNN ngày 16 tháng 09 năm 2019; Số 90a/2019/GCNĐKBS-TCGDNN ngày 03 tháng 6 năm 2021
84	2	1	2.1.01		Bảng thống kê các ngành, nghề đào tạo của trường năm 2021, 2022, 2023
85	2	1	2.1.02		Quyết định của Hiệu trưởng ngày 26/01/2021 về việc ban hành chương trình đào tạo các ngành trình độ Trung cấp, Cao đẳng năm 2021
86	2	1	2.1.03		Các Quyết định ngày 05/02/2021 của Hiệu trưởng về việc ban hành chuẩn đầu ra các ngành, nghề năm 2021.
87	2	1	2.1.04		http://ric.edu.vn/cong-khai-giao-duc
88	2	1	2.1.05		Bảng tổng hợp ý kiến của người học, nhà giáo, cán bộ quản lý về hoạt động đào tạo
89	2	2	2.2.01		Quyết định số 433/QĐ-CĐCS ngày 6/9/2021 của Hiệu trưởng nhà trường Quy chế tổ chức tuyển sinh và xác định chỉ tiêu tuyển sinh trình độ trung cấp, cao đẳng của Trường Cao đẳng Công nghiệp Cao su
90	2	2	2.2.02		Quyết định số 201/QĐ-CĐCS ngày 04/6/2021 của Hiệu trưởng về việc ban hành Quy định về hồ sơ tuyển sinh các lớp dài hạn và ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý, lưu trữ hồ sơ tuyển sinh các lớp dài hạn
91	2	2	2.2.03		Quyết định số 298/QĐ-CĐCS ngày 28/6/2018 của Hiệu trưởng về việc ban hành Quy định về đào tạo liên thông giữa các trình độ trong Trường Cao đẳng Công nghiệp Cao su
92	2	3	2.3.01		Các Quyết định giao chỉ tiêu các bộ phận năm 2021, 2022, 2023
93	2	3	2.3.02		Công văn Đăng ký chỉ tiêu tuyển sinh năm 2021, 2022, 2023
94	2	3	2.3.03		Các Kế hoạch tuyển sinh năm 2021, 2022, 2023
95	2	3	2.3.04		Thông báo tuyển sinh năm 2021, 2022, 2023
96	2	3	2.3.05		Các Quyết định thành lập Hội đồng tuyển sinh năm 2021, 2022, 2023

Stt	Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Mã MC	Mã MC dùng chung	Tên minh chứng
97	2	3	2.3.06		Quyết định thành lập tổ tư vấn tuyển sinh năm 2023
98	2	3	2.3.07		File scan hồ sơ tuyển sinh năm 2021, 2022, 2023 (lưu trong tuyensinh@ric.edu.vn)
99	2	3	2.3.08		Các Biên bản họp xét thí sinh đủ điều kiện trúng tuyển năm 2020, 2021, 2022
100	2	3	2.3.09		Các Quyết định phê duyệt danh sách thí sinh trúng tuyển năm học 2020-2021, 2021-2022, 2022-2023
101	2	3	2.3.10		Báo cáo công tác tuyển sinh năm 2021, 2022, 2023
102	2	3	2.3.11		Các Quyết định phân lớp học năm học 2020-2021, 2021-2022, 2022-2023
103	2	3	2.3.12		Phần mềm Quản lý đào tạo
104	2	3	2.3.13		Kế hoạch thanh tra, kiểm tra công tác đào tạo năm 2021, 2022, 2023 (thiếu 2021, 2022)
105	2	3	2.3.14		Biên bản thanh tra, kiểm tra hoạt động đào tạo năm 2021, 2022, 2023 (thiếu 2021, 2023)
106	2	3	2.3.15		Biên bản họp tổng kết công tác tuyển sinh năm 2020, 2021, 2022
107	2	3	2.3.16		Bảng tổng hợp kết quả khảo sát người học, nhà giáo, cán bộ quản lý về tuyển sinh
108	2	4		1.2.01	Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp của Tổng cục trưởng Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp: Số 389/2017/GCNĐKHHĐ-TCGDNN ngày 14 tháng 11 năm 2017; Số 5/2019/GCNĐKHHĐ-TCGDNN ngày 30 tháng 5 năm 2019; Số 90/2019/GCNĐKHHĐ-TCGDNN ngày 16 tháng 09 năm 2019; Số 90a/2019/GCNĐKBS-TCGDNN ngày 03 tháng 6 năm 2021
109	2	4	2.4.01		Các Quyết định Ban hành quy chế tổ chức đào tạo trình độ Trung cấp, trình độ Cao đẳng tại Trường Cao đẳng Công nghiệp Cao su.
110	2	4	2.4.02		Quyết định trúng tuyển, biên chế lớp các ngành trình độ Trung cấp, Cao đẳng năm 2021, 2022, 2023; Quyết định trúng tuyển lớp liên thông Đại học ngành Công nghệ ô tô, Kế toán, ngành Luật
111	2	4	2.4.03		Kế hoạch, tiến độ đào tạo các lớp năm học 2021-2022; 2022-2023; 2023-2024
112	2	4	2.4.04		Phần mềm Quản lý đào tạo (hình ảnh, hợp đồng nâng cấp phần mềm QLĐT)

Stt	Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Mã MC	Mã MC dùng chung	Tên minh chứng
113	2	4	2.4.05		Kế hoạch, phiếu khảo sát cán bộ quản lý, giáo viên dạy nghề, doanh nghiệp và người học về phương thức đào tạo đáp ứng yêu cầu học tập của người học; Bảng tổng hợp kết quả khảo sát về phương thức đào tạo đáp ứng yêu cầu học tập của người học
114	2	5		2.1.02	Bảng thống kê các ngành, nghề đào tạo của trường năm 2021, 2022, 2023
115	2	5		2.1.02	Quyết định của Hiệu trưởng ngày 26/01/2021 về việc ban hành chương trình đào tạo các ngành trình độ Trung cấp, Cao đẳng năm 2021
116	2	5		2.4.02	Quyết định trúng tuyển, biên chế lớp các ngành trình độ Trung cấp, Cao đẳng năm 2021, 2022, 2023; Quyết định trúng tuyển lớp liên thông Đại học ngành Công nghệ ô tô, Kế toán, ngành Luật
117	2	5		2.4.03	Kế hoạch, tiến độ đào tạo các lớp năm học 2021-2022; 2022-2023; 2023-2024
118	2	5		2.4.04	Phần mềm Quản lý đào tạo (hình ảnh, hợp đồng nâng cấp phần mềm QLĐT)
119	2	5	2.5.01		Thời khóa biểu theo các lớp, theo giáo viên hàng tuần
120	2	5	2.5.02		Báo cáo sơ kết/tổng kết năm học 2021-2022; năm học 2022-2023
121	2	6		2.4.03	Kế hoạch, tiến độ đào tạo các lớp năm học 2021-2022; 2022-2023; 2023-2024
122	2	6		2.5.01	Thời khóa biểu theo các lớp, theo giáo viên hàng tuần
123	2	6	2.6.01		Sổ lên lớp, giáo án, Sổ tay nhà giáo năm học 2021 – 2022; 2022-2023
124	2	6		2.3.14	Biên bản thanh tra, kiểm tra hoạt động đào tạo năm 2021, 2022, 2023 (thiếu 2021, 2023)
125	2	6		2.5.02	Báo cáo sơ kết/tổng kết năm học 2021-2022; năm học 2022-2023
126	2	7	2.7.01		Báo cáo đánh giá mức độ phù hợp giữa hoạt động đào tạo với mục tiêu, nội dung chương trình đào tạo năm học 2019-2020, 2020-2021, 2021-2022
127	2	7	2.7.02		Quyết định về việc ban hành Quy định công tác thực tập và đánh giá thực tập tại cơ sở
128	2	7	2.7.03		Kế hoạch thực tập tốt nghiệp các lớp Trung cấp K2018, K2019, K2020 – hệ chính quy
129	2	7	2.7.04		Danh sách đơn vị sử dụng lao động cho HSSV các lớp Trung cấp K2018, K2019, K2020 – hệ chính quy đến thực tập

Stt	Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Mã MC	Mã MC dùng chung	Tên minh chứng
130	2	7	2.7.05		Đề cương thực tập tốt nghiệp các lớp Trung cấp K2018, K2019, K2020
131	2	7	2.7.06		Danh sách giáo viên hướng dẫn thực tập tốt nghiệp các lớp Trung cấp K2018, K2019, K2020
132	2	7	2.7.07		Quyết định về việc cử người học đi thực tập tại đơn vị sử dụng lao động năm 2020, 2021, 2022
133	2	7	2.7.08		Danh sách người học đã được thực tập tại đơn vị sử dụng lao động năm 2020, 2021, 2022
134	2	7	2.7.09		Báo cáo kết quả thực tập của giáo viên hướng dẫn năm 2020, 2021, 2022
135	2	7	2.7.10		Hợp đồng/biên bản thỏa thuận với đơn vị sử dụng lao động về việc cho người học thực hành, thực tập tại đơn vị sử dụng lao động, trong đó thể hiện việc phối hợp với đơn vị sử dụng lao động trong tổ chức, hướng dẫn cho người học thực hành, thực tập.
136	2	7	2.7.11		Một số hình ảnh đi tham quan, thực tập của HSSV
137	2	8		2.1.02	Quyết định của Hiệu trưởng ngày 26/01/2021 về việc ban hành chương trình đào tạo các ngành trình độ Trung cấp, Cao đẳng năm 2021
138	2	8		2.3.12	Phần mềm Quản lý đào tạo
139	2	8		2.6.01	Sổ lên lớp, giáo án, Sổ tay nhà giáo năm học 2021 – 2022; 2022-2023
140	2	8	2.8.01		Kế hoạch, biên bản dự giờ năm 2021,2022,2023
			2.8.02		Kế hoạch thanh tra, kiểm tra hoạt động đào tạo năm 2021, 2022, 2023
			2.8.03		Hồ sơ Hội giảng cấp trường năm 2020, năm 2023; hồ sơ Hội giảng cấp Bộ năm 2021).
139	2	8	2.8.04		Phiếu khảo sát ý kiến của học sinh, sinh viên và giáo viên về phương pháp đào tạo năm học 2020-2021, 2021-2022. 2022-2023
140	2	8	2.8.05		Bảng tổng hợp ý kiến khảo sát của học sinh, sinh viên và giáo viên về phương pháp đào tạo năm học 2020-2021, 2021-2022, 2022-2023
141	2	8	2.8.06		Báo cáo kết quả khảo sát ý kiến học sinh, sinh viên và giáo viên về phương pháp đào tạo năm học 2020-2021, 2021-2022. 2022-2023

Stt	Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Mã MC	Mã MC dùng chung	Tên minh chứng
142	2	9		2.3.12	Phần mềm Quản lý đào tạo
143	2	9	2.9.01		Phần mềm thi trắc nghiệm
144	2	9	2.9.02		Phần mềm thực hành kế toán Misa
145	2	9	2.9.03		Bài giảng điện tử các mô đun, môn học
146	2	9	2.9.04		Cabin học lái xe ô tô
147	2	9	2.9.05		Quyết định: Phê duyệt kế hoạch Đầu tư, sửa chữa tài sản mua sắm vật tư, hóa chất phục vụ công tác đào tạo năm 2021, 2022, 2023
148	2	9		2.8.02	Phiếu khảo sát ý kiến của học sinh, sinh viên và giáo viên về phương pháp đào tạo năm học 2020-2021, 2021-2022. 2022-2023
149	2	9		2.8.03	Bảng tổng hợp ý kiến khảo sát của học sinh, sinh viên và giáo viên về phương pháp đào tạo năm học 2020-2021, 2021-2022, 2022-2023
150	2	9		2.8.04	Báo cáo kết quả khảo sát ý kiến học sinh, sinh viên và giáo viên về phương pháp đào tạo năm học 2020-2021, 2021-2022. 2022-2023
151	2	10		2.3.13	Kế hoạch thanh, kiểm tra hoạt động của nhà trường năm 2021, 2022, 2023 (thiếu 2021, 2022)
152	2	10		2.3.14	Biên bản thanh, kiểm tra hoạt động của nhà trường năm 2021, 2022, 2023 (thiếu 2021, 2023)
153	2	10	2.10.03		Báo cáo công tác thanh, kiểm tra hoạt động của nhà trường năm 2021, 2022, 2023 (thiếu 2021, 2023)
154	2	11		2.10.03	Báo cáo công tác thanh, kiểm tra hoạt động của nhà trường năm 2021, 2022, 2023 (thiếu 2021, 2023)
155	2	11	2.11.01		Tổng hợp các đề xuất nâng cao chất lượng dạy và học cho năm học 2020-2021, 2021-2022, 2022-2023
156	2	11	2.11.02		Báo cáo của các Khoa về việc điều chỉnh các hoạt động dạy và học theo đề xuất tại báo cáo tổng kết năm 2021, 2022, 2023
157	2	11	2.11.03		Kết quả khảo sát hiệu quả điều chỉnh công tác dạy và học học kỳ I năm học 2020-2021, 2021-2022, 2022-2023

Stt	Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Mã MC	Mã MC dùng chung	Tên minh chứng
158	2	12		2.4.01	Quyết định số 432/QĐ-CĐCS ngày 6/9/2021 của Hiệu trưởng nhà trường về Ban hành quy chế Đào tạo trực tuyến; Quyết định số 411/QĐ-CĐCS ngày 29/8/2022; QĐ 113/QĐ-CĐCS ngày 27/3/2023 của Hiệu trưởng nhà trường về Ban hành quy chế tổ chức đào tạo trình độ Trung cấp, trình độ Cao đẳng tại Trường Cao đẳng Công nghiệp Cao su.
159	2	12		2.2.03	Quyết định số 298B/QĐ-CĐCS ngày 28 tháng 6 năm 2018 về việc ban hành Quy định về đào tạo liên thông giữa các trình độ trong trường Cao đẳng Công nghiệp Cao su.
160	2	12	2.12.02		Quyết định số 103/QĐ-CĐCS ngày 22 tháng 3 năm 2023 về việc ban hành Quy chế tổ chức thi kết thúc môn học, mô đun các lớp trình độ Trung cấp, trình độ Cao đẳng tại Trường CĐ Công nghiệp Cao su
161	2	12	2.12.03		Quyết định số 73/QĐ-CĐCS ngày 16 tháng 3 năm 2022 về việc ban hành Quy chế công tác học sinh sinh viên nội trú; Quyết định số 74/QĐ-CĐCS ngày 16 tháng 3 năm 2022 về việc ban hành Quy chế công tác học sinh sinh viên ngoại trú
162	2	12	2.12.04		Hướng dẫn số 130/HD-CĐCS ngày 20 tháng 3 năm 2020 về việc thực hiện quy định về mẫu văn bằng - chứng chỉ; in, quản lý, cấp phát, thu hồi, hủy bỏ văn bằng – chứng chỉ
163	2	12	2.12.05		Sổ cấp phát chứng chỉ Anh văn, Tin học và bằng tốt nghiệp trình độ Cao đẳng, Trung cấp
164	2	13		1.2.01	Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp của Tổng cục trưởng Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp: Số 389/2017/GCNĐKHĐ-TCGDNN ngày 14 tháng 11 năm 2017; Số 45/2019/GCNĐKHĐ-TCGDNN ngày 30 tháng 5 năm 2019; Số 90a/2019/GCNĐKBS-TCGDNN ngày 03 tháng 6 năm 2021
165	2	13	2.13.01		Danh sách đơn vị sử dụng lao động tham gia thẩm định chương trình, giáo trình (2021)

Stt	Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Mã MC	Mã MC dùng chung	Tên minh chứng
166	2	13	2.13.02		Biên bản ký kết hợp tác số 275, 276, 277, 278. 279, 280, 281, 282/BBHT ngày 26 tháng 5 năm 2022 giữa Trường Cao đẳng Công nghiệp Cao su với Công ty Cổ phần Thái Việt Corporation, - Công ty Cổ phần Đầu tư Thái Bình - Công ty Cổ phần AUTO Bình Phước - Công ty Cổ phần Kim Tín MDF - Công ty Cổ phần Phát triển hạ tầng kỹ thuật Becamex – Bình Phước - Công ty Cổ phần Dịch vụ ô tô Thành phố mới Bình Dương - Bình Phước - Công ty TNHH MTV Toyota Bình Phước
167	2	13	2.13.03		Công văn số 507, 508, 509, 510, 511, 512/CĐCS-CTSV ngày 05 tháng 10 năm 2022 về việc gửi HSSV đi thực tập tốt nghiệp tại doanh nghiệp
168	2	13	2.13.04		Kế hoạch số: 564/KH-CĐCS ngày 16 tháng 11 năm 2021 về việc đánh giá kỹ năng nghề thực tập tốt nghiệp tại doanh nghiệp các lớp trung cấp Công nghệ ô tô Khóa 2019 - Kế hoạch số: 413/KH-CĐCS ngày 08 tháng 08 năm 2022 về việc đánh giá kỹ năng nghề thực tập tốt nghiệp tại doanh nghiệp các lớp trung cấp Công nghệ ô tô Khóa 2020
169	2	13	2.13.05		Biên bản hội thảo gắn kết đào tạo, đánh giá và sử dụng lao động có sự tham gia của các doanh nghiệp liên kết với trường
170	2	14		2.4.01	Quyết định số 432/QĐ-CĐCS ngày 6/9/2021 của Hiệu trưởng nhà trường về Ban hành quy chế Đào tạo trực tuyến; Quyết định số 411/QĐ-CĐCS ngày 29/8/2022; QĐ 113/QĐ-CĐCS ngày 27/3/2023 của Hiệu trưởng nhà trường về Ban hành quy chế tổ chức đào tạo trình độ Trung cấp, trình độ Cao đẳng tại Trường Cao đẳng Công nghiệp Cao su.
171	2	14		2.12.03	Quyết định số 103/QĐ-CĐCS ngày 22 tháng 3 năm 2023 về việc ban hành Quy chế tổ chức thi kết thúc môn học, mô đun các lớp trình độ Trung cấp, trình độ Cao đẳng tại Trường CĐ Công nghiệp Cao su
172	2	14		2.12.04	Quyết định số 73/QĐ-CĐCS ngày 16 tháng 3 năm 2022 về việc ban hành Quy chế công tác học sinh sinh viên nội trú - Quyết định số 74/QĐ-CĐCS ngày 16 tháng 3 năm 2022 về việc ban hành Quy chế công tác học sinh sinh viên ngoại trú

Stt	Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Mã MC	Mã MC dùng chung	Tên minh chứng
173	2	14	2.14.01		Kế hoạch coi và chấm thi lần 1 tuần 10 học kỳ 1 năm học 2021 – 2022 - Kế hoạch coi và chấm thi lần 1 tuần 20, 21 học kỳ 1 năm học 2022 – 2023 (các lớp tại trường) - Kế hoạch coi và chấm thi lần 1 tuần 38, 39 học kỳ 2 năm học 2022 – 2023 (các lớp trong trường)
174	2	14	2.14.02		Hồ sơ bài thi, BB thi kết thúc môn học, modun
175	2	14	2.14.03		Quyết định số: 08/QĐ-CĐCS năm 2021; QĐ số 54/QĐ-CĐCS năm 2022 về việc thành lập hội đồng tốt nghiệp văn hóa, tốt nghiệp chuyên môn
176	2	14	2.14.04		Thông báo số 609/TB-CĐCS năm 2021; Thông báo số 591/TB-CĐCS năm 2022 về việc tổ chức kỳ thi tốt nghiệp văn hóa cho học sinh các lớp hệ chính quy năm 2021; 2022
177	2	14	2.14.05		Các biên bản họp hội đồng thi TN 2021, 2022, 2023.
178	2	14	2.14.06		Quyết định số: 508/QĐ-CĐCS ngày 31 tháng 12 năm 2021 về việc công nhận danh sách học sinh sinh viên đủ điều kiện dự thi tốt nghiệp văn hóa các lớp Trung cấp K2019 và học sinh các lớp về thi lại tốt nghiệp năm 2021 - Quyết định số: 555/QĐ-CĐCS ngày 17 tháng 11 năm 2022 về việc công nhận danh sách học sinh sinh viên đủ điều kiện dự thi tốt nghiệp văn hóa các lớp Trung cấp K2020 năm 2022
179	2	14	2.14.07		Quyết định số: 509/QĐ-CĐCS năm 2021; Quyết định số: 346/QĐ-CĐCS năm 2022; Quyết định số: 12/QĐ-CĐCS năm 20223 về việc công nhận danh sách học sinh đủ điều kiện tốt nghiệp các lớp Trung cấp, Cao đẳng trong trường
180	2	14	2.14.08		Hồ sơ bài thi, BB thi tốt nghiệp 2021, 2022, 2023
181	2	14	2.14.09		Sổ cấp phát chứng chỉ Anh văn, Tin học và bằng tốt nghiệp trình độ Cao đẳng, Trung cấp
182	2	14	2.14.10		Biên bản họp hội đồng thi đua khen thưởng của trường về đánh giá rèn luyện
183	2	14	2.14.11		Các Quyết định công nhận đánh giá kết quả rèn luyện học kỳ, năm học.
184	2	14		2.3.14	Biên bản thanh tra của nhà trường về công tác đào tạo năm 2021, 2022, 2023 (thiếu năm 2021, 2022)
185	2	15		2.1.06	Bảng tổng hợp ý kiến của người học, nhà giáo, cán bộ quản lý về hoạt động đào tạo

Stt	Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Mã MC	Mã MC dùng chung	Tên minh chứng
186	2	15	2.15.01		Kế hoạch hàng năm về việc rà soát các quy định về kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp, đánh giá kết quả học tập, rèn luyện, cấp văn bằng, chứng chỉ
187	2	15	2.15.02		Báo cáo kết quả công tác rà soát các quy định về kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp, đánh giá kết quả học tập, rèn luyện, cấp văn bằng, chứng chỉ
188	2	15	2.15.03		Báo cáo/văn bản thể hiện việc sử dụng kết quả rà soát, đánh giá các quy định về kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp, đánh giá kết quả học tập, rèn luyện, cấp văn bằng, chứng chỉ hàng năm
189	2	16		1.2.01	Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp của Tổng cục trưởng Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp: Số 389/2017/GCNĐKHHĐ-TCGDNN ngày 14 tháng 11 năm 2017; Số 45/2019/GCNĐKHHĐ-TCGDNN ngày 30 tháng 5 năm 2019; Số 90a/2019/GCNĐKBS-TCGDNN ngày 03 tháng 6 năm 2021
190	2	16		2.1.06	Bảng tổng hợp ý kiến của người học, nhà giáo, cán bộ quản lý về hoạt động đào tạo
191	2	16	2.16.01		Thông tư Số: 27/2017/TT-BLĐTBXH ngày 21/9/2017 quy định về đào tạo liên thông giữa các trình độ trong giáo dục nghề nghiệp; Quyết định số: 298B /QĐ-CĐCS ngày 16/8/2018 ban hành quy định về đào tạo liên thông giữa các Trình độ trong Trường
192	2	16	2.16.02		Thông báo Số: 453 TB/CĐCS ngày 05/9/2022 về việc tuyển sinh Trung cấp, Cao đẳng liên thông hệ chính quy
193	2	16	2.16.03		Tiến độ giảng dạy lớp CD21KT-LT và lớp CD22KT-LT
194	2	16	2.16.04		Chương trình đào tạo liên thông Cao đẳng Kế toán; Chương trình đào tạo liên thông Cao đẳng Khoa học cây trồng; Chương trình đào tạo liên thông Cao đẳng công nghệ kỹ thuật Điện – Điện tử; Chương trình đào tạo liên thông Cao đẳng Công nghệ ô tô; Chương trình đào tạo liên thông Cao đẳng Công nghệ thông tin

Stt	Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Mã MC	Mã MC dùng chung	Tên minh chứng
195	2	16	2.16.05		Hợp đồng số:08/HĐCTTS-ĐHBD ngày 22/12/2021 cộng tác tuyển sinh; Hợp đồng số:55/HĐ-ĐHSPKTVL-SĐH ngày 01/7/2022 tổ chức lớp đại học hình thức vừa làm vừa học ngành công nghệ kỹ thuật ô tô; Biên bản thỏa thuận liên kết đào tạo số:60/BBTTLK/ĐTVLVH ngày 22/11/2022
196	2	16	2.16.06		Báo cáo kết quả tổ chức đào tạo liên thông của trường hàng năm (2021.2022.2023)
197	2	17		2.3.12	Phần mềm Quản lý đào tạo
198	2	17		2.1.06	Bảng tổng hợp ý kiến của người học, nhà giáo, cán bộ quản lý về hoạt động đào tạo
199	2	17		2.4.01	Quyết định số 432/QĐ-CĐCS ngày 6/9/2021 của Hiệu trưởng nhà trường về Ban hành quy chế Đào tạo trực tuyến; Quyết định số 411/QĐ-CĐCS ngày 29/8/2022; QĐ 113/QĐ-CĐCS ngày 27/3/2023 của Hiệu trưởng nhà trường về Ban hành quy chế tổ chức đào tạo trình độ Trung cấp, trình độ Cao đẳng tại Trường Cao đẳng Công nghiệp Cao su.
200	2	17	2.17.01		Thông tin về cơ sở dữ liệu các hoạt động đào tạo (xây dựng, lựa chọn, chỉnh sửa, bổ sung chương trình, giáo trình đào tạo; tuyển sinh; kiểm tra, thi, xét, công nhận tốt nghiệp; đánh giá kết quả học tập, rèn luyện, cấp văn bằng, chứng chỉ cho người học; khảo sát học sinh sau tốt nghiệp; khảo sát doanh nghiệp, đơn vị sử dụng lao động; cơ sở dữ liệu về nhà giáo; cơ sở vật chất thiết bị; thư viện)
201	2	17	2.17.02		Hợp đồng nâng cấp và bảo hành phần mềm BSC EMIS general số: 09052022/BSC-CNCS;...
202	2			1.4.04	Báo cáo tổng kết công tác năm 2021, 2022 của các phòng, khoa, trung tâm và các đơn vị trực thuộc trường: phòng Tài chính - Kế toán, phòng QLĐT, phòng CTSV, phòng Thanh tra - bảo vệ, khoa Kinh tế, khoa Điện-Điện tử, khoa Nông học, khoa Kỹ thuật công nghệ, trung tâm Giống cây trồng và trung tâm ĐT & SHLX

Stt	Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Mã MC	Mã MC dùng chung	Tên minh chứng
203	2			1.5.01	Báo cáo tổng kết công tác hàng năm 2020, 2021, 2022 của trường: Báo cáo số: 56/BC-CĐCS ngày 25/01/2021 báo cáo tổng kết hoạt động năm 2020 và phương hướng, nhiệm vụ năm 2021; Báo cáo số: 13/BC-CĐCS ngày 10/01/2022 báo cáo tổng kết hoạt động năm 2021 và phương hướng, nhiệm vụ năm 2022; Báo cáo số: 91/BC-CĐCS ngày 03/3/2023 báo cáo tổng kết hoạt động năm 2022 và phương hướng, nhiệm vụ năm 2023
204	3	1	3.1.01		QĐ 398/QĐ-CĐCS, Quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức
205	3	1	3.1.02		HD 449/HD-CĐCS, năm 2018 Hướng dẫn về đánh giá, phân loại nhà giáo.
206	3	1	3.1.03		HD 449/HD-CĐCS, năm 2020 Quy định về đánh giá, phân loại viên chức
207	3	1	3.1.04		Hướng dẫn tổng kết, phân loại năm 2022, 2021, Hướng dẫn tổng kết năm học 2022 – 2023, năm học 2021 - 2022
208	3	2		3.1.01	QĐ 398/QĐ-CĐCS, Quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức
209	3	2	3.2.01		Kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng hàng năm
210	3	2	3.2.02		Hồ sơ quy hoạch cán bộ hàng năm
211	3	2	3.2.03		Kết quả đánh giá, phân loại nhà giáo
212	3	2	3.2.04		Quyết định số 457 và 541/QĐ-CĐCS về việc công nhận kết quả phân loại cán bộ, viên chức năm 2021, 2022
213	3	2	3.2.05		Quyết định chi tiền khen thưởng A,B,C
214	3	2	3.2.06		Danh sách lao động hàng năm
215	3	2	3.2.07		Thông báo tuyển dụng trên website
216	3	2	3.2.08		Các văn bản dự thảo của nhà trường
217	3	2		1.5.01	Báo cáo tổng kết công tác hàng năm 2020, 2021, 2022 của trường: Báo cáo số: 56/BC-CĐCS ngày 25/01/2021 báo cáo tổng kết hoạt động năm 2020 và phương hướng, nhiệm vụ năm 2021; Báo cáo số: 13/BC-CĐCS ngày 10/01/2022 báo cáo tổng kết hoạt động năm 2021 và phương hướng, nhiệm vụ năm 2022; Báo cáo số: 91/BC-CĐCS ngày 03/3/2023 báo cáo tổng kết hoạt động năm 2022 và phương hướng, nhiệm vụ năm 2023
218	3	2	3.2.10		Kết quả khảo sát cán bộ, viên chức và người lao động

Stt	Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Mã MC	Mã MC dùng chung	Tên minh chứng
219	3	3	3.3.01		Danh sách trích ngang nhà giáo
220	3	3	3.3.02		Hồ sơ quản lý nhà giáo
221	3	3	3.3.03		Biên bản kiểm tra trình độ chuyên môn, nghiệp vụ của nhà giáo
222	3	3	3.3.04		Kết quả khảo sát y kiến nhà giáo, cán bộ quản lý
223	3	4		1.1.02	Quyết định số 387/QĐ-CĐCS ngày 21/10/2021 ban hành Quy chế tổ chức hoạt động Trường CĐ Công nghiệp Cao su; Quyết định số 200/QĐ-CĐCS ngày 15/5/2023 ban hành Quy chế tổ chức hoạt động Trường CĐ Công nghiệp Cao su
224	3	4	3.4.02		Các Quyết định ban hành Nội quy và quy định của trường năm 2020, 2021, 2022
225	3	4	3.4.03		DS cán bộ, quản lý và người lao động của trường CĐCN Cao su năm 2020, 2021, 2022
226	3	4	3.4.04		Hồ sơ quản lý nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức và người lao động.
227	3	4	3.4.05		QĐ 789 ngày 14/11/2016 về ban hành Quy chế đánh giá, xếp loại công chức, viên chức trường CDCN Cao su
228	3	4		3.1.04	Hướng dẫn Tổng kết hoạt động, phân loại viên chức, bình xét thi đua các năm 2020, 2021, 2022
229	3	4		3.2.03	Quyết định số 457 và 541/QĐ-CĐCS về việc công nhận kết quả phân loại cán bộ, viên chức năm 2021, 2022
230	3	4		3.2.09	Báo cáo tổng kết năm 2020, 2021, 2022
231	3	5	3.5.01		Danh sách trích ngang nhà giáo, modul , môn học giảng dạy, trình độ đào tạo 2020, 2021, 2022
232	3	5	3.5.02		Quy định của trường về chế độ làm việc của nhà giáo
233	3	5	3.5.03		Kế hoạch Đào tạo, lịch trình giảng dạy từng năm học
234	3	5	3.5.04		Bảng thống kê giờ giảng của nhà giáo hàng năm

Stt	Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Mã MC	Mã MC dùng chung	Tên minh chứng
235	3	5		1.5.01	Báo cáo tổng kết công tác hàng năm 2020, 2021, 2022 của trường: Báo cáo số: 56/BC-CĐCS ngày 25/01/2021 báo cáo tổng kết hoạt động năm 2020 và phương hướng, nhiệm vụ năm 2021; Báo cáo số: 13/BC-CĐCS ngày 10/01/2022 báo cáo tổng kết hoạt động năm 2021 và phương hướng, nhiệm vụ năm 2022; Báo cáo số: 91/BC-CĐCS ngày 03/3/2023 báo cáo tổng kết hoạt động năm 2022 và phương hướng, nhiệm vụ năm 2023
236	3	6	3.6.01	2.1.03	Quyết định số 451/QĐ-CĐCS ngày 05/10/2020 của Hiệu trưởng về việc ban hành chương trình đào tạo các ngành trình độ Trung cấp năm 2020; Quyết định số 151/QĐ-CĐCS ngày 03/02/2021 của Hiệu trưởng về việc ban hành chương trình đào tạo các ngành trình độ Trung cấp, Cao đẳng năm 2021
237	3	6	3.6.02		Kế hoạch năm học và Phân công giảng dạy của các Khoa các năm 2021, 2022, 2023.
238	3	6	3.6.03		Kế hoạch đào tạo cho từng ngành/nghề, theo từng học kỳ, năm học.
239	3	6		2.5.01	Thời khóa biểu lên lớp theo tuần của giảng viên
240	3	6	3.6.05		Danh sách trích ngang cán bộ giảng viên trường CĐCN Cao su năm 2021, 2022, 2023.
241	3	6	3.6.06		Danh sách tổng hợp bằng cấp, chứng chỉ chuyên môn nghiệp vụ nhà giáo năm 2021, 2022, 2023.
242	3	6	3.6.07		Hồ sơ giáo án môn học của giảng viên năm 2021, 2022, 2023
243	3	6		2.6.01	Sổ lên lớp
244	3	6	3.6.09		Các Kế hoạch dự giờ năm 2021, 2022, 2023
245	3	6	3.6.10		Biên bản họp đánh giá tiết dự giờ của ban Phương pháp năm 2021, 2022, 2023
246	3	6	3.6.11		Bảng thống kê kết quả lấy ý kiến người học năm 2021, 2022, 2023
247	3	7	3.7.01		Quyết định số 323/QĐ-CĐCS ngày 12/04/2016 của Hiệu trưởng trường CĐCN Cao su về việc Ban hành quy chế Đào tạo bồi dưỡng CB-VC trường Cao đẳng Công nghiệp Cao su.
248	3	7		3.2.01	Kế hoạch đào tạo bồi dưỡng hàng năm.

Stt	Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Mã MC	Mã MC dùng chung	Tên minh chứng
249	3	7	3.7.03		Các quyết định cử nhà giáo đi đào tạo bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, đổi mới phương pháp giảng dạy (Danh sách kèm theo).
250	3	7	3.7.04		Hướng dẫn số 258/HD-CĐCS ngày 25/05/2021; số 182/HD-CĐCS ngày 13/04/2022 và số 241/HD-CĐCS ngày 15/05/2023 về việc thực hiện chế độ công tác giáo viên năm 2021, 2022, 2023
251	3	7	3.7.05		Hồ sơ thanh toán kinh phí học tập và bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, đổi mới phương pháp giảng dạy.
252	3	7	3.7.06		Báo cáo việc thực hiện các chính sách, biện pháp khuyến khích nhà giáo học tập và tự bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, đổi mới phương pháp giảng dạy.
253	3	8		2.4.01	Quyết định số 411/QĐ-CĐCS ngày 29/8/2022 của Hiệu trưởng nhà trường về Ban hành quy chế tổ chức đào tạo trình độ Trung cấp, trình độ Cao đẳng tại Trường Cao đẳng Công nghiệp Cao su.
254	3	8		3.2.01	Kế hoạch đào tạo bồi dưỡng hàng năm.
255	3	8	3.8.01		Các Đề nghị đi đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, đổi mới phương pháp giảng dạy của các bộ phận.
256	3	8		3.7.03	Các quyết định cử các nhà giáo đi đào tạo bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, đổi mới phương pháp giảng dạy (Danh sách kèm theo).
257	3	8	3.8.03		Các văn bằng, chứng chỉ hoặc giấy chứng nhận của đội ngũ nhà giáo sau khi hoàn thành khóa học.
258	3	8	3.8.04		Báo cáo học tập và bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, đổi mới phương pháp giảng dạy của đội ngũ nhà giáo.
259	3	9		3.6.05	Danh sách trích ngang nhà giáo: họ và tên; mô-đun, môn học đang giảng dạy; trình độ đào tạo; nghiệp vụ sư phạm; kỹ năng thực hành; ngoại ngữ; tin học.
260	3	9		3.7.01	Quyết định số 323/QĐ-CĐCS ngày 12/04/2016 của Hiệu trưởng trường CDCN Cao su về việc Ban hành quy chế Đào tạo bồi dưỡng CB-VC trường Cao đẳng Công nghiệp Cao su.
261	3	9		3.7.02	Kế hoạch đào tạo bồi dưỡng hàng năm.

Stt	Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Mã MC	Mã MC dùng chung	Tên minh chứng
262	3	9	3.9.02		Thông báo về việc đăng ký giảng viên đi bồi dưỡng, thực tập cơ sở
263	3	9	3.9.03		Các Đề nghị đi bồi dưỡng, thực tập tại đơn vị sử dụng lao động để cập nhật kiến thức, công nghệ, phương pháp tổ chức quản lý sản xuất theo quy định và thực hiện theo quy định đặc thù của ngành, của các bộ phận.
264	3	9		3.7.03	Các quyết định cử nhà giáo đi bồi dưỡng, thực tập tại đơn vị sử dụng lao động hoặc Công văn gửi tới các cơ sở (Có danh sách kèm theo).
265	3	9		3.8.03	Các văn bằng, chứng chỉ, giấy chứng nhận của đội ngũ nhà giáo sau khi hoàn thành khóa học hoặc công văn gửi đến các cơ sở, hình ảnh có tham gia khóa học
266	3	9		3.8.04	Báo cáo học tập và bồi dưỡng, thực tập tại đơn vị sử dụng lao động của đội ngũ nhà giáo.
267	3	10		3.7.02	Các kế hoạch đào tạo bồi dưỡng năm 2020, 2021, 2022
268	3	10		3.7.03	Các QĐ cử giáo viên đi đào tạo, bồi dưỡng năm 2020, 2021, 2022
269	3	10		3.8.04	Các báo cáo của học viên khi đã hoàn thành khóa đào tạo, bồi dưỡng
270	3	10		1.5.01	Báo cáo tổng kết công tác hàng năm 2020, 2021, 2022 của trường: Báo cáo số: 56/BC-CĐCS ngày 25/01/2021 báo cáo tổng kết hoạt động năm 2020 và phương hướng, nhiệm vụ năm 2021; Báo cáo số: 13/BC-CĐCS ngày 10/01/2022 báo cáo tổng kết hoạt động năm 2021 và phương hướng, nhiệm vụ năm 2022; Báo cáo số: 91/BC-CĐCS ngày 03/3/2023 báo cáo tổng kết hoạt động năm 2022 và phương hướng, nhiệm vụ năm 2023
271	3	11	3.11.01		Danh sách trích ngang Hiệu trưởng, Phó Hiệu trưởng
272	3	11	3.11.02		Hồ sơ bổ nhiệm lần đầu, bổ nhiệm lại Hiệu trưởng
273	3	11	3.11.03		Quyết định bổ nhiệm, bổ nhiệm lại Hiệu trưởng
274	3	11	3.11.04		Quyết định bổ nhiệm Phó Hiệu trưởng
275	3	11	3.11.05		Quyết định phân công nhiệm vụ của Ban Giám hiệu năm 2020, 2021, 2022
276	3	11	3.11.06		Nhận xét đánh giá Hiệu trưởng, Phó Hiệu trưởng năm 2020, 2021, 2022
277	3	11	3.11.07		Biên bản Hội nghị cán bộ chủ chốt lấy ý kiến nhận xét Ban Giám hiệu năm 2020, 2021, 2022

Stt	Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Mã MC	Mã MC dùng chung	Tên minh chứng
278	3	11		1.5.01	Báo cáo tổng kết công tác hàng năm 2020, 2021, 2022 của trường: Báo cáo số: 56/BC-CĐCS ngày 25/01/2021 báo cáo tổng kết hoạt động năm 2020 và phương hướng, nhiệm vụ năm 2021; Báo cáo số: 13/BC-CĐCS ngày 10/01/2022 báo cáo tổng kết hoạt động năm 2021 và phương hướng, nhiệm vụ năm 2022; Báo cáo số: 91/BC-CĐCS ngày 03/3/2023 báo cáo tổng kết hoạt động năm 2022 và phương hướng, nhiệm vụ năm 2023
279	3	12		1.1.02	Quyết định số 387/QĐ-CĐCS ngày 21/10/2021 ban hành Quy chế tổ chức hoạt động Trường Đ Công nghiệp Cao su; Quyết định số 200/QĐ-CĐCS ngày 15/5/2023 ban hành Quy chế tổ chức hoạt động Trường Đ Công nghiệp Cao su
280	3	12	3.12.01		Danh sách trích ngang đội ngũ cán bộ quản lý của trường
281	3	12		3.2.02	Hồ sơ quản lý cán bộ
282	3	12		3.2.03	Quyết định số 457 và 541/QĐ-CĐCS về việc công nhận kết quả phân loại cán bộ, viên chức năm 2021, 2022
283	3	12		1.4.04	Báo cáo tổng kết năm của các đơn vị trực thuộc 2021, 2022
284	3	12		1.5.01	Báo cáo tổng kết công tác hàng năm 2020, 2021, 2022 của trường: Báo cáo số: 56/BC-CĐCS ngày 25/01/2021 báo cáo tổng kết hoạt động năm 2020 và phương hướng, nhiệm vụ năm 2021; Báo cáo số: 13/BC-CĐCS ngày 10/01/2022 báo cáo tổng kết hoạt động năm 2021 và phương hướng, nhiệm vụ năm 2022; Báo cáo số: 91/BC-CĐCS ngày 03/3/2023 báo cáo tổng kết hoạt động năm 2022 và phương hướng, nhiệm vụ năm 2023
285	3	13		3.12.01	Danh sách trích ngang đội ngũ cán bộ quản lý của trường
286	3	13		3.12.02	Hồ sơ quản lý cán bộ
287	3	13	3.13.03		Quyết định số 105/QĐ-CSVN về việc bổ nhiệm chức vụ Kế toán trưởng kiêm Trưởng phòng Kế toán trường cao đẳng Công nghiệp Cao su
288	3	13	3.13.04		Hồ sơ bổ nhiệm Kế toán trưởng
289	3	13	3.13.05		Quyết định bổ nhiệm các chức danh quản lý
290	3	13		1.4.04	Báo cáo tổng kết năm của các đơn vị trực thuộc 2021, 2022

Stt	Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Mã MC	Mã MC dùng chung	Tên minh chứng
291	3	13		1.5.01	Báo cáo tổng kết công tác hàng năm 2020, 2021, 2022 của trường: Báo cáo số: 56/BC-CĐCS ngày 25/01/2021 báo cáo tổng kết hoạt động năm 2020 và phương hướng, nhiệm vụ năm 2021; Báo cáo số: 13/BC-CĐCS ngày 10/01/2022 báo cáo tổng kết hoạt động năm 2021 và phương hướng, nhiệm vụ năm 2022; Báo cáo số: 91/BC-CĐCS ngày 03/3/2023 báo cáo tổng kết hoạt động năm 2022 và phương hướng, nhiệm vụ năm 2023
292	3	13		3.2.03	Quyết định số 457 và 541/QĐ-CĐCS về việc công nhận kết quả phân loại cán bộ, viên chức năm 2021, 2022
293	3	14	3.14.01	3.7.02	Kế hoạch về việc đào tạo, bồi dưỡng cán bộ năm 2023
294	3	14	3.14.02		Các Tờ trình xin kinh phí đào, tạo bồi dưỡng cán bộ của Trường hàng năm 2021, 2022, 2023
295	3	14	3.14.03		Các Quyết định về việc phê duyệt kinh phí đào tạo, bồi dưỡng hàng năm của Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam năm 2020, 2021, 2022
296	3	14	3.14.04		Danh sách cử cán bộ đi tập huấn hàng năm
297	3	14	3.14.05	3.7.03	Các quyết định cử nhà giáo đi bồi dưỡng, thực tập tại đơn vị sử dụng lao động hoặc Công văn gửi tới các cơ sở (Có danh sách kèm theo).
298	3	14	3.14.06		Các văn bằng chứng chỉ của cán bộ đi tập huấn hàng năm 2021, 2022, 2023
299	3	14	3.14.07	3.8.04	Các báo cáo của học viên khi đã hoàn thành khóa đào tạo, bồi dưỡng
300	3	14	3.14.08		Bồi dưỡng Chính trị cho cán bộ quản lý hàng năm
301	3	14	3.14.09		Tờ trình cử cán bộ đi tham quan học tập tại nước ngoài
302	3	15	3.15.01		Danh sách của Viên chức và người lao động của trường (trình độ chuyên môn, thời gian công tác, vị trí công việc...)
303	3	15		3.9.01	Danh sách trích ngang nhà giáo: họ và tên; mô-đun, môn học đang giảng dạy; trình độ đào tạo; nghiệp vụ sư phạm; kỹ năng thực hành; ngoại ngữ; tin học
304	3	15	3.15.03		Hồ sơ quản lý viên chức, người lao động
305	3	15	3.15.04	3.7.02	Các kế hoạch đào tạo bồi dưỡng năm 2020, 2021, 2022
306	3	15	3.15.05	3.7.03	Các quyết định cử nhà giáo đi bồi dưỡng, thực tập tại đơn vị sử dụng lao động hoặc Công văn gửi tới các cơ sở (Có danh sách kèm theo).

Stt	Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Mã MC	Mã MC dùng chung	Tên minh chứng
307	3	15		1.5.01	Báo cáo tổng kết công tác hàng năm 2020, 2021, 2022 của trường: Báo cáo số: 56/BC-CĐCS ngày 25/01/2021 báo cáo tổng kết hoạt động năm 2020 và phương hướng, nhiệm vụ năm 2021; Báo cáo số: 13/BC-CĐCS ngày 10/01/2022 báo cáo tổng kết hoạt động năm 2021 và phương hướng, nhiệm vụ năm 2022; Báo cáo số: 91/BC-CĐCS ngày 03/3/2023 báo cáo tổng kết hoạt động năm 2022 và phương hướng, nhiệm vụ năm 2023
308	3	15	3.15.07		Quyết định xếp loại thi đua hàng năm của nhà trường 2021, 2022, 2023
309	3	15		3.8.08	Các văn bằng, chứng chỉ hoặc giấy chứng nhận của đội ngũ viên chức, người lao động sau khi hoàn thành khóa học.
310	3	15	3.15.09		Báo cáo kết quả học tập bồi dưỡng của viên chức, người lao động được cử đi học
311	4	1		1.2.01	Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp số 389/2017/GCNĐKHH-TCGDNN ngày 14/11/2017; Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp số 45/2017/GCNĐKHH-TCGDNN ngày 30/05/2019; Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp số 90/2019/GCNĐKBS - TCGDNN ngày 16/9/2019; Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp số 90a/2019/GCNĐKBS - TCGDNN ngày 03/6/2021.
312	4	1		2.1.01	Bảng thống kê các ngành, nghề đào tạo của trường đến năm 2021, 2022, 2023
313	4	1		2.1.02	Quyết định số 451B/QĐ-CĐCS năm 2020; Quyết định số 592/QĐ-CĐCS năm 2022 của Hiệu trưởng về việc ban hành chương trình đào tạo các ngành trình độ Trung cấp ; Quyết định số 606/QĐ-CĐCS ngày 20/12/2022 của Hiệu trưởng về việc ban hành chương trình đào tạo các ngành trình độ Cao đẳng
314	4	2	4.2.01		Kế hoạch xây dựng chương trình đào tạo
315	4	2	4.2.02		Hướng dẫn số 03B/HD-CĐCS ngày 04/01/2021 về việc xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo trình độ Cao đẳng, Trung cấp
316	4	2	4.2.03		Các Quyết định về việc thành lập các Ban chủ nhiệm, tổ biên soạn chương trình đào tạo trình độ Cao đẳng, trung cấp năm 2021,2022,2023).

Stt	Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Mã MC	Mã MC dùng chung	Tên minh chứng
317			4.2.04		Các Quyết định thành lập Hội đồng thẩm định chương trình đào tạo các năm 2021, 2022, 2023.
318	4	2	4.2.05		Các biên bản trong quá trình biên soạn, lựa chọn thẩm định chương trình các năm 2021,2022,2023
319	4	2		2.1.02	Quyết định số 451B/QĐ-CĐCS năm 2020; Quyết định số 592/QĐ-CĐCS năm 2022 của Hiệu trưởng về việc ban hành chương trình đào tạo các ngành trình độ Trung cấp ; Quyết định số 606/QĐ-CĐCS ngày20/12/2022 của Hiệu trưởng về việc ban hành chương trình đào tạo các ngành trình độ Cao đẳng
320	4	2	4.2.06		Danh sách trích ngang các thành viên tham gia Ban chủ nhiệm, Hội đồng thẩm định và biên soạn chương trình năm 2021, 2022, 2023
321	4	3		2.1.02	Quyết định số 451B/QĐ-CĐCS năm 2020; Quyết định số 592/QĐ-CĐCS năm 2022 của Hiệu trưởng về việc ban hành chương trình đào tạo các ngành trình độ Trung cấp ; Quyết định số 606/QĐ-CĐCS ngày20/12/2022 của Hiệu trưởng về việc ban hành chương trình đào tạo các ngành trình độ Cao đẳng
322	4	3	4.3.01		Quyết định ban hành chuẩn đầu ra của từng chương trình đào tạo
323	4	3	4.3.02		Chương trình chi tiết các mô-đun, môn học theo từng ngành, nghề đã được ban hành (7 CĐ, 10 TC, 25 SC)
324	4	3		2.4.01	Quyết định số 432/QĐ-CĐCS ngày 6/9/2021 của Hiệu trưởng nhà trường về Ban hành quy chế Đào tạo trực tuyến; Quyết định số 411/QĐ-CĐCS ngày 29/8/2022; QĐ 113/QĐ-CĐCS ngày 27/3/2023 của Hiệu trưởng nhà trường về Ban hành quy chế tổ chức đào tạo trình độ Trung cấp, trình độ Cao đẳng tại Trường Cao đẳng Công nghiệp Cao su.
325	4	3		2.14.07	Quyết định số: 509/QĐ-CĐCS năm 2021; Quyết định số: 346/QĐ-CĐCS năm 2022; Quyết định số: 12/QĐ-CĐCS năm 20223 về việc công nhận danh sách học sinh đủ điều kiện tốt nghiệp các lớp Trung cấp, Cao đẳng trong trường
326	4	4		4.2.03	Các quyết định thành lập Ban chủ nhiệm/ Tổ biên soạn/lựa chọn chương trình đào tạo năm 2020, 2021, 2022
327	4	4		4.2.04	Quyết định thành lập Hội đồng thẩm định chương trình đào tạo năm 2020,

Stt	Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Mã MC	Mã MC dùng chung	Tên minh chứng
					2021, 2022;
328	4	4		4.2.05	Các biên bản trong quá trình biên soạn/lựa chọn, thẩm định chương trình đào tạo năm 2020, 2021, 2022
329	4	4		2.1.02	Quyết định số 451B/QĐ-CĐCS năm 2020; Quyết định số 592/QĐ-CĐCS năm 2022 của Hiệu trưởng về việc ban hành chương trình đào tạo các ngành trình độ Trung cấp ; Quyết định số 606/QĐ-CĐCS ngày 20/12/2022 của Hiệu trưởng về việc ban hành chương trình đào tạo các ngành trình độ Cao đẳng
330	4	4		4.2.06	Danh sách trích ngang các thành viên tham gia Ban chủ nhiệm, Hội đồng thẩm định và biên soạn chương trình năm 2021, 2022, 2023
331	4	4		2.4.05	Kế hoạch, phiếu khảo sát cán bộ quản lý, giáo viên dạy nghề, doanh nghiệp và người học về phương thức đào tạo đáp ứng yêu cầu học tập của người học; Bảng tổng hợp kết quả khảo sát về phương thức đào tạo đáp ứng yêu cầu học tập của người học
332	4	5		2.1.02	Quyết định số 451B/QĐ-CĐCS năm 2020; Quyết định số 592/QĐ-CĐCS năm 2022 của Hiệu trưởng về việc ban hành chương trình đào tạo các ngành trình độ Trung cấp ; Quyết định số 606/QĐ-CĐCS ngày 20/12/2022 của Hiệu trưởng về việc ban hành chương trình đào tạo các ngành trình độ Cao đẳng
333	4	5		2.1.03	Quyết định số 298/QĐ-CĐCS ngày 28/6/2018 của Hiệu trưởng về việc ban hành Quy định về đào tạo liên thông giữa các trình độ trong Trường Cao đẳng Công nghiệp Cao su
334	4	5		2.4.05	Kế hoạch, phiếu khảo sát cán bộ quản lý, giáo viên dạy nghề, doanh nghiệp và người học về phương thức đào tạo đáp ứng yêu cầu học tập của người học; Bảng tổng hợp kết quả khảo sát về phương thức đào tạo đáp ứng yêu cầu học tập của người học
				4.5.02	Công văn xin ý kiến của đơn vị sử dụng lao động đối với từng chương trình đào tạo.
				4.5.03	Phiếu khảo sát doanh nghiệp, đơn vị sử dụng lao động trong các năm, Tổng hợp ý kiến đóng góp của doanh nghiệp về chương trình đào tạo trong các năm

Stt	Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Mã MC	Mã MC dùng chung	Tên minh chứng
			4.5.04		Phiếu khảo sát cựu học sinh sinh viên đã tốt nghiệp và đi làm trong các năm, Tổng hợp thông tin từ ý kiến học sinh trong khi học và sau khi tốt nghiệp đã đi làm về chương trình đào tạo trong các năm
335	4	5		4.5.01	Biên bản Hội thảo hiệu chỉnh chương trình đào tạo
336	4	6		2.1.02	Quyết định số 451B/QĐ-CĐCS năm 2020; Quyết định số 592/QĐ-CĐCS năm 2022 của Hiệu trưởng về việc ban hành chương trình đào tạo các ngành trình độ Trung cấp ; Quyết định số 606/QĐ-CĐCS ngày 20/12/2022 của Hiệu trưởng về việc ban hành chương trình đào tạo các ngành trình độ Cao đẳng
337	4	6		2.1.03	Quyết định số 298/QĐ-CĐCS ngày 28/6/2018 của Hiệu trưởng về việc ban hành Quy định về đào tạo liên thông giữa các trình độ trong Trường Cao đẳng Công nghiệp Cao su
338	4	6	4.6.01		Thông báo tuyển sinh Cao đẳng, Đại học liên thông
339	4	6	4.6.02		Quyết định trúng tuyển lớp liên thông Đại học ngành Công nghệ ô tô, Kế toán, ngành Luật.
340	4	6	4.6.03		Hợp đồng thỏa thuận đào tạo với cơ sở đại học
					4.6.04 - Chương trình đào tạo liên thông trình độ đại học của cơ sở giáo dục đại học.
					4.6.05 - Quy định về công nhận giá trị chuyển đổi kết quả học tập và khối lượng kiến thức, kỹ năng đã tích lũy của người học được miễn trừ khi học chương trình đào tạo liên thông đã được cơ sở giáo dục đại học ban hành.
					4.6.06 - Thông báo của trường về khả năng liên thông với trình độ đại học
	4	7		1.2.01-	GCN đăng ký hoạt động GDNN Số 90/2019/GCNĐKHĐ-TCGDNN ngày 16/9/2019 Giấy phép hoạt động GDNN; Số 90a/2019/GCNĐKBS-TCGDNN ngày 03 tháng 6 năm 2021
	4	7	1.7.01		– Quyết định ban hành chương trình đào tạo các trình độ, các ngành (lần đầu)
342	4	7		4.2.03	Các Quyết định về việc thành lập các Ban chủ nhiệm, tổ biên soạn chương trình đào tạo trình độ Cao đẳng, trung cấp năm 2021, 2022, 2023
343	4	7		4.2.04	Các Quyết định thành lập Hội đồng thẩm định chương trình đào tạo các năm

Stt	Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Mã MC	Mã MC dùng chung	Tên minh chứng
					2021, 2022, 2023
344	4	7		4.2.05	Các biên bản trong quá trình biên soạn/lựa chọn, thẩm định chương trình đào tạo năm 2020, 2021, 2022
345	4	7		4.2.06	Danh sách trích ngang các thành viên tham gia Ban chủ nhiệm, Hội đồng thẩm định và biên soạn chương trình năm 2021, 2022, 2023
	4	7		2.1.02	Quyết định số 451B/QĐ-CĐCS năm 2020; Quyết định số 592/QĐ-CĐCS năm 2022 của Hiệu trưởng về việc ban hành chương trình đào tạo các ngành trình độ Trung cấp; Quyết định số 606/QĐ-CĐCS ngày 20/12/2022 của Hiệu trưởng về việc ban hành chương trình đào tạo các ngành trình độ Cao đẳng
	4	8		1.7.01	Quyết định ban hành chương trình đào tạo các trình độ, các ngành (lần đầu)
346	4	8		2.1.02	Quyết định số 451B/QĐ-CĐCS năm 2020; Quyết định số 592/QĐ-CĐCS năm 2022 của Hiệu trưởng về việc ban hành chương trình đào tạo các ngành trình độ Trung cấp ; Quyết định số 606/QĐ-CĐCS ngày 20/12/2022 của Hiệu trưởng về việc ban hành chương trình đào tạo các ngành trình độ Cao đẳng
347	4	8		4.8.01	Các chương trình đào tạo tương ứng của nước ngoài
348	4	8		4.8.02	Danh mục và chương trình tiên tiến trên thế giới
349	4	9		2.1.02	Quyết định số 451B/QĐ-CĐCS năm 2020; Quyết định số 592/QĐ-CĐCS năm 2022 của Hiệu trưởng về việc ban hành chương trình đào tạo các ngành trình độ Trung cấp ; Quyết định số 606/QĐ-CĐCS ngày 20/12/2022 của Hiệu trưởng về việc ban hành chương trình đào tạo các ngành trình độ Cao đẳng
350	4	9		2.1.03	Quyết định số 298/QĐ-CĐCS ngày 28/6/2018 của Hiệu trưởng về việc ban hành Quy định về đào tạo liên thông giữa các trình độ trong Trường Cao đẳng Công nghiệp Cao su
351	4	9	4.9.01		Các biên bản rà soát miễn giảm mô-đun, tín chỉ cho người học liên thông từ trình độ trung cấp lên cao đẳng
352	4	9	4.9.02		Quyết định miễn các mô-đun, tín chỉ, môn học đối với người học liên thông từ trung cấp lên cao đẳng

Stt	Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Mã MC	Mã MC dùng chung	Tên minh chứng
353	4	9		2.16.04	Chương trình đào tạo liên thông Cao đẳng Kế toán; Cao đẳng Khoa học cây trồng; Cao đẳng công nghệ kỹ thuật Điện – Điện tử; Cao đẳng Công nghệ ô tô; Cao đẳng Công nghệ thông tin
354	4	10		1.2.01	Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp số 389/2017/GCNĐKHĐ-TCGDNN ngày 14/11/2017; Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp số 45/2017/GCNĐKHĐ-TCGDNN ngày 30/05/2019; Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp số 90/2019/GCNĐKBS - TCGDNN ngày 16/9/2019; Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp số 90a/2019/GCNĐKBS - TCGDNN ngày 03/6/2021
355	4	10		2.1.02	Quyết định số 451B/QĐ-CĐCS năm 2020; Quyết định số 592/QĐ-CĐCS năm 2022 của Hiệu trưởng về việc ban hành chương trình đào tạo các ngành trình độ Trung cấp ; Quyết định số 606/QĐ-CĐCS ngày 20/12/2022 của Hiệu trưởng về việc ban hành chương trình đào tạo các ngành trình độ Cao đẳng
356	4	10	4.10.01		Danh sách thống kê giáo trình cho từng mô-đun, môn học của các chương trình đào tạo
357	4	10	4.10.02		Quyết định phê duyệt và cho phép đưa giáo trình vào sử dụng
358	4	10	4.10.03		Bản in các giáo trình đã được lựa chọn của các ngành nghề đào tạo
359	4	11		1.2.01	Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp số 389/2017/GCNĐKHĐ-TCGDNN ngày 14/11/2017; Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp số 45/2017/GCNĐKHĐ-TCGDNN ngày 30/05/2019; Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp số 90/2019/GCNĐKBS - TCGDNN ngày 16/9/2019; Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp số 90a/2019/GCNĐKBS - TCGDNN ngày 03/6/2021 của Tổng cục trưởng Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp.
360	4	11	4.11.01		Kế hoạch về việc xây dựng, rà soát, điều chỉnh và bổ sung giáo trình năm 2021

Stt	Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Mã MC	Mã MC dùng chung	Tên minh chứng
361	4	11	4.11.02		Các Quyết định về việc thành lập các Ban chủ nhiệm, tổ biên soạn chương trình đào tạo trình độ Cao đẳng, trung cấp năm 2021,2022,2023).
362	4	11	4.11.03		Quyết định thành lập hội đồng thẩm định giáo trình năm 2021
363	4	11	4.11.04		Các biên bản họp của hội đồng chuyên môn về rà soát, điều chỉnh và bổ sung giáo trình trong các năm 2021
364	4	11	4.11.05		Biên bản tổng hợp các ý kiến đóng góp của các chuyên gia về rà soát, điều chỉnh và bổ sung giáo trình trong các năm 2021
365	4	11	4.11.06		Biên bản thẩm định giáo trình đào tạo trong các năm 2021
366	4	11	4.11.07		Các quyết định phê duyệt, công nhận giáo trình và tài liệu giảng dạy cho từng mô-đun, môn học của chương trình đào tạo của trường 2021
367	4	11		4.10.01	Danh sách thống kê giáo trình cho từng mô-đun, môn học của các chương trình đào tạo
368				4.10.02	Quyết định phê duyệt và cho phép đưa giáo trình vào sử dụng
369				4.10.03	Bản in hoặc bản điện tử các giáo trình
370			4.11.08		Phiếu khảo sát ý kiến của học sinh, sinh viên và giáo viên về giáo trình đào tạo năm học 2020-2021, 2021-2022. 2022-2023
371			4.11.09		Báo cáo tổng hợp ý kiến của học sinh, sinh viên và giáo viên về giáo trình đào tạo năm học 2020-2021, 2021-2022. 2022-2023
372	4	12		1.2.01	Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp số 389/2017/GCNĐKHHĐ-TCGDNN ngày 14/11/2017; Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp số 45/2017/GCNĐKHHĐ-TCGDNN ngày 30/05/2019; Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp số 90/2019/GCNĐKBS - TCGDNN ngày 16/9/2019; Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp số 90a/2019/GCNĐKBS - TCGDNN ngày 03/6/2021 của Tổng cục trưởng Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp.
373	4	12		2.1.01	Bảng thống kê các ngành, nghề đào tạo của trường năm 2021, 2022, 2023

Stt	Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Mã MC	Mã MC dùng chung	Tên minh chứng
374	4	12		2.1.02	Quyết định số 451B/QĐ-CĐCS năm 2020; Quyết định số 592/QĐ-CĐCS năm 2022 của Hiệu trưởng về việc ban hành chương trình đào tạo các ngành trình độ Trung cấp ; Quyết định số 606/QĐ-CĐCS ngày 20/12/2022 của Hiệu trưởng về việc ban hành chương trình đào tạo các ngành trình độ Cao đẳng
375	4	12		4.11.07	Các quyết định phê duyệt, công nhận giáo trình và tài liệu giảng dạy cho từng mô-đun, môn học của chương trình đào tạo của trường năm 2021
376	4	12		4.10.01	Danh sách thống kê giáo trình cho từng mô-đun, môn học của các chương trình đào tạo
377	4	12		4.10.02	Quyết định phê duyệt và cho phép đưa giáo trình vào sử dụng
378	4	12		4.10.03	Bản in hoặc bản điện tử các giáo trình
379		12		4.11.08	Phiếu khảo sát ý kiến của giáo viên về giáo trình đào tạo năm học 2020-2021, 2021-2022. 2022-2023
380		12		4.11.09	Báo cáo tổng hợp ý kiến của học sinh, sinh viên và giáo viên về giáo trình đào tạo năm học 2020-2021, 2021-2022. 2022-2023
381	4	13		1.2.01	Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp số 389/2017/GCNĐKHHĐ-TCGDNN ngày 14/11/2017; Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp số 45/2017/GCNĐKHHĐ-TCGDNN ngày 30/05/2019; Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp số 90/2019/GCNĐKBS - TCGDNN ngày 16/9/2019; Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp số 90a/2019/GCNĐKBS - TCGDNN ngày 03/6/2021 của Tổng cục trưởng Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp.
382	4	13		2.1.01	Bảng thống kê các ngành, nghề đào tạo của trường năm 2021, 2022, 2023
383	4	13		4.10.01	Danh sách thống kê giáo trình cho từng mô-đun, môn học của các chương trình đào tạo
384	4	13		4.10.02	Quyết định phê duyệt và cho phép đưa giáo trình vào sử dụng
385	4	13		4.10.03	Bản in hoặc bản điện tử các giáo trình
386	4	13	4.13.01		Hồ sơ giáo viên tham gia hội thi giáo viên dạy giỏi cấp khoa, trường, cấp tỉnh và cấp bộ năm 2021, 2023

Stt	Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Mã MC	Mã MC dùng chung	Tên minh chứng
387	4	13	4.13.02		Các quyết định khen thưởng nhà giáo tham gia các hội thi giáo viên dạy giỏi các năm 2021, 2023
388	4	13	4.13.03		Báo cáo tổng hợp ý kiến khảo sát và báo cáo kết quả khảo sát về giáo trình đào tạo của người học, nhà giáo năm 2021, 2023
	4	14	4.14.01		Kế hoạch khảo sát, lấy ý kiến của các bên liên quan phục vụ công tác đảm bảo chất lượng của nhà trường năm học 2023 – 2024
	4	14	4.14.02		Danh sách nhà giáo, cán bộ quản lý, cán bộ khoa học kỹ thuật của nhà trường, cựu HSSV được lấy ý kiến
	4	14	4.14.03		Báo cáo kết quả khảo sát lấy ý kiến của cán bộ, nhà giáo và cựu HSSV về công tác giáo trình
	4	15		1.7.01	Quyết định ban hành chương trình đào tạo các trình độ, các ngành năm 2018
	4	15		2.1.02	Các Quyết định ban hành chương trình đào tạo các ngành trình độ Trung cấp; Cao đẳng; Cao đẳng liên thông
	4	15	4.15.01		Danh sách chương trình đào tạo có sự thay đổi sau khi rà soát, chỉnh sửa.
	4	15	4.15.02		Quyết định phê duyệt và cho phép đưa giáo trình vào sử dụng
	4	15	4.15.02		Quyết định phê duyệt và cho phép đưa giáo trình vào sử dụng sau khi có sự thay đổi chương trình đào tạo.
389	5	1		1.1.01	QĐ 424/QĐ-GDDT, Thành lập trường Cao đẳng Công nghiệp Cao su
390	5	1	5.1.01		Danh sách các xí nghiệp công nghiệp thải ra chất độc hại gần trường, trong đó có thông kê khoảng cách từ trường đến doanh nghiệp
391	5	1	5.1.02		Quy hoạch mạng lưới giáo dục tỉnh Bình Phước
392	5	1	5.1.03		Kế hoạch khảo sát, phiếu khảo sát, báo cáo tổng hợp sau khảo sát ý kiến của người học, nhà giáo, cán bộ quản lý.
393	5	1	5.1.04		Bản đồ vị trí của trường tại khu vực
394	5	2	5.2.01		Sơ đồ mặt bằng, khuôn viên trường
395	5	2	5.2.02		Hình ảnh chụp thực tế hệ thống nhà làm việc, phòng học, KTX

Stt	Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Mã MC	Mã MC dùng chung	Tên minh chứng
396	5	2	5.2.03		Số liệu về diện tích cây xanh
397	5	2	5.2.04		Biên bản nghiệm thu đưa vào sử dụng hệ thống cấp ngầm
398	5	2	5.1.05		Kế hoạch khảo sát, phiếu khảo sát, báo cáo tổng hợp sau khảo sát ý kiến của người học, nhà giáo, cán bộ quản lý.
399	5	3	5.3.01		Danh sách phòng học, xưởng thực hành, hội trường, nhà làm việc, khu liên hợp thể thao, KTX.
400	5	3	5.3.02		Hồ sơ kiểm kê hàng năm.
401	5	3	5.3.03		Kế hoạch khảo sát, danh sách đối tượng khảo sát
402	5	3	5.3.04		Phiếu khảo sát, đường link khảo sát
403	5	3	5.3.05		Báo cáo tổng hợp kết quả khảo sát ý kiến của người học, nhà giáo, cán bộ quản lý
404	5	4	5.4.01		Hồ sơ xây dựng, thiết kế mặt bằng khuôn viên trường
405	5	4	5.4.02		Các hồ sơ hoàn công
406	5	4	5.4.03		Hợp đồng cung cấp điện
407	5	4	5.4.04		Hợp đồng cung cấp nước
408	5	4	5.4.05		Hợp đồng thu gom chất thải
409	5	4	5.4.06		Kế hoạch PCCC hàng năm
410	5	4	5.4.07		Tờ trình kế hoạch về bảo trì, bảo dưỡng hệ thống hạ tầng kỹ thuật
411	5	4	5.4.08		Các phê duyệt kế hoạch về bảo trì, bảo dưỡng hệ thống hạ tầng kỹ thuật
412	5	4	5.4.09		Quyết định thành lập lực lượng PCCC của nhà trường
413	5	4	5.4.10		Các quyết định thực hiện bảo trì, bảo dưỡng hệ thống hạ tầng kỹ thuật.
414	5	4	5.4.11		Biên bản bàn giao sau khi bảo trì, bảo dưỡng hệ thống hạ tầng kỹ thuật)
415	5	4	5.4.12		Biên bản kiểm tra PCCC hàng năm
416	5	4	5.4.13		Báo cáo thực hiện Kế hoạch PCCC.
417	5	4	5.4.14		Bảng thống kê dụng cụ phòng cháy chữa cháy
418	5	4	5.4.15		Báo cáo kết quả thực hiện bảo trì, bảo dưỡng hệ thống hạ tầng kỹ thuật
419	5	4	5.4.16		Báo cáo giám sát tổng thể của trường

Stt	Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Mã MC	Mã MC dùng chung	Tên minh chứng
420	5	4	5.4.17		Kế hoạch khảo sát lấy ý kiến của người học, nhà giáo, cán bộ quản lý về mức độ đạt yêu cầu của hệ thống hạ tầng kỹ thuật của trường
421	5	4	5.4.18		Phiếu khảo sát lấy ý kiến của người học, nhà giáo, cán bộ quản lý về mức độ đạt yêu cầu của hệ thống hạ tầng kỹ thuật của trường
422	5	4	5.4.19		Biên bản tổng hợp phiếu khảo sát lấy ý kiến của người học, nhà giáo, cán bộ quản lý về mức độ đạt yêu cầu của hệ thống hạ tầng kỹ thuật của trường
423	5	4	5.4.20		Công văn 148/LĐLĐ ngày 22 tháng 11 năm 2022 của Liên đoàn lao động thành phố Đồng Xoài công nhận Trường Cao đẳng Công nghiệp Cao su đạt cơ quan “Chuẩn văn hóa”
424	5	5	5.5.01		Các hồ sơ hoàn công nhà học, nhà thí nghiệm, xưởng thực hành.
425	5	5	5.5.02		Bảng thống kê phòng học, phòng thí nghiệm, xưởng thực hành
426	5	5	5.5.03		Danh mục thiết bị đào tạo theo phòng học, phòng thí nghiệm và xưởng thực hành
427	5	5	5.5.04		Kế hoạch khảo sát đội ngũ nhà giáo về thiết bị đào tạo đối với phòng học, phòng thí nghiệm, xưởng thực hành
428	5	5	5.5.05		Phiếu khảo sát nhà giáo về thiết bị đào tạo đối với phòng học, phòng thí nghiệm, xưởng thực hành
429	5	5	5.5.06		Báo cáo tổng hợp phiếu khảo sát nhà giáo về thiết bị đào tạo đối với phòng học, phòng thí nghiệm, xưởng thực hành
430	5	5		3.2.09	Báo cáo tổng kết hàng năm của nhà trường
431	5	6		5.6.01	Danh mục các thiết bị đào tạo (xuất xứ, năm, nước sản xuất, nhà sản xuất.
432	5	6	5.6.02		Nội quy, quy định về quản lý, sử dụng, bảo trì, bảo dưỡng thiết bị đào tạo
433	5	7	5.7.01		Sơ đồ bố trí phòng học, phòng thí nghiệm, xưởng thực hành của nhà trường.
434	5	7	5.7.02		Bảng thống kê diện tích phòng học, phòng thí nghiệm, xưởng thực hành theo các ngành nghề đào tạo.
435	5	7	5.7.03		Quy định của trường về sử dụng phòng học, giảng đường, phòng thí nghiệm, xưởng thực hành, phòng học chuyên môn hóa.

Stt	Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Mã MC	Mã MC dùng chung	Tên minh chứng
436	5	7	5.7.04		Nội qui các phòng học, giảng đường, phòng thí nghiệm/ khu vườn thực nghiệm, xưởng/ phòng thực hành, phòng học chuyên môn hóa.
437	5	7	5.7.05		Các Sổ nhật ký của các phòng thí nghiệm/ khu vườn thực nghiệm, xưởng/phòng thực hành, phòng học chuyên môn hóa.
438	5	7	5.7.06		Kế hoạch khảo sát việc sử dụng phòng học, giảng đường, phòng thí nghiệm, xưởng thực hành, phòng học chuyên môn hóa hàng năm.
439	5	7	5.7.07		Bộ hồ sơ thực hiện khảo sát việc sử dụng phòng học, giảng đường, phòng thí nghiệm, xưởng thực hành, phòng học chuyên môn hóa hàng năm.
440	5	7	5.7.08		Báo cáo tổng hợp phiếu khảo sát việc sử dụng phòng học, giảng đường, phòng thí nghiệm, xưởng thực hành, phòng học chuyên môn hóa hàng năm
441	5	7	5.7.09		Báo cáo về việc sử dụng phòng học, giảng đường, phòng thí nghiệm, xưởng thực hành, phòng học chuyên môn hóa hàng năm.
442	5	8		5.6.01	5.8.01 - Danh mục các thiết bị đào tạo (xuất xứ, năm, nước sản xuất, nhà sản xuất).
443	5	8	5.8.02		Biên bản kiểm kê tài sản trang thiết bị hàng năm
444	5	8	5.8.03		Bảng so sánh, đối chiếu danh mục thiết bị đào tạo hiện có của trường với danh mục thiết bị đào tạo tối thiểu do Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội ban hành.
445	5	8	5.8.04		Bảng so sánh, đối chiếu danh mục thiết bị đào tạo hiện có của trường với danh mục thiết bị đào tạo tối thiểu được xác định trong chương trình đào tạo các ngành, nghề Kế toán, nông nghiệp công nghệ cao, tài chính ngân hàng (trình độ cao đẳng); trồng trọt - bảo vệ thực vật, kế toán, kế toán – tin học, điện công nghiệp và dân dụng (trình độ trung cấp)(trường hợp Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội chưa ban hành quy định về danh mục thiết bị đào tạo tối thiểu)
446	5	8	5.8.05		Báo cáo theo dõi tài sản cố định của trường hàng năm
447	5	8	5.8.06		Chương trình đào tạo các ngành nghề nhà trường đào tạo
448	5	8	5.8.07		Kế hoạch đào tạo (Tiên độ đào tạo) hàng năm
449	5	8	5.8.08		Thời khóa biểu bố trí phòng học, phòng thí nghiệm, xưởng thực hành của các

Stt	Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Mã MC	Mã MC dùng chung	Tên minh chứng
					lớp học hàng năm
450	5	8	5.8.09		Bảng thống kê số lượng người học tại mỗi lớp học lý thuyết và thực hành của các mô-đun, môn học của chương trình đào tạo
451	5	8	5.8.10		Kế hoạch khảo sát lấy ý kiến của người học, nhà giáo, cán bộ quản lý thiết bị đào tạo về thiết bị đào tạo có đáp ứng đủ chủng loại, đủ số lượng cho quá trình đào tạo HSSV tại Trường hay không
452	5	8	5.8.11		Phiếu khảo sát lấy ý kiến của người học, nhà giáo, cán bộ quản lý thiết bị đào tạo về thiết bị đào tạo có đáp ứng đủ chủng loại, đủ số lượng cho quá trình đào tạo HSSV tại Trường hay không
453	5	8	5.8.12		Báo cáo tổng hợp phiếu khảo sát lấy ý kiến của người học, nhà giáo, cán bộ quản lý thiết bị đào tạo về thiết bị đào tạo có đáp ứng đủ chủng loại, đủ số lượng cho quá trình đào tạo HSSV tại Trường hay không
454	5	9	5.9.01		Kế hoạch Đầu tư, sửa chữa tài sản mua sắm thiết bị, vật tư, hóa chất phục vụ công tác đào tạo hàng năm
455	5	9	5.9.02		Phê duyệt kế hoạch Đầu tư, sửa chữa tài sản mua sắm thiết bị, vật tư, hóa chất phục vụ công tác đào tạo hàng năm
456	5	9		5.6.01	Danh mục các thiết bị đào tạo (xuất xứ, năm, nước sản xuất, nhà sản xuất).
457	5	9	5.9.04		Danh mục thiết bị phân bộ theo phòng học, phòng thí nghiệm, xưởng thực hành theo đúng phòng chuyên môn theo các ngành nghề đào tạo
458	5	9	5.9.05		Sơ đồ/hình ảnh bố trí các thiết bị, dụng cụ phục vụ đào tạo
459	5	9	5.9.06		Hồ sơ thiết kế lắp đặt các thiết bị dụng cụ
460	5	9	5.9.07		Hình ảnh dán tem/cấp phép/chứng nhận an toàn theo quy định trước khi đưa vào sử dụng trên các thiết bị
461	5	9	5.9.08		Biên bản kiểm kê đánh giá về tình trạng hoạt động và hiệu quả sử dụng thiết bị đào tạo.

Stt	Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Mã MC	Mã MC dùng chung	Tên minh chứng
462	5	9	5.9.09		Kế hoạch khảo sát, Phiếu khảo sát, Báo cáo tổng hợp phiếu khảo sát lấy ý kiến các thiết bị, dụng cụ phục vụ đào tạo tại trường có được bố trí hợp lý, an toàn, thuận tiện cho việc đi lại, vận hành, bảo dưỡng và tổ chức hướng dẫn thực hành; đảm bảo các yêu cầu sư phạm, an toàn vệ sinh công nghiệp, vệ sinh môi trường không?
463	5	10		5.6.01	Danh mục các thiết bị đào tạo (xuất xứ, năm, nước sản xuất, nhà sản xuất.
464	5	10	5.10.01		Quyết định số 469/QĐ-CĐCS ngày 19/10/2020 Ban hành hệ thống đảm bảo chất lượng năm học 2020-2021 (Kèm theo phụ lục quản lý sử dụng trang thiết bị) (Kèm theo phụ lục Bảo trì, bảo dưỡng trang thiết bị)
465	5	10	5.10.02		Biên bản đánh giá và đề xuất biện pháp nâng cao hiệu quả sử dụng thiết bị đào tạo
466	5	11	5.11.1		Các Quyết định về việc bàn giao tài sản năm 2021, 2022, 2023 cho Khoa Điện – Điện tử
467	5	11	5.11.2		Các Quyết định về việc bàn giao tài sản năm 2021, 2022, 2023 cho Khoa Kinh tế
468	5	11	5.11.3		Các Quyết định về việc bàn giao tài sản năm 2021, 2022, 2023 cho Khoa Kỹ thuật Công nghệ
469	5	11	5.11.4		Các Quyết định về việc bàn giao tài sản năm 2021, 2022, 2023 cho Khoa Nông Học
470	5	11	5.11.5		Các Quyết định về việc bàn giao tài sản năm 2021, 2022, 2023 cho Phòng Tổ chức Hành chính
471	5	11	5.11.6		Các Quyết định về việc bàn giao tài sản năm 2021, 2022, 2023 cho Trung tâm Đào tạo và Sát hạch Lái xe
472	5	11		5.9.02	Các Quyết định về việc phê duyệt kế hoạch: Đầu tư, sửa chữa tài sản, mua sắm vật tư, hóa chất phục vụ công tác đào tạo năm 2021, 2022, 2023
473	5	11	5.11.8		Các Biên bản nghiệm thu bàn giao sau bảo trì bảo dưỡng các thiết bị năm 2021, 2022, 2023
474	5	11	5.11.9		Các Quyết định về việc thanh lý tài sản năm 2021, 2022, 2023

Stt	Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Mã MC	Mã MC dùng chung	Tên minh chứng
475	5	11		5.10.02	Biên bản đánh giá và đề xuất biện pháp nâng cao hiệu quả sử dụng thiết bị đào tạo.)
476	5	12		5.10.01	Quyết định số 469/QĐ-CĐCS ngày 19/10/2020 Ban hành hệ thống đảm bảo chất lượng năm học 2020-2021 (Quy trình về quản lý, cấp phát, sử dụng vật tư, phục vụ đào tạo)
477	5	12		5.9.02	Các Quyết định về việc phê duyệt kế hoạch: Đầu tư, sửa chữa tài sản, mua sắm vật tư, hóa chất phục vụ công tác đào tạo năm 2021; 2022; 2023
478	5	12	5.12.01		Các Quyết định về việc ban hành Quy chế chi tiêu nội bộ năm 2021; 2022; 2023
	5	12	5.12.02		Văn bản quy định của Trường về định mức tiêu hao vật tư hoặc định mức kinh tế - kỹ thuật trong đào tạo
479	5	12	5.12.03		Các đề xuất nhu cầu về vật tư phục vụ đào tạo theo từng học kỳ, năm học của các đơn vị phục vụ công tác đào tạo năm 2021; 2022; 2023
480	5	12	5.12.04		Các biên bản Nghiệm thu mua sắm vật tư, hóa chất phục vụ công tác đào tạo năm 2021; 2022; 2023
481	5	12	5.12.05		Sổ sách theo dõi việc quản lý, cấp phát, sử dụng vật tư, phục vụ đào tạo
482	5	12	5.12.06		Kế hoạch khảo sát, Phiếu khảo sát, Báo cáo tổng hợp phiếu khảo sát lấy ý kiến trường có định mức tiêu hao vật tư hoặc định mức kinh tế - kỹ thuật trong đào tạo và có quy định về quản lý, cấp phát, sử dụng vật tư, phục vụ đào tạo; tổ chức thực hiện theo quy định đảm bảo kịp thời, đáp ứng kế hoạch và tiến độ đào tạo; vật tư được bố trí sắp xếp gọn gàng, ngăn nắp thuận tiện cho việc bảo quản và sử dụng
483	5	13		5.13.01	Nội quy của Thư viện và nội quy kho sách
484	5	13	5.13.02		Thống kê diện tích phòng đọc, phòng lưu trữ
485	5	13		1.2.01	GCN đăng ký hoạt động GDNN Số 90/2019/GCNĐKHHĐ-TCGDNN ngày 16/9/2019 Giấy phép hoạt động GDNN; Số 90a/2019/GCNĐKBS-TCGDNN ngày 03 tháng 6 năm 2021
486	5	13	5.13.04		Danh sách giáo trình đã được trường phê duyệt và số lượng giáo trình tại thư viện

Stt	Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Mã MC	Mã MC dùng chung	Tên minh chứng
487	5	14	5.14.01		Quyết định bổ nhiệm chức danh quản thủ thư viện
488	5	14		5.13.01	Nội quy thư viện.
489	5	14	5.14.02		Các Kế hoạch hoạt động của thư viện các năm
490	5	14	5.14.03		Báo cáo hoạt động của thư viện các năm học
491	5	14	5.14.04		SỔ theo dõi mượn sách; Link theo dõi mượn trả sách của thư viện
492	5	14	5.14.05		Thông báo/cập nhật danh mục sách/giáo trình mới mới hằng tháng/năm
493	5	14	5.14.06		Đề nghị/ Hợp đồng mua sách chuyên môn, tài liệu giảng dạy hằng năm
494	5	14	5.14.07		- Báo cáo kết quả khảo sát ý kiến phản hồi của người học, nhà giáo, cán bộ quản lý về hoạt động của thư viện (có bảng thống kê kết quả sau khảo sát).
495	5	15	5.15.01		Hình ảnh khu thư viện tại Trường
496	5	15	5.15.02		Danh mục thiết bị, máy tính hiện có tại thư viện
497	5	15	5.15.03		Địa chỉ trang Website của Trường/địa chỉ truy cập tra cứu tài liệu Thư viện. Hệ thống tin mạng (LAN; Internet; WIFI – Website); Các địa chỉ truy cập liên quan. Các Hợp đồng/Hóa đơn phí thuê bao mạng cho Website /WIFI...hàng năm
498	5	15	5.15.04		Hồ sơ phần mềm quản lý thư viện, hình chụp phần mềm, tài liệu hướng dẫn sử dụng thư viện điện tử
499	5	15	5.15.05		Danh mục tài liệu điện tử.
500	5	15	5.15.06		Danh mục giáo trình của trường được số hóa.
501	5	15	5.15.07		Danh mục tài liệu tham khảo của trường được số hóa.
502	5	15	5.15.08		Báo cáo hoạt động của thư viện các năm học
503	5	15	5.15.09		Báo cáo kết quả khảo sát ý kiến phản hồi của nhà giáo, người học về hoạt động của thư viện điện tử (có bảng thống kê kết quả sau khảo sát).
504	6	1		1.1.02	Quyết định số 387/QĐ-CĐCS ngày 21/10/2021 ban hành Quy chế tổ chức hoạt động Trường CĐ Công nghiệp Cao su; Quyết định số 200/QĐ-CĐCS ngày 15/5/2023 ban hành Quy chế tổ chức hoạt động Trường CĐ Công nghiệp Cao su

Stt	Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Mã MC	Mã MC dùng chung	Tên minh chứng
505	6	1		3.7.04	Hướng dẫn số 258/HD-CĐCS ngày 25/05/2021; số 182/HD-CĐCS ngày 13/04/2022 và số 241/HD-CĐCS ngày 15/05/2023 về việc thực hiện chế độ công tác giáo viên năm 2021, 2022, 2023
506	6	1		1.3.02	Quyết định số 87/QĐ-CĐCS năm 2021; số 132/QĐ-CĐCS năm 2022; số 207/QĐ-CĐCS năm 2023 ban hành Quy chế chi tiêu nội bộ
507	6	1	6.1.01		Quyết định số 86/QĐ-CĐCS năm 2021; số 103/QĐ-CĐCS năm 2022; số 201/QĐ-CĐCS năm 2023 về việc ban hành Quy chế thi đua khen thưởng
508	6	1	6.1.02		Quyết định số 306/QĐ-CĐCS ngày 22/6/2015 ban hành Quy chế nghiên cứu khoa học
509	6	1	6.1.03		Hướng dẫn số 450/QĐ-CĐCS ngày 24/9/2020 Hướng dẫn xét duyệt và công nhận sáng kiến; Hướng dẫn số 54/QĐ-CĐCS ngày 14/02/2023 Hướng dẫn nghiên cứu khoa học và sáng kiến năm 2023
510	6	1	6.1.04		Các quyết định công nhận sáng kiến cấp trường năm 2022, 2021 và biểu mẫu
511	6	1	6.1.05		Các quyết định công nhận sáng kiến cấp Tập đoàn năm 2022, 2021 và biểu mẫu
512	6	1	6.1.06		Các quyết định công nhận giải thưởng Sáng tạo KHKT và Hội thi thiết bị đào tạo tự làm toàn quốc 2022
513	6	1	6.1.07		Báo cáo kết quả về công tác nghiên cứu khoa học và triển khai ứng dụng trong công tác đào tạo tại Trường giai đoạn 2021-2023
514	6	1	6.1.08		Bảng tổng hợp ý kiến khảo sát và Báo cáo kết quả khảo sát về chính sách khuyến khích cán bộ quản lý, nhà giáo và nhân viên tham gia nghiên cứu khoa học, sáng kiến cải tiến và chuyển giao công nghệ của Trường đối với nhà giáo, người học năm 2023
515	6	2		6.1.02	Quyết định số 306/QĐ-CĐCS ngày 22/6/2015 ban hành Quy chế nghiên cứu khoa học
516	6	2		6.1.03	Hướng dẫn số 450/QĐ-CĐCS ngày 24/9/2020 Hướng dẫn xét duyệt và công nhận sáng kiến; Hướng dẫn số 54/QĐ-CĐCS ngày 14/02/2023 Hướng dẫn nghiên cứu khoa học và sáng kiến năm 2023

Stt	Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Mã MC	Mã MC dùng chung	Tên minh chứng
517	6	2	6.2.01		Phiếu đăng kí đề tài NCKH, sáng kiến cải tiến kỹ thuật năm 2020, 2021, 2022
518	6	2	6.2.02		Danh sách CB-GV tham gia NCKH năm 2020, 2021, 2022
519	6	2	6.2.03		Danh sách đề tài NCKH, SK cải tiến kỹ thuật năm 2020, 2021, 2022
520	6	2	6.2.04		Hồ sơ thuyết minh các sáng kiến kinh nghiệm năm 2021,2022,2023
521	6	2		6.1.04	Các quyết định công nhận sáng kiến cấp trường năm 2022, 2021 và biểu mẫu
522	6	2		6.1.05	Các quyết định công nhận sáng kiến cấp Tập đoàn năm 2022, 2021 và biểu mẫu
523	6	2		6.1.06	Các quyết định công nhận giải thưởng Sáng tạo KHKT và Hội thi thiết bị đào tạo tự làm toàn quốc 2022
524	6	2	6.2.05		Quyết định số 963/QĐ-LĐTBXH ngày 14 tháng 10 năm 2022 Về việc tặng bằng khen của Bộ trưởng Bộ Lao động Thương binh và Xã hội
525	6	2		6.1.07	Báo cáo kết quả về công tác nghiên cứu khoa học và triển khai ứng dụng trong công tác đào tạo tại Trường giai đoạn 2021-2023
526	6	3	6.3.01		Danh sách bài báo khoa học đăng trên các tạp chí trong nước và quốc tế năm 2021, 2022, 2023
527	6	3	6.3.02		Bản in các bài báo khoa học đăng trên các tạp chí trong nước và quốc tế năm 2021, 2022, 2023
528	6	3	6.3.03		Thống kê số lượng các bài báo khoa học đăng trên các tạp chí trong nước và quốc tế năm 2021, 2022, 2023
529	6	4	6.4.01		Quyết định thành lập Hội đồng Khoa học đào tạo
530	6	4	6.4.02		Quyết định ban hành quy chế hoạt động của Hội đồng khoa học đào tạo
531	6	4		6.1.02	Quyết định số 306/QĐ-CĐCS ngày 22/6/2015 ban hành Quy chế nghiên cứu khoa học
532	6	4		6.1.03	Hướng dẫn số 450/QĐ-CĐCS ngày 24/9/2020 Hướng dẫn xét duyệt và công nhận sáng kiến; Hướng dẫn số 54/QĐ-CĐCS ngày 14/02/2023 Hướng dẫn nghiên cứu khoa học và sáng kiến năm 2023

Stt	Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Mã MC	Mã MC dùng chung	Tên minh chứng
533	6	4		1.3.02	Quyết định số 87/QĐ-CĐCS năm 2021; số 132/QĐ-CĐCS năm 2022; số 207/QĐ-CĐCS năm 2023 ban hành Quy chế chi tiêu nội bộ
534	6	4		6.1.04	Các quyết định công nhận sáng kiến cấp trường năm 2022, 2021 và biểu mẫu
535	6	4		6.1.05	Các quyết định công nhận sáng kiến cấp Tập đoàn năm 2022, 2021 và biểu mẫu
536	6	4		6.1.06	Các quyết định công nhận giải thưởng Sáng tạo KHKT và Hội thi thiết bị đào tạo tự làm toàn quốc 2022
537	6	4		6.2.05	Quyết định số 963/QĐ-LĐTBXH ngày 14 tháng 10 năm 2022 Về việc tặng bằng khen của Bộ trưởng Bộ Lao động Thương binh và Xã hội
538	6	4		6.1.07	Báo cáo kết quả về công tác nghiên cứu khoa học và triển khai ứng dụng trong công tác đào tạo tại Trường giai đoạn 2021-2023
539	6	5		6.1.05	Các văn bản ký kết hợp tác đào tạo với các trường Đại học nước ngoài năm 2021, 2022, 2023
540	7	1	7.1.01		Quyết định 463/QĐ-HĐTVCSVN ngày 16/10/2017 phê duyệt "Chuyển đổi trường Cao đẳng Công nghiệp Cao su thành đơn vị sự nghiệp công lập tự chủ, tự chịu trách nhiệm về thực hiện nhiệm vụ, tổ chức bộ máy, biên chế và tài chính từ năm 2017"
541	7	1	7.1.02		Quyết định 452/QĐ-CĐCS ngày 13/12/2021 về việc ban hành quy định thu học phí từ năm học 2018-2019; Quyết định 462/QĐ-CĐCS ngày 13/12/2021 về việc ban hành quy định thu học phí; Quyết định số 343/QĐ-CĐCS ngày 26/7/2018 về việc ban hành mức thu học phí hệ chính quy giai đoạn 2018-2021; Quyết định số 213/QĐ-CĐCS ngày 11/6/2021 ban hành mức thu học phí chính quy năm học 2021-2022; Quyết định số 32/QĐ-CĐCS ngày 02/02/2023 ban hành mức thu học phí chính quy năm học 2022-2023
542	7	1	7.1.03		Quyết định số 43/QĐ-CĐCS ngày 26/01/2022 về việc điều chỉnh thu học phí đào tạo lái xe ô tô, xe gắn máy từ năm 2022; Phê duyệt các khoản thu 2019; Quyết định số 566/QĐ-CĐCS ngày 29/10/2019 về việc ban hành Quy định thu tiền phòng học, phòng ở, nhà thể thao, xe ô tô dịch vụ; Đề nghị phê duyệt các khoản thu, mức thu từ năm 2023 ngày 12/01/2023

Stt	Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Mã MC	Mã MC dùng chung	Tên minh chứng
543	7	1	7.1.04		Các Quyết định ban hành Quy chế chi tiêu nội bộ năm 2020, 2021, 2022
544	7	1	7.1.05		Quyết định về quản lý quỹ tiền mặt; Quy định hướng dẫn công tác tạm ứng, thu tiền và thanh toán
545	7	1	7.1.06		Các Quyết định giao kế hoạch SXKD 2020, 2021, 2022 của Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam
546	7	1	7.1.07		Các Quyết định giao kế hoạch SXKD 2020, 2021, 2022 của trường Cao đẳng Công nghiệp Cao su
547	7	1	7.1.08		Các BCTC theo TT 107 năm 2020, 2021, 2022
548	7	1	7.1.09		Các BCTC theo TT 200 năm 2020, 2021, 2022; Bộ báo cáo tài chính năm 2020, 2021, 2022
549	7	1	7.1.10		Các Văn bản Hướng dẫn xây dựng kế hoạch năm 2020, 2022; Văn bản Hướng dẫn bổ sung, điều chỉnh xây dựng kế hoạch năm 2021, 2022; Các Tờ trình phê duyệt Kế hoạch tài chính của trường 2020, 2021, 2022; Tờ trình điều chỉnh Kế hoạch tài chính của trường 2020, 2021
550	7	1	7.1.11		Các Tờ khai thuế GTGT 2020, 2021, 2022; Tờ khai thuế TNDN 2020, 2021, 2022; Tờ khai thuế môn bài 2020, 2021, 2022; Tờ khai thuế TNCN 2020, 2021, 2022
551	7	1	7.1.12		Giấy nộp tiền thuê đất năm 2020, 2021, 2022; Giấy nộp tiền thuế năm 2020, 2021, 2022
552	7	1	7.1.13		Các Báo cáo các khoản thu từng bộ phận năm 2020, 2021, 2022
553	7	1	7.1.14		Tổng hợp thu chi sự nghiệp toàn trường năm 2020, 2021, 2022
554	7	1	7.1.15		Báo cáo sử dụng các quỹ của đơn vị năm 2020, 2021, 2022
555	7	1	7.1.16		Báo cáo Kết quả tài chính Hội nghị CNVC 2020, 2021, 2022
556	7	2		7.1.03	Quyết định số 43/QĐ-CĐCS ngày 26/01/2022 về việc điều chỉnh thu học phí đào tạo lái xe ô tô, xe gắn máy từ năm 2022; Phê duyệt các khoản thu 2019; Quyết định số 566/QĐ-CĐCS ngày 29/10/2019 về việc ban hành Quy định thu tiền phòng học, phòng ở, nhà thể thao, xe ô tô dịch vụ; Đề nghị phê duyệt các khoản thu, mức thu từ năm 2023 ngày 12/01/2023
557	7	2		7.1.08	Các BCTC theo TT 107 năm 2020, 2021, 2022

Stt	Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Mã MC	Mã MC dùng chung	Tên minh chứng
558	7	2		7.1.09	Các BCTC theo TT 200 năm 2020, 2021, 2022; Bộ báo cáo tài chính năm 2020, 2021, 2022
559	7	2		7.1.10	Các Văn bản Hướng dẫn xây dựng kế hoạch năm 2020, 2022; Văn bản Hướng dẫn bổ sung, điều chỉnh xây dựng kế hoạch năm 2021, 2022; Các Tờ trình phê duyệt Kế hoạch tài chính của trường 2020,2021, 2022; Tờ trình điều chỉnh Kế hoạch tài chính của trường 2020, 2021
560	7	2		7.1.13	Các Báo cáo các khoản thu từng bộ phận năm 2020, 2021, 2022
561	7	2		7.1.14	Tổng hợp thu chi sự nghiệp toàn trường năm 2020, 2021, 2022
562	7	2	7.2.01		Biên bản đối chiếu số liệu BP trực thuộc 2020,2021,2022
563	7	2	7.2.02		Bảng xác định số liệu VRG 2020,2021
564	7	2	7.2.03		Biên bản kiểm toán BCTC 2020,2021,2022
565	7	2	7.2.04		Quyết định thông qua BCTC 2020,2021
566	7	2	7.2.05		Xếp loại doanh nghiệp 2020,2021
567	7	3		7.1.06	Các Quyết định giao kế hoạch SXKD 2020, 2021, 2022 của Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam
568	7	3		7.1.08	Các BCTC theo TT 107 năm 2020, 2021, 2022
569	7	3		7.1.09	Các BCTC theo TT 200 năm 2020, 2021, 2022; Bộ báo cáo tài chính năm 2020, 2021, 2022
570	7	3		7.1.10	Các Văn bản Hướng dẫn xây dựng kế hoạch năm 2020, 2022; Văn bản Hướng dẫn bổ sung, điều chỉnh xây dựng kế hoạch năm 2021, 2022; Các Tờ trình phê duyệt Kế hoạch tài chính của trường 2020,2021, 2022; Tờ trình điều chỉnh Kế hoạch tài chính của trường 2020, 2021
571	7	3		7.1.13	Các Báo cáo các khoản thu từng bộ phận năm 2020, 2021, 2022
572	7	3		7.1.14	Tổng hợp thu chi sự nghiệp toàn trường năm 2020, 2021, 2022
573	7	3		7.2.05	Xếp loại doanh nghiệp 2020, 2021
574	7	3	7.3.01		Hướng dẫn lập BCTC 2020, 2021, 2022
575	7	3	7.3.02		Hướng dẫn trích lập quỹ 2020, 2021, 2022
576	7	4		7.1.08	Các BCTC theo TT 107 năm 2020, 2021, 2022

Stt	Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Mã MC	Mã MC dùng chung	Tên minh chứng
577	7	4		7.1.09	Các BCTC theo TT 200 năm 2020, 2021, 2022; Bộ báo cáo tài chính năm 2020, 2021, 2022
578	7	4		7.2.02	Bảng xác định số liệu VRG 2020,2021
579	7	4		7.2.03	Biên bản kiểm toán BCTC 2020,2021,2022
580	7	4		7.2.04	Quyết định thông qua BCTC 2020,2021
581	7	4		7.3.01	Hướng dẫn lập BCTC 2020, 2021,2022
582	7	4	7.4.01		Biên bản kiểm tra thuế
583	7	4	7.4.02		Tờ trình kiểm tra nghĩa vụ thuế năm 2020
584	7	4	7.4.03		Công văn trả lời đề nghị kiểm tra thuế tại trụ sở người nộp thuế năm 2021
585	7	5		7.1.09	Các BCTC theo TT 200 năm 2020, 2021, 2022; Bộ báo cáo tài chính năm 2020, 2021, 2022
586	7	5		7.1.16	Báo cáo Kết quả tài chính Hội nghị CNVC 2020, 2021, 2022
587	7	5		7.2.02	Bảng xác định số liệu VRG 2020,2021
588	7	5		7.2.03	Biên bản kiểm toán BCTC 2020,2021,2022
589	7	5		7.2.04	Quyết định thông qua BCTC 2020,2021
590	7	5		7.2.05	Xếp loại doanh nghiệp 2020,2021
591	7	5		7.4.01	Biên bản kiểm tra thuế
592	7	5		7.4.02	Tờ trình kiểm tra nghĩa vụ thuế năm 2020
593	7	5		7.4.03	Công văn trả lời đề nghị kiểm tra thuế tại trụ sở người nộp thuế năm 2021
594	7	5	7.5.01		Kế hoạch tự kiểm tra tài chính năm 2020, 2021, 2022
595	7	5	7.5.02		Biên bản kiểm tra quỹ tiền mặt năm 2020, 2021, 2022.
596	7	5	7.5.03		Báo cáo tự kiểm tra tài chính năm 2020, 2021, 2022
597	7	6	7.6.01		Báo cáo giám sát tài chính và đánh giá kết quả hoạt động năm 2020,2021,2022
598	7	6	7.6.02		Báo cáo về việc sử dụng các nguồn tài chính 2020,2021,2022
599	7	6	7.6.03		Phiếu góp ý về hoạt động tài chính của cán bộ quản lý năm 2020,2021,2022

Stt	Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Mã MC	Mã MC dùng chung	Tên minh chứng
600	8	1	8.1.01		Kế hoạch số 15/KH-CĐCS năm 2021; số 25/KH-CĐCS năm 2022; số 21/KH-CĐCS năm 2023 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Công nghiệp Cao su về việc thực hiện công tác tuyển sinh dài hạn năm 2021, 2022, 2023
601	8	1		2.3.04	Thông báo tuyển sinh năm 2021, 2022, 2023.
602	8	1	8.1.02		Thông báo số 393/TB-CĐCS năm 2021; Kế hoạch số 422/KH-CĐCS ngày 10/8/2022 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Công nghiệp Cao su về việc tổ chức nhập học cho HSSV hệ chính quy năm 2021, 2022.
603	8	1	8.1.03		Kế hoạch số 394/KH-CĐCS năm 2021; số 430/KH-CĐCS năm 2022 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Công nghiệp Cao su về việc tổ chức sinh hoạt chính trị đầu khóa năm học 2021 – 2022, 2022 – 2023.
604	8	1		1.1.02	Quyết định số 387/QĐ-CĐCS ngày 21/10/2021 ban hành Quy chế tổ chức hoạt động Trường CĐ Công nghiệp Cao su; Quyết định số 200/QĐ-CĐCS ngày 15/5/2023 ban hành Quy chế tổ chức hoạt động Trường CĐ Công nghiệp Cao su
605	8	1		2.1.02	Quyết định số 451B/QĐ-CĐCS năm 2020; Quyết định số 592/QĐ-CĐCS năm 2022 của Hiệu trưởng về việc ban hành chương trình đào tạo các ngành trình độ Trung cấp ; Quyết định số 606/QĐ-CĐCS ngày 20/12/2022 của Hiệu trưởng về việc ban hành chương trình đào tạo các ngành trình độ Cao đẳng
606	8	1	8.1.04		Quyết định số 460/QĐ-CĐCS ngày 13/12/2021 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Công nghiệp Cao su về việc ban hành quy chế công tác học sinh, sinh viên.
607	8	1		2.4.01	Quyết định số 432/QĐ-CĐCS ngày 6/9/2021 của Hiệu trưởng nhà trường về Ban hành quy chế Đào tạo trực tuyến; Quyết định số 411/QĐ-CĐCS ngày 29/8/2022; QĐ 113/QĐ-CĐCS ngày 27/3/2023 của Hiệu trưởng nhà trường về Ban hành quy chế tổ chức đào tạo trình độ Trung cấp, trình độ Cao đẳng tại Trường Cao đẳng Công nghiệp Cao su.

Stt	Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Mã MC	Mã MC dùng chung	Tên minh chứng
608	8	1		2.12.02	Quyết định số 103/QĐ-CĐCS ngày 22 tháng 3 năm 2023 về việc ban hành Quy chế tổ chức thi kết thúc môn học, mô đun các lớp trình độ Trung cấp, trình độ Cao đẳng tại Trường CĐ Công nghiệp Cao su
609	8	1	8.1.05		Quyết định số 461/QĐ-CĐCS ngày 13/12/2021 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Công nghiệp Cao su về việc ban hành quy định xét, cấp học bổng cho học sinh, sinh viên.
610	8	1	8.1.06		Hướng dẫn số 446/HD-CĐCS ngày 26/8/2022 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Công nghiệp Cao su về việc hướng dẫn hồ sơ, thủ tục thực hiện chính sách miễn giảm học phí theo Nghị định 81/NĐ-CP của Chính phủ.
611	8	1	8.1.07		Báo cáo kết quả thực hiện công tác nhập học của HSSV năm học 2002-2021, 2021-2022, 2022-2023
612	8	1	8.1.08		Phiếu khảo sát HSSV về công tác nhập học của trường Cao đẳng Công nghiệp Cao su năm học 2002-2021, 2021-2022, 2022-2023
613	8	1	8.1.09		Báo cáo kết quả khảo sát HSSV về công tác nhập học năm học 2002-2021, 2021-2022, 2022-2023
614	8	2		8.1.05	Quyết định số 461/QĐ-CĐCS ngày 13/12/2021 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Công nghiệp Cao su về việc ban hành quy định xét, cấp học bổng cho học sinh, sinh viên.
615	8	2	8.2.01		Danh sách HSSV nhận học bổng năm học 2020-2021; 2021-2022; 2022-2023
616	8	2	8.2.02		Thông báo số 164/TB-CĐCS ngày 08/4/2022 về việc xét học bổng cho HSSV vượt khó học tốt năm học 2022 – 2023
617	8	2	8.2.03		Quyết định số 320/QĐ-CĐCS ngày 26/08/2021 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Công nghiệp Cao su về việc chi hỗ trợ học sinh nghèo vượt khó, học giỏi
618	8	2	8.2.04		Quyết định số 331, 134, 425, 549/QĐ-CĐCS năm 2021, 2022 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Công nghiệp Cao su về việc tặng học bổng năm học 2020-2021; 2021- 2022; 2022 - 2023

Stt	Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Mã MC	Mã MC dùng chung	Tên minh chứng
619	8	2		8.1.06	Hướng dẫn số 446/HD-CĐCS ngày 26/8/2022 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Công nghiệp Cao su về việc hướng dẫn hồ sơ, thủ tục thực hiện chính sách miễn giảm học phí theo Nghị định 81/NĐ-CP của Chính phủ.
620	8	2	8.2.05		Danh sách HSSV nhận miễn giảm học phí năm học 2020-2021; 2021-2022; 2022-2023
621	8	2	8.2.06		Thông báo số 518/TB-CĐCS ngày 07/10/2022 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Công nghiệp Cao su về việc phối hợp chi trả tiền cấp bù học phí năm học 2022 - 2023
622	8	2		1.5.01	Báo cáo số: 56/BC-CĐCS ngày 25/01/2021 báo cáo tổng kết hoạt động năm 2020 và phương hướng, nhiệm vụ năm 2021; Báo cáo số: 13/BC-CĐCS ngày 10/01/2022 báo cáo tổng kết hoạt động năm 2021 và phương hướng, nhiệm vụ năm 2022; Báo cáo số: 91/BC-CĐCS ngày 03/3/2023 báo cáo tổng kết hoạt động năm 2022 và phương hướng, nhiệm vụ năm 2023
623	8	3		1.1.02	Quyết định số 387/QĐ-CĐCS ngày 21/10/2021 ban hành Quy chế tổ chức hoạt động Trường CĐ Công nghiệp Cao su; Quyết định số 200/QĐ-CĐCS ngày 15/5/2023 ban hành Quy chế tổ chức hoạt động Trường CĐ Công nghiệp Cao su
624	8	3		1.3.02	Quyết định số 87/QĐ-CĐCS năm 2021; số 132/QĐ-CĐCS năm 2022; số 207/QĐ-CĐCS năm 2023 ban hành Quy chế chi tiêu nội bộ
625	8	3		8.1.04	Quyết định số 460/QĐ-CĐCS ngày 13/12/2021 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Công nghiệp Cao su về việc ban hành quy chế công tác học sinh, sinh viên.
626	8	3		8.1.05	Quyết định số 461/QĐ-CĐCS ngày 13/12/2021 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Công nghiệp Cao su về việc ban hành quy định xét, cấp học bổng cho học sinh, sinh viên
627	8	3		8.2.01	Danh sách HSSV nhận học bổng năm học 2020-2021; 2021-2022; 2022-2023
628	8	3		8.2.02	Thông báo số 164/TB-CĐCS ngày 08/4/2022 về việc xét học bổng cho HSSV vượt khó học tốt năm học 2022 – 2023

Stt	Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Mã MC	Mã MC dùng chung	Tên minh chứng
629	8	3		8.2.03	Quyết định số 320/QĐ-CĐCS ngày 26/8/2021 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Công nghiệp Cao su về việc tặng học bổng Khuyến học năm học 2020 - 2021
630	8	3		8.2.04	Quyết định số 331, 134, 425, 549/QĐ-CĐCS năm 2021, 2022 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Công nghiệp Cao su về việc tặng học bổng năm học 2020-2021; 2021- 2022; 2022 - 2023
631	8	3		1.5.01	Báo cáo số: 56/BC-CĐCS ngày 25/01/2021 báo cáo tổng kết hoạt động năm 2020 và phương hướng, nhiệm vụ năm 2021; Báo cáo số: 13/BC-CĐCS ngày 10/01/2022 báo cáo tổng kết hoạt động năm 2021 và phương hướng, nhiệm vụ năm 2022; Báo cáo số: 91/BC-CĐCS ngày 03/3/2023 báo cáo tổng kết hoạt động năm 2022 và phương hướng, nhiệm vụ năm 2023
632	8	3	8.3.01		Phiếu khảo sát, Báo cáo tổng hợp kết quả khảo sát HSSV về việc thực hiện chính sách khen thưởng, khuyến khích kịp thời cho người học năm 2020, 2021, 2022
633	8	4		2.3.03	Kế hoạch số 21KH-CĐCS ngày 12/01/2023 của Hiệu trưởng về tuyển sinh đào tạo các ngành nghề năm 2023
634	8	4		2.3.04	Thông báo số 261/TB-CĐCS năm 2021; số 453 TB-CĐCS năm 2022 của Hiệu trưởng về việc tuyển sinh Trung cấp – Cao đẳng hệ chính quy năm học 2020 – 2021; 2021- 2022
635	8	4		8.1.04	Quyết định số 460/QĐ-CĐCS ngày 13/12/2021 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Công nghiệp Cao su về việc ban hành quy chế công tác học sinh, sinh viên.
636	8	4		2.12.03	Quyết định số 73/QĐ-CĐCS ngày 16 tháng 3 năm 2022 về việc ban hành Quy chế công tác học sinh sinh viên nội trú; Quyết định số 74/QĐ-CĐCS ngày 16 tháng 3 năm 2022 về việc ban hành Quy chế công tác học sinh sinh viên ngoại trú
637	8	4	8.4.01		Nội quy ký túc xá
638	8	4		8.2.01	Danh sách HSSV nhận học bổng năm học 2020-2021; 2021-2022; 2022-2023

Stt	Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Mã MC	Mã MC dùng chung	Tên minh chứng
639	8	4		8.2.03	Quyết định số 320/QĐ-CĐCS ngày 26/8/2021 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Công nghiệp Cao su về việc tặng học bổng Khuyến học năm học 2020 - 2021
640	8	4		8.2.04	Quyết định số 331, 134, 425, 549/QĐ-CĐCS năm 2021, 2022 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Công nghiệp Cao su về việc tặng học bổng năm học 2020-2021; 2021- 2022; 2022 - 2023
641	8	4		1.5.01	Báo cáo số: 56/BC-CĐCS ngày 25/01/2021 báo cáo tổng kết hoạt động năm 2020 và phương hướng, nhiệm vụ năm 2021; Báo cáo số: 13/BC-CĐCS ngày 10/01/2022 báo cáo tổng kết hoạt động năm 2021 và phương hướng, nhiệm vụ năm 2022; Báo cáo số: 91/BC-CĐCS ngày 03/3/2023 báo cáo tổng kết hoạt động năm 2022 và phương hướng, nhiệm vụ năm 2023
642	8	4	8.4.02		Phiếu khảo sát, Báo cáo kết quả khảo sát HSSV về việc người học được tôn trọng và đối xử bình đẳng, không phân biệt giới tính, tôn giáo, nguồn gốc xuất thân
643	8	5	8.5.01		Hồ sơ thiết kế/xây dựng Ký túc xá
644	8	5	8.5.02		Bản thiết kế KTX
645	8	5	8.5.03		Bản kiểm kê tài sản Ký túc xá năm 2020, 2021, 2022
646	8	5		8.4.01	Nội quy ký túc xá
647	8	5	8.5.04		Danh sách HSSV ở nội trú năm 2021, 2022, 2023
648	8	5	8.5.05		Báo cáo hoạt động KTX năm 2020, 2021, 2022
649	8	5	8.5.06		Phiếu khảo sát và Bảng tổng hợp kết quả khảo sát của HSSV về điều kiện sinh hoạt và học tập tại Ký túc xá
650	8	6		1.1.02	Quyết định số 387/QĐ-CĐCS ngày 21/10/2021 ban hành Quy chế tổ chức hoạt động Trường CĐ Công nghiệp Cao su; Quyết định số 200/QĐ-CĐCS ngày 15/5/2023 ban hành Quy chế tổ chức hoạt động Trường CĐ Công nghiệp Cao su
651	8	6	8.6.01		Bảng kê danh mục thuốc, dụng cụ và thiết bị vật tư y tế của phòng y tế
652	8	6	8.6.02		Danh sách HSSV tham gia BH y tế năm 2021, 2022, 2023

Stt	Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Mã MC	Mã MC dùng chung	Tên minh chứng
653	8	6	8.6.03		Hợp đồng cho thuê cảng tin Ký túc xá năm 2021, 2022, 2023
654	8	6	8.6.04		Giấy chứng nhận đủ điều kiện vệ sinh an toàn thực phẩm của căn tin và dịch vụ ăn uống
655	8	6	8.6.05		Biên bản kiểm tra vệ sinh an toàn thực phẩm căn tin Ký túc xá
656	8	6	8.6.06		Báo cáo đánh giá của nhà trường về dịch vụ ăn uống của căn tin Ký túc xá
657	8	6	8.6.07		Phiếu khảo sát, Bảng tổng hợp kết quả khảo sát về dịch vụ y tế chăm sóc và bảo vệ sức khỏe; dịch vụ ăn uống của Trường đối với cán bộ quản lý, người học
658	8	7	8.7.01		Bản vẽ mặt bằng quy hoạch tổng thể.
659	8	7	8.7.02		Hồ sơ xây dựng, thiết kế mặt bằng khuôn viên trường
660	8	7	8.7.03		Ảnh chụp toàn bộ quang cảnh khuôn viên trường.
661	8	7	8.7.04		Kế hoạch hoạt động Đoàn thanh niên năm học 2020-2021, 2021-2022, 2022-2023.
662	8	7	8.7.05		Kế hoạch tổ chức các giải thể thao, văn nghệ năm 2021, 2022, 2023.
663	8	7	8.7.06		Thông báo về việc tham gia chương trình hiến máu nhân đạo tình nguyện
664	8	7	8.7.07		Báo cáo công tác Đoàn thanh niên năm học 2020-2021, 2021-2022, 2022-2023.
665	8	7	8.7.08		Báo cáo tổng kết công tác ANCT, TTATXH, PCCC năm 2021, 2022, 2023
666	8	7	8.7.09		Quy chế phối hợp giữa nhà trường và công an địa phương trong công tác đảm bảo ANTT
667	8	7		1.5.01	Báo cáo số: 56/BC-CĐCS ngày 25/01/2021 báo cáo tổng kết hoạt động năm 2020 và phương hướng, nhiệm vụ năm 2021; Báo cáo số: 13/BC-CĐCS ngày 10/01/2022 báo cáo tổng kết hoạt động năm 2021 và phương hướng, nhiệm vụ năm 2022; Báo cáo số: 91/BC-CĐCS ngày 03/3/2023 báo cáo tổng kết hoạt động năm 2022 và phương hướng, nhiệm vụ năm 2023
668	8	7	8.7.10		Phiếu khảo sát và Báo cáo kết quả khảo sát về việc người học được tạo điều kiện hoạt động, tập luyện văn nghệ, thể dục thể thao, tham gia các hoạt động xã hội; được đảm bảo an toàn trong khuôn viên trường

Stt	Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Mã MC	Mã MC dùng chung	Tên minh chứng
669	8	8	8.8.01		Kế hoạch số 279/KH-CĐCS năm 2020 và KH số 110/KH-CĐCS năm 2021 về việc tổ chức ngày tư vấn, giới thiệu việc làm cho học sinh, sinh viên
670	8	8	8.8.02		Danh sách HSSV tốt nghiệp năm học 2020-2021, 2021-2022, 2022-2023
671	8	8	8.8.03		Thông báo tuyển dụng của các Công ty đăng trên website của nhà trường (http://ric.edu.vn/chi-tiet-tin/-/view-article/1/1344822372604/1423620299344)
672	8	8	8.8.04		Báo cáo kết quả công tác tư vấn việc làm năm 2021, 2022, 2023
673	8	8	8.8.05		Phiếu khảo sát HSSV tốt nghiệp 2021, 2022, 2023
674	8	8	8.8.06		Báo cáo tổng hợp ý kiến sinh viên tốt nghiệp 2021, 2022, 2023
675	8	9	8.9.01		Kế hoạch tổ chức phiên giao dịch việc làm 2021, 2022, 2023
676	8	9	8.9.02		Thư mời các Công ty, DN tham gia phiên giao dịch việc làm 2023
677	8	9		2.13.02	Biên bản ký kết hợp tác số 275, 276, 277, 278. 279, 280, 281, 282/BBHT ngày 26 tháng 5 năm 2022 giữa Trường Cao đẳng Công nghiệp Cao su với Công ty Cổ phần Thái Việt Corporation, - Công ty Cổ phần Đầu tư Thái Bình - Công ty Cổ phần AUTO Bình Phước - Công ty Cổ phần Kim Tín MDF - Công ty Cổ phần Phát triển hạ tầng kỹ thuật Becamex – Bình Phước - Công ty Cổ phần Dịch vụ ô tô Thành phố mới Bình Dương - Bình Phước - Công ty TNHH MTV Toyota Bình Phước
678	8	9	8.9.03		Hình ảnh lễ ký kết hợp tác các cơ quan – doanh nghiệp – trường CDCN Cao su
679	8	9	8.9.04		Báo cáo kết quả tổ chức hội chợ việc làm để người học tiếp xúc với các nhà tuyển dụng năm 2023
680	8	9	8.9.05		Phiếu khảo sát về việc tổ chức hội chợ việc làm để người học tiếp xúc với các nhà tuyển dụng đối với cán bộ quản lý, cựu HSSV, người học
681	8	9	8.9.06		Báo cáo tổng hợp kết quả khảo sát về việc tổ chức hội chợ việc làm để người học tiếp xúc với các nhà tuyển dụng đối với cán bộ quản lý, cựu HSSV, người học
682	9	1	9.1.01		Kế hoạch thu thập ý kiến của Cán bộ quản lý, Nhà giáo, Viên chức, HSSV, cựu HSSV và Doanh nghiệp về hoạt động Bảo đảm chất lượng năm 2021, 2022, 2023

Stt	Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Mã MC	Mã MC dùng chung	Tên minh chứng
683	9	1	9.1.02		Danh sách đơn vị sử dụng lao động được thu thập ý kiến
684	9	1		2.13.02	Biên bản ký kết hợp tác số 275; 276; 277; 278; 279; 280; 281; 282; 283; 284; 285; 286/BBHT ngày 26 tháng 5 năm 2022 giữa Trường Cao đẳng Công nghiệp Cao su với Công ty Cổ phần Thái Việt Corporation; Công ty Cổ phần Đầu tư Thái Bình - Biên bản Công ty Cổ phần AUTO Bình Phước; Công ty Cổ phần Kim Tín MDF; Công ty Cổ phần Phát triển hạ tầng kỹ thuật Becamex – Bình Phước; Công ty Cổ phần Dịch vụ ô tô Thành phố mới Bình Dương - Bình Phước; Công ty TNHH MTV Toyota Bình Phước
685	9	1	9.1.04		Phiếu Khảo sát thu thập ý kiến sử dụng lao động về mức độ đáp ứng của học sinh, sinh viên tốt nghiệp làm việc tại doanh nghiệp năm 2021, 2022, 2023
686	9	1	9.1.05		Báo cáo kết quả khảo sát ý kiến phản hồi về mức độ đáp ứng của học sinh, sinh viên tốt nghiệp làm việc tại doanh nghiệp năm 2020, 2021, 2022
687	9	2		9.1.01	Kế hoạch thu thập ý kiến của Cán bộ quản lý, Nhà giáo, Viên chức, HSSV, cựu HSSV và Doanh nghiệp về hoạt động Bảo đảm chất lượng năm 2021, 2022, 2023
688	9	2	9.2.01	3.4.03	Danh sách cán bộ quản lý, nhà giáo, viên chức và người lao động năm 2021, 2022, 2023
689	9	2	9.2.02		Danh sách cán bộ quản lý, nhà giáo, viên chức và người lao động được thu thập ý kiến năm 2021, 2022, 2023
690	9	2	9.2.03		Phiếu khảo sát lấy ý kiến cán bộ quản lý, nhà giáo, viên chức và người lao động về các chính sách liên quan đến dạy và học, chính sách tuyển dụng, đào tạo, bồi dưỡng, đánh giá, phân loại, bổ nhiệm cán bộ quản lý, nhà giáo, viên chức và người lao động năm 2021, 2022, 2023
691	9	2	9.2.04		Các báo cáo kết quả thu thập ý kiến cán bộ quản lý, nhà giáo, viên chức và người lao động về các chính sách liên quan đến dạy và học, chính sách tuyển dụng, đào tạo, bồi dưỡng, đánh giá, phân loại, bổ nhiệm cán bộ quản lý, nhà giáo, viên chức và người lao động năm 2021, 2022, 2023

Stt	Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Mã MC	Mã MC dùng chung	Tên minh chứng
692	9	3			Kế hoạch thu thập ý kiến của Cán bộ quản lý, Nhà giáo, Viên chức, HSSV, cựu HSSV và Doanh nghiệp về hoạt động Bảo đảm chất lượng năm 2021, 2022, 2023
693	9	3	9.3.01		Danh sách HSSV năm 2021, 2022, 2023
694	9	3	9.3.02		Danh sách HSSV lấy ý kiến về chất lượng, hiệu quả của các hình thức, phương thức đào tạo; chất lượng dịch vụ, giảng dạy và việc thực hiện chính sách liên quan đến người học của trường năm 2021, 2022, 2023
695	9	3	9.3.03		Phiếu khảo sát lấy ý kiến HSSV về chất lượng, hiệu quả của các hình thức, phương thức đào tạo; chất lượng dịch vụ, giảng dạy và việc thực hiện chính sách liên quan đến người học của trường năm 2021, 2022, 2023
696	9	3	9.3.04		www. ric.edu.vn (trang web của trường)
697	9	3	9.3.05		Các báo cáo kết quả thu thập ý kiến của HSSV năm về chất lượng, hiệu quả của các hình thức, phương thức đào tạo; chất lượng dịch vụ, giảng dạy và việc thực hiện chính sách liên quan đến người học của trường 2021, 2022, 2023
698	9	4		9.1.01	Kế hoạch thu thập ý kiến của Cán bộ quản lý, Nhà giáo, Viên chức, HSSV, cựu HSSV và Doanh nghiệp về hoạt động Bảo đảm chất lượng năm 2021, 2022, 2023
699	9	4	9.4.01		Các QĐ thành lập Hội đồng tự đánh giá năm 2021, 2022, 2023
700	9	4	9.4.02		Thông báo triệu tập tập huấn ĐBCL và tự đánh giá chất lượng trường
701	9	4	9.4.03		Hình ảnh tập huấn ĐBCL và tự đánh giá chất lượng trường
702	9	4	9.4.04		Các biên bản họp Hội đồng tự đánh giá
703	9	4	9.4.05		Thông báo hoàn thiện phiếu mô tả và đánh giá các tiêu chuẩn, tiêu chí sau tập huấn tự đánh giá chất lượng trường
704	9	4	9.4.06		Các báo cáo của các đơn vị về việc thực hiện tiêu chí, tiêu chuẩn phụ trách
705	9	4		9.3.04	www. ric.edu.vn
706	9	4	9.4.07		Báo cáo tự đánh giá năm 2021, 2022, 2023
707	9	5		9.4.07	Báo cáo tự đánh giá năm 2021, 2022, 2023

Stt	Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Mã MC	Mã MC dùng chung	Tên minh chứng
708	9	5	9.5.01		Kế hoạch cải thiện, nâng cao chất lượng đào tạo Trường Cao đẳng Công nghiệp Cao su năm 2021, 2022, 2023.
709	9	5	9.5.02		Biên bản rà soát cải thiện, nâng cao chất lượng đào tạo của từng đơn vị năm 2021, 2022, 2023.
710	9	5	9.5.03		Báo cáo việc thực hiện nâng cao chất lượng đào tạo tại trên cơ sở tự đánh giá của từng đơn vị năm 2021, 2022, 2023.
711	9	5	9.5.04		Quyết định thực hiện nâng cao chất lượng đào tạo tại trên cơ sở tự đánh giá năm 2021, 2022, 2023.
712	9	5	9.5.05		Ban hành các Quyết định thực hiện nâng cao chất lượng đào tạo lên website nhà trường năm 2021, 2022, 2023.
713	9	6	9.6.01		Quyết định công nhận tốt nghiệp và danh sách người học đã tốt nghiệp năm 2020, 2021, 2022
714	9	6		9.1.01	Kế hoạch thu thập ý kiến của Cán bộ quản lý, Nhà giáo, Viên chức, HSSV, cựu HSSV và Doanh nghiệp về hoạt động Bảo đảm chất lượng năm 2021, 2022, 2023
715	9	6	9.6.02		Phiếu Khảo sát cựu HSSV đã ra trường và có việc làm
716	9	6		9.1.05	Báo cáo kết quả khảo sát ý kiến phản hồi về mức độ đáp ứng của học sinh, sinh viên tốt nghiệp làm việc tại doanh nghiệp 2020, 2021, 2022